L'INFORMATION FRANÇAISE
LA FRANCE DEVANT LE MONDE. – SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS
(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

KHẢO VỀ CHÍNH-TRỊ NƯỚC PHÁP

Dân ta ở dưới quyền bảo-hộ của Đại-Pháp, phải nên tường phép chính-trị bên quí-quốc thế nào, không những là bởi phép chính-trị bên ấy có mật-thiết quan-hệ với việc cai-trị bên này, mà là bởi Đại-Pháp là nước đệ nhất văn-minh trong thế-giới, có thuộc chính-thể nước Pháp mới hiểu được cuộc sinh-hoạt trong nước ấy thế nào, và nhân đó lý-hội được những việc lớn trong thiên-hạ. Vậy thời khoa chính-trị-học của Đại-Pháp là một khoa người An-nam ta ai ai cũng phải giảng-cứu, không thể nhãng-bỏ được. Xét ra trong quốc-dân ta tuy nhiều người cũng đã thuộc mấy điều sơ-lược về chính-trị bên quí-quốc : như nước Pháp là một nước dân-chủ, quyền lập-pháp thuộc Nghị-viện, quyền hành-chính thuộc quan Giám-quốc và các quan thượng-thư [1] v. v., nhưng đại-đề ít người rõ cái nguyên-lý về cách xếp-đặt việc chính-trị bên quí-quốc thế nào, cùng các cơ-quan chính-trị hành-động ra làm sao. Nay trích-dịch trong sách tây, tóm-lược lấy những điều cốt-yếu về phép chính-trị của Đại-Pháp, biên-tập thành một bài như sau này, không dám gọi là mở ra một khoa chính-trị-học cho những người đã thông hiểu rồi, chỉ mong giúp cho nhất-ban quốc-dân những điều thường-thức mà ai ai cũng cần phải biết vậy. Người nào muốn chuyên-tâm nghiên-cứu về khoa chính-trị thì phải đọc rộng các sách chuyên-môn về chính-trị-học, một bài lược-khảo như bài này không thể sao cho tường-tất được. Nhưng trong bạn đọc báo ông nào hiểu Pháp-văn thời dám khuyên nên đọc một tập sách nhỏ của quan Raymond Poincaré, hiện làm Giám-quốc bên Đại-Pháp, đề là « *Ce que demande le Cité* », sách ấy là gồm những bài của ngài giảng nghĩa về chính-trị nước Pháp cho học-trò tốt-nghiệp các trường tiểu-học, lời văn giản-dị, nghĩa-lý sáng-suốt, ngài cố ý làm tấm-thường cho mọi người dễ hiểu, mà những điều cốt-yếu không sót điều gì, thật là một quyển sách vỡ lòng rất có ích-lợi cho những nhà để tâm về chính-trị-học vậy.

I

Hình-thể của Quốc-gia

1 — *Quốc-gia Pháp là một Quốc-gia thuần-nhất.* — Quốc-gia Pháp (*l'Etat français*) là gồm hết thảy người Pháp, tức là gồm cả dân-tộc [2]

(1) Chữ *ministres*, ta thường dịch là « quan Thượng-thư », ở nước quân-chủ thì phải, vì « Thượng-thư » là một chức đại-thần ở Triều-đình, nhưng ở nước dân-chủ thì không đúng ; muốn cho đúng thì phải dịch là « Quốc-vụ tổng trưởng », các sách Tàu sách Nhật đều dịch như thế cả.

(2) Chữ « dân-tộc » (*nation*) là dùng riêng để chỉ một đoàn-thể người cùng với nhau có cái giây liên-lạc vô-hình về đường chủng-tộc, ngôn-ngữ, lịch-sử, phong-tục, v. v. Như nước Pologne (Ba-lan) trước khi chiến-tranh, không được làm một quốc-gia (*Etat*), mà vẫn là một « dân-tộc » (*nation*).

Pháp (*nation française*) tổ-chức lại để cùng với nhau sinh-tồn thành một nước. Quốc-gia Pháp là một Quốc-gia có cái hình-thể giản-thuần (*Etat à forme simple*). Quốc-gia Pháp có một mà thôi, nghĩa là không phải họp-tập nhiều dân nhiều nước mà thành ra, không phải là một nước « liên-bang » (*fédération*) vậy.

2 — *Các hình-thể của Quốc-gia khác.* — Nếu xét rộng ra các nước văn-minh lớn khác, thời thấy không phải Quốc-gia nào cũng đều như thế : có nước là họp nhiều các Quốc-gia mà thành ra, mỗi Quốc-gia ấy có một cái thể-thống riêng, nhưng về đường ngoại-giao thời họp cả lại làm một, dưới quyền một ông vua : — tức như nước Autriche-Hongrie (Áo-Hung) trước khi chiến-tranh [1] vậy.

Có nước là hỗn-hợp mấy Quốc-gia mà thành ra, nhưng hỗn-hợp một cách mật-thiết, mỗi Quốc-gia ấy chỉ còn giữ một chút thể-cách riêng về đường dân-luật, đường hành-chính mà thôi ; — tức như nước Anh (Grande-Bretagne) là họp ba nước Angleterre, Ecosse, Irlande mà thành ra.

Lại có nước là thuộc về thể liên-bang (*forme fédérale*) : — tức như nước Suisse (Thụy-sĩ), là họp nhiều « quận » (*cantons*) mà thành ra, mỗi quận về đường nội-chính đều có chính-phủ, có pháp-luật riêng, nhưng họp nhau lại làm một Quốc-gia và đặt một chính-phủ liên-bang chung.

Nước Hoa-kỳ châu Mĩ (Etats-Unis d'Amérique) cũng là thuộc về thể liên-bang. Nước ấy gồm 42 « bang », mỗi bang có một chính-phủ riêng, nhưng có hợp-ước (*pacte*) liên-lạc với nhau, và đặt một cái chính-phủ liên-bang chung.

Sau nữa, như nước Đức (đây là nói nước Đức trước khi chiến-tranh), cũng là một nước liên-bang, họp nhiều các vương-quốc nhỏ, mỗi nước vẫn giữ thể-thống riêng, làm thành một Đế-quốc lớn, trên có Hoàng-đế và có Chánh-phủ liên-bang [2].

II

Nói về hiến-pháp

1. — Luật lập-hiến

1 — *Luật lập-hiến năm 1875.* — Gốc chính-thể nước Pháp ngày nay là hiến-pháp năm 1875 (*Constitution de 1875*). Hiến-pháp ấy thực là gồm ba đạo luật như sau này :

Luật ngày 24 Février 1875 về sự tổ-chức Thượng-Nghị-viện (*Sénat*) ;

Luật ngày 25 Février 1875 về sự tổ-chức các quan-quyền (*pouvoirs publics*) ;

Luật ngày 16 Juillet 1875 về các quan-quyền quan-hệ với nhau thế nào.

Phàm các hiến-pháp xưa nay, ở trên đầu thường có một phần gọi là phần « tuyên-ngôn » (*énoncé de principes*), để tuyên-bố các lẽ sở-dĩ làm sao mà lập ra hiến-pháp như sau. Xét ra ba đạo luật trên kia thời không có lời « tuyên-ngôn » như thế, là vì làm-thời mới làm, không có chủ-định sẵn, nên cách xếp-đặt các điều-mục cũng lộn-xộn mà không được chỉnh-đốn lắm.

Bởi thế mà hiến-pháp ấy đã nhiều lần bị bài-bác ; khi khởi-thảo, khi quyết-nghị, giữa vào lúc cơ-hội không được phân-minh, nên lời-lẽ cũng có điều không nhất-trí. Hồi đó các đảng quân-chủ (*partis monarchistes*) hãy còn thịnh, vẫn còn mưu muốn khôi-phục lại đế-chính cũ. Từ khi đế-chính đổ (sau trận Pháp-Phổ năm 1871)

(1) Từ khi thôi chiến-tranh đến giờ thời nước Áo và nước Hung phân-lìa nhau, hai nước không có vua nữa ; nước Áo thời đã tuyên-bố đặt làm nước dân-chủ, nước Hung thời còn hỗn-độn chưa ra chính-thể nào.

(2) Chính-phủ liên-bang thì có một Hoàng-đế (*Empereur*), một Tể-tướng *Chancelier de l'Empire*, một Liên-bang-hội-nghị (*Conseil fédéral*) và một Quốc-hội (*Reichstag*). — Từ sau chiến-tranh đến giờ thời tuy nước Đức không có vua nữa, nhưng chính-thể đại-ước vẫn như cũ.

thời cái tình-hình trong chính-trị còn phân-vân chưa quyết ra thế nào ; các « hữu-đảng » (*les droites*, tức là những đảng bảo-thủ) cứ đi-du muốn để mãi như thế để lợi-dụng cái tình-thế ấy, nhưng dư-luận trong dân-gian thấy dùng-dằng đã sốt ruột, bèn « tả-đảng » (*la gauche*, tức là đảng cấp-tiến) bèn nhờ đó mà được thắng-thế. Bấy giờ có ông nghị-viên WALLON đứng lên xin Quốc-hội bổ thêm vào luật-án một điều về cách bầu chức Giám-quốc (*Président de la République*), định kỳ-hạn là bảy năm. Người ta thường gọi đó là cái « bổ-án trước-danh của ông WALLON » (*le célèbre amendement Wallon*), và tương-truyền rằng khi đem ra quyết-nghị thì chỉ được hơn có một vé, nhờ một vé đó mà nước Pháp thành một nước dân-chủ. Kỳ-thực thời dân-chủ đã thành từ trước rồi, vì Quốc-hội đã bầu quan Thống-chế MAC MAHON làm Giám-quốc hạn bảy năm, chỉ khác là bầu riêng một mình ngài mà không nói chung đến chức Giám-quốc, còn trong « bổ-án » của ông WALLON thì là định chung về cách bầu Giám-quốc mà không nói riêng ai, thành ra đã có chức Giám-quốc tất phải có chính dân-chủ, mà chính dân-chủ thật là hiểu ngầm ở trong điều luật ấy. Nhờ cách gián-tiếp đó mới ép được Quốc-Hội quyết-nghị đặt dân-chủ, vì số nhiều trong Quốc-hội bấy giờ còn khuynh-hướng về đế-chính. Lần bỏ vé thứ nhất được 353 vé thuận và 352 vé phản, chỉ hơn có một vé ; nhưng ngày 24 février 1875 đem ra tuyên-độc lần thứ ba thì được 413 vé thuận và 248 vé phản ; đến ngày hôm sau 25 février, đem cả toàn-án ra quyết-nghị thời được 425 vé thuận và 254 vé phản, thành ra cái vé đơn-độc lúc đầu đến sau nhân lên gấp bao nhiêu lần vậy.

Tự năm 1875, các luật hiến-pháp đã sửa đổi đi nhiều lần.

Trước chính-phủ còn nghi-ngờ lòng trung-thành của dân Paris, nên định đô ở Versailles, đến năm 1879 mới thiên ra Paris. Vậy điều thứ 9 trong hiến-pháp định đô ở Versailles bãi-bỏ, và ngày 22 juillet 1879 tuyên một đạo luật thường trả lại cho thành Paris cái địa-vị làm thủ-đô nước Pháp. Tuy vậy Versailles vẫn giữ làm nơi họp Quốc-hội (*Congrès ou Assemblée nationale*), nghĩa là những khi Thượng Hạ Nghị-viện họp nhau làm một để bầu quan Giám-quốc hay là để sửa đổi lại Hiến-pháp thời phải họp ở đấy.

Lại luật ngày 14 Août 1884 định rằng những người thuộc về các nhà vua đã trị-vì ở nước Pháp thời không được bầu lên làm Giám-quốc, và cái chính-thể dân-chủ của Nhà-nước không ai được bàn sửa-đổi lại.

Sau hết là luật ngày 9 décembre 1884 đổi lại nhiều khoản trong luật ngày 24 février 1875 về sự tổ-chức Thượng-Nghị-viện.

2. — *Đại-biểu-chế-độ.* — Cái chế-độ của các luật hiến-pháp trên kia đặt ra ở nước Pháp là cái « đại-biểu chế-độ » (*régime parlementaire*), có hai nghị-hội, một nghị-hội thì các nghị-viên bầu bằng lối « phổ-thông đầu-phiếu » (*suffrage universel*), một nghị-hội thì các nghị-viên bầu bằng lối « đệ-nhị-cấp đầu-phiếu » (*suffrage au second degré*) (1) ; có một quan Giám-quốc và các quan Quốc-vụ-tổng-trưởng, chức-quyền cùng trách-nhiệm thế nào sẽ giải-thích về sau.

Nay ta hãy đề-cử mấy điều cốt-yếu trong phép chính-trị nước Pháp như sau này.

(1) « Phổ-thông đầu-phiếu » là hết thảy người dân có công-quyền đều được đi bỏ vé bầu ; « đệ-nhị cấp đầu-phiếu » là dân không có bầu thẳng, mà lại bầu người để đi bầu thay cho mình ; lối ấy còn nhất-danh là « hữu-hạn đầu-phiếu » (*suffrage restreint*).

東洋新任全權龍大人肖像

Chân dung quan Toàn-quyền mới
Maurice LONG đại-nhân

2. — Mấy điều cốt-yếu trong phép chính-trị nước Pháp

1 — *Nói về dân-chủ.* — Điều cốt-yếu thứ nhất trong phép chính-trị nước Pháp là quyền chúa-tể trong nước thuộc cả bàn-dân, tức gọi là « dân-chủ ». Trong tờ « Nhân-quyền tuyên-ngôn » (*Déclaration des droits de l'homme*) năm 1789, điều thứ 3, đã từng đề-xướng về nghĩa dân-chủ mà nói rằng : « Cái gốc quyền chúa-tể trong nước bản-dĩ là ở quốc-dân ; người nào, đoàn-thể nào thi-hành quyền-lực gì cũng là suy-nguyên do đấy mà ra. » Tuy trong hiến-pháp bây giờ không có biên lại điều ấy, nhưng cái gốc mọi công-quyền trong nước đều là ở trong dân-ý vậy. Cái dân-ý ấy không phải là xuất-hiện ngay ở trong sự biên-chế các pháp-luật, nhưng người dân cử những người thay mặt mình để mà phát-biểu cùng là thực-hành cái ý chung trong dân. Cái chủ-quyền của dân là tuyệt-đối (*absolu*), nghĩa là không có quyền nào hạn-chế được quyền ấy nữa. Ở trên đã nói rằng trong hiến-pháp nước Pháp không có lời « tuyên-ngôn », nghĩa là không chỉ-định sẵn những quyền-lợi lớn mà nhà lập-pháp không thể làm trái được, như vậy thời cái quyền nhà lập-pháp tức là quyền dân vô-hạn. Còn như những phép-tắc giải-thích trong tờ « Nhân-quyền tuyên-ngôn », là những phép-tắc thuộc về tinh-thần, về đạo-lý, dẫu có luật-lệ trái với những phép-tắc ấy cũng không phải là ngược với hiến-pháp. Trong hiến-pháp chỉ có một điều vĩnh-viễn bất-dịch : là điều thuộc về cái chính-thể dân-chủ của Nhà-nước, điều ấy thì dẫu cả hai Nghị-viện họp thành Quốc-hội cũng không có quyền sửa đổi được.

2 — *Nói về sự phân-quyền.* — Một điều cốt-yếu nữa trong phép chính-trị nước Pháp và đại-đề trong phép chính-trị của cả các nước văn-minh đời nay, là sự phân-quyền (*la séparation des pouvoirs*). Theo phép phân-quyền thì các công-quyền của Nhà-nước phải chia ra nhiều tay người đảm-nhiệm ; nếu họp cả vào một người thì sợ người ấy lạm-dụng mà thành ra lộng-quyền, như thế là cái lối chuyên-chế. Phép phân-quyền là do ông danh-nho nước Pháp Montesquieu (tàu dịch là Mạnh-đức-tư-cưu) đã phát-minh ra tự thế-kỷ thứ 18 trong bộ sách « Vạn-pháp tinh-lý » (*Esprit des lois*) [1].

Các nhà làm sách thường biện-luận cho biết trong một nước phải có mấy hạng quyền ; nay ta không phân-giải về cái vấn-đề đó và chỉ xét trong chính-thể nước Pháp có ba quyền như sau này :

1° Quyền lập-pháp (*pouvoir législatif*) để biên-chế các pháp-luật ;

2° Quyền hành-chính (*pouvoir exécutif*) để thi-hành các pháp-luật ;

3° Quyền tư-pháp (*pouvoir judiciaire*) để giải-quyết những sự phân-tranh, giải-nghĩa cho luật-pháp và thi-hành các hình-phạt.

Nay xét về kết-quả sự phân-quyền thì kể đại-khái như sau này :

Quyền lập-pháp chỉ biết làm luật, không được can-thiệp đến việc thi-hành, cũng không có quyền được xử-đoán.

Quyền hành-chính thời chỉ chuyên thi-hành các luật-pháp, không được thay đổi gì cả. Cũng không được nghị-định về những việc cần phải có đặt luật-pháp mới làm được, như nghị-định các hình-phạt.

---

[1] Ông Montesquieu sinh năm 1689, mất năm 1755. Quyển sách có tiếng nhất của ông là bộ « Vạn-pháp tinh-lý », xét về nguyên-lý của các pháp luật trong thiên hạ đời bây giờ. Sách này người Tàu đã có dịch ra chữ Hán và là một bộ sách rất có ảnh-hưởng trong việc cải-cách chính trị ở nước Tàu trong hai ba mươi năm gần đây.

Quyền tư-pháp chỉ được giải-quyết những việc phân-tranh, việc nào riêng việc ấy, lời phán-định về một việc không thể thi-hành sang việc khác được. Trong các tòa-án hoặc có khi chứng-dẫn một cái án cũ của tòa Thượng-thẩm (*Cour de Cassation*) làm bằng, là lấy cái ý rằng tòa Thượng-thẩm tất thông-hiểu pháp-luật hơn các tòa khác, lời phán-định đủ lấy làm bằng được : nhưng không tất-nhiên là bao giờ cũng phải theo, các quan tòa có quyền tự-do muốn xử khác cũng được, và có nhiều khi chính tòa Thượng-thẩm trước đã xử như thế mà sau lại xử khác đi cũng được.

Cũng theo một lẽ đó thời quyền tư-pháp không thể bình-phẩm luật-pháp hay hay là dở, hợp với hiến-pháp hay là trái với hiến-pháp được, chỉ biết y lời luật mà phán xét mà thôi. Lại cũng không được xử những sự kháng-cáo về quyền-chính của Nhà-nước.

Ông quan án cho được hết cái chức-vụ mình và không phải lụy thuộc ai thì không phải theo mệnh-lệnh của Chánh-phủ ; tuy bổ-nhiệm là do quyền Chánh-phủ, nhưng dẫu Chánh-phủ không bằng lòng về cách xử án của các quan án, cũng không được quyền tự-tiện cất chức, bởi đó mà các quan án có cái tư-cách « bất-dịch » (*inamovibilité*), nghĩa là Chánh-phủ không có quyền cách chức, cũng không có quyền đổi chỗ được, trừ những « trường-hợp » [1] riêng trong luật đã định sẵn thì không kể.

Song cái phép lớn về sự phân-quyền cũng có khi quyền-biến, đại-khái những khi như sau này.

Quyền hành-chính được phép đặt luật-pháp cho nhiều việc thuộc về các thuộc-địa (điều thứ 6 và thứ 18 trong luật của Thượng-Nghị-viện (*sénatus-consulte*) ngày 3 mai 1854).

Quyền lập-pháp gặp cơ-hội đặc-biệt có thể kiêm chức tư-pháp : như Hạ Nghị-viện có quyền tố-cáo quan Giám-quốc hoặc các quan tổng-trưởng về tội phản-quốc (*haute trahison*), khi ấy thời Thượng Nghị-viện đặt làm « Thượng-phán-viện » (*Haute cour de Justice*), thay quyền các tòa án thường mà xử án. Thượng-Nghị-viện cũng có quyền xử những tội người thường phạm đến cuộc trị-an trong nước, hoặc mưu đổi chính-thể trong nước.

Sau nữa, có những việc phân-tranh của người tư-dân với Nhà-nước, không thuộc về quyền tư-pháp xử-đoán mà thuộc về những tòa-án riêng gọi là « tòa án cai-trị » (*tribunaux administratifs*), như « Quận-hạt hội-nghị » (*Conseils de préfecture*), « Quốc-gia hội-nghị (*Conseil d'Etat*) [2].

Ấy đại-khái các điều cốt-yếu trong hiến-chính nước Pháp như thế. Nay xét đến các cơ-quan lớn của Quốc-gia Pháp, là quan Giám-quốc, Hạ-Nghị-viện và Thượng-Nghị-viện.

III

Các cơ-quan lớn của Quốc-gia

1 — Quan Giám-quốc

Quan Giám-quốc là do Quốc-hội bầu-cử lên ; Quốc-hội là họp Thượng Hạ Nghị-viện. Phàm người Pháp có đủ dân-quyền đều có thể bầu được cả ; chỉ trừ những người thuộc về các nhà vua đã trị-vì ở nước Pháp thì không được bầu mà thôi. (Luật ngày 14 Août 1884.)

Quan Giám-quốc bầu lên nếu có chân Thượng Hạ Nghị-viện thời thường phải từ-chức nghị-viên, vì đã làm Giám-quốc không có quyền vào bàn-bạc ở Nghị-viện nữa. Quan Giám-quốc muốn thông-tư gì với Nghị-viện thời phải thông-tư bằng giấy. Giấy ấy gọi là « hịch » (*message*), do một quan tổng-

(1) *Trường-hợp* 場合 = Cái thời buổi, cái tình-hình riêng. Nguyên tiếng Nhật-bản, trong sách Tàu thường dùng. — CAS PARTICULIER, CIRCONSTANCES PARTICULIÈRES.

(2) Dịch là « Tham-chính-viện », như các sách Tàu cũng được.

trưởng đem ra đọc ở Thượng Hạ Nghị-viện.

Quan Giám-quốc bàu bảy năm ; nếu trung-gian tạ-thế hay là từ-chức thời Quốc-hội phải họp lại để bàu người thay. Trong khi ấy thì tòa Nội-các (*Conseil des Ministres*) tạm giữ quyền hành-chính. Khi quan Giám-quốc mãn-hạn thời một tháng trước ngày hết hạn phải bầu-cử lại, hoặc bầu-cử người khác thay.

Quan Giám-quốc là « cái hình-ảnh của Quốc-gia, tức như Quốc-gia hiện hình ở quan Giám-quốc. Ngài làm chủ-tịch những khi hội-tiệc của Nhà-nước ; các phái-viên cùng sứ-thần của ngoại-quốc đến phải vào yết-kiến và trình giấy phái-chỉ ở ngài » (1).

Quan Giám-quốc có quyền chiêu-tập hoặc đình-hoãn các Nghị-viện. Những dự-án luật (*projets de loi*) của các quan Nội-các trình bày trước Nghị-viện là thay tên ngài mà trình-bày. Ngài tuyên-bố các luật-áu và chủ-trương việc thi-hành, nên có quyền hạ « sắc-lệnh » (*rendre des décrets*). Ngài bổ-nhiệm hết cả các chức văn-quan võ-quan.

Ngài được sai-khiến các binh-lực trong nước. Ngài là chúa-tể của lục-quân và lâm-thời có thể tự mình ra cầm-quân được. Trong hiến-pháp có khoản ấy là vì thời bấy giờ quan Thống-chế Mac Mahon đương làm Giám-quốc, muốn để cho ngài cái đặc-quyền ấy.

Trong các quyền của hiến-pháp dành cho quan Giám-quốc thời cái quyền quan-trọng nhất là về việc thương-thuyết các điều-ước (*négociation des traités*). Việc thương-thuyết có thể giữ bí-mật được. Coi đó thời biết quyền ấy quan-trọng là đường nào, và có lợi-hại cho Nhà-nước biết bao nhiêu, vì các điều-ước tuy có cái phải đem cho Nghị-viện duyệt-y (2), nhưng chính-sách ngoại-giao là chính-sách bí-mật, thời có lúc việc đã giao-ước ngầm rồi, dầu đến khi đem ra bàn-bạc quốc-dân có không ưng-thuận cũng phải chuẩn-nhận vậy, sợ tổn-hại đến quốc-thể. Lại quan Giám-quốc tuy một mình không có quyền khai-chiến với ngoại-quốc, nhưng có quyền chủ-trương việc giao-thiệp với ngoại-quốc, thời cũng có lúc nhân việc giao-thiệp ấy mà sự chiến-tranh không thể tránh được.

Coi như trên thời biết chức-quyền quan Giám-quốc không phải là chỉ làm người thay mặt Quốc-gia mà thôi đâu, như nhiều người thường tưởng như thế, và sự hành-động riêng của ngài cũng có quan-hệ to cho việc nước vậy.

Về đường chính-trị, nên giải rõ cái chức-vụ của quan Giám-quốc như sau này : Gặp lúc tòa Nội-các bị khuynh-đảo, thời chính ngài phải chọn người lập tòa Nội-các mới; việc kén chọn ấy lắm khi khó lắm, vì phải phân-biệt những người nào có tư-cách hợp với cái tình-thế trong chính-giới lúc bấy giờ mới mong chiếm được đa-số ở Nghị-viện và lập Nội-các được vững bền.

Hiến-pháp lại còn để cho quan Giám-quốc được rộng quyền hơn nữa : ngài có thể trực-tiếp can-thiệp vào việc chính-trị được. Ngài có quyền sau khi hỏi ý Thượng-Nghị-viện giải-tán Hạ Nghị-viện được, nhưng quyền ấy

(1) « Le Président de la République est l'incarnation vivante du pays, il le personnifie. C'est lui qui préside aux solennités nationales ; c'est auprès de lui que sont accrédités les envoyés et ambassadeurs des puissances étrangères. » (Saint-Girons).

(2) Những điều-ước như sau này thời phải trình cho Nghị-viện duyệt-y : hòa-ước, thương-ước, điều-ước về việc sáp-nhập các địa-hạt mới, điều-ước về việc tài-chính, về chế-độ và quyền-lợi người Pháp ở ngoại-quốc.

không mấy khi thi-hành đến, vì là một việc rất quan-trọng, quan Giám-quốc nào làm như thế tất quốc-dân cho là muốn chuyên-chế và không hoan-nghênh vậy. Song gặp những cơ-hội đặc-biệt thời cũng có thể thi-hành được : như khi Thượng Hạ Nghị-viện hai bên xung-đột nhau, không thể hòa-giải được, hoặc Hạ Nghị-viện trung-gian đổi chính-hướng không hợp với dân-ý nữa, những khi đó thời quan Giám-quốc có thể thừa dư-luận trong nước mà giải-tán được.

Lại theo hiến-pháp (điều thứ 7, luật ngày 16 Juillet 1875) thời quan Giám-quốc còn có quyền được đình sự tuyên-bố một cái luật-án nào và yêu-cầu Nghị-viện phải bàn lại. Song cách can-thiệp ấy tức là trái với ý của Nghị-viện, và cũng không hợp với cái lý-tưởng dân-chủ, lý-tưởng ấy tự năm 1875 là hồi làm hiến-pháp đến giờ đã tiến-bộ nhiều lắm, khiến cho cái quyền được đình sự tuyên-bố luật cũng như cái quyền được giải-tán Hạ Nghị-viện như trên kia không khi nào thi-hành đến, và chức Giám-quốc nghiễm-nhiên thành một chức ở trên cả các đảng-phái và ở ngoài cả mọi sự cạnh-tranh trong chính-giới.

Sau hết quan Giám-quốc lại còn có một cái quyền nữa rất cao-thượng, rất vẻ-vang : quyền ấy là quyền ân-xá (*droit de grâce*), nghĩa là quyền được tha cho kẻ tội-nhân khỏi phải chịu tội, hoặc đổi tội ấy ra một tội khác. Nhưng án-xá chỉ là tha cho khỏi phải chịu tội mà thôi, chớ không làm tiêu được cái án [1].

Phàm những công-việc thuộc về chức-quyền Giám-quốc thời quan Giám-quốc không có trách-nhiệm đối với Nghị-viện. Dẫu Nghị-viện không ưng, ngài cũng không cần phải từ chức. Có một điều quan-trọng phải biết là phàm công-việc của quan Giám-quốc đều có một quan tổng-trưởng đứng đảm-nhận, và những nghị-định sắc-lệnh của ngài đều có quan tổng-trưởng có trách-nhiệm phụ-ký (điều thứ 3, luật ngày 25 février 1875). Theo hiến-pháp (điều thứ 6) ngài chỉ có trách-nhiệm trong khi phạm-tội đại-phản (*haute trahison*) mà thôi. Thế nào gọi là tội đại-phản ? Trong luật không nói rõ, nhưng cứ suy luật-ý thời chắc là chỉ những việc trái nghịch với hiến-pháp, thí-dụ như mưu khôi-phục quân-quyền, hoặc trong việc ngoại-giao làm mất quốc-thể nước Pháp, v. v. Khi ấy thời phải đệ ra « Thượng phán-viện » (*Haute cour*) [2] xử. Lại khi phạm tội thường-phạm (*crime ou délit de droit commun*), cũng do viện ấy xét xử.

2 — Các quan Quốc-vụ tổng-trưởng

Chức quốc-vụ tổng-tưởng (*ministre*) là một chức quan cao nhất trong nước để quản-trị một bộ-phận lớn trong quyền hành-chính, và có trách-nhiệm đối với Nghị-viện.

Các bộ-phận lớn trong cuộc hành-chính là những bộ-phận như sau này : Nội-vụ (*Intérieur*), Hình-vụ (*Justice*), Ngoại-vụ (*Affaires étrangères*), Tài-chính (*Finances*), Học-chính (*Instruction publique*), Mĩ-thuật (*Beaux-Arts*), Lục-quân (*Guerre*), Hải-quân (*Marine*), Công-trình (*Travaux Publics*), Công-thương (*Commerce et Industrie*), Bưu-điện (*Postes et Télégraphes*), Nông-lâm (*Agriculture*), Thuộc-địa (*Colonies*), Lao-động và Cứu-tế (*Travail et Prévoyance sociale*).

Trong các bộ-phận ấy, có phần nọ sáp-nhập vào phần kia, như hiện nay phần Mĩ-thuật thuộc về Bộ Học, phần Bưu-chính thuộc Bộ Công. Mỗi khi chuyển-dịch như thế phải có sắc-lệnh

(1) Khi nào là tội xử-tử thời hội-đồng quản-trị Bộ Hình (*Conseil administratif du Ministère de la Justice*) làm một tờ bẩm kể các lẽ và đệ cả bút-lục lên quan Giám-quốc để ngài thẩm-định.

(2) « Thượng phán-viện » tức là Thượng-nghị-viện đặc-cách đặt làm tòa xử án.

của quan Giám-quốc. Tuy vậy trong hiến-pháp không có định lệ rằng mỗi phần việc phải đặt một bộ riêng. Duy năm 1894, phần Thuộc-địa trước kiêm-tính vào bộ Công-thương trích ra làm thành một bộ riêng là có luật của Nghị-viện.

Bổ-nhiệm các quan quốc-vụ-tổng-trưởng là do quan Giám-quốc có sắc-lệnh riêng. Theo lệ thường thời quan Giám-quốc hỏi ý hai nghị-trưởng Thượng Hạ Nghị-viện, rồi chọn lấy một nhà chính-trị trong bậc tai-mắt ở Nghị-viện để làm tổng-lý Nội-các. Nhà chính-trị ấy bấy giờ mới tự chọn lấy những tay giúp việc mình và chia cho lĩnh các bộ. Thường-thường thời các quan tổng-trưởng là chọn trong hàng nghị-viên Thượng Hạ Nghị-viện, nhưng muốn chọn người ở ngoài Nghị-viện cũng được: như bộ Lục-quân Hải-quân có khi trao cho những bậc tướng-tá, toàn là người không có chân ở Nghị-viện cả.

Quan Giám-quốc có quyền được cách chức các quan Tổng-trưởng, nhưng không mấy khi thi-hành đến quyền ấy, vì lệ thường hễ thấy số nhiều nghị-viên không bỏ vé tín-nhiệm nữa thời tòa Nội-các tự xin từ chức ngay.

Mỗi quan Tổng-trưởng có quyền chủ-trương quản-trị cái bộ-phận hành-chính thuộc về mình, Phàm những sắc-lệnh của quan Giám-quốc thuộc về việc bộ nào thời quan tổng-trưởng bộ ấy phải phụ-ký vào bên. Quan tổng-trưởng cũng có quyền ký nghị-định (*arrêtés*) nữa. Lại có quyền thông-sức mệnh-lệch cho các hàng ti-thuộc, gọi là tờ chu-tri (*circulaires*). Quan tổng-trưởng được quyền xuất-tịch, được quyền diễn-thuyết ở Nghị-viện, dầu không có chân nghị-viên cũng được.

Phàm nghị-viên Thượng Hạ Nghị-viện đều có quyền đệ thư cho quan nghị-trưởng viện mình xin được chất-vấn (*interpeller*) quan tổng-trưởng bộ nào về một việc thuộc chức-trách bộ ấy. Quyền chất-vấn ấy có thể được rộng hơn nữa, như khi chất-vấn quan Tổng-lý Nội-các về cái chánh-sách chung của tòa Nội-các. Tuy vậy các quan tổng-trưởng đều có « liên-đái trách-nhiệm » (*solidaires*) với nhau, và lệ thường hễ khi một người trong Nội-các bị Nghị-viện tỏ ý bất-tín (tức tiếng tây gọi là « bị thiểu số »: *mis en minorité*) về một việc hệ-trọng nào thời cả tòa Nội-các đều xin từ-chức. Sau khi chất-vấn, Nghị-viện phải bỏ vé quyết-nghị (chữ tây gọi là: *voter un ordre du jour*). Có khi khả-quyết ngay (*ordre du jour pur et simple*), nghĩa là ưng-thuận cái cách làm của quan tổng-trưởng hay là cái chánh-sách của tòa Nội-các. Có khi trong lời quyết-nghị lại giải-thích thêm cho rõ ý Nghị-viện, như nói rằng: « Hạ (hay là Thượng) Nghị-viện đã nghe lời thuyết-minh của quan Nội-các, ưng-thuận như thế, và trông cậy ở quan Nội-các hết sức cho cái điều-luật (hay là cái kế-hoạch) ấy thi-hành được hoàn-bảo; vậy Nghị-viện bỏ vé quyết-nghị và bàn sang việc khác. » — Nếu Nghị-viện không chịu bỏ vé quyết-nghị thời là có ý không ưng cái chánh-sách của Nội-các, khi ấy Nội-các thường xin từ-chức.

Hoặc khi không phải là việc quan-trọng thời các nghị-viên chỉ « phát-vấn » (*poser des questions*) quan Nội-các mà thôi; « phát-vấn » khác « chất-vấn », là Nghị-viện không phải quyết-nghị khả-phủ [1] gì cả; nhưng nhiều khi « phát-vấn » mà biến thành ra « chất-vấn » là thường.

Ta đã biết rằng các quan tổng-trưởng là có trách-nhiệm đối với Nghị-viện, công-việc làm phải trình-bày cho Nghị-viện biết. Nhưng cái trách-

(1) *Khả phủ* 可否 nghĩa là ưng hay không ưng; ưng thì gọi là « khả-quyết », không ưng thì gọi là « phủ-quyết ».

nhiệm ấy rộng hẹp thế nào ? Các nhà bình-luận về hiến-chính, thường mỗi người bàn một khác, không được đồng-ý nhau. Nhưng đại-đề khi nào quan Nội-các phạm tội trong việc chức-trách thời phải đệ ra Thượng-Phán-viện (*Haute Cour*) xử-xét, có nhà làm sách lại nói rằng có khi có thể đệ ra tòa-án thường cũng được, và có khi có thể bắt chịu tiền bồi-thường cũng được : nhưng phải biết rằng cứ chiếu phép phân-quyền, thời quan Nội-các là giữ quyền hành-chính, công việc không thể đem ra viện tư-pháp thường xét-xử được. Thiết-tưởng tội nặng nhất cho quan Nội-các là bị Nghị-viện khiển-trách và phải xin từ chức vậy.

Các quan tổng-trưởng thường họp nhau thành hội-đồng, quan Giám-quốc làm chủ-tọa, để bàn-soạn về những việc khó-khăn trong chính-trị. Ta đã nói rằng các viên Nội-các đều có liên-đái-trách-nhiệm với nhau, và hễ một người bị Nghị-viện bỏ vé « phủ-quyết » thời hết thảy đều phải từ-chức hết, bởi vậy nên phàm việc quan-trọng phải đem ra bàn ở Hội-đồng các quan tổng-trưởng gọi là « Chánh-phủ Hội-nghị » (*Conseil des Ministres*), hội-đồng có duyệt-y mới thi-hành được.

Theo hiến-pháp thời những việc như sau này tất phải có hội-đồng duyệt-y mới làm được :

1° Lập Thượng-Nghị-viện làm Thượng-Phán-viện (luật ngày 16 Juillet 1875, điều thứ 12) ;

2° Bổ-nhiệm hay cách-chức những quan Tham-chính-viện (*Conseil d'Etat*) (luật ngày 25 Février 1875, điều thứ 4);

3° Giải-tán các thị-tỉnh hội-nghị (*conseils municipaux*) (luật ngày 5 Avril 1884 về các thị-tỉnh, điều thứ 43).

Khi các quan tổng-trưởng hội-đồng mà không có quan Giám-quốc chủ-tọa thì gọi là « Nội-các Hội-nghị » (*Conseil de Cabinet*). Thường-thường là bàn những việc không quan-trọng lắm.

Sau hết khi nào chức Giám-quốc khuyết thì là « Chánh-phủ Hội-nghị » phải đứng lên tạm chủ-trương quyền hành-chính.

3. — Nói về chức thứ-trưởng

Chức « quốc-vụ thứ-trưởng » (*sous-secrétaires d'Etat*) là một chức quan cao, ở dưới chức tổng-trưởng một chút, nhưng cũng có trách-nhiệm đối với Nghị-viện như các quan tổng-trưởng, và chức-trách là để giúp việc cho các quan tổng-trưởng, hoặc là coi riêng về một phần việc lớn thuộc về một bộ nào : như phần Mĩ-thuật thuộc về Bộ Học có một quan thứ-trưởng, phần Bưu-điện thuộc về bộ Công cũng vậy.

Các quan thứ-trưởng là do quan Giám-quốc bổ-nhiệm, và có quyền cách chức.

4. — Nói về Hạ Nghị-viện

Hạ Nghị-viện (*Chambre des Députés*) tổ-chức theo luật ngày 30 Mars 1902, có chừng 600 nghị-viên, bầu theo lối « phổ-thông tuyển-cử » (*suffrage universel*). Trước kia thời dùng phép tuyển-cử « mỗi huyện một người » (*scrutin uninominal par arrondissement*) ; từ nay trở đi thời dùng phép tuyển-cử « mỗi quận một sổ » (*scrutin de liste par département*).

Cứ phép thời mỗi huyện (*arrondissement*) được cử một nghị-viên ; những tỉnh thành lớn như Paris, Lyon, mỗi thành chia ra nhiều khu, mỗi khu về đường bầu-cử cũng coi như một huyện. Song, nếu cứ phép mà thi-hành thời thành ra không cân nhau quá, vì dân số các huyện-hạt không có giống nhau. Cho nên cứ thực thời số nghị-viên trong mỗi huyện là tùy theo dân-số trong huyện ấy : đại-đề cứ 10 vạn người dân, hay là một phần lẻ 10 vạn người dân thời được một nghị-viên : như một huyện dân-số 17 vạn người

thời được hai nghị-viên. Dân-số đây là gồm hết thảy người dân theo số sinh-tử giá-thú, chớ không phải là nói riêng về số những người có quyền đi bàu-cử. Như trong một huyện mà có hơn 10 vạn người thời khi bàu-cử nghị-viên phải chia ra từng khu, cứ mỗi khu là 10 vạn hay là số lẻ 10 vạn.

Nghị-viên bàu bốn năm, mãn-hạn thời bàu lại hết cả ; đó là riêng Hạ Nghị-viện mà thôi, chớ Thượng Nghị-viện (sẽ nói sau này) không thế, mỗi lần bàu chỉ bàu lại một phần mà thôi. Nếu đương giữa khóa, nghĩa là trong hạn bốn năm, có ông nghị-viên nào mất đi hay là từ chức thời phải bàu ông khác lên thay, nhưng quyền-hạn ông mới ấy cũng chỉ đến hết hạn Nghị-viện là hết, không được hơn ; bởi thế nên có nhiều ông nghị-viên mới lĩnh chức được mấy tháng, gặp mãn-hạn, lại phải ra ứng-cử lần nữa.

Xét trước kỳ tổng-tuyển-cử mới rồi (ngày 16 Novembre 1919), việc bàu-cử ở nước Pháp là làm theo lối « nhất-danh tuyển-cử » (*scrutin uninominal*) (tức là mỗi huyện một người), nghĩa là mỗi hạt chỉ được cử một nghị-viên ; nhưng không phải từ trước đến nay bao giờ cũng vẫn dùng một lối ấy. Luật gốc năm 1875 có đặt ra lối tuyển-cử ấy thật, nhưng sau lại có luật ngày 16 Avril 1885 đặt lại lối « hợp-sách tuyển-cử (*scrutin de liste*) cho từng quận một (tức là mỗi quận một sổ). Theo lối ấy thời chiếu dân-số trong mỗi quận được bao nhiêu nghị-viên, phải hợp vào một sổ mà bàu cả một lúc, không có bàu riêng từng người. Năm 1889 (luật ngày 13 Février), lại trở lại lối « nhất-danh tuyển-cử » cũ, nghĩa là lối bàu từng người một. Kịp đến năm 1919 mới rồi mới khôi-phục lại lối « hợp-sách tuyển-cử », là lối bàu mỗi quận một sổ.

Nay muốn ra ứng-cử nghị-viên thời phải có những tư-cách gì? Phàm người nào có tư-cách đi bàu-cử[1] thời có tư-cách ra ứng-cử, miễn là đã trọn 25 tuổi thời được (điều thứ 6, luật ngày 30 Novembre 1875). Trong luật lại nói rằng : « không có phân-biệt gì về hộ-tịch » (*sans condition de cens*). « Hộ-tịch » (*cens*) nghĩa là ngày xưa phải có đóng thuế cho Nhà-nước bao nhiêu mới có quyền bàu-cử ứng-cử ; tức như lối bàu-cử nghị-viên ở các thành-phố ta bây giờ : ở Hà-nội, người nào có đóng thuế thổ-trạch tự 15 đồng trở lên mới có quyền đi bàu. Nhưng trong phép « phổ-thông tuyển-cử » (*suffrage universel*) thời không thế ; phàm người trong nước dù giầu nghèo hay sang hèn đều có quyền được bỏ vé cả ; mà cái vé của người rất nghèo-hèn với cái vé của người rất giầu-sang trước nơi tuyển-cử giá-trị cũng ngang bằng nhau.

Sau nữa, muốn ra ứng-cử cũng không cần phải hợp cách-thức riêng gì về chỗ ở, nhưng phải cho đúng luật về binh-dịch mới được.

Những người thuộc về các nhà vua đã trị-vì ở nước Pháp không được bàu làm nghị-viên.

Những binh-lính về lục-quân hải-quân đương tại-ngũ không được bàu ; những người có chân trong quân-ngũ mà tại-ngoại hay là không làm việc cũng thế. Song những quân-quan thuộc về ban thứ hai ngạch « tham-mưu » (*état-major*) ; những tướng-tá đã từng cầm quân đánh giặc, còn lưu lại trong ngạch-quân nhưng thực không làm việc nữa ; những quan linh

(1) Phàm người thuộc dân-tịch nước Pháp (*citoyen français*) đã trọn 21 tuổi mà không mất công-quyền thời được đi bàu-cử nghị-viên. Hễ có quyền đi bàu-cử thời có quyền ra ứng-cử, miễn là đủ tư-cách thời thôi, dẫu tên không có trong sổ bàu-cử vì một cớ gì khác cũng không hề chi, thí-dụ như khi làm sổ mà tình-cờ sót tên mình chăng.

đã đến hạn về hưu mà còn đợi làm giấy hưu-bổng ; cùng là những người thuộc về các hạng quân trừ-bị ; thời không thuộc về lệ ấy.

Những người buôn-bán vỡ nợ khi nào được sạch án thời mới được ứng-cử.

Người ngoại-quốc nhập-tịch Pháp phải hết hạn mười năm từ ngày có sắc-lệnh được nhập-tịch mới được ra ứng-cử (hạn ấy có thể giảm xuống một năm được, nhưng phải có luật riêng).

Lại có nhiều hạng quan-lại (như quan tòa-án, quan cảnh-sát, quan chủ-quận (*préfets*), chủ-huyện (*sous-préfets*), quan đốc-học, quan kiểm-lâm, v. v.), không được ra ứng-cử trong hạt mình làm việc quan, và trong hạn sáu tháng sau khi thôi quan rồi cũng không được ra ứng-cử.

Đại-để các chức quan có ăn lương của Nhà-nước thì không kiêm chức nghị-viên được. Theo luật ngày 17 Novembre 1897 thời chức Giám-đốc và Phó-giám-đốc nhà « Đại-Pháp Ngân-hàng » (*gouverneur et sous-gouverneur de la Banque de France*) cũng sáp-nhập vào các chức quan Nhà-nước. Những người có chức quan như vậy nếu ra ứng-cử mà được bầu nghị-viên thì hạn tám ngày từ ngày bầu-cử phải xin từ chức cũ. Chỉ trừ có mấy hạng quan-lại cao thời không theo lệ ấy. (1)

Luật ngày 17 Juillet 1889 không cho phép một người ra ứng-cử trong mấy hạt một lúc, là có ý sợ có người khôn-ngoan khéo thu-phục lòng dân đồng-thời được bầu trong mấy hạt, nhân đấy muốn lợi-dụng dân-ý để khoáng-trương cái thế-lực của mình, trở-ngại cho quyền tự-do trong nước chăng.

Bởi thế nên người nào ra ứng-cử phải làm tờ khai, ít ra là năm ngày trước ngày đầu-phiếu. Quan chủ-quận nhận tờ, phát một cái biên-lai tạm, rồi chuyển về Bộ Nội-vụ kiểm xem người ấy có ứng-cử ở đâu nữa không, nếu thật không thời mới cho giấy biên-lai hẳn.

Đó là tư-cách người ứng-cử. Nay xét về tư-cách người bầu-cử phải thế nào. Đã gọi là « phổ-thông đầu-phiếu », thời phàm người dân Pháp đến tuổi thành-nhân đều có quyền đi bầu cả. Song, cho được thi-hành cái quyền ấy thời phải có tên kê vào sổ trong một thị-tỉnh (*commune*) nào mới được.

Muốn có tên kê vào sổ bầu-cử trong một thị-tỉnh nào thời phải :

1° là người đàn-ông, thuộc dân-tịch Pháp và đã trọn 21 tuổi ;

2° có trụ-sở ở trong thị-tỉnh ấy, hoặc đã ở đấy ít ra là sáu tháng.

Song dẫu không có trụ-sở hay là không ở trong một thị-tỉnh nào, mà có tên trong sổ sưu-thuế ở đấy và đã từng khai rằng muốn thi-hành cái quyền bầu-cử của mình ở đấy thời cũng có phép được.

---

(1) Là những hạng : quốc-vụ tổng-trưởng và thứ-trưởng, đại-sứ (*ambassadeurs*), công-sứ (*ministres plénipotentiaires*), quận-trưởng quận Seine, chánh tòa Cảnh-sát thành Paris, và quận Seine (*préfet de police*), Chánh tòa Thượng-thẩm (*Cour de Cassation*), Chánh viện Tài-chính (*Cour des comptes*), Chánh viện Thẩm-án (*Cour d'appel*) thành Paris, Chưởng-lý (*procureur général*) tòa Thượng-thẩm và viện Tài-chính, Chưởng-lý tòa Thẩm-án Paris, giáo-viên các trường Đại-học (ông nào lĩnh những khoa có trúng-thí mới được dậy, hoặc có hội-đồng các giáo-viên tiến-cử) ; — những quan to đặc-phái sung chức gì trong hạn sáu tháng cũng không thuộc lệ ấy : như chức Toàn-quyền Đông-dương thường là chân nghị-viên đặc-phái tạm-lĩnh, vẫn làm Toàn-quyền mà vừa giữ chức nghị-viên. Nhưng phải nhận rằng trừ chức tổng-trưởng và thứ-trưởng, còn phàm nghị-viên kiêm một đặc-nhiệm khác, hễ gặp mãn-hạn cũng phải ra ứng-cử lại như các nghị-viên khác, và có được tái-cử mới được đặc-nhiệm nữa (điều thứ 11, luật ngày 30 Novembre 1875). Như quan Toàn-quyền Đông-dương là chân nghị-viên chỉ được đặc-phái sung chức Toàn-quyền 6 tháng một (hạn ấy có thể tiếp-tục được mãi), những gặp kỳ nghị-viện mạn-hạn, phải ra ứng-cử lại, có được bầu lần nữa thời mới được giữ chức Toàn-quyền. Quan Toàn-quyền SARRAUT kỳ bầu-cử mới rồi tuy lại được tái-cử, giá muốn giữ chức Toàn-quyền nữa cũng được, nhưng vì mắc việc khác nên ngài không trở sang đây nữa.

Quan-lại làm việc ở đâu thời biên tên vào sổ bầu-cử ở đấy.

Phàm người nào không mất dân-quyền thời có quyền bầu-cử. Mất dân-quyền là phạm một khinh-tội trọng-tội gì mà trong luật đã định rằng người phải tội không được thi-hành quyền làm công-dân trong nước hoặc tạm-thời, hoặc vĩnh-viễn. Các trường-hợp phạm-tội ấy trong luật đã định tường lắm, đây không thể kể ra hết được.

Những binh-lính lục-quân hải-quân đương tại-ngũ thời không có quyền được đầu-phiếu, là lấy cái ý rằng người trong quân-đội không muốn để cho can-thiệp vào những việc cạnh-tranh về chính-trị ; vả binh-lính ở quân-ngũ đã tập quen cái tính phục-tòng, sợ các quân-quan khéo lợi-dụng cái tính ấy mà ép-uổng cho không kén-chọn được tự-do chăng. Nhưng đó chẳng qua là tạm đình cái quyền bầu-cử trong ít lâu mà thôi, người lính tại-ngoại hay là được nghỉ hơn 30 ngày, nếu có tên trong sổ bầu-cử ở bản-quán mình thời cũng được bầu như người thường.

Cách làm sổ bầu-cử thời xưa kia mỗi thị-tỉnh phải làm hai sổ khác nhau : một sổ bầu-cử nghị-viên Hạ-Nghị-viện (*élections législatives*), một sổ bầu-cử các nghị-viên cho hội-đồng hàng chợ (*élections municipales*), hàng quận (*au conseil général*), hàng huyện (*au conseil d'arrondissement*). Nhưng tự luật ngày 5 Avril 1884 về các thị-tỉnh và luật ngày 29 Mars 1886 về thành Paris, thời chỉ phải làm một sổ mà thôi.

Sổ ấy thời trong mỗi « chợ » (tức là mỗi thị-tỉnh) do một hội-đồng lập, hội-đồng ấy có ông thị-trưởng (*le maire*), một phái-viên của chủ-quận, một phái-viên của hội-đồng hàng chợ (*conseil municipal*). Chợ nào chia ra nhiều khu thời mỗi khu làm một sổ, hội-đồng có ông thị-trưởng (hay là một ông phó, hay là một ông nghị-viên hàng chợ theo thứ-tự trong danh-sách), một phái-viên của quan chủ-quận, một phái-viên của hội-đồng hàng chợ.

Ở Paris và ở Lyon thời cũng mỗi khu làm một sổ, do một hội-đồng có : ông thị-trưởng khu ấy (vì ở Paris mỗi khu tức là một chợ, có một thị-trưởng riêng) hay là một ông phó, một ông nghị-viên hàng chợ ở trong hộ ấy, một người có quyền bầu-cử do quan chủ quận cử. Sổ ấy mỗi năm phải biên-đính lại một lần.

Tự ngày 1er đến 10 Janvier thì hội-đồng phải xét những tên mới thêm vào sổ, và sóa đi những tên nào không hợp tư-cách nữa.

Sổ sửa xong thời tự ngày 15 Janvier để ở nhà thị-sảnh (*mairie*), để trong 20 ngày cho thiên-hạ đến xem, tên ai thiếu thời xin điền vào, tên ai thừa hoặc không đủ tư-cách thời xin sóa đi. Những giấy xin điền xin sóa ấy lập một hội-đồng xét, hội-đồng ấy có các viên hội-đồng hành-chánh (*commission administrative*), thêm hai phái-viên của hội-đồng hàng chợ.

Ở Paris và Lyon thời ngoài các viên hội-đồng hành-chánh, hội-đồng có cử thêm hai người có quyền bầu-cử ở trong hộ sở-tại để phụ giúp vào.

Hội-đồng ấy trong năm ngày phải xét xong, hạn ba ngày phải báo cho người đương-sự biết.

Từ ngày được tờ báo, hạn năm ngày, nếu người đương-sự không bằng lòng có thể kháng-cáo lên tòa-án sơ-cấp, hạn 10 ngày tòa-án phải quyết-nghị xong ; quyết-nghị rồi hạn ba ngày phải báo cho người đương-sự biết. Nếu người đương-sự lại không chịu nữa thời phải kháng-cáo lên Thượng-thẩm-viện. Trong khi kháng-cáo ấy lời quyết-nghị của tòa-án sơ-cấp vẫn thi-hành.

Đến ngày 31 Mars thời đóng sổ, không được thêm bớt gì nữa cho đến năm sau, trừ những sự thay đổi gì có quan tòa truyền thời phải làm, hoặc

người chết, người phải án mất công-quyền thời phải sóa tên đi.

Cách-thức việc bàu-cử thế nào? — Ít ra là 20 ngày trước ngày bàu-cử phải có sắc-lệnh quan Giám-quốc quảng-cáo cho các người có quyền bàu-cử biết.

Thường thường thời tổng-tuyển-cử cho Hạ-Nghị-viện là vào khoảng tháng năm. Trước năm 1898 là vào khoảng mùa thu, nhưng xem ra không tiện cho những người nhà-quê đương vụ mùa-màng và những quân-quan binh-lính trừ-bị phải đi tập mùa thu, nên nhiều người bỏ không đi bàu; luật ngày 23 juillet năm 1893 tăng hạn cho Nghị-viện bàu năm ấy được đến tháng năm năm 1898 mới mãn-hạn, nên từ đó kỳ tổng-tuyển-cử mới vào giữa tháng năm. Trong khi đại-chiến-tranh mới rồi, các việc bàu-cử đình hết cả, nên Nghị-viện bàu năm 1914 dáng đến năm 1918 thì hết hạn, mà phải đợi đến cuối năm 1919 mới bàu lại được, thành ra kỳ tuyển-cử năm ngoài là vào tháng mười một. Có lẽ từ nay trở đi tổng-tuyển-cử sẽ vào cuối năm vậy.

Đương khóa mà thiếu một chân nghị-viên nào thời hạn trong ba tháng phải bàu người thay, trừ khi chỉ còn sáu tháng là đến kỳ tổng-tuyển-cử thời thôi.

Khi nào Nghị-viện phải giải-tán thời trong hạn hai tháng phải tuyển-cử lại.

Hạn đầu-phiếu (*scrutin*) chỉ trong một ngày, từ 8 giờ sáng đến 6 giờ chiều.

Mỗi khu tuyển-cử phải có một tòa chủ-sự việc đầu-phiếu (*bureau électoral*). Tòa chủ-sự có một viên chủ-tọa, 4 viên bồi-tọa (*assesseurs*), 2 viên thư-ký.

Ông thị-trưởng phải làm chủ-tọa tòa chủ-sự khu thứ nhất; còn các khu khác thời các ông phó làm chủ-tọa, hoặc không có thời các ông nghị-viên hàng chợ, hoặc không có nữa thời ông thị-trưởng cử một người có chân bàu-cử làm chủ-tọa cũng được.

Bồi-tọa thời chọn trong các nghị-viên hàng chợ, hoặc không có thời chọn trong những người đến bàu lúc đầu hết lấy hai người nhiều tuổi nhất và hai người ít tuổi nhất sung vào.

Ở Paris thời chủ-tọa các khu là ông thị-trưởng, ông phó thị-trưởng hay là cử một người có quyền bàu-cử nào thay cũng được; bồi-tọa là hai người đến bầu ít tuổi nhất và hai người nhiều tuổi nhất có mặt ở đấy lúc khởi-hành đầu-phiếu.

Thư-ký thời do tòa chủ-sự cử, chỉ phụ bàn, không có quyền quyết-nghị. Trong khi đầu-phiếu bao giờ cũng phải có ba người chủ-sự có mặt ở đấy.

Đương khi đầu-phiếu có sự phân-tranh gì thời tòa chủ-sự phải quyết-nghị, quyết-nghị thế nào phải biên đầu đuôi chứng-cớ vào giấy biên-bản, và có giấy-má gì phải ký tên rồi đính theo vào tờ biên-bản.

Ông chủ-tọa có quyền cảnh-sát trong hội, lâm-thời có quyền được gọi quan văn quan võ sở-tại ra giúp.

Người đến bàu phải đem cái phiếu của mình tự ngoài vào trong phòng đầu-phiếu, không được vào trong phòng rồi mới biên phiếu; tờ giấy phiếu không được có cái dấu-hiệu gì riêng.

Ông chủ-tọa cầm lấy cái phiếu ở tay người đến bàu, rồi bỏ vào trong hộp, một ông bồi-tọa đánh dấu vào sổ rằng người ấy đã bỏ vé rồi.

Nếu chỉ có ba trăm người bàu thời khi bàu xong chính tòa chủ-sự kiểm-điểm lấy; nếu số nhiều hơn thời phải cử lấy mấy người kiểm-tra (*scrutateurs*) trong bọn những người đi bàu có mặt ở đấy. Việc kiểm-tra các vé bàu phải làm ngay trong phòng đầu-phiếu, và cái bàn phải bày thế nào cho người ta đi lại chung quanh được.

Những vé trắng, những vé biên không đủ, không rõ, cùng những vé người đi bàu có đánh dấu hiệu cho người ta nhận biết, thời không kể vào số tính, nhưng phải giữ lấy để đính vào biên-bản (điều thứ 3, sắc-lệnh năm 1852).

Kiểm-điểm xong thời phải tuyên-bố ngay cho công-chúng biết.

Tờ biên-bản về việc đầu-phiếu trong mỗi « chợ » (*commune*) phải làm hai bản, một bản để ở nhà thị-sảnh, một bản gửi lên quan huyện-trưởng hạt sở-tại.

Sổ biên tên những người đến bỏ vé thì viên chủ-tọa và viên thư-ký phải ký tên vào, rồi để bày ở nhà thị-sảnh trong tám ngày, người có chân đi bàu ai muốn đến xem cũng được.

Vé bàu đem lên quận-lỵ phải kiểm lại một lần nữa, do một hội-đồng có ba nghị-viên của hội-đồng hàng quận.

Ở Paris, thời việc kiểm lại ấy trao cho một hội-đồng năm người do quan chủ-quận quận Seine cử trong những chân nghị-viên hội-đồng hàng quận.

Hội-đồng kiểm xong, xem người nào được nhiều vé đủ phần số trong luật đã định thời tuyên-bố người ấy được bàu.

Cách tính cho biết thế nào là đủ phần số thì phải phân-biệt lần đầu-phiếu thứ nhất và lần đầu-phiếu thứ nhì có khác nhau.

Lần đầu-phiếu thứ nhất (*1er tour de scrutin*) thời phải đủ lệ mới được bàu, nghĩa là tổng-cộng những vé bàu (không tính những vé trắng và vé không trúng cách) phải được « một nửa hơn một vé » (*la moitié plus un*), tức là giả nửa một vé, và số người bàu phải được chia từ một phần người có tên trong sổ bàu-cử.

Nếu lần thứ nhất mà không được đủ lệ thời gọi là « vị-định-tuyển » (*ballotage*), ngay ngày chủ-nhật sau phải đầu-phiếu lần nữa.

Lần đầu-phiếu thứ nhì ấy (*2e tour de scrutin*) thời không cần phải đủ lệ như lần trước nữa, cứ hễ người nào được nhiều phiếu hơn là người ấy được bàu, bất-cứ số là bao nhiêu. Nếu hai người bằng nhau thời người nào có tuổi hơn được bàu. (1)

Những sự phân-tranh về việc bàu cử thời đến khi Nghị-viện họp, hỏi « kiểm-sát chức-quyền » (*vérification des pouvoirs*), sẽ đệ cho Nghị-viện xét xử.

Nay ta xét đến cách Hạ Nghị-viện làm việc và chức-quyền của Hạ Nghị-viện thế nào.

Hạ-Nghị-viện họp tại Paris ở cung Bourbon. Cách Hạ-Nghị-viện làm việc cùng với Thượng-Nghị-viện cũng giống nhau ; vậy những cách-thức kể sau này là chung cho cả hai viện, khi nói đến Thượng-Nghị-viện ta không cần phải nhắc lại nữa, và chỉ kể những chỗ nào khác nhau mà thôi.

Thượng-Hạ Nghị-viện họp lại là do quan Giám-quốc có lệnh chiêu-tập (*convocation*) ; khi mãn-khóa cũng là do quan Giám-quốc có lệnh bế-giải. Quan Giám-quốc cũng có quyền đình họp Nghị-viện được.

Các khóa hội-đồng của Nghị-viện thời phân-biệt ra « thường-khóa » (*sessions ordinaires*) và « đặc-khóa » (*sessions extraordinaires*).

Thường-khóa thời thường-thường là họp vào nửa năm đầu và họp đến ít ra là năm tháng.

Đặc-khóa là khi nào có việc cần quan Giám-quốc có quyền được đặc-cách chiêu-tập Nghị-viện. Hoặc khi nào số nhiều người trong Nghị-viện muốn họp đặc-khóa để bàn việc gì thời quan Giám-quốc cũng phải theo ý Nghị-viện mà họp. Thường-thường thời mỗi năm có một đặc-khóa về tháng một chạp.

(1) Lần đầu-phiếu thứ hai cũng chỉ có những người có tên trong sổ bàu-cử lần thứ nhất, mới được bỏ vé. Cách bàu-cử các nghị-viên hàng quận hàng chợ cũng vậy.

Đầu Hạ Nghị-viện có một tòa trị-sự, tổ-chức như sau này :

1 Nghị-trưởng,
2 Phó Nghị-trưởng,
3 Quản-lý (*questeurs*),
8 Thư-ký [1].

Kỳ đầu mở Nghị-viện thời chủ-tọa là ông nghị-viên có tuổi hơn cả (*doyen d'âge*), và chức thư-ký thời chọn lấy sáu ông nghị-viên trẻ tuổi nhất tạm sung. Bấy giờ Nghị-viện mới bàu một tòa trị-sự tạm có một ông nghị-trưởng và hai ông phó-nghị-trưởng, rồi mới bắt đầu « kiểm-sát chức-quyền » (*vérification des pouvoirs*) ; hễ nửa số nghị-viên hơn một người xét hợp tư-cách (*validés*), bấy giờ mới bàu tòa trị-sự chính-thức (*bureau définitif*).

Mỗi một năm cứ đến đầu thường-khóa, về tháng giêng, thời lại bàu lại tòa trị-sự một lần, để trông nom các việc trong suốt vụ thường-khóa và các đặc-khóa một năm ấy.

Những khi công-cộng hội-đồng thời ông nghị-trưởng hay phó-nghị-trưởng chủ-tọa. Bao-giờ có 20 nghị-viên trở lên có giấy xin, thời Nghị-viện có thể họp làm bí-mật-hội-đồng (*comité secret*).

Lời bàn-bạc ở công-cộng hội-đồng phải ghi chép bằng phép tốc-ký (*sténographiés*) và đăng lên « Công-báo ».

Nghị-viên lúc bàn-bạc và lúc bỏ vé được tự-do, không ai trách-cứu gì được, nhưng nếu làm sự trái với kỷ-luật trong Nghị-viện thời ông nghị-trưởng có quyền được dàn-hạch (như : cảnh-cáo (*rappel à l'ordre*), cảnh-cáo có ghi vào biên-bản, khiển-trách (*censure*) có quyền trục-xuất ra ngoài Nghị-viện).

Nghị-viên trong khi đương-khóa có phạm-tội gì, tòa án không được tự-tiện tống bắt, phải xin phép Nghị-viện có ưng thời mới được ; nhưng nếu bắt được phạm-tội đương-trưởng (*flagrant délit*) thời không cần phải xin phép Nghị-viện tòa-án cũng có quyền xử được. Song nếu Nghị-viện yêu-cầu thời tòa-án phải đình bắt trong khi đương-khóa (điều thứ 14, luật ngày 16 juillet 1875).

Nếu tòa án xử mà kết án mất công-quyền thời Nghị-viện có thể bỏ vé quyết-nghị cách-chức người nghị-viên phải án.

Muốn bàn-soạn cho có thứ-tự thời Nghị-viện chia ra làm mấy tòa chủ-sự (*bureaux*), mỗi tòa bao nhiêu người, cứ mỗi tháng rút thăm cử một lần. Tòa chủ-sự phải cử các « uỷ-viên-hội » (*commissions*), mỗi hội cứu xét riêng về một việc gì.

Nghị-viện lại thường cử những « hội điều-tra » (*commissions d'enquêtes*) để tra xét về các vấn-đề lớn phải bàn-bạc đến.

Ngoài các hội-đồng ấy là lâm-thời có việc gì mới đặt, lại còn có mấy hội-đồng thường-chực, làm việc luôn-luôn, là những hội-đồng sau này :

Hội-đồng đề-xướng của Nghị-viện (*commission d'initiative parlementaire*);

Hội-đồng coi việc hàng chợ hàng quận (*commission des intérêts communaux et départementaux*) ;

Hội-đồng chấp đơn (*commission des pétitions*) ;

Hội-đồng xét giấy xin nghỉ (*commission des congés*) ;

Hội-đồng xét sổ dự-toán (*commission du budget*).

Hội-đồng xét sổ dự-toán có 33 người, phải xét các dự-án sổ dự-toán hàng năm của tòa Nội-các trình, cử những uỷ-viên (*rapporteurs*) mỗi người làm tờ báo-cáo về sổ dự-toán của một bộ và một tổng uỷ-viên (*rapporteur général*) để báo-cáo chung cho toàn-thể các dự-toán.

(1) Số thư-ký ở Thượng-Nghị-viện có sáu người thôi.

Cho được dễ điều-đình các việc trong hai Nghị-viện với nhau, thời thường lập những hội-đồng gọi là « lưỡng-viện ủy-viên-hội » (*commissions interparlementaires*), gồm những nghị-viên của hai viện cử ra để cùng bàn-soạn các việc.

Chức-vụ của Hạ Nghị-viện tóm-lược lại mấy khoản như sau này ;

1° Quyết-nghị các luật-án (tức là quyền lập-pháp) ;

2° Kiểm đốc công việc của các quan Nội-các ;

3° Phái người điều-tra các việc lớn của Nhà-nước ;

4° Khi quan Giám-quốc hay các quan Nội-các làm sự phạm phép thời có quyền đứng lên tố-cáo.

Ba khoản trên là chung cho cả Thượng Hạ Nghị-viện, khoản dưới thì riêng cho Hạ Nghị-viện mà thôi.

a) Quyết-nghị các luật-án. — Sau này, về mục lập-pháp, ta sẽ xét cách-thức Nghị-viện xem xét và quyết-nghị các luật-án của Chánh-phủ đệ-trình thế nào. Nay hẵng nên biết rằng cái quyền quyết-nghị các luật-án, tức là quyền lập-pháp, là một cái đại-quyền của hai Nghị-viện, mỗi nghị-viện xem xét quyết-nghị riêng nhau ; chỉ những luật về hiến-pháp thời hai Nghị-viện mới hợp thành Quốc-hội mà cùng quyết-nghị.

b) Kiểm-đốc công-việc của quan Nội-các. — Ta đã nói trên kia rằng quan Nội-các có trách-nhiệm đối với Nghị-viện. Thượng Hạ Nghị-viện có quyền được tra-hỏi và chất-vấn các quan Nội-các về công-việc nước, hễ Nghị-viện hỏi đến thời quan Nội-các phải ra trình bày các lẽ, Nghị-viện có duyệt-ưng thời mới được, nếu không thời Nội-các bị thiểu-số phải từ chức.

c) Phái người điều-tra các việc. — Thượng Hạ Nghị-viện có quyền được quyền phái người điều-tra các việc lớn của chánh-phủ đệ-trình, để biết rõ sự lợi-hại thế nào và cách-thức thi-hành làm sao, trước khi quyết-nghị. Nghị-viện cũng có quyền điều-tra xem việc bàu-cử có phải phép không.

d) Tố-cáo quan Giám-quốc và các quan Nội-các. — Gặp những trường-hợp như đã nói ở trên, thời Hạ Nghị-viện có quyền đứng lên tố-cáo quan Giám-quốc cùng các quan Nội-các, Hạ Nghị-viện đã tố-cáo thời Thượng Nghị-viện phải lập thành Thượng phán-viện để xét xử.

5. — Thượng Nghị-viện

Ngoài Hạ Nghị-viện là do cả bàn dân thẳng bàu lên theo lối « phổ-thông tuyển-cử » để đại-biểu cho dân-ý, thường là những người hăng-hái sốt-sắng, tùy theo cái khuynh-hướng nhất-thời trong dân-gian, hiến-pháp lại đặt ra một nghị-hội nữa gồm những người có tuổi hơn, bàu bằng lối « hữu-hạn tuyển-cử » (*suffrage restreint*) để điều-chế cho nghị-hội trên.

Nghị-hội thứ nhì ấy gọi là Thượng Nghị-viện hay là « Nguyên-lão-viện » (*Sénat*). Thượng Nghị-viện có 300 người chia ra ba phần, cứ ba năm lại tái-cử một phần. Luật năm 1875 có đặt ra 75 ông « vĩnh-viễn nguyên-lão » (*sénateurs inamovibles*) ; luật ngày 9 Décembre 1884 lại định rằng những ông nào được chức ấy rồi thì cứ giữ cho đến già, nhưng khi mất không thay nữa, và những chân nguyên-lão khuyết ấy sẽ bỏ thăm chia cho mấy quận trong luật đã chỉ sẵn.

Số nguyên-lão trong mỗi quận đã do luật ngày 9 décembre 1884 định sẵn, và không có tùy theo số dân.

Nhiệm-kỳ chức nguyên-lão là chín năm, nhưng Thượng Nghị-viện không có bàu lại cả một lúc như Hạ Nghị-viện ; chia ra ba phần cứ ba năm bàu lại

một phần theo như thứ-tự đã bỏ thăm định ngày 29 mars 1876.

Cách bàu Thượng Nghị-viện cũng là dùng lối « hợp-sách tuyển-cử » (*scrutin de liste*) cho từng quận một ; thí-dụ một quận có năm chức nguyên-lão phải bàu lại, thời những người có quyền đi bàu bàu cả cho năm người một lúc.

Muốn ra ứng-cử Nguyễn-lão-viện phải là người trong dân-tịch Pháp, khi bàu-cử phải đã ít ra là 40 tuổi, có đủ công-quyền và đã hết nghĩa-vụ về binh-dịch.

Những trường-hợp nào không ra ứng-cử được thời cũng giống như bên Hạ-Nghị-viện.

Tự luật ngày 26 décembre 1887 thời những quan-chức nào là không thể kiêm chức nguyên-lão được, cũng giống như ở Hạ-Nghị-viện ; nhưng chỉ khác là những khi có thể kiêm được thời ông nguyên-lão gặp mãn-hạn không cần phải ra tái-cử cũng được.

Luật cấm một người không được ứng-cử nhiều nơi không có thi-hành về phần Thượng-Nghị-viện.

Ngạch những người có quyền bàu-cử Thượng-nghị-viên có những hạng như sau này :

Các nghị-viên Hạ-Nghị-viện, nghị-viên hàng quận, nghị-viên hàng huyện, phái-viên của hội-đồng hàng chợ (số phái-viên ấy trong luật đã định tùy số người trong hội - đồng). — Chợ Paris được phái 30 người đi bàu. Những phái-viên ấy phải cử một tháng trước ngày bàu Thượng-Nghị-viện Phàm người có quyền bàu-cử trong hạt, muốn cử ai cũng được, cử bằng lối « mật-phiếu » (*scrutin secret*) không có bàn-bạc gì, hay là lối « hợp-sách tuyển-cử », ai được nhiều vé đủ lệ thời được, hoặc hai lần mà không được đủ lệ thời cứ nhiều vé hơn là được ; chỉ trừ những hạng nghị-viên Hạ Nghị-viện, nghị-viên hàng quận và hàng huyện đã thuộc vào ngạch đi bàu rồi thì thôi. — Những phái - viên cử ra như thế muốn nhận hay là muốn từ chối cũng được. Ai được cử thì trong 24 giờ ông thị-trưởng sở-tại phải báo cho biết, nếu vắng mặt thời hạn cho năm ngày nhận hay không nhận phải khai cho quan biết. Ai đã nhận rồi mà đến kỳ không ra bàu thì phải phạt 50 quan. Khi đi bàu thời được tiền lộ-phí, cứ tính từ chỗ mình ở cho lên đến quận-lỵ mỗi chục cây-lô-mét là 2 fs 50. Ai muốn kêu nài gì về sự cử các phái-viên thì phải đầu đơn lên hội-đồng hàng quận, hội-đồng ấy xử không bằng lòng thời có thể đệ lên Tham-chính-viện (*Conseil d'Etat*).

Việc đầu-phiếu bàu các nghị-viên Thượng-Nghị-viên thời ở tại quận-lỵ. Tòa chủ-sự việc bàu-cử có quan chánh tòa án làm tọa-chủ, hoặc khuyết thời quan phó tòa án nào cũ hơn nhất ; bốn ông bồi-tọa thời chọn lấy hai người có tuổi nhất và hai người trẻ nhất trong những người đến bàu ở đấy ; xong rồi lại chọn một người sung chức thư-ký, cũng trong những người đến bàu. Tòa chủ-sự đã lập thành, bèn đem sổ bàu-cử chia ra từng khu theo thứ-tự *a b*, mỗi khu ít ra là một trăm người, khu nào cũng có người chủ-sự và người kiểm-tra (*scrutateurs*) của khu ấy.

Bỏ vé thời dùng lối « mật-phiếu » (*scrutin secret*).

Đầu-phiếu lần thứ nhất tự 8 giờ sáng đến giữa trưa. Người nào được quá nửa số vé, và chia từ một phần số người có tên trong sổ bàu-cử thời được bàu. Nếu không có đủ lệ như thế thời lại phải bỏ vé lần nữa, từ 2 giờ đến 4 giờ, thể-thức cũng như lần trước. Nếu lần thứ hai ấy mà cũng lại không được đúng lệ nữa, thời lại bỏ một lần thứ ba nữa, từ 6 giờ đến 9 giờ tối : lần sau này thời ai hơn vé người ấy được bàu.

Sự kiểm-tra chức-quyền và xét-xử những lời kêu-nài về việc bàu-cử thời do Thượng-Nghị-viện.

Thượng-Nghị-viện họp ở Paris, tại cung Luxembourg. Trên kia đã nói rằng cách-thức Thượng-Nghị-viện làm việc cũng giống như Hạ-Nghị-viện, đây chỉ xét những điều gì khác kể lược như sau.

Chức thư-ký ở Thượng-Nghị-viện có 6 người, không phải 8 người như Hạ-Nghị-viện.

Thượng-Nghị-viện chia làm 9 phòng, không phải 11 phòng như ở Hạ-Nghị-viện.

Thượng-Nghị-viện hễ có 5 nghị-viên xin thời có thể đặt bí-mật-hội-đồng.

Thượng-Nghị-viện không bao giờ tái-cử cả, chỉ tái-cử chia ba một phần một mà thôi. Bởi không tái-cử cả một lúc nên lại có điều khác Hạ-Nghị-viện như sau này: ở Hạ-Nghị-viện, hễ khi đương xét một cái luật-án nào mà gặp kỳ Nghị-viện mãn-hạn chưa quyết-nghị xong thì cái luật-án ấy bỏ đi, ở Thượng-Nghị-viện không thế, vì dẫu mãn-hạn trong Nghị-viện vẫn còn có chia ba hai phần người cũ.

Chức-quyền của Thượng-Nghị-viện cũng như Hạ-Nghị-viện là thứ nhất quyết-nghị các luật-án, tức là thi-hành quyền lập-pháp; luật-án ấy hoặc Chánh-phủ đệ thẳng cho Thượng-Nghị-viện xét, hoặc đã qua Hạ-Nghị-viện quyết-nghị rồi mới đem lên xét lại. Nhưng luật gì cũng phải hai Nghị-viện quyết-nghị mới thành. Riêng về việc tài-chính thì bao giờ cũng Hạ-Nghị-viện xét trước, rồi đệ lên Thượng-Nghị-viện.

Khi nào quan Giám-quốc thi-hành quyền của Hiến-pháp cho muốn giải-tán Hạ-Nghị-viện, phải hỏi ý Thượng-Nghị-viện có ưng-thuận mới được.

Lại khi nào Hạ-Nghị-viện đã giải-tán rồi, mà chức Giám-quốc cũng khuyết thời Thượng-Nghị-viện được tự quyền hội-nghị, không cần phải có lệnh chiêu-tập.

Sau hết, Thượng-Nghị-viện còn có một chức-quyền quan-trọng nữa, là lâm-thời có thể đặt thành Thượng-phán-viện để xét-xử quan Giám-quốc và các quan Nội-các phạm tội, như trên kia đã nói, cách-thức xét-xử thế nào thời đến mục về quyền tư-pháp sẽ nói tường.

IV

Nói về sự biên-chế pháp-luật

Trên kia vừa xét Thượng - Hạ Nghị-viện cách bầu-cử và cách làm việc thế nào. Ta đã biết rằng cái chức-quyền thứ nhất của Nghị-viện là quyền lập-pháp. Nay ta xét xem cái thủ-tục [1] tự lúc luật-án đệ-trình lên Nghị-viện cho đến lúc tuyên-bố ra thi-hành thế nào.

Nhưng trước hết phải định nghĩa cho phân-minh mấy chữ dùng đây. Bây giờ đương nói về luật (*loi*), vậy thời thế nào gọi là luật? Sau này sẽ nói đến sắc-lệnh (*décrets*), nghị-định (*arrêtés*); luật, sắc-lệnh, nghị-định, đều là biểu-tượng của cái công-quyền trong nước, vậy thời ba hạng ấy khác nhau thế nào?

Người ta thường thích nghĩa « luật » là một cái phép-tắc của quyền chúa-tể trong nước lập ra mà nhân-dân hết thảy đều phải tuân-theo. Chữ « luật » đó là lấy nghĩa rộng, như nói rằng hết thảy người Pháp ra trước luật đều bằng-đẳng như nhau, hay là nói rằng luật nước Pháp có hay là không có điều này hay là cách kia, là dùng chữ luật theo nghĩa rộng ấy.

Nhưng chữ « luật » lại còn một nghĩa rõ-ràng và nhất-định hơn nữa, là chỉ một cái qui-tắc riêng của hai viện lập-pháp đặt ra và quan Giám-quốc tuyên-bố để thi-hành; như cái

(1) *Thủ-tục* 手續 = Cách-thức theo đuổi một việc từ lúc khởi đầu cho đến lúc kết-cục thế nào. Tiếng này thường dùng về việc án, và chỉ cái cách thức các tòa-án xét-xử việc án thế nào PROCÉDURE.

luật ngày mấy về việc gì, chữ luật ấy nghĩa là một cách qui-định việc nước đối với hai cách qui-định khác là « sắc-lệnh » và « nghị-định ».

Có nhiều việc phải có luật mới qui-định được : đại-khái như việc tài-sản, việc hình-phạt. Những sắc-lệnh định cách thi-hành một đạo luật, trong cũng có thể đặt những phép-tắc hễ trái thì phải phạt như thế nào, nhưng cái hình-phạt ấy phải có luật định mới được. Thí-dụ : đi xe lửa không có vé là phạm vào sắc-lệnh ngày 1er Mars 1901, nhưng những hình-phạt thuộc về việc cảnh-sát trên xe lửa thời đã định trong điều thứ 21 luật ngày 15 Juillet 1845.

Sắc-lệnh (*décret*) là mệnh-lệnh của quyền hành-chính để kinh-lý công-việc của các tơ-tào nha-thự, và chỉ định việc thi-hành các điều luật.

Có nhiều hạng sắc-lệnh :

Có hạng gọi là « phổ-thông sắc-lệnh » hay là « qui-tắc sắc-lệnh » (*décrets généraux ou réglementaires*). — Trong luật của Nghị-viện lập ra không thể dự-định được hết những cách-thức về sau thi-hành thế nào. Quan Giám-quốc phải thể ý luật ban ra một đạo « qui-tắc sắc-lệnh » để chỉ-định hết các phương-phép cùng cách-thức thi-hành thế nào.

Khi nào trong luật đã nói rõ rằng cách thi-hành sẽ có sắc-lệnh định sau thời sắc-lệnh ấy gọi là « hành-chánh sắc-lệnh » (*décret portant règlement d'administration publique*). Sắc-lệnh ấy thời không thể đem lên Tham-chính-viện bác được ; vả quan Giám-quốc khi làm những sắc-lệnh như thế thường đã có hỏi ý Tham-chính-viện rồi.

Khi nào tự ý quan Giám-quốc hạ sắc-lệnh để chỉ định việc thi-hành một đạo luật, thời sắc-lệnh ấy gọi là « qui-tắc-sắc-lệnh » (*décret règlementaire*). Sắc-lệnh ấy có thể đem lên Tham-chính-viện bác được, hoặc vì lạm-quyền, hoặc vì thiếu tư-cách.

Có hạng gọi là « đặc-biệt sắc-lệnh », hay là « cá-nhân sắc-lệnh » (*décrets spéciaux ou individuels*). Đó là những sắc-lệnh chỉ thuộc về một người hay là một việc gì ; như sắc-lệnh bổ-nhiệm một viên quan-lại. Nhiều sắc-lệnh thuộc về hạng đó phải hỏi ý Tham-chính-viện có ưng mới ban-hành được ; khi ấy thời gọi là « sắc-lệnh ban theo lối hành-chánh-qui-tắc » (*décrets rendus dans la forme des règlements d'administration publique*) ; như sắc-lệnh cho phép một người đổi tên đổi họ. Trong hạng « đặc-biệt hay là cá-nhân sắc-lệnh », lại còn phân ra hai hạng như sau này nữa :

Một hạng gọi là « thống-trị sắc-lệnh » (*décrets gouvernementaux*), là quan Giám-quốc lấy cái tư-cách làm tổng-thống công-quyền trong nước mà ban-hành, như sắc-lệnh chiêu-tập Nghị-viện là vào hạng ấy.

Một hạng gọi là « hành-chánh sắc-lệnh », là quan Giám-quốc lấy cái tư-cách làm chủ quyền hành-chánh. Chỉ có hạng này mới có thể đem lên bác ở Tham-chính-viện được.

Phàm sắc-lệnh bất cứ thuộc vào hạng nào đều phải có một quan quốc-vụ tổng-trưởng phụ-ký.

Những hồi chính-quyền trong nước chưa tổ-chức phân-minh, quyền hành-chính có khi kiêm cả lập-pháp, sắc-lệnh có khi thi-hành như pháp-luật ; những sắc-lệnh ấy thời có tên riêng gọi là « sắc-luật » (*décrets-lois*). Những sắc-luật mà bây giờ hãy còn thi-hành thời thuộc về các Chánh-phủ nhuận như sau này :

Lâm-thời-Chánh-phủ (*Gouvernement provisoire*) ngày 24 février 1848 ;

Chánh-phủ của Vương-tước kiêm Giám-quốc (*Prince Président*, tức là Napoléon III trước khi làm vua) tự ngày 2 Décembre 1851 đến 29 Mars

1852 (những sắc-luật ấy đã biên-tập vào hiến-pháp năm 1852 rồi) ;

Quốc-phòng-Chánh-phủ (*gouvernement de la défense nationale*), tự ngày 4 Septembre 1870 đến 12 février 1871.

Sắc-lệnh ngày 27 avril 1848 cấm-chỉ tục « mãi-nô » (*esclavage*), cũng là thuộc vào hạng « sắc-luật » này.

Còn như « nghị-định » (*arrêtés*) thời là những lời quyết-định của các quan-quyền về hành-chánh, như quan Nội-các, quận-trưởng, trong phạm-vi chức quyền mình.

Đã phân-biệt và thích-nghĩa rõ các hạng như thế, nay xét đến cái thủ-tục trong việc biên-chế pháp-luật thế nào. Cái thủ-tục ấy tùy là thuộc về luật hiến-pháp, luật thường, hay là luật tài-chánh, có khác nhau.

Trên kia đã nói rằng phàm luật hiến-pháp (*lois constitutionnelles*) muốn thay đổi phải cả hai Nghị-viện họp thành Quốc-hội quyết-nghị mới được.

Sự khởi-xướng lên thay đổi các luật ấy là thuộc quyền Chính-phủ cùng quyền các Nghị-viên hai Nghị-viện. Hoặc là Chính-phủ, hoặc là nghị-viên muốn xin thay đổi điều gì thì làm thành một cái dự-án đệ lên Nghị-viện, mỗi Nghị-viện hằng bắt đầu xét riêng như xét luật thường, rồi hễ hai viện đều đồng-ý nhau về các lẽ nên sửa lại, bấy giờ mới họp thành Quốc-hội để cùng bàn soạn. Nhưng Quốc-hội có quyền được sửa đổi những khoản ngoài các khoản trong dự-án xin đổi không ? Đó là một điều đã nhiều người nghị-luận, mà chưa giải-quyết ra thế nào ; chỉ biết rằng hai lần Quốc-hội họp năm 1879 và 1884 để sửa lại Hiến-pháp thời chỉ sửa những khoản đã nói trong dự-án trình trước cho hai Nghị-viện mà thôi.

Quốc-hội quyết-nghị một sự sửa-đổi gì trong hiến-pháp thời phải có quá nửa người bỏ vé mới được.

Luật thường thời quyền đề-xướng cũng thuộc Chánh-phủ và thuộc các Nghị-viên.

Khi nào Chánh-phủ đề-xướng một luật mới hay là xin thay đổi một luật cũ, luật ấy thuộc về chức-quyền quan Nội-các nào thời quan Nội-các ấy đứng lên thay mặt quan Giám-quốc trình với Nghị-viện. Luật trình lên thế gọi là « dự-án » (*projet de loi*).

Khi nào do một nghị-viên đề-xướng thời gọi là « dự-cảo » (*proposition de loi*).

Hai tên khác nhau như thế không một là để phân-biệt danh-từ cho rõ-ràng mà thôi đâu ; cái thủ-tục trong sự biên-chế hai đằng cũng có khác nhau.

Trong « dự-án » thời trên phải có một đoạn « tuyên-ngôn » (*exposé des motifs*), kể về các lẽ sở-dĩ làm sao mà đặt ra luật ở sau. Dự-án muốn trình Thượng-viện hay là Hạ-viện cũng được, nhưng thường-thường thời trình cho Hạ-viện trước.

Luật ấy thuộc về phận-sự hội-đồng nào thời hội-đồng ấy lập-tức xét ngay, không cần phải đệ qua cho hội-đồng đề-xướng (*commission d'initiative*) và cũng không cần theo lệ « chuẩn phê » (*prise en considération*) như các dự-cảo sẽ nói sau này.

Thường-thường thời mỗi dự-án phải hai kỳ nghị-viện họp để bàn xét mới quyết-nghị được, những khi nào cần cấp thời một kỳ bàn cũng đủ.

Trước hết bàn về toàn-thể dự-án, rồi quyết-nghị xem có nên bàn từng điều một không, nếu nên bàu thời tách ra từng điều mà xử, mỗi điều các nghị-viên có quyền được bàn thêm bớt tùy ý, bàn xong từng điều và Nghị viện ưng rồi thời bấy giờ mới quyết-nghị khả-phủ đến toàn-thể dự-án.

Nếu phải bàn đến hai kỳ, thời kỳ trước đã ưng cái đại-ý rồi, cách năm ngày mới họp kỳ sau.

Dự-án đã quyết-nghị ở một Nghị-viện rồi thời quan Nội-các phải chuyển đệ sang Nghị-viện kia.

Nếu là « dự-cảo », nghĩa là luật do một nghị-viên đề-xướng thời trước phải theo lệ « chuẩn-phê », nghĩa là phải đưa cho hội-đồng đề-xướng của Nghị-viện xét xem luật ấy có nên đem ra bàn không, nếu hội-đồng xét nên thời Nghị-viện phải quyết-nghị « chuẩn-phê » (*prise en considération*), rồi mới chuyển giao cho các tòa chủ-sự cử một hội-đồng xét; hội-đồng ấy xét xong phải một ủy-viên (*rapporteur*) ra báo-cáo cho Nghị-viện hay. Bấy giờ Nghị-viện mới đem ra thảo-luận, như các dự-án trên kia. Hễ Nghị-viện khả-quyết thời ông nghị-trưởng chuyển qua sang Nghị-viện kia xét lại.

Dự-án hay dự-cảo đã chuyển sang Nghị-viện kia thời Nghị-viện ấy có quyền tùy-ý thêm bớt hay thay-đổi được, nhưng bản luật chữa sửa lại như thế phải trả về Nghị-viện trước bàn lại, cho kỳ hai viện đồng-ý nhau thời mới thành được.

Phàm dự-án hễ có sắc-lệnh truyền phải đệ cho Tham-chính-viện xét trước thời phải đệ Tham-chính-viện xét; dự-cảo cũng vậy. Nghị-viện cũng có thể đệ cho Tham-chính-viện xét trước được. Làm như thế thời có nhiều điều tiện-lợi, vì Tham-chính-viện là gồm những tay chuyên-môn đã quen thuộc các vấn-đề về pháp-luật, có thể dự-liệu trước những sự khó-khăn trong việc thi-hành, thường các nghị-viên không nghĩ tới.

Khi nào Hạ Nghị-viện gặp mãn-hạn mà chưa quyết-nghị xong một cái luật nào, thời dự-án hay dự-cảo luật ấy tiện-thị bỏ đi, và đến khi Nghị-viện mới lên lĩnh chức lại phải đệ-trình lần nữa, như trước chưa xét-định gì cả. Đó là riêng về Hạ-viện mà thôi, chớ ở Thượng-viện thời không thế, vì Thượng-viện gặp mãn-hạn cũng không bao giờ thay-đổi cả.

Sau hết đến luật tài-chính (*lois de finances*). Luật tài-chính là luật về một khoản thâu-nhập hay khoản chi-xuất gì. Luật quan-trọng nhất trong hạng ấy là luật về sổ dự-toán (*budget*), là sổ mỗi năm làm ra để định các khoản xuất nhập của Nhà-nước về năm sau. Mỗi năm quan Tổng-trưởng bộ Tài-chính lại phải trình một cái dự-án kết-toán các khoản năm trước.

Ta đã nói rằng luật thường thời muốn trình cho viện nào trước cũng được, nhưng luật về tài-chính thì tất phải trình cho Hạ-viện xét trước. Nhưng Hạ-viện đã xét rồi, Thượng-viện vẫn có quyền muốn thay đổi gì cũng được. Còn cái vấn-đề rằng Thượng-viện có quyền giữ lại một khoản mà Hạ-viện đã bỏ đi, hay tăng thêm một khoản mà Hạ-viện đã bớt đi hay không, thời các nhà làm sách còn nghị-luận nhiều mà chưa giải-quyết ra thế nào.

Nay luật Thượng Hạ Nghị-viện đã khả-quyết thời chỉ còn phải đem ra tuyên-bố là thi-hành được. Tuyên-bố (*promulgation*) nghĩa là đem công-báo cho nhân-dân biết. Tuyên-bố là tự quan Giám-quốc hạ sắc-lệnh đăng-lục lời luật và in vào « Luật-vựng » (*Bulletin des lois*) và vào « Công-báo » (*Journal officiel*). Sắc-lệnh tuyên-bố ngày nào thời luật bắt đầu từ ngày ấy.

Tuyên-bố phải trong hạn một tháng sau khi Nghị-viện khả-quyết. Nếu khi quyết-nghị Nghị-viện có nói rõ rằng luật cần-cấp phải tuyên-bố ngay, thì có khi trong hạn ba ngày quan Giám-quốc phải hạ-lệnh tuyên-bố (Điều thứ 16, luật ngày 16 Juillet 1875).

Song trong cái kỳ-hạn chưa tuyên-bố, theo hiến-pháp quan Giám-quốc có quyền được yêu-cầu Nghị-viện bàn lại một lần nữa. Nhưng quyền ấy không

thi-hành bao giờ. Nếu quan Giám-quốc thi-hành thời rõ ra ý phản-đối Nghị-viện, như thế tuy không phải là trái với hiến-pháp cũng là không hợp với lề-lối một nước dân-chủ.

Luật với sắc-lệnh tuyên-bố rồi thời ở Paris hạn một ngày trọn phải thi-hành, và ở các địa-phương hạn một ngày trọn sau khi tờ công-báo có in luật và sắc-lệnh ấy gửi tới huyện-lỵ, phải thi-hành (Sắc-lệnh ngày 5 - 11 Novembre 1870). Chánh-phủ có quyền đặc-cách bắt thi-hành ngay lập-tức cũng được.

Kỳ sau sẽ xét về cách tổ-chức quyền hành-chánh và quyền tư-pháp.

THƯỢNG-CHI

BÀN VỀ THƯƠNG-NGHIỆP NƯỚC PHÁP
VÀ SỰ THƯƠNG-NGHIỆP GIÁO-DỤC

1 — Hiện-tình thương-nghiệp nước Pháp thế nào ?

Về cuối thế-kỷ thứ 18, bấy giờ nước Pháp nhờ có hai ông Thượng-thư COLBERT và TURGOT trước đã mở-mang việc công-thương trong nước được thịnh-vượng, ông danh-sĩ VOLTAIRE (tàu dịch là Phúc-lộc-đặc-nhĩ) là người vốn có cái trác-kiến lạ thường, dòm biết sự buôn-bán ích-lợi là dường nào, có viết mấy câu rằng :

« Tôi không biết trong một nước, một ông quan cận-thần cả ngày chỉ phấn-sáp cái mặt-mũi cho bảnh-bao, biết rõ giờ nào Hoàng-đế thức, giờ nào Hoàng-đế ngủ, lúc chạy tơ nọ, khi sang tòa kia, tự-cao tự-đại, tưởng mình là to lớn lắm, với một nhà buôn bán có lợi-quyền khắp mọi nơi, ngồi trong buồng-giấy mà mệnh-lệnh truyền tới Ai-cập, tới Ấn-độ, giúp cho nước nhà được giàu-có, thiên-hạ được ấm-no, hai người ấy thì người nào hơn người nào, người nào ích-lợi cho nước hơn người nào. »

Người nào hơn người nào, về đời ông VOLTAIRE dễ còn có kẻ chưa phân-biệt được, chớ vào thời-đại ta thời ai cũng biết rằng người buôn-bán là hơn. Tự non một thế-kỷ nay thiên-hạ đã biết trọng đường nghề-nghiệp làm-ăn hơn là sự ăn-chơi đàn-điếm cùng những cách hào-hoa lịch-thiệp trong xã-hội. Lại nhân việc chiến-tranh mới rồi, đường thực-nghiệp kinh-tế có lẽ muốn lấn cả đường học-vấn tư-tưởng. Như nước Pháp trong bốn năm nay đã bị tổn-hại về chiến-tranh biết bao nhiêu, bây giờ phải hết sức khôi-phục lại cái nguyên-khí cũ, cho nên phàm sự-nghiệp gì thực-hành kết-quả được ngay thời tất-nhiên coi trọng hơn là những công việc khác. Cả dư-luận trong nước đều cùng biểu một ý muốn khuynh-hướng bọn thanh-niên về đường thực-nghiệp hơn là về đường « văn-nghiệp » (*professions libérales*), đường « văn-nghiệp » hiện nay có phần giảm-giá kém xưa. Ngay bây giờ đã có vô-số những người trẻ tuổi muốn đi lập thương-điếm ở khắp các nơi trong thế-giới, để ra mà quản-lý những cuộc buôn-bán to, tiêu-thụ những đồ hàng của các nhà máy nước Pháp chế ra, đem tài-lực giúp cho cái thanh-danh Đại-Pháp trong hoàn-cầu.

Vả cơ-hội này lại là cơ-hội rất tốt cho những người nhiệt-thành hăng-hái, muốn ra mở-mang về đường buôn-bán như vậy.

Trước năm 1914, người Pháp muốn mở-mang về đường buôn-bán phải người Đức cạnh-tranh riết lắm; từ nay trở đi thời ở phần nhiều các nước Đồng-minh và nước bạn với Pháp, các nhà buôn của Pháp không phải sự nguy-hiểm như thế nữa. Lại công-nghệ mỗi ngày một cải-lương, một khoáng-trương thêm ra, cách buôn-bán cũng phải theo đấy mà sửa-đổi khác xưa. Từ nay phép buôn-bán chỉnh-đốn hơn trước, các nhà buôn-bán Pháp một bên thời được những hội thương-mại cùng những công-ti buôn giúp cho, một bên thời được Nhà-nước cùng các quan thay mặt Nhà-nước ở ngoại-quốc phù-trợ cho, mỗi ngày lại mở-mang thêm được những nơi thị-trường mới : nơi nào trước đã có buôn-bán rồi thời nay tới không có kẻ tranh-dành nữa và các bạn hàng vẫn nhớ nhà buôn cũ ; nơi nào chưa tới bao giờ thời nay cũng được nhiều điều tiện-lợi, có thể đến mà lập-nghiệp mau được.

Thử nghĩ coi : những nước như nước Hoa-kỳ, các nước Nam-Mĩ-châu, nước Lỗ-mã-ni (Roumanie), nước Dugô-Tí-lạp-phu (Yougo-Slavie), nước Ba-lan (Pologne), nước I-đại-lị, cùng các nước Cận-Đông (Orient), đối với nước Pháp đã có cái cảm-tình sâu, nay các nhà buôn Pháp sang buôn-bán ở đấy, thời sẽ được hoan-nghênh biết dường nào. Đồ hàng Pháp vẫn có tiếng là kỹ là tốt — tự các đồ trang-sức, cho chí các hạng rượu vang cùng các mĩ-thuật-phẩm (*œuvres d'art*) — nhà buôn Pháp vẫn có tiếng là buôn-bán thật-thà, chắc là việc giao-dịch với các nước ấy có thể khoáng-trương ra vô-cùng vậy.

Song tuy cái tình-hình thương-nghiệp có nhiều điều tiện-lợi như thế, nhưng cũng không phải là thập-phần đủng-dỉnh đâu, phải cần cố công gắng sức lắm mới được. Nước Pháp dẫu có cái sức hoạt-động mạnh, nhưng kinh-qua cuộc chiến-tranh đã phải tổn-hại nhiều, không có thể sớm trưa chỉnh-đốn ngay cuộc buôn-bán được hoàn-bị bằng các nước khác, như nước Anh, nước Ý, nước Mĩ.

Cho nên các bậc thanh-niên trong nước có muốn chuyên-lực về nghề buôn chớ nên vội lấy sự hi-vọng của mình làm sự thực. Nghề buôn-bán ngày nay tuy hay thật, tiện-lợi thật, song không phải là nghề dễ. Phải có kiên-nhẫn, có chăm-chỉ, có mạnh-bạo thời mới làm nên. Nào những lề-lối hủ-lậu cũ nên thay đổi đi, nào những cách buôn đi bán lại thế nào cho hơn người nên cải-lương lấy, nào những đồ vật đem ra bán ngoài phải trách-bị ở các nhà chế-tạo làm thế nào cho tận-xảo tận-mĩ để cho chiếm được phần hơn trên thị-trường thế-giới.

Vậy thời cái trách-nhiệm của người Pháp chuyên nghề buôn-bán bây giờ là phải sáng-nghĩ ra cách mới và cải-lương những lối cũ. Ta chắc rằng người Pháp đã từng kinh-lịch mấy năm khó nhọc vừa rồi, tất là thông-thạo hơn trước nhiều, và thương-nghiệp nước Pháp từ đây trở đi là tới một thời-kỳ phát-đạt to vậy.

2. — Nước Pháp bán gì cho thế-giới ?

Nước Pháp vẫn có tiếng là nước giàu-có chăm làm ; có tiếng là nước có nhiều những tay thợ giỏi, những bậc kỹ-sư nghề tài học rộng, những chủ công-nghệ chăm-chỉ chuyên-cần, những nhà buôn-bán cẩn-thận thật-thà. Xét ra duy chỉ có thiếu một tính-cách như sau này : là tính quả-quyết mạo-hiểm (*l'audace, le goût du risque*) ; nhờ cái tính ấy mà về đường buôn-bán công-nghệ trong ba mươi năm nay người Anh, người Đức, người Mĩ, đã tiến-bộ được mau hơn người Pháp biết bao nhiêu. Các nhà ngân-hàng

Pháp từ trước đến nay cũng một tính rụt-rè như vậy : đối với những việc công-nghệ buôn-bán trong nước thời không dám cả-quyết tư-cấp, lại đem vốn của mình giúp cho những việc của nước ngoài.

Thành ra nhà buôn không có vốn, công việc không mở-mang được, không thể khoáng-trương cho to rộng, cải cách cho hợp thời ; không dám lợi-dụng cái cách truyền-bá rất mạnh của đời nay là cách « quảng-cáo » (*la publicité*) ; sợ tiền kinh-phí nhiều, nhất nhất do-dự, không dám làm to cất bạo, thành ra đồ hàng tiêu-thụ không được mau, hàng tiêu-thụ không được mau thời giá phải đánh cao hơn giá các nước, cho nên bao giờ đồ hàng Pháp vẫn bán đắt hơn đồ hàng Đức. Kết-cục thời sự chế-tạo trong nước cũng phải đình-trệ lại, vì bán đã không chạy thời chế ra nhiều lắm làm gì !

Không phải rằng nước Pháp có thiếu chi những đồ nguyên-liệu cùng những vật chế-tạo. Như nghề dệt của nước Pháp chẳng đã nổi danh khắp hoàn-cầu ru ? Những đồ dệt ấy chế ra quần áo, không những các nước Âu-châu ưa dùng, mà đến Bắc-Mĩ Nam-Mĩ cũng hỏi mua đắt lắm. Mỗi một năm nước Pháp xuất-cảng sáu ngàn triệu đồ hàng, mà một khoản đồ dệt đã tới hai ngàn triệu.

Lại những the lụa thành Lyon, các thứ giải lụa (*rubans*) Saint-Etienne, các thứ « den » (*dentelles*) của mấy tỉnh về Trung-bộ và về phía Đông, cũng là những món bán cho ngoài đắt lắm. Đương khi chiến-tranh, các nhà máy dùng để chế đạn-dược cả, thế mà thành Lyon trong năm 1915 cũng xuất-cảng được 336 triệu đồ the lụa, hơn năm 1912 bảy triệu

Nghề dệt tưởng đến thế đã là cực-điểm thịnh-vượng, mà bây giờ xem ra còn có cơ phát-đạt hơn nữa. Nước Nhật-bản, nước Ý, hai nước đồng-minh với Pháp, vốn là hai nơi sản-xuất tơ-sợi nhiều, từ nay có thể cung-cấp cho Pháp được lợi hơn chỗ khác ; lại gần đây các nhà máy dệt mới bắt đầu dùng sức nước chảy để vận-động các máy, gọi là « than trắng » (*houille blanche*) cũng bớt được kinh-phí đi nhiều ; sau nữa những nước xưa nay vẫn hay mua đồ dệt của Pháp, như nước Anh, nước Mĩ, nước Lỗ-mã-ni, từ nay trở đi chắc lại gửi mua nhiều hơn trước.

Đến các đồ trang-sức, như quần áo, mũ, đồ kim-hoàn, v. v..., thời chắc từ nay về sau thịnh hơn trước nhiều, vì trước những kiểu đẹp của thành Paris còn phải cạnh-tranh với những kiểu của thành Vienne, thành Berlin, bây giờ thời được chiếm phần hơn rồi. Còn những đồ thổ-sản, như hoa, quả, rau, các thời-chân, bánh sữa, rượu vang, v. v.., những thức ấy thời nhờ được cách vận-tải tiện-lợi, sẽ đem bán được khắp mọi nơi và chắc đâu đâu cũng được nhiều người ưa-chuộng.

Ngoại các khoản trên đó là những đồ hàng của nước Pháp đã có tiếng xưa nay, sau này lại còn nhiều hạng khác nữa, thứ nhất là các « hóa-chất » (*produits chimiques*), ngày nay trong thế-giới dùng nhiều lắm. Trước khi chiến-tranh, nghề chế-tạo các chất dùng để bón ruộng, để thí-nghiệm về hóa-học, để chế thuốc, làm ảnh, làm nước hoa, thuộc da, nhuộm, vân vân, đã phát-đạt lắm, có nhà máy chuyên chế các chất ấy cả năm không đủ bán.

Sau hết nói đến các sản-vật về tinh-thần (*produits de l'activité intellectuelle*), thời đồ của nước Pháp vẫn có danh tiếng xưa nay, và sau này tất mỗi ngày một thịnh-hành hơn nữa. Hiện nay đã có nhiều nước Đồng-minh vẫn ước-ao cho người Pháp sang mở cửa hàng bán sách ở nước mình, vì người các nước bây giờ ưa đọc sách Pháp hơn sách Đức, dù là sách về nghệ-thuật hay sách về văn-

chương cũng vậy. Có nhiều tỉnh-thành lớn ở nước Mĩ đã xin với các ông chủ nhà hát Pháp đặt trong mỗi tỉnh ấy một rạp hát để diễn những bài kịch của các bậc danh-sĩ Pháp. Lại ở nhiều các kinh-đô tân-cựu thế-giới đã có người bàn muốn dựng những nhà đặt tên là « Pháp-quốc công-quán » (*maisons françaises*), cách xây-dựng, cách trang-sức, cách bầy-biện cùng trần-liệt những đồ hàng khéo cùng đồ mĩ-thuật, đủ khiến cho người ta trông mà biết cái tài-khéo của người Pháp cùng sinh lòng mến chuộng đồ Pháp.

8. — Nói về nghề-buôn xuất-cảng

Cách buôn-bán với ngoại-quốc như thế gọi là nghề buôn xuất-cảng. Xét như trên kia thời biết nghề đó quan-trọng là dường nào, và đủ khiến cho những bậc thiếu-niên tuấn-tú nên chú-trọng về việc buôn-bán với ngoại-quốc. Sự buôn-bán ấy có nhiều cách mở-mang tiện-lợi, nếu khôn-khéo thời chóng gây nên sự-nghiệp lớn và thu được lợi-quyền to.

Từ trước đến nay, nghề buôn xuất-cảng thường do những nhà buôn gọi là « nhà giao-dịch » (*maisons de commission*) làm môi-giới cho người bán và người mua. Đối với ngoại-quốc thời nhà giao-dịch ấy là nghiễm-nhiên thay mặt người chế-tạo. Trình các kiểu hàng, nhận các đơn mua, phân-phát đồ hàng, thâu-lĩnh các khoản, là một tay nhà giao-dịch cả. Nhưng bán được bọn hàng nào thời lấy tiền hoa-hồng mấy phần (*un tant pour cent*) về bọn hàng ấy, tiền hoa hồng có khi tính nặng thời nhà chế-tạo phải thiệt, cho nên có nhiều nhà chế-tạo to không muốn qua tay bọn giao-dịch để bán đồ hàng của mình và nghĩ đặt những sở gọi là « sở mua » hay là « sở bán » (*bureaux d'achat ou de vente*) ở các nước ngoài để trực-tiếp mua bán với các nước ấy. Như các nhà chế-tạo ở thành Lyon đã chung tiền nhau lập những « sở bán » ở các ngoại-quốc để gửi thẳng đồ hàng của mình ra đấy mà bán thẳng cho người mua, không phải qua tay kẻ mối-lái, như thế cũng bớt phí-tổn được nhiều.

Xét như trên thời nghề buôn xuất-cảng phải dùng nhiều hạng người làm: không kể những người làm tại các sở chính ở nước Pháp, lại còn những người làm ở các chi-điếm ở ngoại-quốc, cùng những người đi chiêu hàng, những người dứng đại-biểu cho xưởng chế (*représentants de fabriques*), phải chọn những tay khôn-khéo linh-lợi lắm, giao-thiệp giỏi, thông-thạo cách bán hàng, biết đối-phó với sự cạnh-tranh của các hàng ngoại-quốc, lâm-thời dám mạo-hiểm hạ giá mà cướp lấy mối hàng của người được.

4. — Thương-nghiệp của nước Pháp và nghề buôn nhập-cảng.

Ngoài những đồ hàng xuất-cảng đã kể trên kia, nước Pháp lại còn nhiều công-nghệ to nữa, phần nhiều cũng là chế-tạo ra những thứ để bán cho ngoài: như nghề làm giấy hiện có 325 nhà máy, các nghề điện-khí, nghề xuất-bản, nghề vận-tải, nghề bảo-hiểm, nghề quảng-cáo, v. v.

Những nghề ấy chế-tạo ra chắc cũng phải cần tiêu-thụ đi, nên cần dùng những người làm cũng nhiều lắm. Như trong một cửa hàng lớn biết bao nhiêu là người làm công, từ ông quản-lý cho đến người đi nộp hàng, biết bao nhiêu là công-việc, biết bao nhiêu là tay làm, biết bao nhiêu là tư-cách khác nhau! Người thông-minh khôn-khéo thời các việc ấy việc gì chẳng đương nổi. Những nhà doanh-nghiệp lớn ở nước Pháp, cũng như những bậc phú-hào to ở nước Mĩ, phần nhiều cũng là xuất-thân hàn-vi mà sau trở nên phú-quí, thật là những cái gương cho các hạng thanh-niên nên soi đó mà noi theo vậy.

Song nước Pháp không phải là có đủ cả các nguyên-liệu để mà biến-hóa

chế-tạo ra các đồ vật. Bởi vậy nên cần phải mua những nguyên-liệu ở ngoài để nhập-cảng vào trong nước.

Những lông-chiên, sợi bông, sợi gai, sợi tơ, dệt trong các nhà máy nước Pháp là phần nhiều mua tự Nam-Phi-châu (Le Cap), Úc-châu (Australie), Nam-Mĩ-châu (nhất là ở nước Argentine), Hoa-kỳ, Nhật-bản, v. v. mà nhập-cảng vào trong nước cả.

Nghề buôn nhập-cảng ấy cũng phải cần đến nhiều người lắm. Mỗi một năm đến hàng nghìn người đi khắp các nước trong thế-giới để xem-xét những nơi nào có nhiều các nguyên-liệu tốt thời mua về cho các nhà máy trong nước làm. Những hạng người đi mua ấy cũng phải hoạt-bát khôn-khéo như các hạng đi bán trên kia, thì mới mong mua được của tốt, khỏi phải đắt tiền, và khỏi bị người ngoại-quốc tranh dành mất.

Nói tóm lại thời thương-nghiệp ở nước Pháp về đường xuất-cảng nhập-cảng đều là quan-trọng cả, và là cái trường-sở sẵn-sàng cho những người có tài có chí ra mà xuất-lực thi-hành vậy.

5. — Sự học về nghề buôn

Tuy theo cái lý-tưởng cũ thời nói rằng người làm việc buôn-bán cứ làm là quen, quen là thạo việc, chẳng cần phải học-vấn gì, song ngày nay ai cũng đã hiểu rằng nghề buôn cũng phải học phải dạy mới thông mới giỏi được. Có lẽ thương-nghiệp nước Pháp tự ba mươi năm nay không phấn-chấn lên được cũng là bởi các nhà buôn Pháp không biết lấy sự buôn-bán là một khoa-học chuyên-môn, cần phải giảng-cứu như các khoa-học khác. Mua lại bán đi, không phải là việc dung-dị; nguyên-liệu sản-xuất ở xứ nào phải đến xứ ấy mà mua lấy, hàng hóa đã chế-tạo ra phải đặt đi các nơi cho tiêu-thụ hết, đường học-thức, cách khôn-khéo phải hơn các tay buôn ngoại-quốc cạnh-tranh với mình thời mình mới mong dành lại họ được, lại những phương-thuật mới ai nghĩ đặt ra để cho việc mua bán được tiện-lợi mình cũng phải thuộc cả và phải biết dùng trước người.

Nhà buôn ở thế-kỷ thứ 20 này không phải như nhà buôn ngày xưa, chỉ ngồi ro-ró trong cửa hàng mình mà thôi; ngày nay phải giao-thông với cả thế-giới, phải biết cái tình-hình về tài-chính kinh-tế của các nước, phải thuộc những phương-phép nào là tiện-lợi để vận-tải và tiêu-thụ đồ-hàng của mình, cho nên ngày nay nhà buôn muốn cho được xứng-chức thời trước phải học ở các trường chuyên-môn, sau ra tập ở các nơi thương-điếm. Bởi thế nên có nhà làm sách đã giải-thích sự thương-nghiệp giáo-dục (*enseignement commercial*) như sau này: « Thương-nghiệp giáo-dục là dạy cho học các khoa-học cùng nghệ-thuật để sau đem ra ứng-dụng về thương-nghiệp, cùng tập cho hiểu lẽ và biết làm những công việc mà một nhà buôn hoặc một người làm sở buôn cần phải làm đến sau này. » (1)

Nay ta thử xem những sự học-vấn gì là cần cho một người sắp ra buôn bán.

Thứ nhất là số-học (*les mathématiques*), các trường thương-nghiệp đều có dạy cả. — Học số-học thời có hai mục-đích: mục-đích thứ nhất là để bổ giúp cho các công việc trong nghề buôn, như tính lời-lãi, hóa tiền-bạc

(1) « L'enseignement commercial a pour objet l'étude des arts et des sciences en vue de leur application au commerce, et la préparation raisonnée aux opérations que l'employé ou le négociant auront à exécuter ». Câu giải nghĩa này là trích ở trong sách của ông E. PARIS, *Pour devenir commerçant* (Thương-mại tu-trì) Sách này hay lắm, thật là một quyển sách vỡ-lòng rất ích-lợi cho những người muốn học nghề buôn-bán. Đồng-bào ta người nào có chí về việc buôn-bán và thông-hiểu Pháp-văn rất nên đọc lắm.

cùng cân-lượng của nước ngoài ra tiền-bạc cùng cân-lượng của nước mình hay là của một nước khác, tính hối-đoái (*le change*) [1], tính những thương-phiếu, giá-phiếu, cùng là hết thảy những sự giao-dịch có tùy theo thời-giá khi lên khi xuống, tính tiền khấu-trừ các trái-khoản, tiền bảo-hiểm, v. v. : mục-đích thứ nhì là để thực-dụng ngay, nghĩa là học số-học thời mới biết những phép tính tắt cho chóng, để dùng mà tính giá buôn, đặt giá bán.

Phụ-thuộc vào số-học lại còn phải học phép kế-toán và « ký-hạ » (*comptabilité et tenue des livres*) nữa, nghĩa là phép tính-toán và biên-chép sổ-sách ; khoa này quan-trọng lắm, cho đến trường « Cao-đẳng Chế-tạo » (*Ecole Centrale*) cũng phải đặt ra một lớp riêng để dạy kế-toán và ký-hạ cho các học-trò kỹ-sư.

Sau đến các tiếng ngoại-quốc cần phải biết lắm, nên trường thương-nghiệp nào cũng dạy làm một khoa trọng-yếu. Trong các tiếng ngoại-quốc, thời cần nhất là phải biết tiếng Anh, vì tiếng ấy trong thiên-hạ thông-dụng lắm, đã thành « tiếng gốc sự buôn-bán » (*la langue-base du commerce*). Nhưng một tiếng Anh cũng chưa đủ ; người nào định buôn-bán riêng với nước nào lại phải học thêm tiếng nước ấy thời mới được tiện-lợi trong việc giao-thông : như tiếng Nga, tiếng Tây-ban-nha (*Espagnol*), tiếng Lỗ-mã-ni (*Roumani*), tiếng Tắc (*Serbe*), v. v., là những nước mà người Pháp sau này có cơ buôn-bán to được.

Nhưng học tinh, học tiếng, mà không thêm một khoa học địa-dư và khoa học các thương-phẩm (*géographie et étude des produits marchands*) nữa thời cũng chưa đủ, khoa địa-dư và khoa thương-phẩm phải học hỗn làm một, đại-khái chia ra ba phần như sau này :

1° Các đồ-hàng và nguyên-liệu sản-xuất ở những xứ nào ;

2° Cách chế-tạo và khai-khẩn ra làm sao (phương-thuật trong cách chế-tạo, tính-cách các chất phân-hợp thế nào, hư-hỏng thế nào, giữ-gìn thế nào, pha-biến thế nào ; cách mạo-chế, cách thí-nghiệm, v. v.) ;

3° Nghiên-cứu về phép buôn-bán của các nước (nước nào sản-xuất nhiều ít thế nào, cách ngoại-trang đồ hàng thế nào, cách gói bọc, cách quảng-cáo, chiêu hàng, cách xuất-cảng nhập-cảng, v. v.)

Ngoại-giả lại còn phải học thêm cách vận-tải, cùng là lịch-sử việc kinh-tế và pháp-luật riêng về việc buôn-bán của mỗi nước thế nào.

Sau nữa còn nhiều những khóa-học thực-dụng để bổ-túc cho cái phổ-thông-học-vấn của nhà đi buôn : như học « tốc-ký » (*sténographie*), học đánh máy chữ (*dactylographie*), học viết (*calligraphie*), học vẽ, v. v. Học vẽ là cần lắm : không những vẽ cũng là một nghề mĩ-thuật, mở-mang cho cái tư-cách thẩm-mĩ (*le goût*) của người ta, mà vẽ dùng được nhiều việc trong nghề buôn-bán lắm, như trong khi nói chuyện việc buôn-bán cần phải phác-họa hình một cái máy, hình một thứ đồ hàng gì, v. v., cho người nói chuyện với mình hiểu ngay, hay là chỉ bảo cho người làm rõ cách-thức....

Sau hết thời đến cái thuật bán hàng cũng phải học-tập mới biết : bán ở cửa hàng, bán ở nhà người mua, bán cho người ở xa viết thơ đến, bán bằng cách quảng-cáo, bán buôn, bán lẻ, bán nửa buôn nửa lẻ, mỗi cách có phương-thuật riêng, nhà buôn phải thuộc lắm.

6 — Sự thương-nghiệp giáo-dục ở nước Pháp.

Nay vì một người trẻ tuổi mới tốt-nghiệp hoặc ở trường tiểu-học, hoặc

(1) Việc « hối-đoái » thế nào nên xem bài « Khảo về ngân-hàng » (N. P. số 28.)

ở trường trung-học ra, muốn chuyên về thương-nghiệp thời phải học thế nào và học ở những trường nào. Nếu có ít thời-giờ, không thể học lý-thuyết được nhiều thời nên tắt về đường ứng-dụng ngay, và theo một lớp dậy « bổ-túc » (*enseignement complémentaire ou post-scolaire*) hay là vào một trường « thương - nghiệp thực-dụng » (*école pratique de commerce*). Nếu có nhiều thì giờ hơn và muốn gây lấy cái gốc học cao hơn nữa, thời phải vào học một trường cao-đẳng. Theo các trường thực-dụng hay là các lớp « bổ-túc », thời sau ra làm được những tay « cán-sự » *agents d'exécution*) ở các sở buôn ; học ở các trường cao-đẳng thời có tư-cách làm được những tay « quản-lý » (*agents de direction*).

Những trường thương-nghiệp ở nước Pháp, đủ các hạng, rải-rác ở khắp các châu-quận nhiều lắm. Theo số thống-kế gần dây thời tính ra cả thảy có :

24 trường cao-đẳng thương-nghiệp, những trường lớn nhất là ở Paris, như : « Thương-nghiệp cao-đẳng nghiên-cứu viện » (*Ecole des Hautes Etudes commerciales*), 108 boulevard Malesherbes ; « Công-thương thực-tiễn học-hiệu » (*Ecole pratique de commerce et d'industrie*), 79 Avenue de la République ; « Thương - nghiệp học-hiệu » (*Ecole commerciale*), 39 Avenue Trudaine ; « Tả-ngạn Thương-nghiệp học-hiệu » (*Ecole de commerce de la Rive gauche*), 3 Rue Armand-Moisan ; còn trường các tỉnh-thành thời có trường Bordeaux, Marseille, Nancy, Nantes, Lyon, Le Havre, Lille, v. v. ;

158 trường hoặc lớp thuộc về trung-đẳng ;

201 trường hoặc lớp thuộc về cao-đẳng-tiểu - học (lớp bổ-túc, v. v.), cùng các hội thương-học.

Hiện nay những Hội Thương-mại (*Chambres de commerce*), Hội Đồng-nghiệp (*Chambres syndicales*), cùng với các thị-thính (*les municipalités*) và các hội riêng thi nhau mà đặt ra những lớp dạy về thương-mại, bây giờ đã có tới 60 lớp như thế, và sau này có lẽ còn thêm lên nhiều nữa.

Cao hơn các trường cùng các lớp kể trên kia, còn có hai trường nữa, tuy sự học phổ-thông hơn, nhưng cũng có ích-lợi về đường thương-nghiệp :

1° « Nghệ-thuật Sư-phạm-học-hiệu » (*Ecole normale de l'Enseignement technique*), dựng theo sắc-lệnh ngày 26 Octobre 1912, và mục-đích là để tạo-thành lấy những hạng giáo-viên cho các trường thực-nghiệp thuộc về Bộ Công-thương (*Ministère du Commerce et de l'Industrie*)

2° « Tư-lập Chính-trị học-hiệu » (*Ecole libre des Sciences politiques*), dậy riêng những người ra làm chức lãnh-sự (*consuls*), cùng chức thương-phái-viên » (*agents commerciaux*) của nước Pháp ở các nước ngoài.

Đó là những trường hiện đã có. Từ nay trở đi trong nước những người khuynh - hướng về đường thương-nghiệp càng ngày càng nhiều, thời trên Chánh-phủ, dưới các hội riêng, còn lục-tục mở ra nhiều trường cùng lớp dạy về buôn-bán, thứ nhất là những trường cùng lớp thuộc về bậc trung-đẳng-giáo-dục, bậc ấy chắc là nhiều người học hơn. Lại còn sự thương-nghiệp giáo-dục cho đàn-bà con-gái nữa, hiện nay chưa có trường cao-đẳng nào, cũng là một vấn-đề Chánh-phủ Pháp đương nghiên-cứu, vì ngày nay không những đàn-ông con-trai khuynh-hướng về đường buôn-bán, mà đàn-bà con-gái cũng nhiều người có cái chí muốn ra quản-lý nhà buôn, đốc-suất thương-nghiệp.

T.-C.

TÍNH NHỚ (*La mémoire*)

1. — Tính nhớ là gì?

Người ta đối với các giống sinh-vật bản-nhiên không phải là khác nhau; có khác là bởi cái trình-độ tiến-hóa cao hơn mà thôi. Cho nên phàm người ta có cái năng-lực gì, thời đại-để các giống sinh-vật ở dưới cũng có cả, chỉ khác là chưa phát-đạt bằng người ta mà thôi. Vạn-vật cũng ví như một cái thang dài, có hằng-hà sa-số bậc, cho nên tiếng tây đã có chữ gọi là « cái thang vạn-vật » (*l'échelle des êtres*): các giống sinh-trưởng trong trời đất, từ hòn đá cái cây cho đến con muông con thú, mỗi giống tùy cái trình-độ cao thấp đứng một bậc trên cái thang vạn-vật ấy, mà bậc cao nhất là giống người ta. Sách cũ có câu người là linh nhất trong muôn vật. Sách mới cũng dạy người ta là giống vật đã tiến-hóa đến cực-điểm. Vậy thời người cũng là một vật, mà là vật cao hơn các vật khác mà thôi. Bởi thế nên các năng-lực cùng tính-chất của người ta, cho đến tâm-lý người ta nữa, cái mầm gốc cũng đã manh-nha ra ở các giống vật dưới rồi. Tự nhỏ mà nên to, tự mờ mà nên rõ, tự yếu mà nên mạnh, tự nhụt mà nên sắc, cái nghĩa tiến-hóa là thế. Ngày nay cái tiến-hóa-luận đương thịnh-hành trong học-giới, các nhà bác-học muốn xét một cái hiện-tượng gì ở người ta, thường suy-nguyên lên giống vật mà nghiên-cứu từ lúc cái hiện-tượng ấy mới manh-nha ra ở giống nào, rồi qua những từng nào, đợt nào, trong bao nhiêu thời-kỳ, mới thành ra như bây giờ. Khoa-học Thái-Tây sở-dĩ phát-đạt mau như ngày nay cũng là nhờ cái lối suy-tầm khảo-cứu đến nơi đến chốn ấy.

Bởi các lẽ ấy nên những nhà tâm-lý-học, xét về cái ký-ức-lực (*la mémoire*) là cái sức nhớ của người ta, không có nghiên-cứu một ở người ta mà thôi, và suy ngược lên cả các giống vật, nhân đó phát-minh ra được nhiều điều mới lạ và biết được rằng cái tính nhớ không phải là riêng của giống người cùng những giống cao-đẳng động-vật mà thôi, mà là chung cho cả các giống sinh-vật trong trời đất từ cái cây ngọn cỏ trở lên. Xưa kia người ta vẫn tưởng rằng tính nhớ là một tính-chất của giây thần-kinh cùng những « thần-kinh-tế-bào »[1] (*cellules nerveuses*): nói thế cũng đúng, nhưng mà chưa được đúng lắm.

Gần đây có người nghiên-cứu các giống cây hình-thể rất đơn-sơ, cùng những giống vật giản-dị quá, xét ra trong thân chưa có một sợi, một bao thần-kinh nào cả, tức là những giống mới manh-nha có sức sinh-hoạt một chút, mà chưa có gì gọi là não-chất (*substance nerveuse*) cả; thế mà nhận cho kỹ cũng đã thấy có những hiện-tượng thuộc về ký-ức-lực rồi.

Cái chất sống, người ta gọi là « sinh-tố » 生素 (*protoplasma*). Vậy xưa nay đã nghiệm rằng hễ có « sinh-tố » là có ký-ức. Một cái sinh-vật, dù giản-dị đơn-sơ đến thế nào, hễ đổi chỗ ở đi thì cái cách sinh-trưởng cũng tự đổi. Thế nghĩa là cái sinh-vật ấy cũng đã có biết nhớ một chút, vì nó biết rằng không phải ở chỗ cũ nữa và phải đổi cách ăn-ở cho hợp với chỗ mới. Như một con vật nào đã ba lần xảy ra việc gì mà không thấy biến-đổi; đến lần thứ tư thì thấy cách đối-phó có khác với lần trước, thế là con vật ấy có biết nhớ vậy. Dù là « thần-kinh-tế-bào » hay là giống tế-bào nào khác nữa, hễ là chất sống thời biết nhớ. Cái tính biết nhớ ấy bởi đâu mà ra? Không thể

(1) *Tế-bào* 細胞 = là những cái bao nhỏ thường-thường hình tròn, làm cái yếu-chất kết thành ra da, thịt, xương, tủy, máu, gân, v. v. của các giống sinh-vật; hình nhỏ lắm, phi kính hiển-vi soi không thấy. — CELLULES ORGANIQUES.

sao biết được, cũng như thuộc về người ta cái tính nhớ đã tinh-nhuệ cho đến nhớ được cả những tư-tưởng tình-ý là những sự thoảng qua không có dấu-vết để lại, cũng không thể giải được bởi cớ gì. Xét ngay như một con vật rất đơn-sơ, đem để ra ánh sáng một lần thứ nhất, đến lần nữa thời thấy biến-tướng đi khác lần trước. thế là con vật biết nhớ, nhưng giải sở-dĩ làm sao mà biết nhớ, thời cũng là ước-lượng mà đoán thôi, chớ không lấy gì làm bằng; huống chi một con vật linh-hoạt như người ! Có lẽ là lần thứ nhất ra ánh sáng, thời ánh sáng đã có để dấu-vết vào những viên tế-bào trong cái chất sống của con vật ấy ; đến lần thứ hai ra ánh sáng thời những viên tế-bào ấy không giống như lần trước nữa. Nhưng đó cũng là đoán mà giải thế thôi, chớ không dám chắc hẳn là như thế.

2. — Trong tính nhớ chia ra làm mấy phần ?

Nghiệm như trên đó mà suy thời biết rằng phàm chất sống đều có tính nhớ; lại biết rằng tính nhớ ấy không phải là giản-thuần có một. Như ta nhớ một sự-vật gì, thời trong sự nhớ ấy đại-ước có ba phần. Một là ghi lấy những cái cảm-giác đã chịu được ; hai là biết nhận lại những cái cảm-giác đã ghi lấy ; ba là khi nào muốn chiêu-phục lại những cái cảm-giác ấy có thể tùy-ý chiêu-phục được. Ai đã từng trông thấy một người hay một vật gì nhiều lần rồi mà khi sực nhớ không biết gọi tên là gì, mới biết rằng cái tính nhớ không phải là một sự tầm-thường dung-dị như nhiều người thường tưởng lầm vậy.

Phàm khởi đầu sự nhớ là ở một cái cảm-giác nó in vào trong não-chất. Chắc cái cách in đó không giống như cầm con dao vạch lên trên mặt bàn, nhưng đại-khái cũng có thể ví như thế được, vì cũng là có một cái dấu-vết lưu lại. Vậy ta đã biết tính nhớ khởi-thủy như thế, và tính nhớ lại là cái nguồn-gốc của nhân-cách người ta, ta nên xét xem người ta có phương-phép gì khai-thông phát-đạt được cái tính thiên-nhiên ấy không.

Trước hết ta phải phân-biệt cái phần thứ nhất trong tính nhớ là phần cảm-giác ấy với các phần khác thì mới khỏi lầm-lẫn được ; sau ta phải xét nghiệm cái tính nhớ của người ta từ thủa nhỏ cho đến thủa già biến-thiên thay-đổi thế nào. Đại-đề có thể chắc được rằng người ta lúc đương trai-trẻ thời cái sức nhớ mạnh nhất, rồi về sau người càng già đi thời sức ấy càng suy mãi đi.

Lại khi ta so-sánh nhiều người với nhau, thời thấy cái tính nhớ của mỗi người khác xa nhau nhiều lắm. Ai cũng cho sự hơn kém nhau ấy là bởi cách giáo-dục. Như thế thời cái mục-đích của giáo-dục tức là bồi-dưỡng cho cái tính nhớ của người ta. Nhưng nói rằng bồi-dưỡng cái tính nhớ của người ta mà hiểu là làm cho cái não-chất dễ cảm-giác hơn, thời cổ-lai không phép giáo-dục nào làm được như thế.

3. — Học thuộc lòng có ích-lợi gì không ?

Cái sức nhớ của người ta hơn kém nhau xa lắm ; nhưng phải biết rằng sự hơn kém ấy là tự-nhiên như thế thời phải công-nhận như thế, chớ không mong sao sửa đổi được. Vả tính nhớ là gốc trong tâm-hồn tình-tính người ta, tính nhớ khác nhau thời cuộc đời người ta cũng nhân đấy mà không giống nhau. Lấy một nhà họa-học, một nhà kỹ-sư, một nhà âm-nhạc, mỗi người hoạt-động ra một phương-diện khác nhau, chắc là mỗi người phải có một cái tính nhớ khác nhau, và cũng bởi tính nhớ vốn khác nhau nên sự hoạt-động mới thành ra khác nhau ; đó là cái lẽ thiên-nhiên nó khiến ra như thế.

Như vậy thời những phương-pháp người ta quen dùng xưa nay để giúp cho cái tính nhớ tự-nhiên ấy, không

phép nào là có tài làm cho cái sức cảm-giác thiên-nhiên của não-chất người ta tăng thêm lên được. Cho nên cách học thuộc lòng chỉ có một lẽ, là có nhiều điều ích-lợi người ta cần phải biết, nên ghi nhớ lấy vào trong óc, và muốn ghi nhớ thời lắp đi lắp lại nhiều lần cho nó in sâu vào, khỏi chóng mất ; có thế mà thôi, chớ dầu học thuộc lòng đến thế nào đi nữa cũng không tăng thêm cái ký-ức-lực tự-nhiên của não-chất được một mảy-may nào vậy. Học thuộc lòng không làm cho thêm được tính nhớ, học thuộc lòng thường chỉ nhọc trí, và làm cho người ta chán-nản không muốn tự-lực tư-tưởng gì nữa.

Như thế thời học thuộc lòng không phải là một cách hay, nhà giáo-dục không nên lấy đấy làm then-chốt cho sự dạy học. Song cổ-lai các nhà giáo-dục vẫn có ý thiên-trọng cách học thuộc lòng, là cớ làm sao ? Chỉ có một cớ khả-nguyên được : là cái sự-vật muốn cho học thuộc lòng ấy là một sự-vật hay, đáng cho người ta nhớ lấy. Những sự-vật như thế thời nhiều lắm, nhà giáo-dục phải nên chọn lọc cho kỹ, chắt lấy cái phần tinh-hoa, và đã biết rằng tuổi trẻ là tuổi cái tính nhớ đương mạnh thời phải chọn giữa lúc trẻ con dễ chịu nhớ nhất đem ra cho học, ngõ-hầu mới có ích-lợi được.

Trong bể học mênh-mông, có nhiều điều người ta cần phải biết, không biết không được ; lại có nhiều điều nếu có thể biết được thời cũng phải biết. Cái số những điều sau ấy không biết bao nhiêu mà kể, dẫu người tài-giỏi nhất từ đời xưa đến đời nay cũng không ai có sức mà nhớ được muôn nghìn phần lấy một phần vậy. Vậy thời ta phải kén chọn kỹ cho mỗi đứa con trẻ những điều gì là sức nó có thể học được, và chọn lấy cái thời-kỳ nào là lúc nó học dễ nhớ hơn cả. Phải khéo điều-hòa các bài học cho đủ về đủ mặt, khiến cho con trẻ khỏi nhọc trí, vì đã bắt đầu nhọc thời cái sức nhớ kém sút ngay đi. Sự giáo-dục không có tài làm cho cái trí nhớ tự-nhiên thêm lên được. Nhưng nhà giáo-dục khéo thời phải biết điều-hòa, biết kén-chọn, biết cân-nhắc, biết phân-biệt những điều gì là nên ghi nhớ lấy, những điều gì là có thể bỏ sót được. Dù cái não-lực người ta thế nào, có thể phát-đạt được nhiều hay được ít, muốn cho những tế-bào trong não-chất được nở-nang mạnh-khỏe, nghĩa là muốn cho nó làm được hết chức-vụ, thời thứ nhất phải có khí-huyết rồi-rào và phải luyện-tập cho có điều-độ mới được.

Còn cái cách giáo-dục thường của ta thật là trái hẳn với lẽ giáo-dục. Cách giáo-dục của ta muốn đoàn-luyện não-chất, tăng-tiến trí nhớ, mà kỳ-thực làm cho trí-nhớ hao-mòn, não-chất hư-hỏng cũng vì đấy. Giờ học ở nhà trường thường nhiều quá ; không đứa con trẻ nào trong suốt một giờ đồng-hồ mà chỉ chuyên-chú về một sự gì được. Lại ở nhà trường thường không được thoáng hơi, không được sáng-sủa, không-khí không tốt, ánh sáng không thấu, thời khí-huyết tất hư ; khí-huyết hư thời não-chất mờ đục mà không được sáng-suốt vậy.

4. — Nói về những phương pháp giúp cho trí nhớ

Vậy thời người ta trong khi trai-trẻ phải biết vệ-sinh : vệ-sinh khéo, ăn uống điều-độ, khí-huyết lưu-thông, nằng ở những nơi không-khoáng, đó là những cách giúp cho trí nhớ được mạnh-mẽ cả.

Nay ta nên xét xem ngoại-giả còn có phương-pháp gì giúp cho ta trong khi học-hành nhớ được nhiều mà không phải khó nhọc. Ta đã biết rằng tuổi trẻ là tuổi trí nhớ đương mạnh ; vì ở đó nên người ta thường học-tập về thủa trẻ. Dù con trai, dù con gái, thường có một khoảng mấy năm học cái gì cũng dễ thuộc lòng hơn là về sau. Nhiều người đến sau có tuổi vẫn còn ơn những ông thày mình thủa nhỏ bắt học thuộc lòng những bài thơ bài phú hay,

nhờ đó suốt đời không bao giờ quên mà thành một cái văn-vẻ tốt để tô-điểm cho trí-thức mình.

Nay xét xem có cách gì tiện-lợi cho dễ cảm vào trí nhớ của người ta. Thứ nhất là cách lắp đi lắp lại nhiều lần một sự gì (*méthode de répétition*). Ai cũng biết rằng cái gì qua đi qua lại nhiều lần thời hay dễ nhớ lâu. Mà thực ra, từ khi có giáo-dục đến giờ, đời nào nước nào cũng chỉ thiên-trọng một cách ấy, cũng chỉ ỷ-lại một cách ấy để dạy-dỗ lẫn nhau, không những là để truyền cái tư-tưởng cho nhau, mà truyền cái cách làm ăn nữa, vì làm gì cũng phải tập cho quen, tức là cho nhớ, thời mới làm nên được. Đời xưa đời nay đã hay lợi-dụng cái cách ấy, thời bây giờ ta lợi-dụng cũng không phải là không nên, nhưng ta phải biết rằng lắp đi lắp lại để học cho thuộc lòng, không có phát-đạt được cái trí nhớ thêm lên chút nào, mà chỉ giúp được cho một sự-vật gì dễ in vào trong não-chất mà thôi.

Phép giáo-dục lại còn có một cách tương-truyền là hay lắm: là cách ngồi nghe ông thầy nói, lĩnh-lược đại-ý rồi ghi-chép lấy. Nhưng mà người ta đã nghiệm nghe mà ghi-chép lấy, rồi lại đọc lại cái mình ghi-chép, hai việc đó nếu không cách xa nhau lắm thời mới thật là có ích-lợi cho sự ký-ức. Như mình ghi-chép buổi sớm mà buổi chiều ôn đọc lại ngay thời dễ nhớ hơn là để cách đến mấy ngày sau mới đọc lại. Trong khi cái cảm-giác trước hãy còn rõ mà mình lại nhắc lại ngay cho nó rõ thêm ra, thời như miếng sắt hãy còn nóng, nện một cái, lại nện cái nữa ngay, chắc là vết vào sâu hơn là nện một cái, rồi để cho sắt nguội mới lại nện cái nữa.

Lại cùng một việc, nhắc đi nhắc lại nhiều lần mà mỗi lần có khác nhau, là tùy mình để ý vào đấy ít hay nhiều vậy. Có khi ta nghe một bài diễn-thuyết mà chẳng nhớ được câu nào; có khi ta đọc ta viết cái gì, viết rồi lại đọc to lại, mà cái ý ta còn chú vào sự khác. Những khi ấy thời là mất công vô-ích, vừa vô-ích vì không nhớ được cái sự mình đã viết hay là đã nghe, vừa vô-ích vì không bổ gì cho trí nhớ của mình cả. Vậy thời khi trong trí mệt-nhọc, khi trong người khó ở, khi đói, khi khát, khi nóng, khi lạnh, khi tinh-thần thân-thể không được khoái-hoạt, thời không nên học làm gì, vì học cũng không mong nhớ được.

Nói rút lại, trí nhớ là gồm ở sự chú-ý mà thôi. Chú-ý (*attention*) là gì? Chú-ý là tinh-thần chuyên-chú về một việc gì, không nghĩ ra việc khác nữa. Tinh-thần chuyên-chú về một việc thời cái cảm-giác về việc ấy tất in sâu vào não-chất và có thể giữ được lâu. Cho nên muốn nhớ lâu, không gì bằng chú-ý. Nhắc đi nhắc lại nhiều lần, mà không để ý vào đấy thời cũng là vô-ích. Nhưng muốn chú-ý vào việc gì thời phải làm thế nào? Tất ai cũng nói rằng phải chỉ nghĩ về việc ấy, mà không nghĩ đến gì khác nữa. Nhưng làm thế nào cho tinh-thần chỉ chú vào một việc mà không dời sang việc khác được? Nếu cứ miễn-cưỡng cho tinh-thần phải chuyên-chú về một việc thời chóng nhọc trí, đã nhọc trí thời không mong nhớ bền được. Xét ra muốn chú-ý về một sự gì mà không đến nỗi nhọc-mệt thì sự ấy phải thích-ý cho mình mới được. Cả cái bí-thuật của trí nhớ là ở đó: Việc gì mình có thích thời mới chú-ý vào được, có chú-ý vào thời mới nhớ được. Vậy các nhà giáo-dục muốn cho con trẻ chăm-học nhớ lâu, thời phải dạy thế nào cho con trẻ lấy sự học làm thích; có lấy sự học làm thích thời mới chăm-chỉ về việc học, có chăm-chỉ về việc học thời học cái gì mới mong nhớ lâu được. Ấy cả cái bí-thuật của sự giáo-dục cũng ở đó mà thôi, nghĩa là rút lại ở sự khôn-khéo của ông thầy vậy.

T.-C.

BỆNH TRUYỀN-NHIỄM VÀ GIỐNG VI-TRÙNG

II

Đã không thấy được sao biết rằng có vi-trùng ? Vì rằng vi-trùng tuy không thấy nhưng thấy có nọc độc (*virus*) nó bài-tiết ra. Người ta đem nọc độc ấy mà tiêm cho con vật nào thì con vật ấy liền lây bệnh, như bệnh chó dại, mèo dại vậy. Cho nên nói rằng : « có nọc độc, phải có vi-trùng », không phải là quá-đáng. Tức như ta nói « có khói ắt phải có lửa » là lẽ thế.

Cũng còn lắm trùng bệnh lây chưa tìm thấy được : như bệnh sởi, đậu mùa, quai-bị, v. v.

Thường vi-trùng phải nhờ có dưỡng-khí mới sống (*microbes aérobies*), trừ một vài loại không ưa dưỡng-khí (*microbes anaérobies*). Trùng bệnh « uốn-ván » và bệnh « chết thịt » [1] đều là loại không ưa dưỡng-khí.

Vi-trùng vận-động thế nào. — Mấy loài trùng về thực-vật như trùng « lị » vận-động rất chậm, còn như trùng « bệnh ngủ » vận-động lại rất nhanh. Vi-trùng nhờ có những sợi nhỏ mọc chung-quanh mình nó mà vận-động được. Trùng « tả » có một sợi nhỏ mọc ở một đầu, trùng « thương-hàn » có nhiều sợi ở khắp mình. Khi trùng vận-động thì thấy những sợi ấy hình như đùn đi, rồi quay tít như « chân vịt » tầu vậy.

Sức độc của vi-trùng. — Trên đã nói rằng vi-trùng có loại độc mà cũng có loại vô-hại. Bởi vậy cái sức độc nó không nhất-định, có khi tăng cũng có khi giảm. Ví-dụ : khi trùng đã không đoạt được một cơ-thể nào (người hay vật) làm chỗ gửi thân mà lại gặp phải các ngoại-lực (ánh sáng, sức nóng, sức lạnh, v. v.) ảnh-hưởng vào thì cái « sức độc » phải giảm đi nhiều.

Còn như khi trùng được qua nhiều cơ-thể hoặc được hợp với trùng khác thì tất là « sức độc » ấy lại tăng lên nhiều lắm.

Loại « trùng-độc » (*pathogènes*) sinh ra chứng nọ tật kia, còn loại « vô-hại » thì chỉ làm cho lên hơi, hôi hám cùng là ủi nát và phát du mà thôi.

Nơi trùng ở — Những trùng truyền bệnh-lây cho người ta ở đâu mà lại ?

Một là vũ-trụ (như không-khí, nước, đất và khí-hậu), hai là sinh-vật (như nhân-loại, cầm-thú và thảo-mộc), ba là vô-động-vật (như các khí-cụ).

Không-khí. — Những bụi-bậm trong không-khí chứa nhiều vi-trùng, tuy vậy mà nguyên-nhân của bệnh cũng ít khi ở đó. Giản-hoặc có mấy bệnh đau phổi, nhất là ho-lao, thì do ở không-khí không được thanh-khiết mà sinh ra.

Nước. — Những đồ phẩn-liệu của người bệnh đi ra nếu lẫn với nước thì nước thành có độc-trùng. Như nước sông, nước giếng thường là một nguyên-nhân của dịch-lị, dịch-tả, dịch-thương-hàn. Hễ một tỉnh nào ở về thượng-lưu một con sông mà có bệnh dịch nói đây thì các tỉnh ở miền hạ-lưu sông ấy thường vẫn bị lây. Năm xưa tỉnh Yên-bái có dịch-tả, được ít lâu Hà-nội cũng mắc, là bởi ta dùng nước sông Hồng-hà đã trúng độc từ Yên-bái chảy về. Cho nên ta đem rặt-rịa quần-áo, chăn-chiếu và đồ dùng ở

(1) Trùng bệnh « chết thịt » (*vibrion septique ou microbe de la gangrène gazeuse*).

sông là một thói tệ, nhất là khi có dịch-tễ lại càng hại lắm. Thói tệ ấy ta nên tập bỏ dần cũng không hại gì. Còn nhiều tỉnh, các điều-luật về vệ-sinh chung chưa được hoàn-toàn là vì không tất-lực thi-hành nên vẫn nghiễm-nhiên coi khúc sông như một nơi tiêu-thụ các đồ xú-uế vậy. Bởi thế còn thấy người ta đem rác-rưởi và các đồ dơ-bẩn chút cả ra sông.

Tác-giả vì chức-nghiệp mình mà có dự hội-đồng vệ-sinh hàng tỉnh, đã lắm phen công-nhiên phản-đối lại những cách trái phép vệ-sinh như thế mà không thấy công-hiệu chút nào. Buồn thay! Hình như cái vấn-đề vệ-sinh chưa phải là một vấn-đề thiết-thực hợp-thời. Lo thay! Cuộc bảo-tồn nòi-giống dân ta chính ở đó mà ra vậy. Nói nữa sợ lạc-đề, vậy xin đợi khi nào bàn về vệ-sinh sẽ giải luận rõ-ràng các mối trừ tệ. — Trên nói rằng nước giếng cũng là một nguyên-nhân của mấy bệnh lị tả. Vậy ta nên nhớ rằng giếng khai gần các nơi ô-uế thì nước thường bị các độc-trùng ngấm vào mà sinh bệnh.

Đất. — Đất có vi-trùng là tại không-khí (bụi dơi xuống mặt đất), nước, các đồ dơ bẩn và đồ phẩn-liệu của thú-vật.

Trong phẩn-liệu giống ngựa có trùng «uốn ván», cho nên trùng ấy lẫn với đất. Ruột ngựa thường hay có nó.

Xác vật chết đem chôn cũng làm cho đất sinh độc. Như trùng « bệnh-than » (1).

Bên Pháp, hạt Beauce khi xưa có từng đoàn bò cừu ăn ở một cánh đồng cỏ nào đó rồi về thụ « bệnh than » (2) mà chết hết.

Nguyên cánh đồng cỏ ấy trước có chôn những tử-thi các con vật chết về bệnh than. Tại sao con vật ăn cỏ mà cũng mắc bệnh than?

Pasteur tiên-sinh là nhà khoa-học đã tìm thấy « lối gây trùng-than » và đã chế ra được « thuốc công-độc » bệnh ấy — ngài có giải nghĩa rằng:

Từ lúc đem chôn cái xác con vật chết bệnh than xuống đất thì những trứng trùng sinh-sản ra càng ngày càng nhiều. Giống dun đất tha trứng ấy lên mặt đất lẫn với cỏ; con vật nào ăn phải cỏ ấy liền mắc bệnh than.

Xem đó thì câu tục-ngữ Pháp vẫn nói: « Vật chết hết nọc » (3), ngày nay không đúng nữa.

Khí-hậu. — **Khí-hậu một xứ cũng là nguyên-nhân cho bệnh; vì đã thấy có bệnh chỉ riêng ở một xứ này mà xứ khác tuyệt-nhiên không có. Bệnh «sốt vàng» chỉ riêng ở mấy xứ tại bờ-biển Đại Tây-dương, nhất là ở vịnh Mỹ-lợi-kiên và phía tây Phi-châu lại càng lắm.**

« Bệnh ngủ » ở trung-bộ Phi-châu có nhiều. Bệnh « lâm-ngược » thì thấy ở những xứ về ôn-đái và nhiệt-đái.

Lại đến trong một xứ mà vùng có, vùng không; như bệnh « ngã-nước » xứ ta thì chỉ vùng Bắc-kạn, Tuyên-quang, Lào-kai, Yên-bái có nhiều, mà Nam-định, Thái-bình, Hưng-yên, Hải-dương và các tỉnh khác ở trung-châu thì không có. Giản-hoặc có một đôi người thì cũng chỉ vì những người đã đi làm-ăn buôn-bán ở các vùng trên Thượng-du bị-bệnh, từ đó đem về rồi truyền lại cho người khác mà thôi.

---

(1) Trùng bệnh than (*bactéridie charbonneuse*).

2) Bệnh than (*Charbon*) = bệnh chung cho người và vật; nhất là giống bò, cừu hay mắc lắm. Khi mới phát thường có lên một cái ung độc to lớn đen-xám lại như than (bởi đó tên « than ») rồi phát sốt hoặc phát-phù mà chết. Phải xem bệnh ấy se giải sau này mới rõ.

(3) « *Morte la bête, mort le venin* ».

Ấy vậy mà khí-hậu là một « gián-tiếp nguyên-nhân ». Sao vậy ? Vì sự hành-vi của khí-hậu không ảnh-hưởng thẳng vào bệnh-nhân hay vào độc-trùng, nhưng ảnh-hưởng đến những giống sinh-vật nó dã làm môi-giới cho người quen-biết với trùng. Kẻ môi-giới ấy là ai ? Chính là *giống muỗi*. Muỗi đốt bệnh-nhân hút lấy máu có độc-trùng, rồi lại đi đốt người lành vô-bệnh mà truyền nọc độc cho người ta. Nói tóm lại thì giống muỗi ấy chịu nổi khí-hậu xứ này mà không chịu nổi khí-hậu xứ khác. Đã không chịu khí-hậu tất phải thác, đã thác thì không có bệnh nữa. Cho nên bảo : khí-hậu cũng là một « bệnh chi nguyên-nhân » là lẽ thế vậy.

Thảo-mộc. — Loài thảo-mộc là một nguyên-nhân, vì thảo-mộc có chứa vi-trùng. Có vài giống lúa (bông thóc và thân cây) sinh ra bệnh lở-láy ngoài da (*actinomycose*) khó chữa lắm.

Thú-vật. — Thú-vật lắm con bị bệnh lây cũng có thể truyền cho người được : như giống bò [1], cừu, truyền « bệnh than » ; giống chó, mèo, truyền bệnh dại ; giống dê truyền bệnh « sốt xứ Man » [2] ; giống ngựa truyền bệnh « lưu-thế » [3] v. v.

Nhân-loại. — Người lại là một « bệnh chi nguyên-nhân » nguy-hiểm lắm. Sao vậy ? Bởi người hay giao-tiếp với người thì bệnh càng dễ lây cho nhau. Cho nên các nơi đông người như trường-học, trại-binh, nhà thương, xưởng thợ, là những nơi dễ sinh ra dịch-tễ lắm. Những bệnh hay lây như : hầu-phong, quai-bị, ho-gà [4], thì lây một cách trực-tiếp, nghĩa là hễ ta mó vào bệnh-nhân thì ta liền mắc.

« Bệnh lao » dễ truyền vì ta dùng chung đồ khí-cụ với bệnh-nhân hoặc ta hút phải bụi có độc ở trong *đờm dãi* người đau khạc ra, khô đi mà bay lẫn vào với không-khí như đã nói ở trên.

Người Tây quen lối bắt-tay, hôn má, ta quen lối mớm cơm cho trẻ, đều là những cách truyền-bệnh trực-tiếp dễ lắm.

Đồ vật-thực. — Đồ uống thì có nước đã nói ở trên. Còn đồ ăn ôi và đồ ướp để lâu ngày như lạp-sường, vịt-sấy, và các phẩm-thực người Khách-trú treo lủng-lẳng ở các cửa hiệu từ đời-kiếp nghiệp-lai nào ấy, không những rằng lâu ngày sinh hư mà lại thêm gió-bụi bám vào ; ăn mà sinh-bệnh thì cũng không nên lấy gì làm lạ !

Đồ khí-cụ. — Đồ nhật-dụng truyền nhiều bệnh. Người ta đã nghiệm rằng những vẩy mụn cùng là móng tay vướng ở trong thơ-từ của người đau bệnh « hồng-ngược » [5] gửi đi thường truyền bệnh xa lắm. Bệnh « ghịp » cũng truyền đi xa bởi những đồ dùng gửi lẫn cho nhau.

Nhưng thường thì bệnh truyền gần hơn mà truyền một cách gián-tiếp : đồ phẩn-liệu và nước tiểu của người đau bệnh « thương-hàn » vẫn có nhiều độc-trùng, cho nên những người nuôi nấng thuốc-men cho bệnh-nhân (như thày-thuốc và khán-hộ) hễ mó vào các đồ

---

(1) Giống bò còn truyền được bệnh lao nữa.

(2) « *Fièvre de Malte* » = là một thứ sốt riêng xứ Malte và Tunisie (bờ biển Địa-trung-hải), vì uống phải sữa-dê có một thứ độc-trùng riêng.

(3) Bệnh « lưu-thế » (*morve*) = Bệnh ngựa, lỗ mũi sưng lên có mủ và nước-vàng, sốt nặng, v. v

(4) Bệnh « ho-gà » = (*la coqueluche*) là một thứ ho đồ hồi lâu lắm như tiếng gà kêu, hết cơn ho thì nôn ra nhiều đờm. Trẻ con hay mắc bệnh này mà lây mau lắm.

(5) Bệnh « hồng ngược » (*la scarlatine*) = là một chứng sốt và phát-ban đầy người, trong miệng lưỡi với cuống-họng cũng thế, người đỏ lên như quả gấc vậy, v. v.

khí-cụ có dây những chất bẩn ấy, vô-ý tất phải lây bệnh ; những bệnh-nhân khi khỏi bệnh rồi mà trong người còn độc-trùng lâu lắm, mó vào cái gì là độc ra cái nấy. Những người ấy ta gọi là « *người mang trùng* »[1], lại nguy hiểm hơn bệnh-nhân nhiều ; vì ta thấy bộ họ mạnh-mẽ thì ta không dự-bị gì cả. Cho đến trùng bệnh « sưng màng bọc tủy và não » cũng vậy : lắm người khỏe-mạnh mà trong lỗ-mũi và cuống-họng có nhiều trùng. Những người ấy cũng là « *người mang trùng* » nguy-hiểm lắm, nguy hơn chính bệnh-nhân ; vì bệnh-nhân cũng có trùng nhưng trùng ấy đã vào xa trong màng tủy và não rồi, ít khi ở lại lỗ-mũi và cuống-họng.

Tổng luận. — Vi-trùng truyền bệnh lây có hai cách : trực-tiếp và gián-tiếp. « Trực-tiếp » là người nọ truyền thẳng cho người kia, mà vi-trùng không phải cầu ai làm môi-giới cho cả ; ví dụ : trùng bệnh « dương-mai »[2] tự truyền từ da-non nọ sang da-non kia mà làm bệnh. « Gián-tiếp » như bệnh « dậu mùa », bệnh « hồng-ngược », cần phải có động-vật hoặc vô-động-vật làm môi-giới mà dẫn-độc ở cơ-thể dau sang cơ-thể lành mới được.

Trên này là lấy ví-dụ mà giải nghĩa hai lối lây trực-tiếp và gián-tiếp ; kể ra thì vi-trùng vẫn lợi-dụng cả hai lối ấy mà truyền-bệnh vậy.

Còn một lối truyền-bệnh nữa không phải tội vi-trùng mà do tại thần-kinh-hệ ; là lối bắt chước nhau mà sinh lây. Có đứa trẻ này nom thấy đứa trẻ khác có bệnh nháy mắt, dật-mồm (*tics nerveux de la face*) thì cũng bắt chước mà nên bệnh. Đời Trung-cổ bên Pháp có bệnh dịch « thần-kinh » : người nọ trông thấy người kia chân nhảy, tay dật, mặt ngửa, cổ nghiêng thì liền mắc ngay.

Ngày nay ta, người đua nhau trong trường hiếu-thắng, kẻ tập nhau nhiễm thói ngông-đời, có lẽ cũng bị bệnh thần-kinh chăng ? Ta nên mau mau tìm thuốc công-độc.

ĐỖ VẠN-KHOẢNH

* * *

Cải-chính bài trước (*Nam-Phong số 30, trang 500-502*)

1° Trang 501, cột trên, dòng thứ 40, in lầm là « .... **thêm khiến vào** .... » Xin đọc lại là : « .... **thêm vào, trợ lực vào cho vi-trùng, khiến cho bệnh....** »

2° Trang 501, cột dưới, dòng thứ 8 in lầm là « .... **Còn mầm ấy** .... », xin đọc lại là « .... **Căn mầm ấy** .... »

3° Trang 502, cột trên, dòng thứ 8 và 11, in lầm là « bactéries.... » xin đọc là « **bactéries** »

4° Trang 502, dòng cuối in thiếu chữ **jaune**, vậy xin đọc là « **germe de la fièvre jaune** »

CHÍ-PHÚ CẨM-NANG[3]

(PHÉP LÀM GIÀU)

III

Những quan-kiện lớn trong đạo làm giàu

Trong đạo làm giàu có nhiều quan-kiện, song có hai điều này là có thế-lực nơn và có thành-hiệu hơn : 1° là mẫn-tiệp, 2° là dự-bị.

Mẫn-tiệp nghĩa là gặp việc phải chuyên-chú tâm-lực mà làm cho đến

(1) « Người mang-trùng » = *porteurs de germes*.
(2) *Spirochète de la syphilis*.
(3) *Nam-Phong*, số 30, trang 503-510.

được. Tinh-lực đoàn-tụ thì là người mẫn-tiệp ; hay chia lòng chia trí thì là người trì-độn. Từ xưa những ông danh-tướng, có tiếng là mẫn-tiệp, như Gia-Cát-Lượng, như Nã-phá-luân (Napoléon), chẳng qua là những người mưu-sự chu-tất, lâm-sự hoạt-bát ; cho nên đến lúc động-tác như gió giật như sấm ran, người ta nghi là quỉ-thần. Những kẻ thanh-niên muốn tập cho nên người mẫn-tiệp, nên bày một cái cảnh-tượng gì ở trước mắt như lửa dạn, như chớp sáng, thường thường hết sức mô-phỏng, họa có ngày được chăng.

Trong thực-nghiệp lấy mẫn-tiệp làm quí. Trong thực-nghiệp trọng nhất là công và thương, và những người về nghiệp công thương cũng chiếm số nhiều ở trong thế-giới. Giả như người làm thổ mộc mà, cưa đẽo mài đục chậm quá, thì không thành ra một người thợ được. Một người bán hàng chậm quá thì không thành ra một người buôn bán được. Trong việc công-thương, mẫn-tiệp bao nhiêu thì giầu-có bấy nhiêu ; chậm-chạp bao nhiêu thì thất-lợi bấy nhiêu. Vậy xưa nay có người thợ khéo mà nghèo, có người buôn-bán chắc-chắn mà cũng nghèo, là vì cái tội chậm-chạp.

Chẳng những công thương, trăm việc đều phải mẫn-tiệp : trong lúc chiến-tranh hẳn người mẫu-tiệp ra làm tướng, trong chỗ chính-trị hẳn người mẫn-tiệp có đại-quyền ; chiếm ưu-thắng trong việc pháp-luật, có giá-trị trong tờ tân-văn, tất là những tay người mẫn-tiệp ; cơ-quan thành bại sai nhau giây phút, nếu để thoát khỏi thì không vớt lại được nữa.

Dự-bị nghĩa là trước khi làm việc phải có dự-bị, như người đi buôn phải có vốn. Đi buôn sẵn có tư-bản thì tùy-thời mua hàng được tiện-lợi ; làm việc có dự-bị thì tùy-thời chuyển-bát được mẫn-tiệp. Như mình muốn gọi một người nào, nếu là người mình đã biết trước, thì gặp người gọi ngay được tên, mà không lúng-túng. Lại như người diễn-thuyết, nếu tôn-chỉ đã bố-trí trước, thì lúc lên diễn-đài, không phải nghĩ-ngợi gian-khổ.

Luật-sư là người hộ-biện cho người ta lấy được kiện ; cũng phải dự-bị mới được. Trước khi ra chỗ công-đường, phải lập tòa thẩm-phán ở nhà mà thao-diễn. Có người làm bên nguyên, có người làm bên bị, lại có người thay kiện cho hai bên. Lúc thẩm-phán, quan tòa hỏi thế nào, bên nguyên khai làm sao, bên bị đáp làm sao, hai bên thày kiện biện-bác làm sao, cứ diễn đi diễn lại, gặp chỗ nghi-nan phải tìm lẽ bổ-cứu ; luật-pháp đã thuộc, thể-thức đã quen, đến lúc ra pháp-đình tùy ý biện-luận, ứng-đối như lưu, nhất-thiết như mình đã liệu, bấy giờ mới làm luật-sư được.

Chẳng những luật-sư, thày thuốc cũng vậy : kẻ tập nghề làm thuốc, lúc bình-thời, phải đem các chứng nghi-nan mà nghiên-cứu cho tinh-tường, mới có thể ra mà trị-bệnh được. Nếu không dự-bị, bệnh này chưa gỡ xong, đã tiếp đến bệnh khác, ứng-tiếp không kịp, phải có lúc quẫn-bách, còn gọi là lương-y sao được.

Suy ra chức-nghiệp gì cũng vậy, không dự-bị thì hay thất-thố ; hay thất-thố thì không hay suy nghĩ được, không phán-đoán được tất là không có tài xử-sự.

Dự-bị lại là cái tài-năng để đón lấy những cơ-hội tốt. Mấy người nghèo-hèn, thấy người ta làm nên giàu-có vinh-hiển, thường than-thở với nhau rằng : « Người ta gặp được cơ-hội tốt cho nên làm nên, còn mình không gặp cơ-hội biết làm thế nào ? » Câu nói ấy thật là khẩu-khí những người nghèo hèn. Cơ-hội ở đâu ? Vẫn ở ngay trước mắt. Mà mình không gặp là vì mình không có tài-năng để đón lấy cơ-hội. Cũng như người đi săn hươu, không có tài-năng nhảy một cái nắm được hươu thì hươu chạy bên mình, cũng chẳng bao giờ bắt được. Tài-năng ấy phải có luyện-tập mới có, mà cộng luyện-tập tức là dự-bị. Muốn làm quản-

lý một nhà buôn phải dự-bị toán-học cho tinh-tường ; muốn làm đốc-công một cái công-xưởng, phải dự-bị cơ-khí-học cho tinh-tường. Nếu không có dự-bị, thì một trăm nhà hàng, một nghìn nhà máy, có cần đến quản-lý hay đốc-công, cũng không đến phần mình. Cho nên bảo rằng dự-bị là cái tài-năng để đón lấy cơ-hội.

16. — Chọn nghề phải hợp với nhân-tài

Sự-nghiệp ở trong thế-giới rất nhiều, người không có thể kiêm được mọi việc. Vậy mỗi người chọn một nghề mà kiếm ăn, cũng là thông-nghĩa trong thế-giới. Song cùng một việc làm, có người phú-quí, có người bần-tiện, không phải là việc không có lợi, không phải là người không có tài, chỉ vì chức-nghiệp đối với nhân-tài không xứng.

Những kẻ thanh-niên bắt đầu vào đường thực-nghiệp, trước phải đem các nghề mà khảo-sát, nghề nào xứng hợp với tài mình. Có đứa con trẻ muốn bỏ miếng gỗ vuông vào cái hộp tròn, cả ngày mướt mồ-hôi không được, cũng vì hai vật nó không hợp nhau. Nay không hỏi sự-nghiệp từng nghề, không xét tính-chất từng người, cứ thấy việc thì làm, có khác gì đứa trẻ ngu cho miếng gỗ vuông vào cái hộp tròn sao được.

Chọn nghề lầm hay phải thất-bại. Cũng có người đốc-thực, gặp việc lớn hơn tài mình cứ gắng sức tập quen cũng làm nên được. Song đó là số ít, đến lúc tập cho nên quen, đã phí bao nhiêu là tâm-lực, dù có làm nên cũng chậm-chạp không bằng người. Còn chọn nghề lầm mà thất-bại thì thực nhiều.

Chọn nghề không tinh là tội ở cha mẹ. Những người ít tuổi chưa có từng trải, quyền chuyên-tập cho con trẻ là ở cha mẹ. Nhiều kẻ làm cha mẹ không xét tính-chất con trẻ, không cân-nhắc việc làm, chỉ theo ý riêng mình, bắt con học nghề này, tập nghề khác, không tính đến sự thành-bại về sau ; một lúc sai lầm, cả đời chịu lụy, thực là cái tội ở cha mẹ.

Xét trong nước ta, việc chọn nghề đã khó như thế, mà kẻ làm cha mẹ lại hồ hết có cái bệnh hiếu danh. Hoặc lấy khoa-đệ làm vinh, thì cho con đi học nghề khoa-cử ; hoặc lấy chữ Pháp làm có quyền-lợi thì cho con đi học pháp-văn ; không xét tư-chất con mình, đến nỗi người ta học văn-chương thì đỗ ông nghè ông cử, con mình học chỉ đủ làm anh cùng-nho ; người ta học pháp-văn thì có quyền có lợi, con mình học chỉ đủ làm tôi-tớ. Thời-thế ngày nay, sự-nghiệp phú-quí không hạn một đường nào. Nông công thương đều là sự-nghiệp rất cần trong thế-giới, hễ có tài cao sức giỏi đều được hiển-vinh, còn sự kén chọn một nghề xứng-đáng cho con là ở trí-thức của cha mẹ.

Nói đến cái trí-thức biện-biệt tính-chất con trẻ, lại nhờ ở tâm-lý-học. Những người làm cha mẹ trong xứ ta chưa dễ mà ai cũng có tâm-lý-học. Chỉ nên rộng xem đại-thế trong thế-giới, xu-hướng về mặt nào, lại xem tình-thế người mình cần-cấp ở sự gì, khéo đón phong-trào ấy là khéo chọn chức-nghiệp. Nếu không, hết mọi người đều tập nghề vô-ích, thì hết mọi người không thoát khỏi nghèo hèn, cũng chẳng khác gì du-dân vô-nghệ.

17. — Thân-thể phải giữ cho khang-kiện

Người ta nói : « Những kẻ có tài hay có tật », thực là một sự đáng thương. Song việc đáng thương ấy chẳng những cho một kẻ có tài, trong những người thực-nghiệp lại có lắm người luy-nhược. Có một thày thuốc kinh-nghiệm nói với người ta rằng : Những nhà văn-học, nhà mĩ-thuật thể-cách bạc-nhược đã đành, còn những người làm việc trong mấy nhà ngân-hàng cũng nhiều người phải bảo-hiểm

sinh-mệnh, coi như cái bát cỗ đã có nhiều vết dè vết dạn. Nghe nói mà sợ thay ! Người ta ai không yêu mình, sao ít có người khang-kiện. Kẻ đã có chí làm giàu, cũng phải biết đường tự-trọng.

Người ốm không ra chỗ chiến-trường được. Thế-gian là một chỗ chiến-trường, đời người là đang lúc tranh-chiến. Chốn chiến-trường không phải là chốn an-nhàn, lúc chinh-chiến là lúc lao-động ; người ở đời muốn chiếm ưu-thắng trong nhân-quần, phải có cái lao-động kịch-liệt; nếu thân-thể không được khang-kiện, sao chịu nổi những lúc lao-động kịch-liệt. Ngựa thiên-lý ốm cũng phải thua con ngựa non, cái tầu lớn mà nát cũng không chịu được sóng bể. Huống chi ngựa hèn thuyền nhỏ, còn mong lên núi ra khơi sao được.

Người yếu không vào nhà buôn-bán lớn được. Có người học-sinh đã tốt-nghiệp ở trường Cao-đẳng, lại tinh nghề thư-toán sổ-sách, thường tự-phụ mình có tài làm quản-lý một nhà ngân-hàng lớn. Sau có một người hiến cho một nhà đại-thương. Khi đem ra tra-nghiệm, thày thuốc chê là thể-lực không khỏe, không đủ tư-cách làm thư-ký trong nhà buôn. Bấy giờ mới mất lòng trông-cậy. Ngày nay các nước văn-minh trong công tư các sở, đều có lệ chọn người thể-lực khang-kiện mới cho vào làm việc. Người mà không khang-kiện, thực thiệt-hại cho mình nhiều lắm,

Từ trước đã có câu cảnh-ngữ rằng: « Khang-kiện tức là tài-năng, khang-kiện tức là sắc đẹp, khang-kiện tức là đức-hạnh » ; nay xin kế một câu rằng: « khang-kiện tức là làm giầu ». Thực vậy, người mà không được khang-kiện, có tài cũng vô-dụng, trang-sức cũng vô-duyên, có lòng từ-thiện cũng không tế-độ cho ai được.

Sự khang-kiện không chắc ở thày thuốc.

Trị-bệnh là ai ? Tất là thày thuốc Song thày thuốc trị bệnh cho người ta mà không làm người ta nên khang-kiện được. Trước có một người thư-ký ở nhà ngân-hàng, vốn là người thân-thể tráng-kiện, ăn uống những đồ tinh-mĩ, vận-động theo phép vệ-sinh Nhân tiêu mất mấy nghìn bạc của ngân-hàng, lo quá mà sinh ra bệnh. Thày thuốc không hiệu-trị, bó tay mà chờ chết. Có người thân-hữu biết cái bệnh-nguyên, đến khất với người Tổng-quản cho người đau khỏi chết mà trả nợ. Rồi lại đến mà yên-ủi người đau rằng : Tổng-quản đã cho khất, không còn phải lo gì nữa. Người thơ-ký mừng quá, bệnh cũng khỏi dần. Vậy biết sự khang-kiện của người ta, ngoài phép vệ-sinh bằng thuốc-thang ăn uống, vận-động về thân-thể, còn có phép dưỡng-sinh bằng tinh-thần, còn trọng-yếu hơn nữa.

Hại người không cứ thuốc độc.

Sinh-mệnh người ta có hai phần: 1° là thân-thể, 2° là tinh-thần. Thân-thể là phần hữu-hình, lấy tinh-thần làm chủ-tể; tinh-thần vượng thì thân-thể cũng vượng, tinh-thần suy thì thân-thể cũng suy. Hai phần ấy quan-hệ với nhau như hình với bóng, khoảnh-khắc không lìa. Thường thấy có người nhân thương con mà chết, nhân thương vợ mà chết, thương cha mẹ mà ốm ; lại có người nhân sự-nghiệp thất-bại mà chết, có người nhân tức-giận mà chết, nhân ưu-sầu mà chết. Ấy đều là tổn-thương tinh-thần mà di-hại đến nhục-thể. Cái ưu-sầu cảm-phẫn làm hại người ta quá hơn là thuốc-độc là thế.

Sống người không cứ thuốc hay.

Hại người đã không cứ thuốc độc, thì sống người không cứ thuốc hay, cũng vì lẽ ấy. Có người đang lúc khốn-cùng là người yếu đuối lắm bệnh ; nhất-đán dắc-chí, sinh ra khỏe mạnh, những bệnh cũ khỏi đi lúc nào không biết.

Có người danh-y nói rằng trị bệnh óc không phép gì hay hơn là làm cho hả lòng. Có nhà dùng bí-thuật mà nuôi người đau, còn mạnh hơn là thang thuốc. Mỗi ngày cho trông những bó hoa ngoạn-mục, cho nghe những lời nói vui tai. Mắt vui thì lòng an, tai vui thì ý thuận, như thế là lấy tinh-thần mà chữa nhục-thể.

Lại xem xưa nay những người hào-kiệt đảm-đang những việc trọng-đại, nhọc lòng khổ-chí biết là bao nhiêu, có khi bỏ ăn quên ngủ, trải gió tắm mưa, nhiều điều không hợp với phép dưỡng-sinh, thế mà thành-nghiệp lớn, lập công cao, lòng khoái-lạc người càng khang-kiện. Mới biết nhục-thể dưỡng-sinh không bằng tinh-thần dưỡng-sinh.

Sáu phép dưỡng-sinh về tinh-thần.

Muốn làm giầu trước phải giữ thân-thể cho khang-kiện. Mà đạo giữ thân-thể cho khang-kiện lại không chắc ở thầy, không chắc ở thuốc, chỉ chắc ở tinh-thần. Vậy có sáu phép dưỡng-sinh về tinh-thần như sau này, thực là đại-thừa của Phật-đạo, linh-đan của Thần-tiên, những người căn-duyên thiển-bạc chưa dễ mà biết đến.

1º — *Ý-chí kiên-cố.* — Ý-chí ở trong lòng người ta, cũng như xương ở trong thịt, cột ở trong nhà; người không có xương thì người ngã, nhà không có cột thì nhà siêu. Cho nên những người ý-chí bất-kiên, thì tinh-thần không hoạt-bát, thân-thể không phát-đạt. Lấy ý-chí vững-bền như sắt như đá mà xử mọi việc, ấy là phép khang-kiện thứ nhất.

2º *Có hy-vọng lớn.* — Ở đời kỵ nhất là thất-vọng. Nhân việc làm thất-bại mà hôi-tâm tán-chí, như người đã sắp đến kỳ tử-vong. Cho nên những kẻ anh-hùng làm việc dù phải thiên-tài vạn-triết thế nào, cũng vẫn có lòng hi-vọng, thân cực-lao mà lòng cực-lạc; việc dĩ-vãng đã quá, việc tương-lai còn dài. Ấy là phép khang-kiện thứ hai.

3º *Công-minh chính-đại.* — Xử-sự hay dùng trí vặt, hay khi-trá, làm cho trong lòng không yên-ổn hay nghi vực, tự-nhiên sinh ra vô-cùng ma-chướng. Cho nên hằng ngày làm việc chỉ nên công-minh chính-đại, ấy là ông phúc-thần bảo-hộ cho mình được khỏe mạnh, giải-thích hết mọi điều buồn-bực, tiêu-trừ hết mọi điều thống-khổ? Ấy là phép khang-kiện thứ ba.

4º *Lòng thường khoái-lạc.* — Thân người ta nhờ huyết mà sống. Song huyết trong là huyết hữu-dụng, huyết đục là huyết vô-dụng. Nếu lòng người ta không được khoái-lạc, hay uất-não, thì huyết trong biến ra huyết đục. Có người nhân quá giận mà chết, chết rồi, thầy thuốc mổ ra mà xem, thấy bao nhiêu huyết-quản rách cả, huyết thâm tim lại. Nên có cái lòng khoái-hoạt, ấy là phép khang-kiện thứ tư.

5º *Tâm-thần vận-động.* — Người ta thường hiểu lầm rằng: lao-động là thương-thân, mà an-nhàn là dưỡng-sinh; cho nên chỉ tham những cách ăn dưng ngồi rồi. Không biết an-nhàn chính làm cho tiêu-hao tinh-lực mà thân-thể cũng ủ-trệ. Chớ tham nhàn, chớ sợ phiền, ấy là phép khang-kiện thứ năm.

6o *Thay-đổi tư-tưởng.* — Dưỡng-bệnh không gì bằng thay đổi phong-khí chỗ ở, dưỡng-tâm không gì bằng thay đổi tư-tưởng. Những nhà triết-học có người lấy làm bài tinh khó làm sự nghỉ-ngơi, có người lấy nghiền-nghĩ khoa-học làm sự nghỉ-ngơi. Không phải những người ấy có thể-chất khác hơn người ta; chỉ vì khéo thay đổi tư-tưởng, làm cho tâm-tư thường không ngưng-tụ vào một việc, và thường thấy có lạc-cảnh luôn. Ấy là phép khang-kiện thứ sáu.

18. — Phép trị bệnh lười

Phương-pháp làm giàu trọng ở cái lòng kiên-nhẫn, mà thực ít người có

cái tư-chất ấy. Vô-luận những người thanh-niên khinh-bạc, chính những người có chí, cũng ít hay bền lòng theo đuổi cho đến lúc thành-công, cũng là vì cái bệnh lười biếng. Bệnh lười là một cái bệnh dễ tiêm-nhiễm, quá nửa phần người trong thế-giới có cái bệnh ấy. Người có bệnh lười gọi là người lười. Người lười thì không vào trong thực-nghiệp được. Muốn cho mọi người đều có thực-nghiệp, trước hết phải trị cái bệnh lười.

Bệnh lười là cái căn-nguyên hết mọi điều thất-bại, ai cũng đã hiểu nghĩa ấy ; mà mấy người thất-bại, nào có ai tự-nhận là mình lười. Có anh chàng lười kia, việc gì cũng nhờ đến tay người vợ. Một hôm, vợ đi vắng lâu, để sẵn đồ ăn cho chồng ở đầu giường. Lúc người vợ về, thì anh chồng chịu đói mà nằm đã gần chết. Vợ trách chồng sao không chịu đi tìm đồ ăn. Chồng cũng trách vợ sao không để đồ ăn vào tận miệng. Câu ấy dù là một chuyện khôi-hài, song cũng đủ hình-dung cái lười làm cho ngộ-sự là thế. Những người ở trong thực-nghiệp, không cứ hẳn như anh suýt chết đói ấy, mới gọi là lười. Những một tay, chậm một bước, lòng hơi nản, việc hơi đình, ấy là người lười, ấy là con ma khôn nó dun-dủi công việc vào đường thất-bại.

Gần đây y-học càng ngày càng tinh, có người chuyên-trị các bệnh về gân óc, biết rằng người ta cử-động là chủ ở gân óc. Những người lười tất là óc có bệnh, hoặc nhân lao-động không hợp, phương-pháp, hoặc nhân ăn đồ không tiêu-hóa, hoặc không hay vận-động để liệt gân-óc. Vì trong óc có những cái bong-bóng rất nhỏ, ấy là chỗ tư-tưởng người ta phụ-lệ vào đó. Khi những cái bóng nhỏ ấy đã mất thế-lực đi, thì tư-tưởng phải suy ; tư-tưởng đã suy thì cử-động chậm-chạp, không chịu cần-lao được nữa.

Tinh-lực người ta ở trong gân óc. Tinh-lực người ta là gì ? Là cái động-lực ở trong một ngày, mỗi người một khác, có lúc gân óc tự có động-lực ; mà phần nhiều là ở lúc thanh-thần. Dù người lười biếng, trong óc cũng có lúc tinh-lực hoạt-động ; song không có một lúc nhất-định, cũng không hoạt-động được lâu. Người mà chưa chết, tinh-lực vẫn còn, khéo dùng thì mỗi ngày một nhiều, không khéo dùng thì mỗi ngày một giảm.

Muốn chữa bệnh lười phải tập giữ qui-tắc cho quen. Tinh-tính người ta cũng như con tì con vị, dễ tập cho quen. Mỗi ngày ăn những vật gì, quen ăn ở lúc nào, đều có trình-độ thì quen. Hễ ăn đồ khác thì không tiêu, quá giờ ăn thì đói ; thế là thói quen của tì vị. Ý-tứ người ta cũng vậy : mỗi ngày giờ nào làm việc, giờ nào nghỉ-ngơi, hễ quá giờ thì nhọc-mệt, thế là thói-quen về ý-tứ. Người có bệnh lười, cứ giữ thì-khắc mà làm việc, dù không khoái-lạc, cũng cứ miễn-cưỡng mà tập cho quen, tinh-lực một ngày một tăng-tiến lên, thì cái bệnh lười phải tiêu đi hết.

Trong thiên này hay chú-ý về bọn thanh-niên, vì thanh-niên là cái cơ-hội rất tốt về sự-nghiệp làm giàu, quá cơ-hội ấy thì không còn cơ-hội nào khác nữa. Những người thanh-niên ngày nay chẳng bao lâu mà nên người phú-hào, hoặc chẳng bao lâu mà nên người lão-hủ, cũng ở cái chí-hướng của người thanh-niên. Thanh-niên thật là những người đặc-sắc, khiến cho người ta chú-ý, khiến cho người ta trông-mong !

NGUYỄN BÁ-HỌC *dịch*

TỒN-CỔ-LỤC [1]

IX

Y-học

Khoa y-học Tàu khởi-thủy ra từ ông Viêm-đế Hoàng-đế, lại có Lôi-công, Kỳ-Bá phò-tá thêm vào ; các đấng thánh-nhân đời xưa lo-lắng về việc vệ-sinh cho nhân-quần, rất là chu-chi. Tự đời trung-cổ trở xuống, các bậc danh-y xuất-hiện ra cũng nhiều, làm ra sách-vở càng ngày càng nhiều mãi ra, nhưng đại-lược chẳng qua có tám kinh tám vĩ mà thôi. Tám kinh là : *châm, biêm, chích, thang, hoàn, tán, cao, đồ* ; bệnh ở ngoài cơ-phu thời dùng thuốc cao, đồ ; bệnh ở trong kinh-lạc, tạng-phủ, thâm thời dùng phép châm, biêm, chích ; thiển thời dùng thuốc thang, hoàn, tán ; trong tám kinh ấy còn phải quyền-hành châm-chước cho khéo thời phải có tám vĩ là : *vọng, văn, vấn, thiết, công, bổ, bình, tán*. Vọng 望 là xét xem thân-thể diện-mạo ; văn 聞 là nghe xem tiếng nói hơi thở ; vấn 問 là hỏi kỹ xem cho tường nguyên-ủy ; thiết 切 là án xem cho biết mạch-lạc ; công 攻 là công-kích cái bệnh-chứng nó hăng quá ; bổ 補 là bồi-bổ cái khí-huyết nó yếu kém ; cái gì thiên-lệch thời bình 平 lại cho ngay ; chỗ nào uất-kết thời tán 散 đi cho thông. Đó là tám kinh, tám vĩ, kể cả là mười sáu điều, không thể khuyết được điều nào mới có thể làm người lương-y được. Còn như phép cắt da, nạo xương, tẩy dạ-dầy, rửa trong ruột, những cách chữa như thế rất là nguy-hiểm, không phải bậc thần-y rất giỏi không thể bàn đến những phép ấy được.

Thầy thuốc nước ta đời cổ-giả có ông Đổng-tiên 董仙, ông Châu-y 鄒醫 là bậc danh tiếng, về sau học-giả thất-truyền, phép *châm, biêm* ở trong tám kinh, lối *vọng, văn* ở trong tám vĩ, đều bỏ xao-nhãng không ai lưu-ý đến cả ; còn như phép *chích* thời không hiểu chính-huyệt ở chỗ nào ; phép *thiết* thời không biết mạch-lạc đi làm sao ; thế ra 16 điều yếu-quyết về y-khoa mà đã bỏ đi mất sáu, lẽ thâm thời bỏ mất chỉ học được lẽ thiển, điều tinh thời quên mất chỉ biết được điều thô, học thuốc như thế mà dám cầm cái mệnh sinh-tử, chữa cái bệnh trầm-kha, tự-phụ là giỏi thuật dưỡng-sinh, như thế chắc đã giỏi chửa ? Than ôi ! dân sinh ở sau đời tam-đại [2], phép giáo-dưỡng đã không ra gì, còn phép vệ-sinh cũng hỏng nốt, thế ra mệnh con người ta chỉ chắc về ông trời mà thôi ; nào những đấng hiền-nhân quân-tử ở đời, mình áo mũ mà miệng nhân-từ, có nghĩ đến điều ấy cho không ? Thương thay !

Y-học đời bây giờ chia làm hai khoa : nội-khoa và ngoại-khoa. Trong ngoại-khoa lại chia làm ba phái : 1° phái họ Nguyễn ở Bảo-tử ; 2° phái họ Nguyễn ở Phù-ninh ; 3° phái họ Nguyễn ở Vân-lũng ; ba phái ấy đều giữ được dòng thuốc gia-truyền, thuốc cao thuốc đồ cũng hiệu-nghiệm lắm, chỉ thuốc nội-ẩm thời xưa nay vẫn quen thói dùng thuốc công-phạt tiêu-hao quá. Nhưng dùng thuốc cao đồ nhiều mà dùng nội-ẩm ít, dẫu không được trúng-bệnh lắm, song cũng không đến nỗi hại.

Nội-khoa thời chia làm hai phái : người chủ mặt tư-bổ thời coi vị đại-hoàng, phác-tiêu như hắn thù ; giả gặp bệnh hư-tổn thực là bổ-ích ; rủi mà gặp bệnh sung-thực lại ngộ dầu thuốc

(1) Tục-kỳ 30, trang 518-523.
(2) Là đời nhà Hạ, nhà Thương, nhà Chu bên Tàu.

bổ vào, thời khác gì lửa cháy lại tưới dầu thêm; gặp bệnh ngoại-cảm mà lầm cho thuốc bế vào, thời khác gì nước nghẽn lại lấp cống; thế thời hại tính-mệnh con người ta thậm tệ hơn là thuốc độc. Thế mà thầy lang nào chỉ chuyên dùng mặt bổ, lại tự-đắc rằng thế mới là vương-đạo, không đến nỗi hại người. Nhưng không biết ăn mãi thịt-thà vào thời càng nuôi to cái khối chưng-hà ở trong bụng; cầm cái mũi đao mảnh-dẻ mà đâm vào xương đầu chối thời sao cho vỡ được; chẳng khác gì vua Yểu-vương, vua Tương-công [1] lúc đánh giặc lại chấp-nệ sự nhân-nghĩa gàn dở.

Người chủ mặt công-tán thời coi vị nhân-sâm, nhục-quế như thuốc độc; giả mà gặp bệnh thực, bệnh ngoại-cảm, mà ngộ dụng hàn-lương, thời khác gì đã rét lại thêm băng vào, hối-hận sao kịp được nữa. Nếu gặp bệnh hư-tổn, mà dụng lầm thuốc công-tán, thời khác gì cầm đuốc ra trước gió, cứu vớt sao cho được nữa. Thế mà thầy lang nào chỉ chuyên mặt thuốc công-phạt, lại tự-đắc rằng dĩ-độc công-độc; bệnh-tác bệnh-thụ có sợ gì. Không biết rằng đem búa rìu mà nện vào cây khô, đưa sóng gió mà xô vào thuyền nát; thời cứu sao cho được, có khác gì họ Thân, họ Hàn làm tướng chỉ chuyên dùng hình-phạt để giúp sự tàn-ngược.

Hai phái ở trên đó thường công-kích lẫn nhau, dẫu người cao-minh cũng không biết theo đường nào cho phải. Ta thường ngày đêm suy nghĩ lời cổ-nhân có nói rằng: « Làm lương-y cũng không khác gì làm lương-tướng » Lương-y thời quan-hệ tính-mệnh người ta, mà lương-tướng thời quan-hệ sự yên nguy trong nước, mỗi đàng một khác mà cũng là một đạo, trị nước có đức-hóa cũng phải có hình-phạt, mà làm thầy lang dùng thuốc bổ cũng có khi dùng thuốc công, không thể thiên-chấp được. Bệnh nào mà quả là hư thời mình dùng thuốc bổ, cũng như là làm tướng dùng nhân-đức, hà-tất phải dùng hình phạt, khắc-bác như họ Thân họ Hàn. Bệnh nào mà quả là thực, thời mình dùng thuốc công, cũng như là làm tướng dùng uy-hình, hà-tất phải phi nhân-ơn để cho bầy nước Chư-hầu càng kiêu-đông mãi lên; sinh-trưởng sát-phạt, đều tùy-thời cho phải, chớ có chấp-nệ sao được.

Hoặc có người bác rằng: « Ông nói vẫn là phải, nhưng biết phân biệt kẻ nào là thiện mà mình thi-ân? kẻ nào là ác mà mình gia-phạt? »

Ta đáp lại rằng: Trước tôi đã nói tám kinh, tám vĩ, không thể khuyết một điều nào được, phải học sách Nội-kinh cho tường, lại tham-bác các sách y-thư cho rộng, đừng có chấp-nệ sách Cảnh-nhạc, Phùng-thị quá mà ghét thuốc công-phạt; đừng có chuyên-trị pho « Y-học hồi-xuân » quá, mà không dùng thuốc tư-bổ; học biết cho tinh, làm cho phải đường, dẫu làm lương-tướng cũng được, nữa là làm lương-y!

* * *

Nước ta về đời Lê-quí có hai ông danh-y: một là ông Lê Lãn-Ông 黎 懶 翁, người làng Liêu-xá, ngụ-cư ở Nghệ-an, chúa Tĩnh thường đón về kinh-đô để chữa bệnh. Cụ có làm ra bộ sách *Lãn-ông toàn-tập*, *Mộng-trung-giác*, và bộ sách *Chẩn-đậu chuẩn-thằng*, học-lực thâm-thúy, nghị-luận sác-đáng, song cũng ít dùng thuốc công-tán, học-giả bây giờ vẫn tuân-phụng làm lời châu-ngọc cách-ngôn.

Hai là quan thị-trà người Xuân-dục tên là Nguyễn-Quí 阮 貴, đỗ chân giám-sinh tri-huyện Tiên-minh, cụ học được

(1) Đánh giặc không cho bắt người đầu hai thứ tóc.

y-thuật chính-truyền, án mạch rất tinh, chữa bệnh rất thần-hiệu. Chúa Tĩnh thăng cho làm tham-nghị xứ Au-quảng.

Biểu-huynh ta là Phạm Tôn-Kiệu, nhân vợ phải chứng sản-hậu đau bụng huyết-thống thành hòn, cụ bảo sắc một lạng toàn-quí, mài ba đồng nhục-quế, uống khỏi liền. Học-trò hỏi cụ sao không lập ra thành bài. Cụ bảo rằng : Huyết ngộ hàn thời nó đọng lại, gặp nóng thời nó tan đi, chỉ hai vị là khỏi, cần gì phải lập thành bài.

Trọng-huynh ta nhân vợ mắc bệnh uống lầm phải đại-hoàng, bụng phát trướng, khát nước, đại tiểu câu bế ; mời cụ án mạch, cụ bảo không can chi, chỉ cho uống một lạng dương-sâm, năm đồng ngưu-tất, ba đồng phụ-tử, uống xong hạ xuống khỏi liền. Nho-sinh Nguyễn-Viên phải chứng phù-thũng, đã phát mê-sảng, cụ cho uống một thang « phụ-tử lý-trung » gia đại-hoàng, cũng khỏi liền ngay. Còn như cụ xem mạch cho ông Giám-sinh Nguyễn-Thảng, biết rằng sang năm sau tất phát bệnh to ; xem mạch cho trọng-huynh ta biết rằng ba năm nữa thời chết, sau đều quả-nhiên như thế cả. Còn nhiều công-hiệu nữa, không kể cho xiết được, xem đó thời biết cụ án-mạch rất tinh.

Lạm-bình. — Xét bài cụ Phạm tiên-sinh bàn trên này, nói về y-lý rất là tường-tận, thời biết làm thầy thuốc cốt phải tinh-thông tám kinh tám vĩ, mới đủ cái tư-cách làm thầy. Nhưng tiếc thay phép châm, phép biêm trong tám kinh thời không ai hiểu, mà phép chích thời chính-huyệt chỗ nọ lại lầm ra chỗ kia; trong tám kinh chỉ gọi là biết mấy thứ thuốc *cao*, *đan*, *hoàn*, *tán*, Phép vọng, phép văn trong tám vĩ thời không ai sành, mà phép thiết thời mạch cấp lại nhận lầm ra mạch sác ; trong tám vĩ chỉ gọi là biết mấy bài thuốc *công*, *bổ*, *bình*, *tán*, Thế ra mười sáu điều tinh-yếu trong y-khoa đã bỏ mất sáu, chỉ còn biết những điều thô-thiển mà thôi, không trách được khoa y-học nước ta càng ngày càng kém. Đó là vì nước ta xưa nay không có khoa y-học chuyên-môn, ai xem được pho sách thuốc nào của Tàu thời theo pho ấy mà làm, chớ không có bằng-cấp tốt-nghiệp y-khoa gì cả ; vì thế cho nên có người con *lý* 狸 ra con *bể* 貍, mà cũng ngất-ngưởng thầy lang, thời tài nào tinh-hiểu hết được y-lý uyên-thâm của các bậc tiền-triết. Vả lại xưa nay nhà vua thời có quan ngự-y, nhà quan thời có ông điều-hộ, đến như dân-gian thời gặp ai mời ông ấy là thầy, để cầm cái tính-mệnh sống chết cho mình, may mà phúc chủ lộc thầy thời còn khá ; rủi mà gặp phải thầy vườn thời còn biết đâu mà phân-biệt được nữa. Than ôi ! nam, phụ, lão, ấu, hàng trăm triệu đồng-bào trong một nước, mà xưa nay chỉ huyền tính-mệnh ở con dao cầu cùn sắc của các thầy lang, nghĩ cũng kinh thật mà sợ thật ! Song càng nghĩ lại càng thương.

Nào xưa nay có phải không có các bậc nhân-nhân quân-tử nghiên-cứu về đường y-dược, ra đề cứu-dân độ-thế đâu, kể các bậc danh-y từ xưa đến nay cũng không thiếu gì người vậy; đời trung-cổ thời có ông Đồng-tiên, ông Châu-y; mới độ hơn một trăm năm nay về đời Lê-quí, thời có ông Lê Lãn-ông, ông Nguyễn Thị-trà. Lại còn về phái ngoại-khoa thời có các chi họ Nguyễn ở Bảo-tử, Phù-ninh, Vân-lũng, cũng đều là các nhà y-học danh-gia cả. Nhưng đến bây giờ thử hỏi ai là con cháu cụ Lãn-ông? Ai là chi-phái quan Thị-trà Xuân-dục? Hay chỉ là một nhà bán thuốc viên thuốc chén, tinh thang kể lọ lấy tiền thời không kể chi nữa. Nếu có phải là bậc nhân-nhân quân-tử, muốn phát-minh cái y-phái cụ Lãn-ông về sau này, thời phải tinh-thông mạch-lạc, kê-cứu dược-phương, rồi phiên-dịch ra từng

khoa từng mục, luận-án ra từng chứng từng phương, hoặc đem cái y-lý cũ mà tham-bác với y-lý mới của Thái-Tây để cho rộng thêm ra, như thế thời y-học ta mới có thể phát-minh ra được.

Còn như các thứ vị thuốc thời nên kê-cứu nam-dược cho càng ngày càng đủ mãi ra, chớ không nên toàn ỷ-lại ở nước người ; nước Nam ta cũng không thiếu gì vị thuốc quí, nói về sâm thời có sâm Chung-sơn, sâm Bố-chính, lại còn thứ sâm ở làng Đông-ngạc trồng cũng hậu-vị lắm không kém gì đảng-sâm. Hoài thời có hoài Đinh-bảng, qui thời có qui Bắc-cạn. Lại còn loài thảo-mộc như sa-nhân, thảo-quả, tô-mộc (vang), đại-hồi, kỷ-tử, hương-phụ (củ gấu), thổ-phục-linh (củ khúc-khắc), ý-dĩ-nhân. Loài sinh-vật như lộc-nhung, qui-bản, miết-giáp, tê-giác, đều là loài qui cả. Huống chi lại còn cỏ ích-mẫu, hạt hoàng-qui (vung-vang), lá thương-nhĩ (lá ké), vỏ ngũ-gia-bì, ngưu-tất tức là cỏ sước ; hạt cơm-xôi tức là ngũ-vị ; xa-tiền tức là mã-đề ; hạt sen tức là liên-nhục, vân vân; qui nhất thời là nhục-quế Thanh-hóa, đậu-khấu Bình-thuận, kỳ-nam Khánh-hòa, đến người Tàu cũng phải mua để mà dùng; đại-khái như thế thời nước Nam ta có thiếu gì vị thuốc đâu. Chỉ vì người nước ta xưa nay không chịu kê-cứu, chỉ quen cái thói ỷ-lại thổ-hóa nước người, mà thổ-hóa của mình thời không biết trọng-dụng, cho nên dẫu có các vị thuốc mà cũng như không, lại bảo rằng thổ-nghi nước mình không hậu, nên thuốc nước mình không tốt. Sao không xem như các vị ý-dĩ, sa-nhân, nhục-quế, đậu-khấu.... thời sinh ở đâu trồng ở đâu, mà người nước ngoài cũng còn chuộng là thứ thuốc hảo-hạng. Nếu người nước Nam mà biết trọng-dụng thổ-hóa nước Nam, thời càng ngày càng kê-cứu mãi thêm ra, hoặc tuyển giống tốt mà trồng cho nhiều, hoặc tùy thổ-nghi mà bồi-bổ cho hậu, thời lo gì các vị thuốc không được hậu khí-vị bằng mấy những vị thuốc ở tự nước ngoài đem vào, giá có phải mua dùng chăng nữa cũng là phần ít mà thôi, thời quyền-lợi không đến nỗi lậu-chi cho lắm.

Nói tóm lại việc y-khoa là một việc quan-hệ đến nhân-sinh tính-mệnh, rất nên cẩn-thận, không phải là một nghề bán thuốc rao, hoặc độn cho to thang, lèn cho nặng tễ được; người nước ta xưa nay phần nhiều đã quen dùng những thứ thuốc ấy, thời những phương thuốc bát-chân bát-vị ta cũng còn phải lợi-dụng chớ không thể đừng được. Nhưng muốn lợi-dụng thời cốt nhất phải có người học-thức kê-cứu về y-học cho tinh-tường, rồi phiên-dịch ra cho thành sách, đại-khái chia ra làm mấy mục như sau này: 1° Nội-kinh, và các bài y-lý của các tiên-nho ; 2° Kinh-lạc, chẩn-mạch, thế nào là mạch sác, thế nào là mạch cấp, phân-biệt ra cho rõ; 3° Biện-chứng, tên bệnh gì biện-chứng nó thế nào, thí-dụ như thế nào là kinh, thế nào là giản... ; 4° Cổ-kim dược-phương ; 5° Kinh-nghiệm y-án; 6° Các phương nam-dược thần-hiệu. Nếu dịch thành được một pho sách thuốc hoàn-toàn đại-ước như thế, mà kinh-nghiệm kê-cứu cho tường, thời về sau này mới có nhiều người tinh về y-học được.

Cái tệ nghiện chè tự đời cố Lê

Sự-tích nguyên-ủy uống chè tường chép ở bộ sách *Kiên-bảo* 堅瓠, không kể xiết được. Đến đời nhà Tống mới thấy đúc ra các thứ cấp-thiêu, ấm chén, để làm riêng một bộ chén pha nước uống chè, như ông Giới-phủ thích thưởng thứ chè Dương-tiện, ông Tử-chiêm thích uống thứ chè Vân-long. Từ đời nhà Minh, Thanh trở về sau, chế ra các thứ chè lại càng tinh-mỹ

lắm, nào là chè tuyết, chè hương, không thiếu một thứ gì ; cùng cả các thứ ấm chuyên, chén mẫu, than luyện, hỏa-lò, cấp-thiêu, đều bày kiểu vẽ mẫu làm ra đủ cả ; mà nhất là chè Võ-di 武夷, lò Thành-hóa 成化, ấm chuyên Dương-tiện 陽羨, đều là thứ tuyệt-phẩm ai cũng chuốc mua lấy được.

Người nước ta nghiện chè cũng giống như bên Tàu. Ta sinh-trưởng về đời Cảnh-hưng (1740) đương lúc trong nước thái-bình, các hàng công hầu, họ quí-thích, và các cậu công-tử nhà quan sang, đều đua nhau xa-xỉ, cái ấm chuyên, cái đĩa cồ, có người vất ra đến mười lạng bạc đẻ mua, lại thường ra thăm tiệm chè, vác từng trăm từng chục quan tiền vứt vào các cửa hiệu buôn chè để mua lấy được. Lúc ngồi rồi pha chè đối-ẩm, lại đánh cuộc nhau xem mùa chè sang năm sớm hay muộn ; hoặc đố nhau rằng giá chè năm nay hạ hay cao ; kẻ thích hoa-hương, người ưa hậu-vị, chả chuyên chén mẫu, dẫu phí bao nhiêu cũng mua cho được mới nghe ; thậm-chí có người đặt tiền trước để mua chè chính-sơn, thuê tàu buôn để đúc kiểu chén mới, hiếu-thượng xa-xỉ đến như thế là cùng. Than ôi ! cái thú-vị uống chè có phải ở thế đâu. Nguyên cái tính chè nó tĩnh-khiết, cái hương chè nó thơm-tho, hoặc lúc sớm mát đêm thanh pha ra mà uống, cũng có thể tỉnh u-mộng, rửa tục-trần, cho nên cổ-nhân mới chuộng là vì thế. Về sau này chế-hóa ra càng khéo, thưởng-giám lại càng tinh, lúc uống chè nào là bày ra cái lò, cái ấm, chén tống, chén quân, phì-phạch pha từng chén một, như thế thực rất là phiền ; huống lại còn đương đám cỗ bàn ruồi nhặng, hoặc lúc chè chén lang-tạ, nào là ồn-ào điếc tai, tục-nhũng rối ruột, dẫu giở ra chè ngon ấm cồ để pha uống, thời còn biết cái thú-vị chè là thế nào nữa !

Lạm-bình. — Cái tệ nghiện chè từ đời cố Lê như cụ Phạm tiên-sinh thuật ở trên này thực là xa-xỉ, không những là tốn về tiền mua chè, mà lại tốn về tiền mua ấm chuyên chén cồ, một năm những tiền hư-phí bỏ ra nước ngoài, không biết là bao nhiêu ; thế mà dân ta không biết tỉnh-giảm đi, cứ giữ thói quen, hễ động có việc gì tống-tặng đều lấy chè làm đầu, nào là một cân nửa cân để làm lễ vào cửa quan-nha ; nào là một gói hai gói để làm mồi tặng các thầy kỳ-dịch ; thậm chí lại còn những lúc ngày tư ngày tết, đám cưới đám ma, cũng tất phải giở chè bao thiếc ra thời mới là quí. Đó là tại dân ta chỉ quen tính tham thanh chuộng lạ, không biết trọng-dụng thổ-hóa nước nhà, hễ có khách đến mà không pha được chén chè « đầu xuân » thời không phải là trọng ; cho nên dẫu có chè ta cũng không ai hỏi đến làm chi nữa. Nếu dân ta mà biết trọng-dụng các thứ chè ta thời có thiếu gì chè ngon, nào là chè mạn, chè hạt, ướp sen, ướp sói, ướp cúc, ướp ngâu, hương-thanh vị-hậu biết là chừng nào ! Lại còn các thứ chè khô ở Phú-thọ, chè bạng ở Lâm-tiên, chè vối ở Bắc-ninh, chè nụ ở Phù-lỗ, thời thực là nguyên-chất mà hậu-vị lắm. Ước ao rằng sau này nhiều người biết trọng-dụng thổ-hóa, mà các hàng chè ta càng ngày càng biết chế-hóa hương-vị cho tinh, trang-sức bao hộp cho nhã, mà bán giá cho phải chăng, để tiêu-thụ khắp cả mọi nơi, người nước ta lại dùng chè ta, lọt sàng xuống nia, đi đâu mà thiệt, có thể giữ được một mối lợi-quyền rất to ; can gì phải tham thanh chuộng lạ mà xưa nay chỉ gánh vàng đi đổ sông nào !

ĐÔNG-CHÂU

DANH-THẦN LỤC

(Dịch trong bộ Nguyễn-triều Liệt-truyện)

I

Võ Tánh 武性

Võ Tánh tổ tiên thủa trước là người Phúc-an, thuộc tỉnh Biên-hòa, sau dời đến Bình-dương.

Tánh là người khẳng-khái, trí-dũng hơn người, nhà giàu, không chịu thần-phục Tây-sơn ; mới xin với mẹ bỏ của ra chiêu-dụ hào-kiệt, khởi nghĩa-binh ở Phù-viên (thuộc Gia-định) ; rồi kéo đến Định-tường chiếm giữ Khổng-tước-nguyên-tức là Gò(công thuộc Tân-hòa), tụ đồ-đảng đến hàng vạn người, hiệu là đạo quân Kiến-hòa, tự xưng làm Tổng-nhung, hễ quân giặc đi qua đất ấy, thì đánh giết sạch. Quân giặc thường bảo nhau rằng : « Gia-định tam hùng[1], Võ Tánh là một, chớ có phạm vào mà chết ! »

Năm mậu-thân, Tánh đem cả bộ-thuộc đến bái-yết đức Thế-tổ ở nơi hành-tại [2]. Đức Thế-tổ cả mừng, cho Tánh làm Tiên-phong-doanh Khâm-sai Tổng-nhung chưởng-cơ ; rồi lại gả em là Trưởng-công-chúa Ngọc-Du (con gái đức Hưng-tổ, em đức Thế-tổ) cho.

Khi ấy tướng Tây-sơn là Thái-bảo Phạm Văn-Tham giữ thành Sài-gòn-Tánh đem quân vây đánh. Tham cùng-quẫn xin hàng ; dẹp yên được vùng Gia-định.

Năm Qui-sửu, Tánh được thăng làm Khâm-sai chưởng Hậu-quân-doanh, Bình-sơn tham-thặng tướng-quân, theo đức Thế-tổ ra thu-phục được Phú-an.

Năm giáp-dần, Tánh phụng-mệnh trấn-thủ thành Diên-khánh (bây giờ là Khách-hòa). Trần Quang-Diệu (tướng Tây-sơn) đem hết cả quân vào vây. Tánh kiên-thành cố-thủ ; khi ấy trong thành thiếu lương, quân-sĩ rất khan-khổ, Tánh lấy lời trung-nghĩa khích-khuyến, tướng sĩ đều cố sức đánh, giặc không thể nào phá được. Mùa hạ năm Ất-mão, đức Thế-tổ đại-cử quân thủy bộ ra cứu-viện. Tánh nghe tin có viện-binh đến, bèn thân-đốc tướng-sĩ đương đêm mở cửa thành ra đánh, quân giặc tan chạy. Đức Thế-tổ ủy-lạo khen Tánh rằng : « Tên Diệu là kình-địch, mà ngươi hay giữ vững được thành này, có gặp gió to mới biết được cây cứng thật ! » Bèn phong cho Tánh tước Quận-công.

Tánh tuổi trẻ, mà lại là bậc thân-quí, lập được nhiều công chiến-trận, nên có tính kiêu-căng. Tiền-quân Tôn-thất Hội thường chê Tánh là người thiển-hiệp và bảo rằng : « Cậy mình quí mà không xét đến kẻ sĩ, là lối quan Phiêu-kỵ họ Hoắc [3] ; nay ngươi có bớt kiêu đi, thời mới giữ trọn được tiếng hay ». Tánh nghe lời cảm-tạ, từ đấy nén bớt kiêu-khí, đều được lòng tướng-sĩ.

Năm Kỷ-mùi, Tánh hộ-giá đức Thế-tổ ra thân-chinh, hạ được thành Qui-nhân. Đức Thế-tổ vào thành ủy-lạo, đổi tên là thành Bình-định ; lưu Tánh cùng Lễ-bộ Ngô Tùng-Chu 吳從周 ở lại trấn-thủ. Mùa đông năm ấy, Trần Quang-Diệu, Võ Văn-Dũng lại đem hai đạo quân vào vây Bình-định. Tánh nghe tin, biết thế giặc đương mạnh, chưa có thể đánh được, bèn thu quân giữ thành. Đức Thế-tổ nghe báo, đại-cử thủy bộ chư-quân ra cứu-viện.

---

(1) Đỗ Thanh-Nhân, Chu Văn-Tiếp, và Võ-Tánh là ba kẻ hùng trong Gia-định.

(2) Hành-tại 行在, là nơi vua đi đóng quân ở đó.

(3) Là võ-tướng đời nhà Hán.

Tánh kiên-thành cố-thủ, tùy phương chống-chế, quân-lệnh nghiêm-minh, khích-lệ tướng-sĩ đều liều chết mà đánh, lớn nhỏ cả thảy hơn và mươi trận, không thua trận nào.

Hoặc có kẻ khuyên Tánh vượt vòng vây mà lẻn ra. Tánh không nghe, bảo rằng: « Ta phụng-mệnh giữ thành này, thời ta nên thề cùng với thành cùng sống thác. Nếu bỏ thành mà lẩn trốn lấy một mình, thời còn mặt mũi nào trông thấy chúa-thượng nữa? »

Khi ấy quan-quân đến cứu-viện đã non hai năm trời, đánh mãi không tài nào giải vây được. Đức Thế-tổ sai người lặn nước từ cửa bể lẻn vào, bảo Tánh bỏ thành mà ra hội với quan-quân. Tánh nhất-định xin cố-thủ, sai người cầm tờ mật biểu ra tâu rằng: « Nay quân giặc tụ vây cả ở thành này, thời ngoài Phú-xuân hẳn là không-hư. Xin đem quân thừa-hư ra đánh lấy Phú-xuân, chẳng khác gì đổi ngói lấy vàng, dẫu chết một mạng tôi, mà đổi lấy Phú-xuân cũng phải. »

Đức Thế-tổ được tờ mật-biểu, ngài mới quyết-ý đem quân do đường thủy kéo ra. Đêm hôm ấy đốt lửa ở núi Độc-sơn làm hiệu. Tánh thấy hỏa-hiệu, lại mở cửa thành ra đánh, giết được và tên tướng giặc.

Khi ấy trong thành hết cả lương-thực, quân-sĩ phải giết voi ngựa mà ăn, mà cũng không ai có lòng phản-bội gì cả. Tánh sợ rằng thành hãm thời tướng-sĩ chết hại nhiều, bèn đưa thư ra bảo Diệu rằng: « Phận-sự ta làm chủ-tướng, thời đành liều chết ở dưới cờ. Còn như các tướng-sĩ không có tội gì, không nên giết hại. » Lại bảo các tướng rằng: « Ta uống thuốc độc, nhảy vào lửa, đàng nào cũng chết. Nhưng ta không muốn cho giặc trông thấy mặt, ta đành chết vào lửa mà thôi. » Bèn sai quân lấy củi khô chất đầy ở dưới lầu Bát-giác, và để thuốc súng vào giữa.

Một hôm buổi sớm, Hiệp-trấn Ngô Tùng-Chu sang hỏi Tánh xem định kế gì. Tánh trỏ lầu Bát-giác mà rằng: « Kế tôi đành chịu thác ở đó mà thôi. » Lại bảo Tùng-Chu rằng: « Tôi là võ-tướng, không lẽ cùng sống với giặc được; ông là văn-quan, giặc nó không nỡ giết nào, nên liệu mà tự-toàn lấy mình. »

Tùng-Chu cười mà rằng: « Dù văn, dù võ, ai cũng một lòng trung-ái cả, chớ có phân-biệt chi? Tướng-quân hay liều mình với nước, tôi lại không hay tận-trung với Vua sao? » Nói rồi lui về dinh uống thuốc độc mà chết.

Tánh than rằng: « Ông này lại hơn ta một chước! » Liền thân đến liệm-táng cho Tùng-Chu tử-tế. Cách hai hôm sau, Tánh mặc triều-phục lên lầu hội các tướng bảo rằng: « Ta nhờ có các tướng đồng-tâm mới giữ được thành mà chống nhau với giặc. Nhưng nay lương cạn, lực cùng, giữ cũng không được nữa, thôi thời ta liều mình chịu thác, chớ không làm khổ tướng-sĩ chi mãi. » Các tướng nghe nói, ai cũng thương xót, đứng xung quanh lầu mà khóc, Tánh khoa tay bảo các tướng lui ra, rồi sai phó-tướng Nguyễn Văn-Biện châm lửa. Biện khóc mà chạy. Tánh bấy giờ đang hút thuốc lá, lấy tàn ném xuống đống thuốc súng; lửa tức-thì bốc lên mà thác. Thống-binh Nguyễn Tấn-Huyên 阮進煊 ở ngoài chạy vào, cũng nhảy vào lửa mà chết theo. Hôm ấy là ngày 27 tháng 5 năm Tân-dậu (1801).

Diệu đem quân vào thành, trông thấy cũng rỏ nước mắt, sai làm lễ liệm-táng tử-tế. Còn các tướng-sĩ trong thành, không giết hại người nào cả. Nhưng bọn tướng-sĩ sau đều lẻn về, không có một người nào chịu ở lại theo giặc.

Đức Thế-tổ nghe tin Võ Tánh, Ngô Tùng-Chu tử-tiết, thương khóc than rằng: « Toàn-tiết như thế, dẫu Trương-

Tuần Hứa-Viễn ngày xưa cũng không hơn được ! »

Gia-Long nguyên-niên, sai lập đền thờ ở nền cũ lầu Bát-giác, truy-tặng Tánh làm Dực-vận-công-thần Thái-úy quốc-công ; Chu làm Tán-trị-công-thần Thái-tử thái-sư Quận-công ; Huyên được tặng làm Chưởng-cơ. Năm Minh-mệnh thứ 12, truy-phong Tánh làm Hoàn quốc-công, Chu làm Ninh-hòa quận-công ; đều được phối-hưởng ở nhà Thái-miếu.

II

Nguyễn Văn-Thành 阮文誠

Nguyễn Văn-Thành trạng-mạo khôi-ngô, tính thâm-trầm cương-nghị, chăm đọc sách, giỏi võ-nghệ. Tổ-tiên trước ở Thừa-thiên ; cha là Hiền dời vào ở Gia-định.

Đời vua Duệ-tôn triều Nguyễn ta, Tây-Sơn Nguyễn Văn-Nhạc khởi binh cướp Bình-thuận. Hiền mộ quân hương-dũng theo đi đánh giặc, khi ấy Thành cũng ứng-mộ theo cha, đóng quân ở Cầu-giang. Tống Phúc-Hợp sai Hiền đem và nghìn quân đi tải lương, Thành cũng theo đi. Lúc đang đi nửa đường, quân lính già nửa mắc đội thóc, không kịp phòng-bị, thời có quân giặc đồ ra đánh chẹn ngang đường. Hiền thấy quân giặc kéo ập đến, liền vẫy Thành lui tránh đi. Thành lẻn ra đằng sau trận, sai những quân đội thóc giơ sào lên làm giáo, treo áo lên làm cờ, vòng ra đằng trên Sa-đồng, vừa đánh trống vừa reo mà kéo lên. Giặc ngỡ là có viện-binh kéo đến, phải tháo dần. Quan-quân thừa-cơ lại đánh được toàn-thắng. Phúc-Hợp khen Thành còn trẻ tuổi mà có trí khôn, thưởng cho mười lạng bạc và một cặp áo sa.

Đến sau Hiền bị tử-trận. Đức Duệ-tôn cho Thành làm cai-đội. Thành đi chiêu-tập được hơn 800 quân tráng-dũng, theo Đỗ Thanh-Nhân thu-phục được Sài-gòn.

Năm Ất-tị, Thành theo đức Thế-tổ sang Xiêm ở thành Vọng-các (Bangkok), lại giúp Xiêm đánh phá được Diến-điện (Birmans). Khi ấy vua Xiêm muốn giúp binh. Đức Thế-tổ họp các tướng lại bàn. Thành tâu rằng : « Quân Xiêm tàn-ngược, không nên nhờ họ giúp nữa ; nếu nhờ binh-lực của họ mà được thành sự, rồi tất có lo về sau ; không gì bằng hãy tĩnh để đợi thời. »

Năm Đinh-mùi, Thành phụng mệnh đi đón Hà Hỉ-văn, bị bạt-phong giạt vào Hà-tiên, tuyệt lương, Thành giả làm thuyền giặc đi tuần, vào cửa bể cướp lương. Khi về đến nơi hành-tại ở cù lao Cồ-cốt, đức Thế-tổ biết truyện cướp lương, quở trách Thành, truyền tống giam, sau cho tùng-chinh. Khi quan-quân thất-lợi trận đánh ở Mĩ-tho, có kẻ xui Thành trốn về làng mà ở. Thành bảo rằng : « Vua tôi nghĩa cả, dù sống chết cũng phải giữ lấy ; còn như sự thành bại là tại trời, ta liệu trước sao được. Vả tại nhân phải khiển-trách mà đi, nhân lúc bại-trận mà trốn, đó là kẻ tiểu-nhân phản-phúc, ta không thèm làm. » Bèn cùng với lũ Hỉ-Văn 17 người, vượt bể đi theo đức Thế-tổ. Một hôm gặp bão to, gẫy cả cột buồm, bạt phong giạt vào cửa Ban-phố. Thành chạy vào trong làng, mượn được thuyền, nhờ được lương, lại vượt bể vào Long-xuyên ; sau nghe tin đức Thế-tổ đóng ở Ba-lai, bèn theo đến nơi xin đi chiêu-tập quân nghĩa-dũng để đánh giặc.

Năm Quí-sửu, đức Thế-tổ ra thân-chinh Qui-nhân, cho Thành làm Khâm-sai Bình-sơn Tiền tướng-quan, đem bộ-binh đi trước, đến đâu giặc đều tan vỡ cả. Khi ấy nghe tin Thái-úy giặc là Nguyễn Văn-Hưng đem quân tự Phú xuân vào cứu-viện Qui-nhân. Thành bèn đem quân đến Thạch-tân án-ngữ, năm trận đánh, quân giặc đều phải lui cả. Thành lại do đường bộ kéo đến họp với thủy-quân ở cửa Thi-nại, rồi phụng-mệnh rút quân đến đóng ở Phú-

an. Bấy giờ ai cũng sợ rằng quân giặc đuổi theo, Thành nói rằng: « Trong Qui-nhân (Nhạc ở), ngoài Thuận-hóa (Huệ ở), dẫu là thân-thích, mà thật là cừu-thù, chẳng qua mượn tiếng vào cứu-viện, mà kỳ-thực là định nuốt nhau. Nhạc còn tự-cứu không xong, nữa là đi đuổi theo người. »

Sau Nhạc quả-nhiên phải lũ Hưng bức-tử, lời Thành nói không sai.

Năm Định-tị, Thành phụng mệnh trấn-thủ Diên-khánh, dẹp yên được bọn giặc khách làu-ô, đường bể mới yên.

Năm Kỷ-mùi, Võ-Tánh trấn-thủ Qui-nhân, bị quân giặc vây, Thành phụng mệnh điều-khiển các đạo bộ-binh ra cứu-viện, phá tan các đồn giặc. Quân giặc phải lui giữ Chủ-sơn. Thành đánh mãi không vỡ; sau Thành dò được con đường tây-nam, có thể đánh tập-hậu được, bèn vẽ hình-thế dâng biểu xin thêm quân.

Đức Thế-tổ sai Tống Viết-Phúc, Lê Văn-Duyệt đem quân đến Thị-dã, đều theo tiết-chế Thành. Thành bèn lưu Duyệt đóng quân án-ngữ ở Thị-dã, mà Thành thời đem quân qua núi Bột-khê, hơn hai trăm dặm đường, cứ rấn cơn mưa mà đi, vòng qua Đăng-trại đến sau lưng đồn giặc, phóng hỏa đốt trại. Mặt trước Lê Văn-Duyệt thừa thắng đánh ập vào, quân giặc tan chạy.

Trận này, Thành và Duyệt cùng làm đại-tướng, cưỡi voi cầm cờ, trỏ bảo các tướng. Thành tính hay rượu, lúc sắp vào trận cầm hồ rót uống, lại rót một chén đưa cho Duyệt, Duyệt cười mà rằng: « Uống chén này lại càng hăng-hái thêm lên ». Duyệt cười mà rằng: « Có nhát, mới phải mượn rượu, chớ như trong con mắt tôi chẳng coi quân giặc vào đâu, cần chi phải mượn! » Thành có ý thẹn, bởi thế căm giận Duyệt.

Khi ấy, Thái-tổ sắp khởi trận hỏa-công ở cửa bể Thi-nại, bèn mật bảo Thành đem bộ-binh đêm đánh trại giặc, để cho quân giặc phải chống giữ, thời mặt quân thủy đánh xông vào. Võ Văn-Dũng phải bỏ thủy-đồn mà chạy.

Khi Thế-tổ đem thủy-quân ra đánh Phú-xuân, lưu Thành đóng quân ở Vân-sơn, để chống với giặc. Lại sai đem ấn sắc đến nơi quân-thứ phong cho Thành tước quận-công.

Thành cùng Duyệt hội quân hai mặt đánh thành Bình-định. Diệu, Dũng hết lương, đương đêm bỏ thành lẻn qua đường rừng trốn chạy. Thành chiêu hàng dư-đảng được 3000 người, phụng mệnh ở lại trấn-thủ.

Thành học sách vở thông-thái, am-hiểu chính-thể, trong hàng chư-tướng, đức Thế-tổ trọng Thành hơn cả; không cứ việc lớn việc nhỏ, thường hỏi đến Thành để quyết-định.

Tháng bảy năm nhâm-tuất (1802), đức Thế-tổ định xong Bắc-thành, triệu Thành cho làm Tổng-trấn, cả thảy 11 trấn đều thuộc về cả.

Năm Gia-long thứ bảy (1808), Bắc-thành bốn trấn nổi giặc, giả danh tôn Lê. Thành làm khúc hát « Điểm-mê 點迷 » để hiểu-dụ. Dân-gian có người làm khúc « Tố-khuất 訴屈 », đồ tội tại quan-lại nhũng-nhiễu, cho nên nổi giặc. Thành sức các địa-phương-quan đi hiểu-dụ khắp mọi nơi, và sai các tướng tiễn-tiễu, đều dẹp yên cả.

Năm thứ mười, Thành phụng mệnh sung chức tổng-tài sửa lại luật-lệ, định thành 20 quyển, 398 điều, tâu xin in ra để thi-hành.

Năm thứ mười ba, gặp tang đức Thừa-thiên hoàng-hậu (sinh ra ông hoàng-tử Cảnh), đức Thế-tổ muốn để ông hoàng-tử đệ-tứ (đức Minh-mệnh) làm thừa-tự, vào chủ tế. Thành ngại rằng lòng văn tế khó xưng-hô. Đức Thế-tổ bảo rằng: « Con phụng mệnh cha để mà tế mẹ, danh-chính ngôn-thuận, can gì mà không nên. » Nhưng Thành vẫn có ý bất-mãn. Sau có khi đương buổi triều, đức Thế-tổ hỏi Thành rằng: « Nay hoàng-tôn Đán (con

ông hoàng-tử Cảnh) còn nhỏ, trong hàng các con, nên lập ai là phải?» Thành thưa rằng: «Đích-tôn thừa trọng, mới là chính-lễ. Nay Bệ-hạ muốn chọn người khác, biết con chẳng ai bằng cha, chúng tôi không dám dự biết đến việc đó».

Từ đấy Thành vào triều-kiến, thường tâu xin lập ngôi chữ-nhị [1], đức Thế-tổ im lặng, Thành lại càng nghi sợ.

Con Thành là Thuyên 詮 đỗ cử-nhân khoa qui-dậu, hay làm văn thơ, giao-thông tân-khách, nghe thấy Nguyễn Văn-Khuê, Nguyễn Đức-Nhuận là người Thanh-hóa, có tiếng hay chữ; mới làm một bài thơ sai tên môn-hạ Nguyễn Trương-Hiệu cầm ra mời vào chơi. Hiệu đem bài thơ ấy đưa cho Hình-bộ thiêm-sự Nguyễn Hữu-Nghi. Nghi vốn oán Thành, xui Hiệu cầm bài thơ ấy mách Lê Văn-Duyệt. Duyệt với Thành hai người vốn không hòa với nhau, bèn cầm bài thơ vào triều mật tâu Thuyên làm thơ có ý bội-nghịch [2]. Đức Thế-tổ cũng không hỏi chi. Sau Hiệu cứ giữ bài thơ ấy làm chứng, đón Thành đi chầu về, nắm áo đòi tiền hối-lộ. Thành bất-đắc-dĩ phải bắt Hiệu và Thuyên tống ngục, liền vào chầu tâu vua. Đức Thế-tổ cho là chứng-cớ không rõ, tha tội cho Thuyên, mà Thành vẫn tại-chức như cũ.

Sau lại có kẻ hạch Thành bất-pháp. Lễ-bộ bác Thành không được dự tế Nam-giao. Đức Thế-tổ lại sai Lê-Văn-Duyệt xét lại án người Thuyên. Thuyên phải thú-phục. Thành sợ-hãi xin chịu tội. Quần-thần đều xin đem Thành tống ngục. Đức Thế-tổ nói rằng: «Thành dẫu có tội, nhưng cứ lễ đãi kẻ đại-thần, phải nên xử một cách riêng». Bèn sai thu cả ấn-sắc của Thành, cho về ở nhà. Quần-thần lại tâu: «Cha con Thành cứ phép nên xử tử.»

Gặp khi ấy ngoài Bắc-thành kết-án Lê Duy-Hoán mưu-phản, đệ vào kinh để Hình-bộ xét lại. Duy-Hoán lại chiêu-xưng là tự Thuyên xui làm phản. Đình-thần xin bắt Thành và cả các con giam ở nhà Thị-trung quân-xá. Các đình-thần họp lại tra hỏi Thành có làm phản không. Thành thưa rằng không. Khi Thành trở ra, bảo quan Thống-chế Hoàng Công-Lý rằng: «Thế là thành án rồi, vua bắt tôi chết, tôi không chết, không phải là trung-thần.» Rồi liền uống thuốc độc mà chết, thọ 60 tuổi. Khi ấy có tên thơ-lại nhặt được tờ biểu trần-tình của Thành để lại. Hoàng Công-Lý đem dâng lên, trong tờ biểu có câu rằng: «Sớm rèn tối luyện, kết thành tội cực-ác cho cha con tôi, không còn kêu oan vào đâu được nữa, chỉ có chết mà thôi». Đức Thế-tổ xem tờ biểu, thương tình, sa hai hàng lụy. Rồi phán Lễ-bộ xuất tiền kho làm ma tử-tế.

Thành có tài-lược kiêm cả văn võ, lâm-trận dùng binh, định mưu trước rồi mới đánh, cho nên ít khi thua, huân-lao rất lớn. Còn như mưu-mô việc miếu-đường, Thành điều-trần ra được nhiều việc, đều thứ-đệ thi-hành cả, thực là có mưu xa kinh-lý việc nước.

Năm Minh-mệnh thứ 14, nghịch Ngôi khởi loạn ở thành Phan-an, vì có tên Hàm (con Thành) tùng ngụy, xuống chiếu bắt cả lũ con Thành giết sạch. Đến năm Tự-đức, mới lại được truy-phục chức-tước.

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

---

(1) Chữ-nhị 儲貳 = là ngôi thứ hai để chực sẵn đó, tức là ngôi Thái-tử về sau nối ngôi vua.

(2) Trong bài thơ có câu kết rằng: «Thử hồi nhược đắc sơn trung tể, tá ngã kinh luân chuyển hóa ky, 此回若得山中宰, 佐我經綸轉化機». Nghĩa là: hồi này nếu được Tể-tướng trong núi, giúp ta kinh-luân chuyển động cơ trời.

VỆ-SINH HỌC

Vệ-sinh ! Vệ-sinh ! Mấy năm nay hai chữ vệ-sinh đã thành ra một tiếng khẩu-đầu trong nước. Từ kẻ-chợ đến nhà-quê, chỗ nào cũng nghe nói « vệ-sinh »; từ đàn-bà đến con-trẻ, động cất mồm là nói « vệ-sinh ». Chẳng hay nhiều người lạm-dụng hai chữ « vệ-sinh » có hiểu rõ cái giá-trị của hai chữ qui-hóa ấy cho chăng? E rằng số-kiếp hai chữ « vệ-sinh » không khác gì số-kiếp hai chữ « văn-minh » thủa nọ. Không thế, sao lắm người động nói đến « văn-minh » là nhếch miệng cười. Hình như có ý bỉ-báng, coi như là một câu đùa. Thậm-chí có kẻ vì chút lợi riêng, cũng đem hai chữ « vệ-sinh » ra làm mối lừa đời : nào những chất nọ chế-hóa theo « phương-pháp vệ-sinh », nào những vị kia chuyên-tạo theo « qui-thức vệ-sinh ». Đem thuốc-độc mà bán cho người lại dám gọi là « vệ-sinh » được ư ? Thật là ngạo-mạn công-chúng lắm thay ! Thật là hại cho « vệ-sinh », hại cho « giá-trị vệ-sinh », mà hại cho « vệ-sinh » tức là hại cho « sức-mạnh » của ta.

Dẫu chẳng nói các ngài cũng thừa rõ rằng : *Muốn bảo-tồn lấy nòi ta cho mạnh-mẽ tốt-tươi, không đến nỗi ốm-o cằn-cọi ; muốn gây-dừng cho giống ta được khang-kiện tráng-cường, không đến nỗi yếu-đuối khẳng-khiu ; tất là ta phải cần đến vệ-sinh lắm vậy.*

Nhưng phải thi-hành cách nào mà ban-bố được vệ-sinh ra cho khắp nhân-dân ? Phải tìm phương-kế nào mà cổ-động vệ-sinh cho mọi người cùng am-hiểu, ngõ-hầu mới đem vệ-sinh ra mà ứng-dụng được chăng.

Không phương-kế nào hơn: lập báo vệ-sinh, soạn sách vệ-sinh, mở cuộc giảng-thuyết vệ-sinh, đặt lớp dạy học vệ-sinh, khai trường thể-dục, dựng hội thể-thao, v v. . . .

Trong mấy vấn-đề thiết-yếu cho việc học vệ-sinh nói đây thì đã có vấn-đề nào giải-quyết được chưa ? Đã có khoản nào khả-dĩ gọi là tiềm-tiệm làm được cơ-sở cho khoa-học ấy chưa ?

Xem mấy lời giải sau này thì rõ cái tình-trạng đáng buồn, cái cảnh-tượng khá tiếc cho việc học vệ-sinh trong nước nhà ngày nay ; thực chưa đủ làm minh-tinh cho quốc-dân theo vậy.

Lập báo vệ-sinh. — Từ ngày có báo quốc-âm thỉnh-thoảng thấy đăng một đôi bài hoặc bàn về cách chữa-bệnh, hoặc giải về phép vệ-sinh ; lời-lẽ còn dung-dị, khảo-cứu còn sơ-sài, chưa gọi là then-chốt cho khoa-học ấy được.

Mới đây nghe nói có mấy ông trong hội « Bắc-kỳ Y-sĩ ái-hữu » mưu lập một tập báo chuyên-giải về khoa-học vệ-sinh bằng quốc-âm. Trong bọn có ông Henri Marcel tức Hòa là người đã từng chịu cái nhiệm-vụ khó-nhọc mà đảm-nhận làm quản-lý tập « Y-học tùng-biên » [1] của hội thủ-xướng ra việc lập báo vệ-sinh ấy ; ông là người có công, thật là đáng khen.

Tập « Y-học tùng-biên » số 11 mới rồi, trong bài khuyến-khích việc học vệ-sinh, ông tóm giải mục-đích vệ-sinh mấy lời đích-đáng lược dịch sau này:

---

(1) Tập « Y-học tùng-biên » (*Bulletin mensuel de l'Amicale des Médecins auxiliaires du Tonkin*) là một tập riêng để cho những nhà trong y-giới ta giải-luận, bình-nghị và trích-lục những vấn-đề về y-khoa (nhất là vệ-sinh học) có thể giúp cho mình ngày một thiện-nghệ mãi ra, học-thức ngày càng tăng-tiến hơn lên. Tùng-biên nguyên bằng Pháp-văn, mỗi tháng xuất-bản một kỳ. Các nhà trong Nho-giới có nhiệt-tâm về vấn-đề vệ-sinh cũng nên xem lắm.

« .... Một đường thì những sự phát-
« minh của khoa-học làm cho đời ta
« ngày càng sung-sướng hơn lên, một
« đường thì những nguyên-lý của vệ-
« sinh dự-phòng cho ta tránh khỏi tật-
« bệnh. Vậy thì vệ-sinh là một môn
« học lúc nào ta cũng cần phải nhớ
« đến vậy. « Phú thọ khang ninh » vẫn
« là một lời chúc-hạ phủ đầu ta thường
« mong trớc cho người thân kẻ thuộc
« của ta, như thày-học ta, bầu-bạn ta,
« thân-thích nhà ta. « Sức-khỏe » là
« con đường « Hạnh phúc ». Một người
« giầu-có mà yếu-đuối gầy-còm, trông
« thấy kẻ ăn người ở mình bị khuất-
« nhục dưới mình, mà được mạnh-mẽ
« hơn mình, tất cũng phải thèm. Kẻ
« gồng-thuê gánh-mướn được miếng
« nào sào miếng ấy, cũng chỉ mong
« ước có một điều: là được mạnh
« chân khỏe tay. Người giầu có mạnh-
« khỏe thì mới hưởng-thụ được sự
« phong-túc của mình; kẻ khó có mạnh-
« khỏe thì mới làm-lụng kiếm-ăn
« được, mà có làm-lụng kiếm-ăn được
« thì mới cạnh-tranh sinh-tồn được.

« Không phải rằng vệ-sinh khiến
« cho ta tránh được hết các chướng-
« khí trời đất hay giữ cho ta qua được
« hết các tật-bệnh đau-đớn đâu;
« nhưng nếu ta biết theo phép vệ-
« sinh thì ta cũng đỡ hại được nhiều.

« Mà muốn đạt tới được cái tuyệt-
« phẩm mục-đích là cái « sức mạnh của
« người ta » ấy, có cần gì phải phù-qui
« đâu? Giầu hay nghèo, hèn hay sang,
« ai ai là chẳng có thể hiểu được, lợi-
« dụng được phép vệ-sinh.... »

Lời ông Hòa nói thực là chí-lý. Thật thế, người ta ai là người không muốn cho thân-thể mạnh-mẽ, cân-cốt nở-nang? Ai là người có bà con vắng-mặt xa-xôi, khi viết thơ thăm, lúc gửi lời nhắn, là qua được câu « hỏi thăm mạnh-khỏe », là quên được lời « cung chúc bình-an » ? Anh em xa-cách, gặp nhau tay bắt mặt mừng, câu chào trước nhất là câu « khang-kiện ». Năm mới chúc nhau, đố ai sót câu: « mạnh chân khỏe tay », « sống lâu trăm tuổi ».

Quanh năm, khi lễ chùa nọ, lúc cúng đền kia, các bà các cô tay vái miệng khấn, lầm-bầm súyt-sa, đố ai là người không cầu Trời khấn Phật, phù-hộ độ-trì, cho hai chữ « bình-an ». Khi « cầu mát », lúc « ra hè », nào « đốt mã», nào « làm chay», chẳng qua cũng chỉ vụ được hai chữ « bình-an » làm cốt. Các cửa đền chùa miếu-mạo cũng không qua được bốn chữ « quốc-thái dân-an ».

Nói rút lại, ai ai cũng lấy « sức mạnh » làm trọng, ai ai cũng muốn được bình-an; mà muốn được « bình-an » không « vệ-sinh » không được. Xem thế thời « giá-trị vệ-sinh » thật là trọng lắm.

Ông Hòa giải rõ cái mục-đích vệ-sinh, ông lại hết sức cổ-động việc lập « báo vệ-sinh », ông nói:

« Từ trước đến nay chỉ một phần
« người thức-giả trong nước là chịu
« xem xét đến phép tắc vệ-sinh; nay
« lập ra báo này là cốt để cho cả các
« hạng người trong nước điều thông-
« hiểu được thì mới có được đôi phần
« bổ-ích.

« Các ngài có trách-nhiệm làm cha
« mẹ coi đó sẽ biết cách sinh con dẻ
« cái được cường-tráng và việc nuôi
« nấng con thơ cũng được hoàn-toàn.

« Các ngài có trách-nhiệm làm thày
« coi đó sẽ rõ những điều cốt-yếu cho
« việc dạy học Vệ-sinh. Sau nữa độc-
« giả chư-quân coi đó sẽ hiểu cách chế-
« độ, việc ẩm-thực, lối sửa-sang, việc
« y-phục, phép giữ-gìn cho thân-thể
« cùng là lợi-dụng được không-khí,
« nước-nôi, ánh sáng, v. v. ..

« Ấy là chương-trình Vệ-sinh phải
« nên như thế, phải nên như thế cũng

là vin ở lý-thuyết « sau này : « *Chữa khỏi thì hay, nhưng phòng được lại hay hơn* » [1].

Cổ-động thì cổ-động, hẳn các ngài cũng rõ rằng : việc lập một tờ báo không phải là không có nhiều nỗi khó-khăn, mà khó-khăn nhất là « cái vấn-đề lý-tài » vậy. Vả chăng một hội mới-mẻ phôi-thai như hội « Bắc-kỳ Y-sĩ ái-hữu » sáng-lập ra hồ được một năm mà hội-viên chưa quá số hai chục, dù hội-viên có ý-muốn, có nghị-lực, có nhiệt-tâm đến đâu mặc lòng, — chắc rằng việc lý-tài cũng phải quẫn-bách lắm. Huống-chi hội đã có một tập tùng-biên — như đã nói ở trên — mà nay lại phải cáng-đáng một gánh nặng này nữa thì chắc rằng không dương nổi việc. Nặng thật, lấy tư-bản đâu mà ấn-hành nổi một tập nguyệt-báo ước-lượng ngót một trăm trang ?

Vì lẽ đó mà trong lời cổ-động ông Hòa cũng đã lo-lắng đến rồi :

« . . . . . Nhiều tờ báo quốc-văn cổ-
« động luân-lý và cách-trí thì sao ta
« không cũng cổ-động Vệ-sinh. Nếu
« Chính-phủ đã sẵn lòng giúp công
« giúp của cho các báo quốc-văn khác
« để truyền-bá tư-tưởng Đại-Pháp trong
« xứ ta thì chắc hẳn Chính-phủ cũng
« tận-tâm giúp ta như thế cho ta đạt
« tới được mục-đích của ta. . . . . »

Dù thế nào mặc lòng, nếu một mai mà tập báo Vệ-sinh ra đời được, cũng là nhờ có quan Le Roy des Barres là Thủ-hiến tòa Y-viện Bắc-kỳ đã ra tâm phù-trợ. Khi tiểu hội-đồng hội « Bắc-kỳ Y-sĩ ái-hữu » có kêu xin ngài « *đỡ đầu* » cho báo thì ngài vui lòng ưng nhận ngay và có hứa rằng sẽ hết sức yêu-cầu Chính-phủ cho báo được thành-lập, xem lời kết sau này ngài phê vào đơn xin của hội thì biết tấm lòng phả-cập của ngài :

« . . . . . Vả cái nhiệm-vụ tối-trọng của báo ấy là truyền bá thế-lực Đại-Pháp trong xứ này và sẽ giúp được nhiều việc cho dân bản-xứ. . . . . »

Nay nói về việc tổ-chức báo Vệ-sinh. Đại-ý các bài luận trong báo nên thế nào và thể-cách báo phải thế nào, rồi trong báo sẽ giải rõ-ràng. Đây chỉ xin nói qua rằng : Nếu báo muốn được có chút hiệu-quả hay về sau thì tất phải khéo lựa những vấn-đề nào là vấn-đề có thích-hợp với cái trình-độ quốc-dân ngày này ; kẻ chợ, nhà quê, giầu-sang, nghèo-hèn, ai ai cũng có thể theo được, thực-hành được thì mới lợi-dụng được. Ấy là đại-ý các bài luận phải nên như thế. Còn như thể-cách báo thì nên rằng : những nguyên-lý vệ-sinh cốt giảng thế nào cho giản-dị minh-bạch để ai ai cũng đều hiểu được. Không nên bàn chi những lời phù-phiếm, cũng đừng dụng chi những ý cao-xa, khiến cho bài học vệ-sinh thành ra một bài luận về triết-học thì thật là vô-vị mà chẳng ích gì. Xin chúc cho các ông sáng-lập ra tập báo ấy và các bạn đồng-chí sẽ kinh-doanh công-cuộc được hoàn-bảo, để khỏi phụ lòng đồng-bang mong đợi.

Diễn-thuyết vệ-sinh. — Chính-phủ ngày nay đã chịu lập tràng dạy học gần khắp mọi nơi, lấy chữ quốc-ngữ — tôi muốn nói chữ Việt — làm chữ phổ-thông ; rồi ra chữ Việt có cơ hưng-thịnh được.

Nhưng số người Việt ta hơn mười ba triệu [2] — trừ người già và trẻ con dưới 6 tuổi — phỏng đã được một phần ba biết thông chữ Việt hay chưa ? Dẫu không có biểu thống-kê cũng biết rằng điều ấy chưa lấy gì làm chắc. Đó là một cái căn-nguyên khuyết-điểm cho việc xem báo vệ-sinh. Nay ta phải

(1) Guérir est bien, prévenir est mieux.

(2) Số dân 3 kỳ của còi Việt ta được hơn 13 triệu. Nhiều người vẫn lầm nói hơn 20 triệu. Số chung của nam xứ trong hạt Đông-dương Đại-Pháp (*Indochine française* nghĩa là kể cả 3 kỳ ta với 2 xứ Lào và Cao-miên nữa mới được hơn 16 triệu người. (Xem tập Địa-dư H. Russier)

tìm phương mà điều-trị cho sự khiếm-khuyết ấy. Phương nào? Không gì hơn « diễn-thuyết vệ-sinh ».

Ý-tưởng ấy cũng không có mới-mẻ gì. Chương-trình cuộc « Y-tế Đông-dương» của quan Toàn-quyền BEAU đặt ra năm 1905 cũng có nói rồi.

Năm 1907, trong tờ thông-tư ngày 1er Janvier và ngày 7 Juin ngài nhắc đi nhắc lại cuộc diễn-thuyết là một mối quan-trọng của việc truyền-bá vệ-sinh. Kế đến tờ chu-tri ngày 1er Octobre năm ấy quan chánh Y-viện Bắc-kỳ lập một bản chương-trình thực-hành việc vệ-sinh cũng có nói đến vấn-đề diễn-thuyết.

Thế mà xem ra cái vấn-đề ấy ngày nay có phần sao-nhãng. Thật thế, tờ chu-tri kia với tờ thông-tư nọ đã thành ra mấy bức « công-văn vô-hồn » rồi vậy. Tại lẽ gì? Xem tờ báo-cáo về « Công-việc cuộc Y-tế Đông-dương » năm 1910 trích-dịch (1) sau đây thì rõ:

« . . . Thầy thuốc nói với một bọn « người không có học-thức, không đủ « tư-cách để trực-tiếp lấy lời hay. . . . « Những người ấy thường do công-« chúng cử ra, chỉ biết há mồm đứng « nghe, ngạc-nhiên về những điều « không hiểu; nghe giảng-thuyết xong, « lại trở về nơi ao đầm tù hãm. Vậy « thì chỉ hay được ở bề ngoài, mà sự « kết-quả thực-hành tuyệt-nhiên không « có. Những bài giảng-thuyết, chỉ thi-« hành với hạng người có học-thức « thì mới ích-lợi..., còn những nơi để cổ-« động cho họ lọt vào tai, in vào óc, « thì ở ngay các phòng xem bệnh và « ở lúc đi thăm bệnh nhà thương.

« Ấy chỉ ở những phòng xem bệnh « và ở nhà thương thì mới có thể dạy « vệ-sinh cho người bản-xứ, tức như « một bài dạy « sự-vật » vậy. Vì « chỉ ở đó thì sự dạy bảo của ta mới « được liên-tiếp, không gặp những nỗi « trắc-trở như là khi đi « *kinh-lý* » (2) « để cho thuốc hoặc trồng đậu vậy. « Một người đàn bà đẻ ở Nhà thương « và được ngày ngày người ta chăm « nom cả mẹ lẫn con, mà cắt nghĩa « cho biết tại làm sao phải giữ-gìn « như thế, thì người đàn-bà ấy sẽ là « một người cổ-động phương-pháp của « ta mạnh hơn tin hơn phần nhiều « những kẻ đi nghe giảng-thuyết, mắt « mở trừng-trừng mà óc thì mờ-tối.

« Song cũng không nên quên rằng « nếu các thày-giáo thâm hiểu môn vệ-« sinh mà giảng dạy ngay ở học-« đường — khoa vệ-sinh trong sự giáo-« dục thường trễ-nải quá — thì các trường « học có thể thành ra những nơi rất « tốt để gây dừng những lý-tưởng mà « ta đương cố gắng rải-rắc khắp nơi. « Phép y-trị và vệ-sinh cũng tiến-bộ « theo sự học, thầy-giáo làm việc thay « thày-thuốc vậy. Tới ngày mà dân-trí « đỡ mờ-tối thì thầy thuốc được người « ta biết rõ mới có thể làm hết phận-« sự mình và có thể dạy những điều hay « nhiều hơn là cho thuốc tốt... Đi « kinh-« lý » cũng không lợi mấy: mỗi nơi « đứng lại ít thì-giờ quá, thày thuốc « không thể làm nên được việc hay, và « trong khi thày thuốc ở nhà quê, thì « việc nhà thương phải trễ-nải, việc « thăm bệnh không ai thay được, dân Tây « không có thuốc men chăm chút. . . »

Theo mấy lời trên này thì ý tác-giả hình như cho sự giảng-thuyết Vệ-sinh không ích-lợi gì cho hạng người vô-học-thức.

Ý riêng bỉ-nhân trộm tưởng rằng: việc diễn-thuyết Vệ-sinh nếu khéo xếp-đặt ra thì có ích-lợi nhiều. Tờ báo-cáo trên kia viết đã mười năm nay, e rằng không được thích-hợp với sự cải-cách, sự tấn-tới của dân ta ngày nay.

---

(1) Theo bản-dịch của ông Bùi Đức-Long đăng trong *Trung-Bắc tân-văn* số 669.

(2) Kinh-lý vệ-sinh (*tournées sanitaires*) = đi xét bệnh các hạt, phát thuốc hoặc chủng đậu.

Quả vậy ; nhờ ơn giáo-hóa, dân ta nay số người có học hẳn được nhiều hơn mươi lăm năm về trước.

Phần thì trong buổi đầu số học-sinh tốt-nghiệp ở Đông-dương-Y-viện ra còn ít-ỏi quá ; số thầy-thuốc ta còn lác-đác chửa được mấy người. Việc Y-tế các tỉnh còn phải giao cho các quan Y-sĩ qui-quốc quản-trị. Mà các qui-quan buổi đầu không phải rằng ông nào cũng thâm-hiểu tiếng ta hết cả. Khi muốn nói chuyện vệ-sinh cho dân nghe tất là phải có dùng người làm thông-ngôn mới được. Việc giảng việc dịch như thế đã phí nhiều thì-giờ mà lại không tránh được những nỗi trở-ngại khó-khăn Cuộc diễn-thuyết không được ích-lợi lắm — theo như tờ báo-cáo trên kia — là lẽ thế vậy.

Nay trường Y-viện ngày thêm tổ-chức, ngạch Y-tế ngày một mở-mang, các bậc thiếu-niên anh-tuấn đua nhau theo nghề học thuốc. Rồi ra số người làm thuốc một ngày một tăng thì mới giúp các quan Y-sĩ trong việc trị-bệnh và nhất là việc truyền-bá vệ-sinh được. Như vậy không phải cái khổ-tâm diễn-dịch ra một lần nữa vì khi thầy-thuốc ta nói chuyện vệ-sinh cho dân mình nghe mà muốn cho dân hiểu tất là phải « tiếng mẹ-đẻ » mà nói, chớ không phải dùng « annam-phia-mê » làm thông-ngôn nữa. Cái thế họa chăng mới rửa được tiếng oan của ông Ôn-như trách ta « sinh nói tiếng ngoài » (1).

Tờ báo-cáo trên kia còn ngại một lẽ nữa làm cho việc giảng-thuyết không công-hiệu là : khi đi giảng-thuyết các nơi, thầy-thuốc không được rộng thì-giờ, không ở được lâu ; mà trong khi ấy thì nhà-thương vắng người thăm bệnh.....

Điều ấy quả có thế, lợi đường nọ thì thiệt đường kia : trong khi thầy thuốc đi « kinh-lý vệ-sanh » các hạt tất rằng công-việc nhà-thương phải trễ-nải.

Mong rằng rồi ra số thầy thuốc ta nhiều hơn (2), Chánh-phủ sẽ đặt mỗi hạt (phủ-lỵ hoặc huyện-lỵ) một phòng thăm bệnh (3) có thầy thuốc ta đốc-suất. Như vậy thì lo gì thầy thuốc chẳng được rộng ngày giờ mà đi truyền-bá vệ-sinh.

---

(1) Bài ông Ôn-như đăng trong T. B. T. V. bữa trước đề nhan « Sinh nói tiếng-Tây » là một bài « nhàn-đàm », ông không có ý gì chỉ-trích riêng ai. Cũng vì một câu chuyện-vui của ông mà đã thành ra có một hồi bút-chiến. Nhưng nói quá-đáng ra, dầu ông có muốn trách ta chăng nữa, cũng không phải là oan lắm. Sao vậy ? vì nhiều người trong ngô-bòi — nói cho tiêu-tội chính ngay bi-nhân này nữa — đã từng mắc phải cái tật « sinh nói tiếng ngoài ».

Nói cho phải thì cũng không gọi là « sinh » được, chẳng qua là ta theo học Pháp-văn lâu ngày thành ra « quen miệng » mà thôi. Vả chăng, các trường Pháp-Việt vẫn cưỡng bách học-trò từ lớp nhì trở lên phải nói tiếng Pháp. Có lẽ thói quen nhiễm được từ đó, lâu ngày thành ra cố-tật. Tuy cố-tật nhưng không đến nỗi nan-y. Ta chỉ nên đổi dần là được ; trước là lợi cho bệnh-nhân, lợi cho việc trị-bệnh của ta, sau nữa cho quen dùng quốc-âm, vì chức-nghiệp của ta buộc ta phải năng dùng đến « tiếng mẹ-đẻ » trong khi truyền-bá vệ-sinh.

Xin độc giả chư-quân thứ cho mấy lời giông-giải trên này ; soạn-giả muốn nhân dịp mà trình-bày đôi lời, mong rằng gỡ được cái mối hận cỏn-con đã làm cho bận lòng Nguyễn-quân với Hà-quân bữa nọ. — (V. K.)

(2. Hiện nay số Thầy-thuốc ta trong 3 kỳ chưa được một trăm người mà Bắc-kỳ mới được hơn hai chục. Thật là ít-ỏi lắm, nhiều tỉnh còn thiếu thầy thuốc ta. Theo ý quan Toàn-quyền SARRAUT thì phải ba bốn trăm thầy thuốc ta mới đủ giúp cho cuộc y-tế Đông-dương được thập-phần viên-mãn.

3) « Phòng thăm-bệnh » (*Salle de Consultations*) chỉ xem bệnh phát-thuốc thường chớ không phải như Bệnh-viện (*Hôpital*) là nơi có người yếu ăn, nằm, tức là nhà-thương. Bệnh-viện phải ở các nơi thành-thị hoặc tỉnh-lỵ to có Y-sĩ quí-quan hoặc Thầy thuốc ta quản-đốc.

Nhà phát-thuốc cho người Việt ta tại phố hàng Giấy Hà-nội (*Polyclinique des indigènes*) tức là một « phòng thăm-bệnh » vậy.

Sách-học vệ-sinh. — Những sách chuyên giải về khoa học vệ-sinh bằng quốc-âm mà có thể thông-dụng ở xứ ta được thì có bộ nào đủ làm « cơ-sở » cho môn học ấy chưa ?

Hầu hết các sách vệ-sinh xuất-bản từ trước đến nay là của các quan Y-khoa tiến-sĩ người qui-quốc soạn ra bằng tiếng Pháp ; rồi có các quan giáo-sư nha Học-chính cũng người qui-quốc thông-hiểu tiếng Việt đem dịch-thuật ra quốc-âm. Cũng có quyển thì các ông thầy thuốc ta đã tốt-nghiệp ở Đông-dương Y-viện phiên-dịch. Có bản lại dịch cả ra chữ Hán nữa.

Nay xin lược kê ra đây mấy quyển vệ-sinh đã ấn-hành trong vòng mươi mười-lăm năm nay và xin nhà tác-giả cho phép lạm-bình một đôi lời.

Quyển vệ-sinh xuất-bản trước nhất ra năm 1906, là quyển nói về « Cách phòng cho khỏi bệnh truyền-nhiễm trong nước An-nam »[1] của quan Y-phó Talbot soạn. Theo như tên sách gọi thì sách cốt dạy những bệnh gì hay lây ở nước ta và cách-thức phòng các bệnh ấy. Sách có đủ chữ Pháp, chữ Việt và chữ Hán, bản chữ Pháp giản-dị minh-bạch, người hơi thông Pháp-văn xem có thể hiểu được.

Bản chữ Hán không kể, còn bản quốc-âm thì chưa được gọn-ghẽ lắm. Có chỗ dịch khiếm-ý làm giảm mất cái giá-trị của bản Pháp-văn đi ít nhiều. Vả sách xuất-bản đã lâu, Việt-văn lúc bấy giờ chưa được luyện lắm, tô-điểm có kém ngày nay. Phần thì vấn-đề « hợp-nhất quốc-âm » trong ba kỳ cũng chưa từng bàn đến, cho nên dịch-giả – không nói rõ là ai, ý hẳn là người Trung-kỳ, — dùng nhiều tiếng thổ-âm nghe nó ngô-nghê thế nào, lạ tai khó hiểu cho mấy người không quen tiếng đường trong và người mới tập văn nôm. Nay nếu tác-giả cho ấn-hành lại sách ấy lần nữa mà phủ-chỉnh lại bản dịch, châm-chước tiếng nói chung cho cả tam-kỳ thì chắc hẳn được thông-dụng hơn và có phần ích-lợi nhiều.

Tuy vậy, sách ấy hồi mới ấn-hành nhân-dân cũng đã chịu đọc, quan Đốc-tờ Sarrailhé — lúc ngài còn sung chức Giám-đốc nhà Phúc-đường Thái-bình — đã tư xin quan Sứ bản-tỉnh phát sách vệ-sinh ấy cho cả các hạt. Đó lại là một tang-chứng cho cái giá-trị và sự hữu-ích của sách vệ-sinh Talbot vậy.

Sách vệ-sinh Talbot xuất-bản được ít lâu thì kế-tiếp đến tập vệ-sinh của quan Y-phó Lecomte. Trong học-giới nhiều ngài còn nhớ sách Vệ-sinh ấy đã được một dạo đạc-dụng lắm. Quan Lecomte nguyên là thầy-thuốc nhà-binh, năm 1907 Nhà-nước cử ngài lên giảng-thuyết vệ-sinh cho học-trò ban Sư-phạm tràng Bảo-hộ. Sau ngài sưu-tập những bài đã dạy lại in thành một tập « Sơ-học vệ-sinh »[2] nửa tiếng Pháp, nửa tiếng ta. Bản dịch quốc-âm của quan Mandron giáo-sư lớp Sư-phạm bấy giờ ; có ông Đỗ-Thận xét nghĩa lại

Sách tóm lược vệ-sinh thân-thể, ngũ-quan, ăn uống, nhà ở, rồi nói đến phép tẩy-uế sát-trùng, cách phòng-bị mấy bệnh dịch như : bệnh tả, bệnh lị, sốt thương-hàn cùng mấy bệnh truyền-nhiễm như bệnh lâm-ngược (sốt rét ngã nước), sau hết giải qua ít lời vệ-sinh ở tràng học, v. v... Cả thảy 12 bài

(1) *Petite Prophylaxie des Maladies épidémiques et contagieuses de l'Annam* (防南國諸傳染病法) à l'usage des Ecoles Indigènes, par le Docteur Talbot.

Quan Talbot là một nhà Y-sĩ chuyên-môn có tiếng về khoa Nhỡn-học ; ngài đã từng làm Giám-đốc Nhỡn-khoa-học-viện (*Institut ophtalmologique*) của quan Toàn-quyền Sarraut sáng-lập ra tại Hà-nội năm 1917.

(2) *Notions élémentaires d'Hygiène*, à l'usage des classes indigènes par le Docteur Lecomte. Traduites en annamite par G. Mandron.

hơn 40 trang. Tuy rằng một vài mục nói về vệ-sinh nhà trường và phép phòng bệnh lây cần phải giải ra cho rộng nghĩa nữa, nhưng kể cũng đã tiềm-tiệm đủ dùng để dạy các lớp trên trường Pháp-Việt được.

Năm 1908, quan Đốc-tờ Paucot là thầy-thuốc ngạch Y-tế Đông-dương cũng soạn một quyển vệ-sinh [1] có đủ chữ Pháp, chữ Việt và chữ Hán. Sách chia làm ba mục, có ý bao-quát hơn hai quyển trên : một mục về « Phổ-thông vệ-sinh », đại-khái như đất, nước, không-khí, nhà-cửa, quần-áo, đồ ăn-uống, tập thể-thao, v.v . . . ; một mục dạy « Đặc-biệt vệ-sinh », nghĩa là bàn về mấy vấn-đề riêng như vệ-sinh đàn-bà chửa và trẻ con mới đẻ vệ-sinh nơi thành-thị cùng chốn hương-thôn ; còn một mục thứ ba gọi là « Dự-phòng vệ-sinh », tức là phép giữ-gìn cho khỏi mắc mấy bệnh ngoài da như ghẻ, lở, chốc, giọt, và mấy bệnh hay lây như đau mắt, sốt rét, hạch, phong, lại, đậu mùa, v. v.

Sách này có ông Lê Văn-Chỉnh là thầy-thuốc ta diễn ra quốc-âm. Lời dịch thực-thà, có ý lấy đúng văn Pháp, nhưng nghe cũng còn xuôi hơn bản dịch sách Talbot đã nói ở trên. Các ông giáo trường Pháp-Việt nhất là trường Sơ-học tưởng nên thu nhặt lấy đại-ý mà ra bài, bất-tất phải theo đúng nguyên-văn.

Bản chữ Hán của ông Nguyễn Văn-Thăng nguyên ký-lục phiên-dịch. Văn cũng chịu nghiền-ngẫm lắm, có thể giúp cho các nhà trong nho-phái đọc được, nhưng quyết không nên dùng mà dạy học, tại lẽ gì sau sẽ nói.

Các bài diễn-thuyết Vệ-sinh của quan Y-khoa tấn-sĩ Honorat giảng tại trường tỉnh Trà-vinh (Nam-kỳ) mà hiện nay « *Học-báo* » đang dịch đăng, và những bài của ông Hoàng Hữu-Phương giảng-thuyết ở trường Sĩ-hoạn năm trước mà báo « *Trung-Bắc tân-văn* » đã lần-lượt đăng năm ngoái ; những bài ấy soạn ra như lối nói chuyện dễ hiểu cũng có phần ích lợi, ta nên đọc lắm.

Ngoại những sách Vệ-sinh ta đã nói trên này, lại nhiều quyển chuyên giải về Sản-khoa và Sản-dưỡng vệ-sinh-học, là những sách cho đàn bà nên xem, nên học, như những sách của quan Chánh Y-viện Bắc-kỳ Le Roy des Barres, quan Chánh Y-phó Rigaud, quan Y-phó Tardieu, quan Y-sĩ ngạch Y-tế Biaille de Langibaudière và ông Ưng-Thông là thầy thuốc ngạch Trung-kỳ đã soạn ra. Quyển thì để cho đàn-bà con gái xem, quyển thì để riêng dạy những người học làm bà-đỡ, bà-mụ.

Những quyển nào có thể lợi-dụng được cho các bà trong nữ-lưu nước ta thì bỉ-nhân xin giới-thiệu sau đây :

Quan Đốc-tờ Rigaud sung chức Thầy-thuốc trường Bảo-hộ và các trường Pháp-Việt Hà-nội, năm 1911 có soạn một quyển nhan đề « Sản-dưỡng Vệ-sinh học » [2], nói nôm là « Phép nuôi con ». Ông Mandron trước đã dịch sách Vệ-sinh Lecomte, nay lại dịch sách này, đủ biết ông có lưu-ý về vấn-đề Vệ-sinh lắm. Bản dịch của ông cũng vì đó mà có giá-trị hơn. Sách này có thể đem dạy các trường Nữ-học được, để cho các cô về sau biết bổn-phận làm mẹ trong khi thai-nghén, trong lúc sinh-nở ; cho biết cách nuôi-nấng con thơ, khi con sài lở yếu đau biết cách chăm nom chữa chạy.

---

(1) Notions d'Hygiène à l'usage des Indigènes par M. le Docteur Paucot en collaboration avec M. Lê Văn-Chỉnh.

(2) Notions élémentaires de Puériculture (Phép nuôi con) 產養術生學 par le Docteur J. Rigaud. Traduction annamite de G. Mandron.

Những bài diễn-thuyết về « Phép nuôi con » [1] của quan Đốc-tờ TARDIEU tỉnh Bắc-giang thu-nhặt lại thành một quyển sách nhỏ 40 trang, có ông LAURÈS là Đốc-học các trường Pháp-Việt với ông Nguyễn Văn-Đản, ông Dương Văn-Long là giáo-học cùng dịch ra quốc-âm. Lời lẽ thanh-thoát giản-dị, dễ nghe dễ hiểu, mà ít dùng những tiếng về cách-trí.

Theo ý tác-giả thì sách này tiện-lợi cho người có chồng nên đọc, đợi khi có con đem ra ứng-dụng. Bỉ-nhân tưởng không cứ riêng hạng người có chồng mới đọc được, dẫu đem mà diễn-giải — trừ một đôi bài không mật-thiết lắm — cho các cô học-trò lớp trên trường Nữ-học nghe cũng có lợi.

Mới đây quan Thủ-hiến tòa Y-viện Bắc-kỳ LE ROY DES BARRES có soạn một bộ « Sản khoa » [2]. Sách chia làm hai tập, có đủ hình vẽ ; ông Hoàng Hữu-Phương là thầy-thuốc ta dịch ra quốc-ngữ. Tập trên đại-khái dậy về « Phụ-nhân giải-phẫu » học và « Anh-nhi sinh-lý-học ». Tập thứ hai nói về những đồ khí-dụng cần cho việc thai-sản ; cách giữ-gìn người-mẹ trong lúc có mang, săn-sóc người mẹ sau khi sinh nở ; phép vệ-sinh đứa bé khi còn trong bụng và khi đã lọt lòng. Mục cuối nói về bú-mớm cho nó, mà phép cho ăn lại càng tinh-tường lắm nữa.

Sách này, tác-giả soạn ra là có ý để riêng dậy cho mấy người học làm bà đỡ mà thôi. Nhưng xét ra thì các bà trong nữ-giới, nhất là các bà đã có chồng có con, đang độ sinh-nở, cũng nên đọc lắm.

Quyển « Sản-học » [3] của quan Đốc-tờ DE LANGIBAUDIÈRE cũng chia làm hai tập, một tập nguyên bài-học (*texte*) và một tập toàn tranh-vẽ (*album*). Bản dịch quốc-âm là của ông Nhan Văn-Lợi thầy-thuốc ngạch Nam-kỳ.

Quyển « Sách dậy đẻ cho mấy người mụ-bà Annam » của ông Ưng-Thông, thầy-thuốc ngạch Trung-kỳ soạn ra năm 1913.

Ông trong mấy năm trời tòng-sự tại « Sản-đường » thuộc Nhà-thương Chánh ở Kinh-đô, lại sung-chức Giáo-sư lớp Sản-học ; tất rằng kinh-nghiệm đã nhiều, lịch-duyệt đã lắm. Như vậy thì « lý-luận » có mà « thực-hành » cũng có : đó là hai cái đặc-tính cần nhất cho việc soạn sách « khoa-học ». Quyển sách của ông chắc rằng sẽ giúp được nhiều việc cho bọn « ổn-bà ».

Mấy quyển sách dậy về « Sản-học » nhất là « Sản-dưỡng-vệ-sinh-học » đã phẩm-bình trên đây của các quan Đốc tờ LE ROY DES BARRES, RIGAUD và TARDIEU đáng làm một cái quà quí chung cho bọn nữ-lưu. Tất thế, các bà các cô đọc mấy quyển « bảo-thư » ấy thì hiểu được cái « nhiệm-vụ » rất trọng là việc « nuôi con ».

Nhiệm-vụ quí-hóa thay mà nặng-nề lắm thay ! Các bà và nhất là các cô phải chú-ý đến « luân-lý-học » bao nhiêu thì cũng nên lưu-tâm đến « sản-dưỡng-vệ-sinh-học » bấy nhiêu. Sao vậy ? Trách-nhiệm của các cô đối với quốc-dân không phải rằng bé, vì cái việc tối quan-trọng là việc « dưỡng-sinh » ở nước ta ngày nay là ở trong tay các cô cả. Nòi giống ta có được

---

(1) Diễn thuyết về « Phép nuôi con » của R. TARDIEU ; J. LAURÈS, Nguyễn Văn-Đản và Dương Văn-Long dịch ra quốc-ngữ.

(2) Notions d'Obstétrique, à l'usage des Sages-femmes indigènes par H. LE ROY DES BARRES (Traduction de Hoàng Hữu-Phương). Đồng-bang ta đã biết quan Đốc-tờ Le Roy des Barres là một nhà cự-phách trong Y-giới xứ ta ; không những có tài trị-bệnh (Nội-khoa và Ngoại-khoa) mà ngài lại là một bực tuyệt-xảo trong nghề phẫu-cát ngày nay. Nhiều người được nhờ cái tài phẫu-cát của ngài đã từng công-nhận làm vậy.

(3) Mémento d'Accouchement (texte et album). Résumé des cours pratiqués à l'Ecole de la Maternité de Cholon par le Docteur BIAILLE DE LANGIBAUDIÈRE, Médecin professeur. Traduction en quốc-ngữ langue courante, par M. Nhan Văn-lợi, Médecin à l'Hôpital Drouhet.

mạnh-mẽ thì tinh-thần ta mới được mở-mang, mà tinh-thần ta có được mở-mang ngõ-hầu mới mong tranh-cạnh với đời được.

Sự-nghiệp văn-minh một nước cũng phải qua đó mới nên. Cho nên nói rằng : « . . . Một phần to của cái kết-quả hay dở, dở hay về đường Tấn-hóa ở nước ta sau này là do đám nữ-lưu . . . . . », cũng không phải là quá-đáng vậy.

Sách Vệ-sinh cũng còn một vài quyển của quan Y-sĩ Angier trong Nam-kỳ soạn để dạy mấy người học nghề chủng-đậu.

Sau nữa trong Nho-giới cũng có ông xem tân-thư lầu hứng bút mà dịch ra một đôi quyển, nào « Hôn-nhân-vệ-sinh », nào « Phối-hợp-vệ-sinh ». Các ông đã chịu dụng-công thật cũng đáng khen. Nhưng hạng sách ấy để xem chơi cho tiêu-khiển trong một vài giờ thì được, chớ đem làm giáo-khoa-thư thì quyết không nên.

Phàm thuật-dịch sách chuyên-khoa, nên dịch thẳng Pháp-văn ra quốc-âm thì hơn. Vả chăng, người Tàu đã đi học lỏm một lần về dịch thành sách cũng đã lắm điều khiếm-khuyết ; nay ta lại lược đem sách tầu mà dịch ra tiếng ta một lượt nữa, không những lắm chỗ lầm-nhặt sái nghĩa mà còn bỏ sót vô-số điều ta cần phải biết. Việc ấy thực không nên làm.

Lớp học Vệ-sinh. — Trên đã nói quan Toàn-quyền Beau rất có nhiệt-tâm về vấn-đề Vệ-sinh ở xứ ta. Về việc dạy học vệ-sinh ở các học-đường ngài có nói rằng :

« . . . . . Sở học-chính cũng có « thể giúp một phần rất qui-báu. Trong « các trường đều dạy Vệ-sinh cho con « trẻ . . . . . Các viên đầu sở học-chính « và y-viện cùng nhau làm thế nào « để trong những trường học hoặc « những hội các thầy-giáo, cho có thầy « thuốc đến giảng-thuyết vệ-sinh, bầy « tỏ những sự thiết-thực ngay cho « trông thấy. . . . . Trong các trại lính « cũng làm theo được cách cổ-động « thế, thì bản-chức lấy làm vui lòng « lắm . . . . . »

Ở các thành-phố lớn như Hà-nội, Sài-gòn, lớp dạy Vệ-sinh ở mấy trường Trung-học, vẫn có các quan Y-sĩ quí-quốc diễn-giảng. Còn việc học Vệ-sinh ở mấy trường Pháp-Việt đã có các giáo-sư kiêm dạy.

Kỳ tiểu hội-đồng hội « Bắc-kỳ Y-sĩ ái-hữu » ngày tháng tư trước, đã xin Chính-phủ giao việc dạy học Vệ-sinh ở các trường Pháp-Việt hàng tỉnh cho thầy-thuốc thì sai, chưa nghe Chính-phủ xử-trí ra thế nào ; việc ấy nên lấy làm mong vì các thầy-thuốc có thể giảng-diễn khóa Vệ-sinh được tinh-tường hơn các thầy-giáo.

Vả lại các ông giáo-sư phải chuyên dạy nhiều môn học : như Pháp-văn, Toán-học, Sử-học, Địa lý v. v. . . cũng đã vất-vả lắm rồi ; mà dẫu các ông muốn lưu-tâm đến khoa học Vệ-sinh cũng khó, vì nỗi thì-giờ ít-ỏi. Phần nào còn phải lo cho học-trò lớp trên chuyên-tập những bài cốt-yếu về việc ứng-tuyển lấy bằng Sơ-học. Như vậy Vệ-sinh-học đã nghiễm-nhiên thành ra một môn học phụ mà thôi.

Còn việc học Vệ-sinh ở các trường Sơ-đẳng hàng tổng phải nên thế nào ?

Các ông giáo-sư lại càng nên lưu-tâm lắm. Sách học Vệ-sinh thì các ông có thể tạm dùng hai quyển Lecomte và Paucot. Học-trò trường Sơ-đẳng phần nhiều còn ít tuổi cho nên việc dạy Vệ-sinh có điều khó hơn.

Không nên ra bài học, chỉ nên dùng lối nói-chuyện cho học trò nghe mà chỉ nên nói những việc thiết-thực hàng ngày, mắt thấy tai nghe, dễ hiểu để học trò có thể theo được. Nhất là ông thầy nghĩ đặt được những chuyện nhỏ có ý vui thì trẻ lại càng ưa nghe dễ nhớ lắm. Đại-khái nói chuyện : thân-thể cần phải sạch-sẽ năng tắm rửa lâu-chùi ; quần áo phải cho lành

lặn, không nên hôi-hám lôi-thôi ; chớ ăn quả xanh, đừng uống nước lã ; giữ-gìn ruồi muỗi, v. v.... Đó là những điều hằng ngày nên giảng đến, mà phải giảng luôn, đừng sợ nói đi nói lại, vì càng nói thì càng như in vào trí học-trò rằng ăn ở sạch-sẽ thì được mạnh-khoẻ thề nào. Câu nói dại-dột xưa nay: « ở bẩn sống lâu », lại càng phải công-kích lắm.

Đây là nói sơ-lược mà thôi, vì các ông hẳn đã rõ rằng việc giữ-gìn thân-thể cùng đi với việc rèn-đúc tinh-thần một lượt vậy.

Mở hội thể-thao ; lập tràng thể-dục. — Thể-dục là một việc tối-yếu, có thể-dục thì việc học vệ-sinh mới được hoàn-toàn. Vả chăng thể-dục cũng hệ-trọng chẳng kém gì trí-dục và đức-dục, nên chi thể-dục đã chịu một phần lớn trong chương-trình giáo-thụ.

Demeny tiên-sinh là một nhà giáo-dục trứ-danh nước Pháp đã giải nghĩa thể-dục như sau này (1) : « Thể-dục cốt « làm cho thân-thể có kỷ-luật, làm « cho những năng-lực vốn có của ta « có giá-trị hơn và lợi-dụng được nhiều. « Thể-dục là cách đem làm hoạt-động « những cái tinh-lực của ta : tâm-thần « người ta là nhất-thể, tinh-thần với « nhục-thể có mật-thiết quan-hệ với « nhau, không tài nào làm cho việc cải-« lương thể-cách và việc khải-phát tinh-« thần dời nhau ra được, muốn gia-tăng « thể-lực mà không quan-thiệp đến « toàn-thể cá-nhân, không quan-thiệp « đến sự động-tác chức-dịch của toàn-« thể cá-nhân ấy thì không được ».

Lâu nay các học-đường lớn như tràng Bảo-hộ, tràng Trung-học, vẫn có giáo-sư riêng dạy tập thể-thao. Một tuần dạy vài ba giờ, tưởng chưa gọi là đủ được.

Nhiều tràng Pháp-Việt, giờ nghỉ hoặc lúc xong buổi học chiều cho học-trò chơi tập loàng-xoàng, như kéo giây, thi chạy, v v... Giờ tập thể-thao mà chưa hẳn là một giờ học cưỡng-bách như các bài học khác thì việc học thể-dục chưa ích-lợi gì.

Ít lâu nay các nhà thức-giả trong nước nghe ra đã chú-ý đến vấn-đề thể-dục ít nhiều. Ở các thành-phố lớn như Hà-nội, Hải-phòng, Sài-gòn, Huế, đã có lập hội đánh quần, hội đá bóng. Các tỉnh-lỵ to ngoài Bắc ta như Nam-định, Thái-bình, Hà-đông, Hà-nam và mấy tỉnh khác cũng đều theo gương mà lục-tục lập-hội thể-thao.

Nam-định có hội đá bóng nghe ra cũng tấn-tới lắm. Thái-bình trước có ông Hoàng Gia-Hội, thày thuốc bản-tỉnh, ông Trần Đình-Hoè, buôn-bán cùng với mấy ông thân-hào thành-phố đã lập một hội đánh quần, hội cũng hưng-thịnh một buổi đầu. Rồi dần-dần hội-viên ông dở việc này, ông bận việc kia, lắm ông dồi đi làm việc nơi khác, mà hội-viên mới chẳng được mấy người, cho nên việc hoạt-động của hội có phần kém xưa. Hiện nay số hội-viên còn lại ít lắm. Tiếc thay ! một nơi đô-hội đông-đảo, thịnh-đạt, văn-vật, mới-mẻ như tỉnh Thái-bình ta mà người nhiệt-thành về thể-dục không quá số mười. Nghĩ cũng đáng buồn thực ! Mong rằng những nhà có lòng sốt-sắng về việc Vệ-sinh cùng cố gắng lên mà cổ-động, mà thực-hành, để làm gương cho bọn hậu-tiến noi theo.

Thành-phố Hà-nam không phải to-tát gì, mà cũng đã dựng được hội

(1) Pháp-văn là : « L'éducation physique se propose de discipliner le corps, de mettre en valeur et d'utiliser au mieux les ressources dont nous pouvons disposer. C'est la mise en action des forces morales : l'unité de l'être humain est telle qu'on ne peut séparer le perfectionnement physique du développement de la personnalité mentale, on ne peut augmenter la force physique sans toucher à la totalité de l'individu et à l'activité de toutes ses fonctions ».

đánh quần. Ấy cũng lại nhờ có ông Hoàng Gia-Hội. Ông trước đã tận-tâm về thể-dục tại Thái-bình, nay ông vẫn theo một mục-đích của ông là mục-đích truyền-bá vệ-sinh thực-nghiệm, lại dựng một hội đánh quần tại Hà-nam là nơi ông mới đảo-nhậm. Hội ông mới lập, ông còn phải ra tâm cổ-động nhiều, nhưng xem chừng phấn-chấn được. Ông thật là người hay làm mà ít nói, ta có thể coi ông vào bực thể-dục danh-gia cũng không phải là quá-đáng. Ông đủ làm gương cho bọn ta noi được.

Thành-phố Hà-nội thật là nơi trung-tâm của sự tấn-hóa cho xứ Bắc-kỳ. Những hội thể-thao (đánh-quần, đá-bóng, v. v.) lập ra từ mấy năm nay, điều ích-lợi bọn ta đã từng mục-kích.

Lại mới đây ông Nguyễn Qui-Toản giáo-sư tràng Bảo-hộ — ông đã sang du-học Pháp về, tất ông được mắt thấy tai nghe những điều ích-lợi của khoa thể-dục giúp cho vệ-sinh-học thế nào — xin dựng một tràng Thể-dục có ông Trịnh Văn Hợi [1] giúp-đỡ. Mong rằng tràng sẽ có đông người học-tập, sẽ đào-tạo nên những người dân lực-lưỡng tráng-cường để khỏi mang tiếng dân An-nam là một dân người yếu như sên, gió thổi phải ngã nữa.

Những cuộc đã nói trên này như: lập báo và giảng-thuyết vệ-sinh, soạn sách và đặt lớp dạy vệ-sinh, mở tràng thể-dục và dựng hội thể-thao, là những cuộc công-ích có quan-hệ mật-thiết đến việc học vệ-sinh, việc truyền-bá vệ-sinh trong nước ta. Ta đã là người dân trong nước thì bản-phận ta phải tùy-lực mà cổ-động, mà khuyến-khích, mà tư-trợ, mà thực-hành, cho được có nhiều kết-quả hay về sau.

Được vậy thì có lo gì cái « *vấn-đề bảo-tồn chủng-loại dân ta* » chẳng giải-quyết xong? Trông xin các nhà có trách-nhiệm đừng nên « ngã trí » hãi gắng « kiên-tâm » Cố lên! Cố lên!

Quốc-dân lấy làm mong-mỏi lắm thay!

VẠN-KHOẢNH

VĂN-UYỂN

HỒNG-ĐỨC QUỐC-ÂM THI-TẬP [2]

(1470-1497)

Trào-nguyệt

Thế-giới đông nên ngọc một vầy,
Lòng tham thanh lạ hết hòa cây.
Sông Ngân-hán phẳng đi về lặn,
Cung Quảng-hàn cao ăn ở trầy
Cẳm cũng nép sau thu lớp giá,
Ngăn thời bay trước rẽ tầng mây.
Bốn mùa cùng sáng thu thêm suốt,
Dường ấy âu là có ý tây.

Thu-thiên nguyệt-lãng

Bốn mùa no bốn thiếu mùa nao,
Trăng một thu trầy vặc-vặc cao.
Hây-hẩy gió vàng thông ải nhạn,
Lẩu-lẩu bóng ngọc lọt nhà giao.
Rãi dầm chén khách kề hiên cúc,
Nhẹ chở thuyền ai ngược động đào.
Có kẻ lòng còn ưu-ái cũ,
Dậy ngồi trông nhẫn sể lâu sao.

(1) Ông Hợi trước đã sang học bên Pháp. Nghe nói ông có bằng tốt nghiệp Tràng Thể-dục thành Reims, nay ông sung chức giáo-sư tràng Thể dục Hà-nội, thật là hữu hạnh cho bọn học-sinh tràng ấy lắm

(2) Xem *Nam-phong*, số 29 (trang 425-427), số 30 (trang 536-537)

Hằng-nga nguyệt

Từ ngày gặp được thuốc đan-sa,
Chiếm Quảng-hàn-cung làm cửa nhà.
Lầu ngọc cao hòa thế-giới,
Mày ngài sáng khắp sơn-hà.
Năm hồ những lấy làm suông-sã,
Bốn bể đều thời thể nết-na.
Thượng-đế dẫu hay nghiêm cấm-đoán,
Có đêm lởm-khởm đến phòng ta.

Năm canh

1

Đủng-đỉnh trời vừa mọc dầu-tinh,
Ban khi trống một mới thâu canh.
Đầu nhà khói tỏa lồng sương bạc,
Sườn núi chim gù ẩn lá xanh.
Tuần điếm kia ai khua mõ cá,
Dâng hương nọ kẻ nện chầy kênh.
Nhà nam nhà bắc đều no mặt,
Lừng-lẫy cùng ca khúc thái-bình.

2

Văng-vẳng gần xa khách vãng lai,
Khúc rồng canh đã chuyển sang hai.
Lầu cheo cung nguyệt người êm giấc,
Đường quạnh nhà thôn cửa chặt cài.
Cảnh vật tròm tròm bay lửa đóm,
Cỏ hoa gốc gốc đượm hương trai.
Có người đắc-thú trong khi ấy,
Đoản-địch còn công thét mái ngoài ?

3

Đêm chia nửa khéo hai là,
Giữa giáp canh ban trống ba.
Đường quạnh phất-phơ cây ngứt gió,
Trên không lác-đác tuyết bay hoa.
Bâng-khuâng kẻ mệt hồn Thần-nữ,
Phảng-phất trời cao bóng Tố-nga.
Nhớ chửa kia ai nằm chẳng nhắp,
Thâu đêm trăn-trọc đợi canh gà.

4

Kể lậu canh mấy khắc dư,
Đêm dài đằng-đẵng mới sang tư.
Gió lay trời ái khua chim thức,
Nước sái trăng tà giục sóng đưa.
Vạc thẩn thơ tìm nội quạnh,
Trời lác-đác vẻ sao thưa.
Một bầu thế-giới hây hây lạ,
Mấy kẻ chung-tình đã thức chưa ?

5

Canh trầy đèn hạnh làm-dầm,
Sao-sác lầu canh trống điểm năm,
Nguyệt dầu non treo chếch-chếch,
Sương mặt đất ướt đầm-đầm.
Rừng kia bá-cốc còn khuya rỏng.
Làng nọ nông-phu đã thức nằm.
Bóng ác rặng đông trời đã sáng,
Tiếng gà dòi nỗi tiếng hàn-châm.

Lại thể nữa

1

Sao-sác ban vừa một khởi canh,
Giốc ai thính thót thủa giăng thành.
Trời mai điểm tuyết hoa tương (1) bạc,
Đèn hạnh ngân cù bóng khoảng xanh.
Hàn-tự chuông kia thôi mới đấy,
Tiêu-lâu người nọ ngủ bao đành.
Ít nhiều tâm-sự trong khi ấy,
Nhớ thậm thay càng.....(2)

2

Nước cạn đồng-hồ canh chuyển hai,
Đêm dài đằng-đẵng tựa năm dài.
Vang ngõ nọ chầy cao thấp,
Ỏi lầu kia địch bẻ-bai.
Trăng sáng ba nghìn thế-giới,
Gió đưa mấy lớp lâu-đài.
Xẩy nằm khi ấy còn mơ-tưởng,
Văng-vẳng thiều-quân tiếng ở tai.

3

Đến ba canh ban trống ba.
Trên không lác-đác tuyết bay hoa.
Cửa dinh liễu kín khăng-khăng đóng,
Thuyền bãi lau cài gặng-gặng ca.
Thiết-thạch lòng bền chăng nỡ rãi,
Quan-sơn đường thẳm ngại chi qua.
Chín trùng nằm miễn yên giấc,
Nước đã yên nọ hỏi nhà.

---

(1) *Tương* = Nghĩa là thếp ; thợ sơn thường nói tương vàng, tương bạc, cũng như thếp vàng thếp bạc.

(2) Bài « Canh một », câu thứ tám thiếu.

4

Quá nửa đêm ban trống tư,
Làng kia ngõ nọ ngủ hay chưa ?
Trên không vắng-vặc trăng sế,
Dưới nước hiu-hiu gió đưa.
Hàn-tự chuông đâu khoan lại nhặt,
Tiều-lâu giốc nọ nhặt thời thưa.
Có người lòng chứa niềm thờ chúa,
Suốt năm canh thức cháo-chơ.

5

Đến năm canh ban trống năm,
Buồng lan đèn hạnh đã lâm-dâm.
Mơ-màng bóng nguyệt cài song sổ,
Thánh-thót chầy thu cách nước đầm.
Người thức lầu hồng còn bịn-dịn,
Ngựa quen đường tía đã lăm-xăm.
Chín trùng khi ấy ban chiếu đã,
Vô-sự dù ta mặc sức nằm.

(*Còn nữa*)

BẠCH-VÂN THI-TẬP (1)

白 雲 詩 集

(*Thơ Cụ Trạng-Trình*)

Của Trình Quốc-công Nguyễn Bỉnh-Khiêm tiên-sinh (1530-1540)

XXXV

Đạo-đức hiền hay mến khó-khăn,
Quyền-môn chốn ấy biếng chen chân.
Hứng phong nguyệt chè ba chén,
Thú thanh-nhàn lều một ngăn.
Quét cửa nho chờ khách đến,
Trồng cây đức để con ăn.
Được thua phú quí dầu thiên-mệnh,
Chen-chóc làm chi cho nhọc-nhằn.

XXXVI

Khó thời mặc khó có nài bao,
Càng khó bao càng chí anh-hào.
Đại-địa đắp nam-nhạc khỏe,
Cửu-tiêu thẳm bắc-thần cao.
Lấy khi đầm-ấm bù khi lạnh,
Nhớ thủa khô-khan có thủa dào.
Kìa nếu Tô-Tần nghèo thủa trước,
Chưa deo tướng-ấn có ai chào.

XXXVII

Lọ là thành-thị lọ lâm-toàn,
Được thú thời hơn miễn phận nhàn.
Vụng bắt-tài nên kém bạn,
Già vô-sự ấy là tiên.
Đồ-thư một quyền nhà làm của,
Phong-nguyệt năm hồ khách nỗi thuyền.
Dẫu nhẫn chê khen đầu miệng thế,
Cơ mầu tạo-hóa mặc tự-nhiên.

XXXVIII

Ngẫm-nghĩ sơn-lâm mến thị-triều.
Nào đâu là chẳng đất Đường-Nghiêu.
Người tham phú-quí người hằng trọng,
Ta được thanh-nhàn ta xá yêu.
Song nhật hãy còn hai rặng quít,
Thất gia chẳng hết một gian lều.
Miễn là tiêu-sái qua ngày tháng,
Lộc có bao nhiêu ăn bấy nhiêu.

XXXIX

Hễ kẻ làm quan đã có duyên,
Tới lui tùy thói phận tự nhiên.
Thân xưa hương lửa chăng còn ước,
Chí cũ công danh đã phỉ nguyền.
Trẻ mà sang ấy âu là phúc,
Già được nhàn thời ắt cũng tiên.
Cho về cho ở dầu ân chúa.
Ngại bước chen chân chốn cửa quyền.

XL

Người ba đứng của ba loài,
Khôn biết chiều hoa nỗi thẳm phai.
Tiệc ngọc còn chờ người quí-giá,
Mâm son hãy đợi khách cao-tài.
Gươm trời nỡ để tay phàm tuốt,
Búa nguyệt chi cho đứa độc mài.
Ơn nghiêm liếc soi thăm-thẳm,
Vàng mười đứng giá nọ trêu ai.

(1) Xem *Nam-phong*, số 14 (95-96), 15 (156), 29 (427-428), 30 (537-538).

XLI

Nói nên hoang, lại nói rằng thì,
Sang trọng giầu yêu khó chẳng vì.
Nhị kết hoa thơm ong đến đỗ,
Mỡ bùi mật ngọt kiến nào đi.
Thanh-tao của có thanh-tao mấy,
Náo-nức tay không náo-nức gì?
Mặc rủi mặc may khi gặp dịp,
Khen chi chê biếng cợt mà chi.

XLII

Nép mình qua trước chốn xôn-xao,
Mấy sự bên tai gió thoảng ào.
Cửa trúc vỗ tay cười khúc-khích,
Hiên mai vẫn đứng hát nghêu-ngao.
Lo-le đã vậy thời dầu vậy,
Vặt-vãnh màng bao sá quản bao.
Chẳng hết trung-cần hai chữ ấy,
Nhờ ơn đất rộng cậy trời cao.

XLIII

Giàu khó đành hay chỉn phận mình,
Mấy đường gai-góc biếng đua tranh.
Cơm ăn chẳng quản mùi sa bạc,
Áo mặc nề chi tấm rách lành.
Đạp gối mong nhiều người ẩn-dật,
Bận lòng lại tưởng cái công-danh.
Cho nên nấn-ná trong lều cỏ,
Nhân mát ngồi xem thủa thái-bình.

XLIV

Biết đạo thì công trời có tư,
Thửa nơi xuất-xử ngẫm cho hay.
Bầu cơ-sơn nhẹ nào ai phụ,
Bút ngọc-đường thanh họa kẻ hay.
Ở thế nhiều người dại lỡ,
Làm trai mấy kẻ khôn ngay.
Nhưng nhưng mọi việc đà ngoài hết,
Nhàn một ngày là tiên một ngày.

THƠ CỦA CÁC ĐỨC ÔNG TRIỀU TIÊN-ĐẾ (1)

Trách tình-nhân lỗi hẹn

Như-nguyện ai ngờ nguyện chẳng như,
Ngồi chờ canh một đến canh tư.
Chùa thanh cảnh vắng quyên kêu rốn,
Trăng lọt sương lồng gió thổi nư.
Đoạn thảm khôn ngăn trời giặc-giặc,
Mối sầu sao khéo buộc khư-khư!
Giải buồn mượn rượu vài ba chén,
Ai nói rằng say nữa cũng ừ!

Không đề

Bên cảnh bên tình khéo vấn vương,
Sầu xuân sang hạ chạnh trăm đường.
Tiếng ve giải-giặc nghe thêm thảm.
Bóng nguyệt tròn-hiu thấy dễ thương.
Vàng thếp giếng ngô sa lá gió,
Bạc xuy dậu cúc nẫy chồi sương.
Dầu chong trắng đĩa chưa êm giấc,
Lăm phá thành sầu đã hết phương!

Từ-Thứ về Tào

Thảo đâu dám sánh kẻ cày voi,
Muốn xát lòng ai mấy mặn-mòi;
Ở Hán đã đành nhiều cột cứng,
Về Tào chi sá một cây còi.
Bâng-khuâng nhớ mẹ không nưng chén,
Bát-ngát thương vua khốn nặng roi.
Mặc kẻ khôn Ngô rồi dại Ngụy,
Mình đây xin để ngoại vòng thoi (2).

Bụi tre bỏ

Gẫm mình thế chắc ở ao sâu,
Đến lúc trời xô cũng chổng râu!
Trảy mắt đã toan đương rổ cá,
Rấp gai chớ ót ngoáng cần câu.

(1) Hai đức ông Tương-an và Tùng-thiện là con đức Minh-mạnh.

(2) Bài này và bài trên, người thì nói ông này đặt, người thì nói ông kia đặt, nhưng thiệt là của ngài Tương-an.

Đành cam thằng lính đà lem mủi,
Thương hại ông quan phải cúi đầu.
Những tưởng ngả ra thời hết số,
Ai ngờ dựng lại sống càng lâu.

Không đề

I

Cầu ô gặp-gỡ biết nhau đây,
Đã chẳng trăm năm cũng một ngày,
Tạo-hóa duyên kia dầu chắp nối,
Tao-khang nghĩa trước khéo phân thay !
Bồi-hồi còn nghĩ đường lui tới,
Lận-bận rồi ra tiếng mỏng giày.
Dẫu có thương không thời để giạ,
Tấm tình chớ khá lậu ai hay.

II

Mấy thu hớn-hở cúc chờ sương,
Tươi-tốt ngành ba thấy dễ thương.
Phận dẹp đã đành duyên túc-đế,
Tình ưa vì bởi múi tơ vương.
Tới lui những nghĩ rằng quen thuộc,
Qua lại không toan việc điếm đường.
Trót đã yêu ba nên mến cội,
Dám đâu thành phụ thói người Trương.

Uống rượu

Đêm thu chén rượu mượn làm khuây.
Một khắc đầy vơi mấy dọt đầy.
Mê-mẩn tiệc ba người chạnh tưởng,
Xinh-xoàng hơi cúc ngấm càng say.
Chừng ba chung trước còn khen ngọt,
Hết nửa ve sau mới biết cay.
Quá ngán tình đời nồng-nực thế,
Hèn chi chúng nó phải tình ngây !

Người điếc

Khúc-khích mình cười chuyện một mình,
Dẫu ai la-mắng cứ làm thinh.
Lưu-linh quá chén cơn đông-tố,
Sào-phủ ngơ tai chữ lợi-danh.
Tiếng sấm vịt không nao-núng giạ,
Khúc đờn trâu khéo ngẩn-ngơ tình.
Cú cò mặc thế lời chim chuột,
Khúc-khích mình cười chuyện một mình.

Không đề

Một gánh tương-tư nặng một ngày,
Sầu riêng riêng những có ai hay.
Làm khuây mượn rượu khôn nguôi chén,
Muốn giải ôm đờn biếng nỗi giây.
Dặm thẳm đường xa trông mặt bắc,
Phòng không quạnh quẽ chạnh niềm tây.
Xuân đưa ngành liễu nghe tin gió,
Nguyệt rạng thềm hoa thẹn bóng cây.

TƯƠNG-AN

* * *

Lỗ phận ngựa lủng

Chộ mà dờm ! chộ mà dờm !
Một lỗ bưa vừa lọt quả thơm !
Thằng mọi vô-tình trầy mắt cá,
Con đòi vô-ý đổ mâm cơm ;
Thích lòng chú chuột tha nùi rát,
Đắc chí ông ho khạc bãi đờm.
Năm ngoái năm ni còn để vậy,
Sao không mua ván vá thêm lơm ?

TÙNG-THIỆN

HÁT NÓI

Thừa-phái hội-đồng đi phát tiền công cho dân đắp đê

Nhân sai-phái hội-đồng đê-chính, chiếu nhân-đinh ban-phát tiền lương. Truyện thế-tình tham-nhũng là thường, đường vương-sự thanh-cần cho đáng. Khi công-hạ (1) mượn hơi men chuếnh-choáng, lựa ngón cầm to nhỏ với tri-âm. Rủ lá màn năm ba kẻ đồng-tâm, ngả con toán thừa-trừ thay tạo-hóa. Thông trời đất có bao nhiêu qui lại cả, này một tay thi-thố cũng xong ; anh-hùng mới biết anh-hùng, tuy rằng đao bút cũng dòng Tào Tiêu (2) ; *chính tâm khả dĩ chính triều !*

(1) Là lúc rảnh việc công.
(2) Tào-Tham, Tiêu-Hà đều là làm lại, mà sau làm đến tướng nhà Hán

Làm quan ở tỉnh Sơn-tây

Bách niên tâm sự bằng thùy ngữ [1] 百年心事憑誰語, cớ làm sao mà thề với cỏ cây ? Mười lăm năm một tỉnh Sơn-tây, gót du-tử vương dây trần chi lắm tá ? *Toán đắc xương xương dung ngọc ngã* [2] 算得蒼蒼容玉我, *giác lai tị tị diệc hà tâm* [3] 覺來比比亦何心. Cuộc công-danh ai cũng bước phù-trầm, có luân-lạc [4] mới xoay vào chung-đỉnh. Ấy mới biết anh-hùng dương tự-tỉnh, nợ tang-bồng lời-lãi chẳng vì ai ; kìa kìa gương đề trên đời !

Trải mùi nhân-thế

Chẳng lưu-lạc sao trải mùi nhân-thế, còn trần-ai khôn tỏ mặt công-hầu. Ngất-ngưởng thay con tạo khéo cơ mầu, rắp giáng-nhậm [5] lại chèn cho lúng-túng. *Thân hệ bang gia chung hữu dụng* [6] 身係邦家終有用, *thiên sinh hào kiệt bất ưng hưu* [7] 天生豪傑不應休. Hãy đành lòng đừng mầy chút oán vưu [8], *thời chí hĩ ngư long biến hóa*. Ấy mới biết cùng thông là mệnh cả, cũng đừng đem hình-dịch ngoại cầu chi. Hơn nhau chăng một chữ thì, thiếu gì kỳ-ngộ thiếu gì nhân-duyên ; linh-đài một tấm tự-nhiên !

Thúy-Kiều

I

Nàng Thúy-Kiều là người quốc-sắc, bởi hồng-nhan phận bạc khá thương ! Mười lăm năm dãi nắng dầu sương, thuyền tình chở biết bao người công-tử ! *Bạc mệnh Đạm-tiên tiền lãng sự* [9] 薄命淡仙前浪事. *Thuyền quyên kiều nữ cựu phong tình* [10] 嬋娟嬌女舊風情. Đau-đớn thay mang tiếng lầu-xanh, cung cầm lựa phiếm tình nên lỗi. Duyên Kim-Trọng tơ xe vấn rối, chữ chung-tình nên để lại nàng Vân ; Thúy-Kiều một kiếp phong-trần !

II

Hiếu tình khôn đôi vẹn, thương Thúy-Kiều một trận phong-ba. Ngẫm-ngùi thay lúc bước chân ra, kể sao xiết muôn vàn ân ái ! Cầm trăng với mảnh gương trao lại, dặn Thúy-Vân tơ tóc một đôi lời. Chị cạy em, em khá chịu lời, tình máu mủ thay lời non nước. Nước chảy hoa trôi đành phận bạc, gương tàn trâm gẫy xót gan vàng. Ôi Kim-lang ! thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đấy nhé ! Ai xui khiến nên nông-nỗi thế, tình xa-xôi ai thấu chăng ai ? Cái thân đến bước lạc-loài !

III

Hiên hàn-mạc hé bóng rèm phong nguyệt, ngẫm sự người sẽ chạnh thương người. Ả Thúy-Kiều so bạn gái kém chi ai, sắc có một song tài chưa dễ mấy. Kiếp trước có nợ-nần chi đấy, nên trời xanh ruồng-rẫy má hồng. Mười lăm năm trải mấy độ long-đong, dan-díu mối tình chung chưa nỡ dứt. Chịu tiếng khen chê đà sạn mặt, vì chưng chữ hiếu phải liều mình ; há rằng ai có phụ chi mình, trời có mắt làm thinh sao được mãi. Dải đồng-tâm sợi hồng đính lại, nghìn thu gương hiếu-nghĩa còn in ; hồng-nhan mấy mặt trông lên !

---

(1) Tâm-sự trăm năm nói với ai được.

(2) Tính ra là tự trời ngọc thành cho ta.

(3) Xem ra nhan-nhản như thế, hà-tất phải dụng-tâm.

(4) Là chìm-đắm lưu-lạc.

(5) Chữ sách Mạnh tử : « Thiên tương giáng đại-nhậm ư tư nhân », nghĩa là trời sắp trao cho người ấy cái trách-nhậm lớn-lao.

(6) Thân hệ nhà nước thế nào cũng có lúc hữu-dụng.

(7) Trời sinh người hào-kiệt, không nên để ngồi rồi.

(8) Nghĩa là oán trách.

(9) Nàng Đạm-tiên gặp số bạc-mệnh, là sự đã qua rồi.

(10) Nàng Thúy-Kiều là gái thuyền-quyên ở truyện phong-tình cũ.

IV

Bát-ngát nhẽ gió thanh trăng bạc, chạnh niềm đau sẽ nhớ nàng Kiều. Phận hồng nhan cay-đắng trăm chiều, cơn dâu bể phải theo thời-sự. Mình nàng nghĩ khôn đường lưỡng-lự, suốt năm canh nương bóng đèn tàn; trách ông Tơ sao khéo quầy càng, duyên chị để mượn em chắp chỉ. *Nhất phiến tài-tình thiên-cổ lụy* 一片才情千古累, *tân-thanh đáo-để vị thùy thương* 新聲到底爲誰傷, mười lăm năm trong số đoạn-trường, son phấn biết mấy lần trôi rạt; chữ tình để đành chưng kiếp-khác, đạo sinh-thành trước phải đền ơn; gác lời thệ-hải minh-sơn!

V

So tài-tình Thúy-Kiều đệ nhất, tiết Thanh-minh đi tảo-mộ hoàng-tuyền; ban tà-dương viếng mả Đạm-tiên, theo vó ký gặp say chàng Kim-Trọng. Nắm thoắt thấy thần-nhân báo mộng: số cô còn nhiều nợ phong-hoa. Sực tỉnh cơn tưởng nỗi niềm xa, năm canh nguyệt ủ-ê chồi liễu yếu. *Đoạn tràng mộng lý căn duyên liễu* 斷腸夢裏根緣了, *bạc mệnh cầm trung oán hận tràng* 薄命琴中怨恨長, Mối tơ vương xảy cuộc tang-thương, người má phấn bên trời lưu-lạc. Gắm duyên cô mười lăm năm chếch mác, phận hồng nhan nhiều nỗi truân; trêu ngươi thay mấy [illegible]!

VI

Phong-tình cổ-lục, nàng Thúy-[illegible] phẩm trần-duyên, hội Thanh-[illegible] mả Đạm-tiên, gặp Kim-Trọng giac[illegible] trâm-ước. Mới hay số đoạn-tràng kiếp trước; để cho nàng lắm bước phong-hoa. Sực tỉnh cơn tưởng nỗi-niềm xa, duyên tơ đỏ chị nhủ em chắp chỉ. *Nhất phiến tài tình thiên cổ lụy* — 片才情千古累, *tân thanh đáo để vị thùy thương* 新聲到底爲誰傷. Mười lăm năm trong số đoạn-trường, nàng đã trải phong hoa tuyết nguyệt. Sông Tiền-đường từ ngày non nước, gặp chàng Kim duyên bén sắt cầm; cùng nhau họp mặt tri-âm!

Nhớ quê hương

Buồn sực chạnh nhớ cố-hương phong-cảnh, ngọn thu-phong hiu-hắt buổi tà-dương. Giọng tiêu-phu rầu-rĩ lúc tang-sương, hồn tử-lý mơ-màng khiển-hứng. Leo-lẻo giữa dòng chiều nước đứng, chênh chênh sườn núi bóng trăng lờ. Nợ phong-trần toan ngảnh mặt làm ngơ, song còn nghĩ bấy nhiêu thu về trước; khắc-khoải ngoài hiên quyên nhớ nước, chí tang-bồng rộng khắp bốn phương; ngậm-ngùi cố-quốc tha hương!

NHÂN-ĐÌNH QUỐC-ÂM THI-VĂN-TẬP (1)

Họa bản-thôn Lan-sơn Nguyễn Tưởng-Ông kiến-tặng

Cũng khiếp cho ta cải hội này,
Còn răm ba chữ cũng làm thày.
A b mới đủ khua đầu trẻ,
Nông nẫy và đương rắp tiếng tây.
Tân-học chẳng qua ba tấc lưỡi,
Tiền-trình chưa biết mấy tầng mây.
Làng nho xin chớ cười nhau vội,
Có gặp nhau chăng hãy bắt tay!

Phụ nguyên-tác

Vui-vẻ văn-minh gặp hội này,
Tuy chưa quan trưởng cũng là thầy.
Thông bài quốc-ngữ thông bài tính,
Dạy chữ An-nam dạy chữ tây.
Sóng cả vẫy-vùng duyên cá nước,
Sấm ran phấp-phới hội rồng mây.
Làng nho tấp-tểnh đừng lên vội,
Thày giáo nên ra mới biết tay.

(1) Xem *Nam-Phong*, số 29, trang 434-435; số 30, trang 541-542.

Gửi cho ông Tú Khiếng bảy-mươi-nhăm tuổi thọ

Ông bảy mươi nhăm ông chẳng khoe,
Trời cho ông vẫn khỏe khòe-khòe.
Thơ vung tàn tán đưa người họa,
Rượu tuýt cù đèn đánh giấc khê.
Đã trải phong-lưu mùi kẻ chợ,
Sao bằng khệnh-khạng thú non quê.
Năm nay thấy nói ông nhiều thổng,
Ông chẳng đưa tôi một chữ que.

Họa thơ ông Tú Khiếng đưa lại

Gió trăng riêng một thú non quê,
Trái thói cho nên lắm kẻ chê.
Giở ngón văn thơ còn tấp-tểnh,
Hỏi đường danh-lợi biết mô tê.
Văn-minh gặp hội xoay trời đất,
Chính giáo ra tay nhượng cống nghè,
Chót đã hẹn-hò non với nước,
Sau lưng xốc-xếch chú nhiêu hề !

Phụ nguyên-tác

Hai thầy Tú kiết ở nhà quê,
Nọ khiến ai khen nọ khiến chê.
Văn-chương xếp cả câu bay-bướm,
Chữ nghĩa theo về lối « đích-tê ».
Ngồi ghế chen vai thày giáo bảo,
Kìa ai cử tú với ông nghè.
Mũ ni rầy đã che tai cả,
Chèo bội vui xem một tấn hề.

Phượng-trì đồ-gia tế-mẫu văn

Than rằng : Chồi huyên hiu-hắt, bấm đốt tay kể tự xuân xưa ; ruột cúc băn-khoăn, nháy con mắt thoắt đà đông tới. Ơn sinh-thành non mấy tầng cao ; lòng bi-thống biết bao giờ nguội.

Nhớ mẹ xưa : tính đất hiền lành ; tư trời nông-nổi. Những bỗng-bằng mà ruột để ngoài da ; những nóng-nảy mà tiết lộn với phổi. Nhẫn từ thuở sương bay núi hổ, ủ-ê còn trong đống hạt xương ; lại từng khi tuyết lạnh sân cù, sòng-sõi với một con đầu trối. Tất-tởi đôi vai gánh nặng, dựng vợ gả chồng, mua trùm chịu trạ, gái trai lo lắng đã từng yên ; sun-soe trăm việc dao pha, cầm phường gây họ, bán ngược buôn xuôi, nhà cửa ăn tiêu nghe cũng dỗi. Được như mẹ dễ mấy trăm người ; nhờ ơn trời đã sáu chục tuổi. Miền bắc-giũ rạng mầu kính phát, tơ xanh tuyết trắng hôm mai ; khúc nam-cai ấm giọng sinh-ca, thịt béo rượu nồng sớm tối. Gặp vận đỏ thánh-sư cũng độ, miếng tiết vừa đông ; bỗng cơn đen tạo-hóa khôn lường, tạc lòng thêm rối. Trong anh em cũng nên tấm nên miếng, chẳng kém gì ai ; ngoài dân làng cũng có vế có vai, chỉ hiềm một nỗi. Lều-bều thịt mỡ, ngán nỗi gia-tình ; nục-nạc dao phay, lạ gì thế-thái. Ấy cũng tinh con heo xong nợ miệng, tát nước theo mưa ; song lại e hàng cá gảy đàn môi, bắc cầu mà lội. Nông nỗi ấy dao chia khúc ruột, ngậm-ngùi tưởng đến mà đau ; cơ-sự này nước xúi chân lông, thẩm thoắt nghĩ càng thêm tủi. Thôi thì thôi ! sự nhà sự cửa, mẹ không đội đá ở đời ; chầu phật chầu trời, mẹ cũng dầy thuyền theo ông vải. Rầy nhân truy-tiến sơ-ngu, kính-trần bạc-lễ. Bồn-chồn tiết nóng như hâm, đau sót ruột rầu như muối. Buổi trời đồng-loạt, lấy gì mà ganh khí ganh hơi ; đất nước đôi dòng, ấy cũng phải có ăn có trọi. Trước hương-án ba tuần rượu nhạt, kính chẳng bõ phiền ; bên linh-sàng đôi giọt châu sa, nói càng thêm tội. Hỡi thương ôi ! Nước chảy hoa trôi, sao dời vật đổi. Vốn đã biết thịt da là thể xót, mà sương pha gió giạn, đêm thu mình vỗ cánh ve gầy ; ví muốn đem gan ốc đề ơn đền, mà trời thẳm đất giầy, tháng hạ lòng đau con quốc gọi. Dạ tích-thành hồ đã đầy niên ; lòng báo-đức xin thông chín suối. Thương thay ! xin hưởng.

Tú-tài LÊ ĐÌNH-HUYẾN

Người trong gương

Cất mảnh gương soi luống thẹn-thùng.
Hỏi người trong ấy phải ta không ?
Râu mày khéo đúc cùng tai mắt,
Cười nói ưa nhau chẳng lạ-lùng.
Ý hẳn cũng say về đất nước,
Hay là còn thẹn với non sông.
Một mình chiếm cả riêng trời đất,
Muốn tới thăm mình khó lối thông.

Hoa trong gương

Mấy cành hoa nở mảnh gương trong,
Hoa nở trong gương bóng chập-chùng.
Bóng thắm nhị đào khôn kẻ hái,
Cành vàng lá ngọc dễ ai trồng.
Bướm dù mê sắc không đường liệng,
Ong muốn tìm hương khó lối thông.
Ai khách thưởng-hoa trong ấy nhỉ,
Yêu hoa nhẫn hái một vài bông.

Mừng mưa

Cơ trời chuyển-động chóng hay không,
Bỗng chốc mưa tuôn sướng lạ-lùng.
Rầm-rập từng cơn tan gió bụi,
Ào-ào một trận rộn non sông.
Muôn dân thỏa lúc mong mây mống,
Bốn bể mừng nay gặp cá rồng.
Hoa cỏ hồi này xanh tốt lại,
Tưng-bừng chè-chén nhất nhà nông.

Yêu sen

Cửa đền sân miếu giáng-sinh ra,
Trong nước thiên-nhiên nẩy một tòa.
Ngọc trắng đòi bầu bùn chẳng nhuộm,
Tàn xanh mấy lớp nắng khôn pha.
Hương ngào-ngạt ngát khi đương ấy,
Sắc xinh-xinh-xinh lúc tiếng hoa.
Nổi tiếng phồn-hoa là thứ nhất,
Thế-gian ai thấy chẳng yêu mà.

Cả đêm không ngủ.

Đêm sao dằng-dẵng trống canh tàn,
Chẳng ngủ rồi ra mới biết lâu.
Loạc-choạc ếch kêu vang đáy giếng,
Tê-te gà gáy rộn bên lầu.
Láng-diềng tiếng đã xôn-xao giậy,
Già trẻ nghe chừng hót-nựng nhau.
Tang-tảng rạng đông trời mới sáng,
Rõ mầu đen trắng rõ vàng thau.

Bỡn trăng.

Mầu thu ai khéo vẽ nên tranh,
Bỗng chốc đem trăng đến cợt mình.
Thấp-thoáng bóng vàng nhìn chẳng chán,
Nhởn-nhơ vẻ ngọc ngắm càng xinh.
Thang mây thẳng bước qua xem dạng.
Cành quế vui chơi thử ướm tình.
Hỏi chị Hằng-nga chừng mấy tuổi,
Nên chăng sẽ thủ thực cùng anh.

Đĩ than thân.

Thôi, thôi, thôi đã mắc vào vành,
Nghĩ nỗi sau này xiết sợ kinh.
Chiếc bóng luống thương đời má-phấn.
Nghìn vàng khôn chuộc tiếng lầu-xanh,
Những mong tàn tán nên bà quận,
Nào tưởng trăng hoa tủi phận mình.
Trăm tuổi ai thương mà cải-thố,
Xin ai đừng đến điềm sương-tinh.

Vũ Tích-Cống

CÂU ĐỐI

Mừng bạn lấy vợ kế.

Người vui khách cũng vui, chén cúc giỡ say trong bóng nguyệt.

Năm mới duyên càng mới, giao loan khéo chắp mối tơ tình.

Mừng người thầu-khoán làm nhà mới.

Gặp buổi văn-minh, mực thước sửa-sang theo cách mới.

Gia tay chế-tạo, cơ-đồ thu-xếp giữ nền xưa.

Mừng ông Lý làm nhà lối tây.

Gặp hội văn-minh, sung-sướng gì bằng tung cửa gác.

Nhờ ơn tạo-hóa, công-danh rồi sẽ bước lần thang.

Mừng bạn làm nhà.

Trời có phụ nho đâu, chức trọng quan sang rồi cũng gặp.

Đất vẫn theo người nhỉ, cửa cao nhà rộng mới từ đây.

Mừng hàng xóm có bố mẹ vợ tư giùm làm nhà mới

Cảnh quí rườm-rà, cây đức đã hay nương cửa đức.

Sóng buôn lai-láng, làng nho lại nổi tiếng nhà nho.

Vũ Tích-Cống

THƠ VĂN CỦA ÔNG TỨ XƯƠNG

(Trần Kế-Xương)

Đi thi

Tấp-tểnh người đi tớ cũng đi,
Cũng lều cũng chiếu cũng vô thi.
Tiễn chân cô mất hai tiền lẻ,
Sờ bụng thầy không một chữ gì.
Lộc nước cũng nhờ thêm giải-ngạch,
Phúc nhà may được sạch trường-qui.
Bốn kỳ trọn-vẹn thêm kỳ nữa [1],
Ă â ủ ư ngọn bút chì.

Tặng người quen

Em gửi cho anh tấm lụa đào,
Phất-phơ tươi tốt đẹp làm sao.
Của này ý hẳn trong nhà có,
Hay mượn người mua ở nước nào?
May áo hẹp gì cho cái dải,
Thắt lưng không ngại chẳng đầy tao.
Muốn lên hỏi giá mua vài tấm,
Không biết rằng cô bán thế nào?

Hữu-cảm

Ai ốm riêng ai ốm một mình,
Hỏi ai ai cũng chỉ mần-thinh.
Kìa đồng bạc lớn ông Lang Sáng,
Nọ mấy hào con chú Ích-sinh.
Hỏi vợ vợ còn đi chạy gạo,
Gọi con con những mải chơi đình.
Muốn mù trời chẳng cho mù nhỉ,
Dương mắt trông chi buổi bạc-tình.

Thán cùng

Khi túng-toan lên bán cả trời,
Trời cười thằng bé nó hay chơi.
Cho hay công-nợ âu là thế,
Mà vẫn phong-lưu suốt cả đời.
Tiền bạc mặc thây con mụ kiếm,
Ngựa xe chẳng thấy lúc nào ngơi.
Có năm ba chữ giồi trong ruột,
Khéo khéo không mà nó lại rơi.

(1) Nguyên trước đi thi lệ có bốn kỳ là đủ, nhưng sau ai muốn thi Pháp-văn thì thi kỳ nữa, cho nên câu thơ đặt như thế.

Xuân-nhật tự-vịnh

Sắm-sửa năm nay khéo thực là,
Một mâm mứt-rận mới bày ra.
Sanh đồng thắng lại đen dưng-dức,
Áo vải bò ra béo thực-thà.
Kẹo chú Thiều-châu đâu đọ được,
Bánh bà Hanh-tụ cũng thua xa.
Sang năm quyết mở ngôi hàng mứt,
Lại tưới thêm vào tí nước hoa,

Bài phú thày đồ

(tức là ông Tú-Xương)

Có một cô lái, nuôi một thày đồ, quần áo rách-rưới, ăn uống sô-bồ ; cơm hai bữa cá kho rau muống, quà một chiều khoai lang lúa ngô ; sao dám khinh mình, thày đâu thày vậy, không biết trọng đạo, cò lốc cò lô. — Thày đồ thày lề, dạy học dạy hành, mấy quyển sách nát, ba thằng trẻ ranh ; văn có hay thì đã làm quan, võng điều võng thắm, vũ có giỏi đã ra giúp nước, khố đỏ khố xanh ; ý hẳn thày vừa gàn vừa giở, ý hẳn thày văn dốt vũ dát, cho nên thày lần-quần lanh-quanh ; trông thày phong-vận ở chốn thị-thành ; râu rậm bằng chổi, đầu to hơn dành ; cũng lắm phen đi đó đi đây, thất-điên bát-đảo ; cũng lắm lúc chơi liều chơi lĩnh, tứ-đốm tam-khanh ; thày ngồi chỗm-chệ, chó đứng xung-quanh ; trước thày ngồi có án-thư bàn-độc, bên thày nằm có cánh-sếp mành-mành ; bạn thày là ông Bảng ông Nghè ông Hoàng ông Thám, con thày là tên Uông tên Bái tên Bột tên Bành ; dạy câu Kiều lẩy, dạy khúc lý kinh ; đạy những khi xuống ngựa lên xe đứng ngồi phải phép, dạy những lúc cao lâu chiếu hát ăn nói cho sành.

Làm câu đối cho bà vãi cầu hậu

Trẻ vui nhà, già vui chùa, xem tượng mới tô chuông mới đúc.
Giầu vì làng sang vì nước, này người là ngãi của là duyên.

Gửi cho ông Phó-Huyện làng Vị-xuyên

Lão chửa đã già đâu, ngang ngửa vì ai nên tóc bạc,
Xuân sao mà trẻ mãi, xoay vần như thế vẫn đào non.

Nam-định Vũ Xuân-Trác *sao-lục*

BÀI CA KHUYẾN-LIÊM

(Phụng-dịch nguyên-văn quan Phạm Văn-Thụ, Tuần-phủ Thái-bình)

Nay là buổi kịp nên khai-hóa,
Chứ đừng quen thói dã-man xưa.
Trí dân đã mở cho chưa ?
Quyền dân bịt đến bao giờ mới thôi ?
Thuật riêng ấy là mồi quan-lại,
Dân có ngu thời lại mới lâu.
Hạ-bao 荷包 là chữ sách Tầu,
Còn câu *đút túi* là đầu lưỡi ta.
Nghề nghiệp ấy giáo-khao không dậy,
Khéo tinh ma riêng nẩy nòi khôn.
Phép kia nghiêm cũng chẳng chồn,
Tệ kia vẫn giữ chẳng mòn chút nao.
Lương-bổng cũ thêm cao cũng mặc,
Phép-luật mới nghiêm nhặt nào kinh.
Trước tư-túi sau công-hành,
Bệnh truyền-nhiễm, thói đua tranh khác gì.
Đàn một gỗ gặm chi cứt sắt,
Một con sâu xấu khắp nồi canh.
Nói ra thẹn bóng tủi hình,
Nghĩ đi nghĩ lại một mình xiết bao !
Biết cùng ai phong-trào cổ-động,
Đám quan-trường rửa bụng tham-ô.
Gọi hồn liêm-sỉ về cho,
Phúc văn-minh nọ quả vo đến tròn.
Nào xiết kể nước non nòi giống.
Trải xưa nay liêm trọng tham khinh.
Cái hồn liêm-sỉ còn linh,
Chắc quyền đạo-đức trướng-bành có phen.

Triều Tự-đức trở lên lương bạc,
Lại cùng quan bổng-lạc đã quen.
Dẫu rằng hộc gạo quan tiền,
Tấm son chưa để nhọ đen bao giờ.
Lương ngày nay khác xưa đã bội,
Kể ít ra cũng tới mười nguyên.
Hoạn-trường dộn-dịp người chen,
Chữ tham đắm-thắm chữ liêm nhạt-nhẽo.
Bảo rằng buổi sinh-tồn tranh-cạnh,
Càng văn-minh càng sinh sa-hoa.
Sao không kiệm-ước thực-thà,
Giẻ-cùi tốt mã người ta chê cười.
Chữ thao-thủ nếu ai thực dạ,
Tiếng thanh-liêm có giá trong đời.
Quan trên tưởng cũng xét soi,
Thân-bằng tiễn-tặng ít oi chẳng nề.
Bề liêm-đức cùng bề thanh-phúc,
Phúc-đức kia nên đúc cho tròn.
Ai ơi, nghĩa lợi đôi đường.
Lấy cân mà nhắc chớ còn ngờ chi.
Quan Đại-Pháp từ khi bảo-hộ,
Tới nước ta truyền-bá văn-minh.
Những mong hạt giống tươi xanh,
Máu đành để tưới thịt đành để vun.
Quan dân ta bố con tương-cảm,
Áo cơm mình huyết-hãn của ai.
Đồng-bào từ lúc phôi-thai,
Nỡ đem máu mủ làm mồi béo no.
Hổn liêm-sỉ ai hô cho tỉnh?
Quyền đạo-đức kém mạnh rồi chăng?
Lẽ đâu nước bốn nghìn năm,
Khuôn nền văn-hiến vững bằng đá xây.
Trước liêm-chính sao nay tham-bỉ?
Đám thượng-lưu phải nghĩ sao đây?
Mực kia chớ để dùng tay,
Vàng kia chớ để bụng này nhọ đen.
Nghề buôn bán đua chen mới lãi,
Lòng cờ bạc vét-mãi kẻo thua.
Kể lại nhỏ bực quan to,
Trông hai nghề ấy đắn đo với đời.
Ai khéo lấy khen tài khen giỏi,
Ai vụng lấy chê dại chê ngây.
Ước ao thắt túi cho đầy,
Lắp tai bưng mắt kệ thây miệng đời.
Rõ tuồng cố đấm ăn xôi,
Giơ đầu chịu búa ai cười mặc ai.
Thói văn-dã hiện thời giao-đại,
Việc công-thương đương buổi chấn-hưng.
Chữ công chữ lợi lẫy lừng,
Chữ đạo chữ đức xem chừng suy-vi.
Nghề học mới chưa ghi vào óc,
Nghề học cũ vội bóc lốt xưa.
Càng nghĩ-ngợi càng ngẩn-ngơ,
Mồ hôi nhường đã như mưa ướt đầm.
Mỗ nay luống âm thầm thẹn tủi,
Hai mươi năm quanh cõi Thái-bình.
Chưa làm được chút thơm danh,
Nghĩ mình mình hết trách mình thôi thôi.
Sực nhớ đến khi ngồi phủ huyện,
Lễ tuế-thời tống-tiễn cùng ai.
Muốn làm gái cũng phải chơi,
Ăn chay cũng chả theo đòi được sư.
Kịp đến lúc thăng trừ tỉnh-niết,
Hiệu Duy-tân đã phát-hiện ngay.
Một mình hối cải từ đây,
Cầu đâu dám cất, ớt cay đã từng.
Nỗi thế-cố xem chừng quỉ quái,
Kẻ thái-liêm thường lại thái-tham.
Tâm-kinh sám-hối đêm đêm,
Mình chưa chắc sạch dám đem nói người.
May chấn-chỉnh có ngài Thân-chế,
Cũng muốn theo kích-lệ cải-lương.
Hô-hào dẫu dứt can-trường,
Chỉn e người những xem thường xem khinh.
Vả phong-tục tự mình thay đổi,
Việc giỏ hay trách nỗi người mình.
Chờ ai giả-thủ biến-canh,
Lại càng giơ dáng dại hình biết bao.
Triều Thánh Chúa may sao đội đức,
Lời chỉ-dụ ban khắp bốn phương.

Đốt nhang đọc lá báo-chương.
Lòng càng cảm-kích gia càng mừng vui.
Xin phát-nguyện cùng nòi Hồng Lạc,
Chữ quân-thần ghi tạc trên đầu.
Quan dân khuyên nhủ cùng nhau,
Những điều Hoàng-huấn ngọc châu [phụng trì.
Cây có thẳng bóng kia mới thẳng,
Nước có trong nguồn lặng mới trong.
Bụi tham quét sạch như không,
Thái-bình ca-vỗ sẽ mong có ngày.

Cử nhân đệ-nhất-hạng Thừa-phái

NGUYỄN-HỮU-XỨNG *dịch*

Đề đền kỷ-niệm tỉnh Thái-bình.

(lấy vần đền)

(Đền ấy quan Tổng-đốc Phạm Đại-viên đại-nhân dựng ra, trong thờ quan Thượng Phủ-Khê, quan Tuần Hanh-thiện và hai quan Công-sứ đã có công mở-mang những việc công-ích cho tỉnh Thái-bình, trong đền có ảnh chuyển-thần, ngoài sân có bia kỷ-công.)

Kỷ-niệm mừng ai mới dựng lên,
Tây Nam xum họp một gian đền,
Tranh treo bốn bức như còn thấy,
Bia tạc nghìn năm mãi chửa quên.
Mặc kẻ khen chê qua trước miếu,
Chứa bao ân oán đắp thành nền.
Sông Bo còn đó đền còn đó,
Thấy cảnh này ai chẳng nhớ tên.

Đề Tượng Hiệp-Phật ở nghĩa-địa Thái-bình.

(lấy vần bà)

(Tượng ấy là tượng Phật bà, cổ đeo tràng-hạt, mặc áo ca-xa, một tay cầm buồm, một tay cầm kiếm, đứng ở giữa nghĩa-địa là quan Tổng-đốc Phạm Đại-nhân mới làm ra.)

Thập-phương tinh-mệnh hệ tay bà,
Bồ-tát chân-thân mới hiện ra.
Kiếp vận lần xoay vòng chuỗi hạt,
Chúng-sinh đùm bọc áo ca-xa.
Trầm-luân vớt kẻ thăng tiên-giới,
Tế-độ khuyên ai khấn bụt nhà.
Nghĩa-địa trăm năm trồn quả phúc,
Nhờ ơn sinh-phật cứu dân ta.

Nghĩa-viên NGUYỄN VĂN-ĐÀO.

Bài thơ đề tượng Hiệp-Phật (1)

(lấy vần chữ bà)

Tòa sen rực-rỡ chín từng hoa,
Ai khéo tô nên tượng Phật-bà.
Tuệ-kiếm chém phăng giây khổ-não,
Từ-phàm phất sạch bụi oan-gia.
Trên đàn thuyết-pháp chiêu hồn nước,
Trước ấn phần-hương khấn bụt nhà.
Bồ-tát hóa-thân sinh phật hiện,
Đồng-thanh tụng niệm khắp gần xa.

Hựu-thể

Mũ-ni tràng-hạt áo cà-xa,
Hiệp-Phật ai tô khéo khéo là.
Tế-độ ra tay buồm cứu-khổ,
Thần-thông hóa phép kiếm trừ tà.
Trăm năm thoát khỏi vòng oan-nghiệp,
Mấy kiếp tu nên đức Phật-bà.
Cầu nguyện muốn cho toàn quả-phúc,
Thắp hương xin khấn bụt chùa nhà.

Bài thơ đền kỷ-niệm (2)

(lấy vần chữ đền)

Tấm lòng sùng-bái dám bao quên,
Kỷ-niệm từ nay mới lập đền.
Bốn bức chuyển-thần gương chớp ảnh,
Nghìn thu tạc dạ đá ghi tên.
Tây Nam đôi ngả lòng như một,
Đình chức muôn nhà óc vẫn in.
Tô-điểm vì không tay tạo-hóa,
Giang-sơn tuy đẹp dễ ai truyền.

---

(1) Tượng Hiệp-Phật mới tô ở nghĩa-địa Thái-bình, một tay cầm kiếm, đề rằng: « Văn-minh lợi kiếm, » một tay cầm buồm, đề rằng: « Tế-độ từ phàm »

(2) Đền kỷ-niệm bốn ông, hai ông Tuần-Phủ, hai ông Công-sứ, mà mỗi ông mỗi cảnh khác nhau.

Hựu-thể

Thắng-tích khen ai khéo dựng nên,
Muôn dân kỷ-niệm một gian đền.
Ảnh treo bốn bức gương còn đó,
Bia đề nghìn năm đá vẫn bền.
Cảnh dẫu không cùng lòng chẳng khác,
Người tuy đã khuất tiếng còn truyền.
Thái-bình đất cũ xây nền mới,
Tưởng-tượng bao giờ đã dám quên.

Ngạc-đình PHẠM QUANG-SÁN

Cảnh quê về sáng mùa xuân

Tiếng gà gáy xôn-xao giục-giã,
Tỉnh giấc nồng trống trở canh năm.
Mịt-mù sương tỏa tối-tăm,
Đen-xì mặt đất, âm-thầm chân mây.
Ngoài hoa-viên, hây-hây gió thổi,
Trên lưng trời, bối-rối mây bay.
Suối reo, lá chuyền, cành lay,
Nọ non, nọ nước, nọ cây, nọ người.
Hoa trăm sắc, tốt-tươi lan huệ,
Bướm từng đàn, lớn- bé trắng đen.
Lần-lần sao lặn, mây chen,
Hừng đông chợt đã đỏ hoen góc-trời.
Vừng kim-ô chân trời lấp-ló,
Càng lên cao càng nhỏ dần-dần.
Hào-quang chiếu khắp xa-gần,
Vàng-ươm ngọn cỏ, trắng-ngần khóm hoa.
Trong bụi rậm, chim hòa tiếng hót,
Dưới ao sâu, cá vọt khóm rau.
Da trời, mặt nước một mầu,
Cỏ-hoa cùng với cỏ-lau xanh-rì.
Đường rộn-rịp, kẻ đi người lại,
Tiếng ồn-ào, câu gọi câu thưa.
Người đi cấy, kẻ đi bừa,
Công-lao chẳng quản, nắng-mưa chẳng từ.
Gái hăm việc, sới khoai tát nước, [nài
Trai hăm làm cầy cuốc, vun trồng.
Trẻ thời làm việc ngoài đồng,
Già thời săn-sóc phơi-phong trong nhà.
Ngẫm cái cảnh nông-gia cũng thích,
Cái tự-do thú tính con người.
Chẳng lo luồn-lụy chi ai,
Cơm ngày ba bữa, việc ai nấy làm.
Ơn trời-đất năm năm hòa thuận,
Ắt nước nhà giầu mạnh vì đây.
Ai ơi ghi lấy lời này,
« Việc làm bằng trí, bằng tay khắc gì. »
Sớm xin, xin cố, cố đi !

Cảnh quê chiều mùa thu

Con quạ lửa [1] lần phun bớt nóng,
Nhẹ cánh hồng qua góc trời tây,
Bay lần tới chốn chân mây,
Càng lui sức lửa, càng hây sắc hồng [2].
Đỏ đỏ trói khắp vùng đồng nội,
Tía tía hừng một cõi trời quê.
Rỡ ràng lửa dậy bốn bề,
Chân mây mặt nước đỏ hoe một mầu.
Trời vụt chốc cớ sao biến-đổi,
Đất dưng không bỗng tối dần-dần.
Hào-quang đã lánh cõi trần,
Nông-phu cũng rắp lần-lần nghỉ tay.
Loài chim-chóc tìm bay về tổ,
Cái bướm-ong kiếm chỗ nấn thân.
Êm-đềm vắng-ngắt xa-gần,
Đường in sắc nước, khôn phân trắng, vàng. [3]
Tiếng tù-và gầm vang khắp chốn,
Trống thu-không khua rộn xóm làng.
Gà kêu, chó cắn rộn ràng,
Nhà nhà lửa thắp, ngọn vàng, ngọn xanh.
Lửa đom-đóm rọi quanh hàng lũy,
Tiếng ấnh-ương ri-rỉ bờ ao.
Da trời trắng điểm muôn sao,
Xa xa muôn dặm, cao-cao muôn từng.
Sao Bắc-đẩu một vừng đưa sáng,
Mảnh gương Nga lần rạng mặt trời.
Bóng hồng muôn dặm xa khơi,
Mông mênh bể cả khi vơi khi đầy [4].

---

(1) Quạ lửa là kim-ô, chỉ mặt trời.
(2) Mặt trời về chiều bớt nóng nhưng lại đỏ lên.
(3) Nước trắng, đường vàng, những khi tối không phân biệt.
(4) V. ánh sáng mặt trăng như bể cả. Khi trăng lặn vào trong đám mây thì ánh không tỏ lắm vì cũng như bể vơi; lúc trăng tỏ thì lại thấy ánh sáng, ấy là lúc đầy.

Đảo rung-động là cây rủ bóng (1).
Mặt Đại-dương lăng sóng thu ba (2).
Xinh thay muôn dặm sơn-hà,
Trăng lồng đáy nước, nước hòa bóng [trăng.
Trai cùng gái ra công ra sức,
Trẻ như già tận lực tận tâm.
Gái canh-cửi, trai tơ-tằm,
Trẻ lo xay-giã, già chăm sẩy-sàng.
Tiếng cười, tiếng hát rầm vang!

Đài-Sinh

VŨ HUY-CHÂN

Học-trò năm thứ hai trường Sư-phạm

ĐỀ TRUYỆN CÁC BỰC HIỀN-NHÂN DANH-SĨ NƯỚC PHÁP

X

Bà Si-vi-nhi

Bà Si-vi-nhi (Marie de RABUTIN-CHANTAL, Marquise de SÉVIGNÉ) sinh năm 1626 ở Paris. Bà danh-lưu vạn-thế cũng là bởi những thơ-từ gửi cho con bà. Văn-bút bà cũng chẳng kém gì các bậc danh-sĩ khác ở đương-thời. Lời đặt-để tiêu-tao mà nhuần-nhã, người đời sau bình-phẩm rằng: « Do cái lòng thương con gái bà là bà Nghi-nhan (GRIGNAN) mà bà nên tài-năng vậy. »

Bà Nghi-nhan có chồng, theo chồng đi làm quan xa, nên bẩy năm trường con mẹ cách nhau làm cho lòng từ-mẫu thương nhớ, phải mượn giấy mực mà giãi tỏ lòng vàng để tả nỗi rầu muộn cùng là nói chuyện đời cho con nghe.

Người sau khen rằng những thư từ (*lettres*) của bà viết ra đầy những duyên-nhị chẳng khác gì vườn hoa trăm bông đua thắm. Có một cái thư thiên-hạ khen hơn hết, là cái thư gửi cho bà Nghi-nhan tả sự ông Tuy-liên (TURENNE) thác, dẫu dùng những lời tầm-thường mà đọc đến ai cũng phải động lòng thương mến người hiền có thể sa-lụy được. Bà thọ đến năm 1696.

Thương con mẹ cũng như ai,
Nhớ con mẹ hóa ra người văn-chương.
Cách nhau chốc bẩy năm trường,
Bao câu tình-tự bao hàng gấm hoa.
Những thư mẹ đã viết ra,
Rõ văn-chương nước Lăng-sa thêm [tinh.
Nghìn thu còn có sử xanh,
Gái tài như mẹ tề-danh trai tài.
Tiếng thơm dài để muôn đời,
Treo gương liệt-nữ cho người soi [chung.
Si-vi-nhi áng má hồng!

XI

Ông Mạnh-đức-tư-cưu

Ông Mạnh-đức-tư-cưu (Charles de SECONDAT, baron de MONTESQUIEU) sinh năm 1689 ở Chateau de la Brède thuộc về quận Gironde. Ông là một bậc con dòng cháu giống, sinh-trưởng trong nhà thế-phiệt. Năm 1716 có ra làm Nghị-trưởng ở thành Bordeaux, cho đến năm 1726. Ông là một nhà trước-thuật trứ-danh ở nước Đại-Pháp, ông có làm một quyển « Thư của người Ba-tư » (*Lettres persanes*), và một quyển « La-mã hưng-suy khảo » (*De la grandeur et de la décadence des Romains*); năm 1748 xuất-bản một quyển bàn về chính-trị pháp-luật tên là « Vạn-pháp tinh-lý (*L'esprit des lois*), ông khảo xét những việc chính-trị xưa nay của các triều-đình, khiến cho hết thẩy mọi người đọc đến đều phải tỉnh-ngộ muốn được tự-do. Ông chia ra tam-quyền đỉnh-lập, nghĩa là quyền lập-pháp (*pouvoir législatif*), quyền hành-chính (*pouvoir exécutif*) và quyền tư-pháp (*pouvoir judiciaire*),

(1) Bóng cây rủ xuống trong bóng sáng mặt trăng thì khác nào cái đảo ở giữa bể. Khi có gió cành cây rung chuyển thì cái đảo bóng cũng lung-lay.

(2) Ánh mặt trăng chiếu xuống đất thì ví như một cái bể phẳng lì, không có sóng.

phải riêng ra như ba cái chân vạc mà dựng nên một nền quốc-gia, không có chuyên-quyền ở một nhà vua. Người ta nói rằng bởi có những lời nghị-luận của ông cùng ông Lư-thoa (Rousseau) và ông Phúc-lộc-đặc-nhĩ (Voltaire) mà gây nên cuộc Cách-mệnh năm 1789, phá đổ nhà vua đi mà lập nên dân-quốc, tuyên-bố nhân-quyền (*Déclaration des droits de l'homme et du citoyen*), cải-định hiến-pháp.

Chung-đỉnh xưa nay vốn nếp nhà,
Khen thay ông Mạnh nước Lang-sa.
Gây nền thiện-chính cho thiên-hạ,
Dựng mối tam-quyền lập quốc-gia.
Lấy bút đuổi xua phường áp-chế,
Đem văn tô-điểm vẻ sơn-hà.
Nghìn thu nhân-loại mang ơn nặng,
Luật-pháp nhờ ông tốt mãi ra.

Ông La-phông-tiên

Ông La-phông-tiên (Jean de La Fontaine) sinh năm 1621 ở Chateau-Thierry, mất năm 1695 ở Paris. Cái thanh-danh về văn-chương của ông là ở những thơ « Ngụ-ngôn » (*Fables*) ông làm ra. Những thơ ngụ-ngôn của ông đã gần 300 năm rồi mà người sau chưa ai bắt-chước nổi. Ông diễn-tả những điều sâu-thẳm, đem chuyện vặt ra mà ngụ vào nhân-tình thế-cố, nói đâu ra đấy, khiến cho ai nấy cũng ham xem.

Khi còn trẻ tưởng rằng tu-hành được, nên năm hai mươi tuổi vào học trường Thầy-dòng, nhưng học được một năm thời chán-nản, bỏ học ra ngoài cũng không có tìm phương tính kế để sinh-nhai, chỉ cứ cắm-cúi xem đọc cổ-thi rồi tập làm theo. Lúc đến 47 tuổi mới làm những bài thơ ngụ-ngôn hay không còn ai nói được vào khe nào. Ông ở kinh-thành Paris làm bạn với ông Molière, ông Boileau và Racine. Các quan trong triều-đình thời như ông Turenne, ông Vendôme và ông La Rochefoucauld cũng kết-giao cùng ông. Dẫu thế nào ông cũng không lai-vãng chi đến chốn triều-đường mà cũng chẳng tới dinh ông nào cả. Ông chỉ ham-mê những thú rừng suối cỏ cây để nghe tiếng chim riu-rít, xem con sâu cái kiến bò-leo. Tính hay quên : quên ăn, quên mặc, quên cả cách cư-xử ở đời, những người khác yêu ông thời lại phải lo giùm-giúp ông. Có một bà nuôi ông, đến hai mươi năm trời, khi bà ấy phải bệnh không thể chữa được phải vào nhà dưỡng-bệnh ở, ông sinh ra buồn-bực cũng đâm ra đi, song lúc đi cũng không biết là đi đâu, may gặp được ông d'Hervart, ông ấy bảo rằng: « Này ông La-phông-tiên, tôi xin rước ngài về nhà tôi ở », ông đáp rằng : « Vâng, tôi xin đi đến. » Ông ở đó trọn đời. Ông có soạn mười hai tập thơ ngụ-ngôn (chuyện phần nhiều lấy của ông Y-sách (Esope) người Hi-lập (Grèce) và các người xưa). Sáu tập trước in ra năm 1668 lúc bấy giờ ông đã bốn mươi bảy tuổi. Sáu tạp sau in ra năm 1678 cho đến năm 1694 là trước cái năm ông ly-trần vậy.

Văn-sĩ nước Đại-Pháp,
Có ông La-phông-tiên.
Thơ thần mười hai tập,
Tiếng hay nghìn thu truyền.
Năm mới hai mươi tuổi,
Vào học trường Thầy dòng.
Đã toan tu-hành đạo,
Lòng lại chẳng vừa lòng.
Sinh-nhai cũng biếng nhác,
Chỉ ham-mải ngâm-nga.
Gia-đình không tưởng đến,
Lang-thang khắp gần xa.
Những ưa thú rừng suối,
Mà tính lại hay quên.
Xiết bao người danh-giá,
Cùng ông làm bạn hiền.
Thế mà chẳng vững chốn,
Rước lấy sự long-đong.
Nay đây rồi mai đó,

Nam Bắc lại Tây Đông.
Mượn vật mà răn thế,
Điệu thơ đặt tự-do.
Khoé đời tả thật hệt.
Tài riêng sẵn trời cho.

Đời sau không sánh kịp,
Thơ thế mới là thơ.
Đọc những lời gấm vóc,
Ai ơi, dễ mần ngơ !

THỊNH-CHÂU

VĂN XUÔI

Dịch bài tựa truyện Kiều

(Của quan Tiến-sĩ CHU MẠNH-CHINH)

Giá thử ngay khi trước, Liêu-dương cách-trở, duyên chàng Kim đừng dở việc ma-chay ; quan-lại công bằng, án Viên-ngoại tỏ ngay tình oan-uổng ; thì đâu đến nỗi son phấn mấy năm lưu-lạc, đem thân cho thiên-hạ mua cười ; mà chắc rằng biên-thùy một cõi nghênh-ngang, ai sui được anh-hùng cởi giáp. Thì sao còn tỏ được là người thục-nữ mà đủ đường hiếu-nghĩa, tay đàu-bà mà lại có cơ-quyền. Thế mới biết : người khôn thì hay gặp dan-truân, chuyện đời khéo lắm trò quanh-quẩn.

Con Tạo-hóa vốn thương yêu tài-sắc, nàng đà biết thế hay chưa ? Khách má-hồng đừng giận nỗi trăng già, ta cũng khuyên lời phải chẳng. Chỉ vì một tội : mối-manh chưa có, thề-thốt đã nhiều ; trăng gió mắc vào, phồn-hoa rình mãi. Cũng có người bảo tại nước chảy mây trôi lỡ bước, nên cành đưa lá đón quen thân. Nào biết dâu bông hạnh nở ngoài tường, chưa để con ong qua tới ; cho có muốn mũi giao liều với mạng, lại sợ thành cháy vạ lây. Tấm lòng này như tuyết như gương, mối sầu nọ qua ngày qua tháng.

Ngọc kia không vết, giá liên-thành khôn xiết so bì, nước đã trôi xuôi, hồn cựu-mộng vẫn còn vơ-vẩn.

Bàn cho thật phải, tình cũng nên thương. Lại xem như bút mực tài hoa, đoạn-trường mười khúc, trúc tơ phong-nhã, hồ-cầm một trương ; câu thần vẳng giọng tiêu-tao, bóng ngọc tưởng chiều não-nuột ; *hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh* ; vậy nên khách chung-tình say chuyện phong-lưu, trăm năm cũ còn ghi tên tuổi hão ; người chép sách tiếc vì tài sắc, nghìn thu sau nhặt cái phấn hương thừa.

Than ôi ! một bước phong-trần, mấy phen chìm nổi, trời tình mờ mịt, bề giận mông-mênh. Sợi tơ mành theo gió đưa đi, cánh hoa rụng chọn gì đất sạch. *Ai dư nước mắt khóc người đời xưa* ; thế mà giống đa-tình luống những sầu chung, hạt lệ tầm-dương chan-chứa. Lòng cảm-cựu ai sui thương mướn, nghe câu ngọc-thụ não-nùng. Cho hay danh-sĩ giai-nhân, cùng một kiếp hoa-nghiêm nặng nợ. Ngán nỗi non xanh đất đỏ, để riêng ai luân-lạc đau lòng. Ta cũng nòi tình, thương người đồng điệu. Cái kiếp không-hoa lầm-cầm, con hồn xuân-mộng bâng-khuâng. Đã toan đúc sẵn nhà vàng, chờ người quốc-sắc ; lại muốn mượn chùm phương-thảo, hú vía thuyền-quyên. Sẵn bút nghiên chia vịnh từng hồi, đem sự tích tóm làm một tựa. Bây giờ kể còn dài chưa hết, hạt ba-tiêu như thánh thót mưa thu. Hỡi ôi ! hồn còn biết hay chăng ? Bóng hoàn-bội tưởng ra vào lạc-phố !

ĐOÀN QUỲ

Tính dễ tính khó

Phải, ta thường nói : « Người này dễ tính, người kia khó tính ». Đó là cách ta bình-phẩm tính người. Trong cách bình-phẩm ấy, ta vẫn có ý chuộng người dễ tính mà chê người khó tính.

Tại sao ta chuộng ? Vì thế nào xong thôi, người ăn uống không cứ mâm son bát sứ, chén ngọc đũa ngà ; người ăn mặc không cứ quần là áo lượt, mình hoa da trơn ; cách người giao-thiệp lại khoan-dung giản-dị, ai cũng như ai. Ta có thể gần người được, nên ta chuộng vậy.

Tại sao ta chê ? Vì tính người quá-ư nghiêm-khắc, mồm người gang thép, bụng người đá son ; cái hình dung cốt-cách người lại hình như cự xa ta ra ngoài nghìn dặm. Ta không thể gần người được, nên ta chê vậy.

Vậy ta chê hay khen chỉ là vì tư-ý, chớ không do lẽ công-nhiên.

Kia người nông-phu ở nơi thôn-dã, cái hi-vọng tối-cực của người chỉ là mưa thuận gió hòa, mong ngày lựa thóc đầy dương đầy vựa thôi ; nên chân lấm tay bùn, dãi nắng dầm sương, người không cho là khổ ; muối rưa rau cháo, quần vải áo nâu, người không cho là nhục. Ấy cái địa-vị người bó buộc người không dễ tính không được.

Kia người có quyền cao chức trọng phải dùng uy-quyền pháp-lực để trị dân, khiến dân phải sinh-hoạt trong vòng pháp-luật ; người thức-thời đạt-thế phải liệu cơ-vi để tránh xa cái nhục, cái vạ, cái chết về linh-hồn về thân-xác. Hai hạng người ấy bất-đắc-dĩ phải tập thành một tính ta gọi là « tính khó »

Xem thế cho nên trước khi ta bình-phẩm ai, ta phải suy-nguyên cái tính đã, sau ta xét đến cái địa-vị người, cái giá-trị người với cái kiến-thức của người, mới không lầm phép « quan-nhân. »

Nay con người ta từ lúc lòng mẹ đẻ ra, đói đòi ăn, khát đòi uống, đã bẩm-sinh có tính rồi ; tính ấy hồn-nhiên, bao nhiêu vật-dục bên ngoài, đều không chút xâm-phạm đến. Nhà tinh-lý bên Tàu gọi tính ấy là « thiên-tính ». Vậy tính là đạo, đạo nào là đạo chẳng hay, tính nào gọi là tính dở. Tiếc thay ! tuổi người càng cao thì vật-dục càng nhiều, mà tính cũ thiên-nhiên đổi khác, càng không giữ được bổn-nguyên, lâu dần thành ra thói quen. Vậy « khó », « dễ », đã gọi là tính thì là hay ; nhưng ta biết dùng thì là hay, không biết dùng thì là dở. Dở dở hay hay, chủ-trương ở ta sai khiến.

Dễ tính ai bằng ông Nã-phá-luân, đem thân đại-tướng chuyện-trò với hàng tiện-tốt ; mà khó tính ai bằng ông Khổng-phu-tử, vì miếng thịt tế, quyết lòng bỏ nước mẹ cha. Dễ tính đã đành là hay, mà khó tính cũng không là dở. Thực thế, không được lòng quân sao thành-danh nhà đại-tướng ; không khỏi bị nhục, sao gọi là ông thánh-nhân.

Nói tóm lại, ở đời không cứ hạng người nào, ở xã-hội nào, ai cũng có quyền lợi riêng, giá-trị riêng. Cho nên ta dễ với người, thì người sẽ dễ với ta ; ta khó với người, thì người sẽ khó với ta ; nhưng cái tính dễ của ta không do nghĩa « bình-đẳng » thì có ngày bị nhục ; mà cái tính khó không do đạo « tự-tôn » thì có ngày mang vạ ; nghĩa là tính dễ là tính chung, dùng để xử-thế, mà tính khó là tính riêng, dùng để phòng-thân. Ta đều phải tùy-cơ mà tham-dụng cả mới giữ hoàn-toàn nhân-phẩm con người.

Bắc-ninh Phủ-lưu

HOÀNG TÍCH-CHU

Sự nghèo

Sách Truyện có chữ : « Phú quí nhân chi sở dục giã, bần-tiện nhân chi sở ố giã. » Phàm người ta sinh ra ở đời ai đã hiểu lẽ sinh-tồn, đường tiến-hóa, thời cũng lấy sự làm giàu làm mục-đích. Duy những người ẩn-sĩ dật-nhân mới an-bần mà thôi.

Sự nghèo, ai là chẳng ghét, ai là chẳng muốn tránh. Nó thắng-thúc ta, bức-bách ta, làm cho ta mất cái lực phấn-chấn tự-lập. Người đời bảo sự nghèo là một « tội », cũng là phải vậy.

Xét xưa Mại-Thần vì nghèo mà vợ bỏ, Tô-Tần vì nghèo mà chị dâu ghét. Ngày nay thời vì nghèo mà ế chồng, muộn vợ, thua chị, kém em ; vì nghèo mà bỏ làng, xa nước, lừa bạn, dối thầy ; vì nghèo mà chúng bạn gần chán xa quên, họ hàng kẻ khinh người rẻ ; vì nghèo mà chịu dốt chịu hèn, phải luồn phải cúi.

Cũng vì người đời thường ghét sự nghèo, cho nên hay lao-động để làm giầu. Một nước mà nhiều người có lòng nhiệt-thành, có sự hi-vọng làm giầu, là một nước có cơ tiến-hóa.

Nước ta ngày nay nhiều người đã có cái tư-tưởng văn-minh cạnh-tiến, nhưng vì nước còn nghèo lắm. Nhiều nơi mười nhà thời chín nhà không có, quanh năm làm thuê làm mướn, đầu đội vai mang, chân lấm tay bùn, qui-hồ nuôi miệng được thời thôi. Như thế thời còn nói gì đến lên núi phá rừng, đóng tầu vượt bể, còn tưởng gì viễn-lự đồ-tân.

Cho nên cũng không nên vội trách bọn thiếu-niên đam-mê cận-lợi mà khuất-thân vào chốn công-nha. Hẳn có người đã trông xa nghe rộng, đức lớn học tiến, coi hư-văn là lậu-liệt, lấy kỹ-xảo làm thiết-thực, nhưng vì không có tư-bản, không có thế-lực mà bất-đắc-dĩ phải thúc-thủ vậy.

Mong rằng những nhà cự-phú bỏ lòng tự-tư tự-lợi mà bảo-trợ những người hậu-tiến có trí-tuệ ; những kẻ đãng-tử bỏ nghề du-thủ du-thực mà biết lấy sự cần-mẫn kiệm-ước làm gốc.

Rồi ra hội « Khai-trí tiến-đức » sẽ giúp ta nhiều phần : người đã vào nhà dắt người đứng ở thềm, người đã lên thềm dắt người ở dưới sân, người đã vào sân gọi người còn ở cổng. Mọi người đồng-tâm hiệp-lực như thế, mới mong nước được giàu, dân được khôn, mới mong đắp-điếm những công-nghiệp của tiền-nhân để lại vậy.

NGUYỄN VĂN-ĐẢN
Thống-phán ở phủ Thống-sứ Hà-nội

Tiến-thủ

Nước nào mà có nhiều dân biết tiến-thủ thời được mạnh. Người Âu-châu biết tiến-thủ cho nên giống da trắng được mạnh, há ta lại chẳng nhìn đấy ư ? Mà có lẽ ta cũng thừa biết rằng người ta thế nào mà được mạnh như vậy. Có phải là thổ-địa đã mở-mang rồi thời người ta lại còn đi chiếm-giữ những nơi cửa bể thông-thương, bờ đương tiện-lợi ; máy-móc đã tinh-xảo rồi thời người ta còn nghĩ ra những cơ-khí khác nữa càng ngày càng hơn trước, bao giờ người ta cũng giữ một tấm lòng tiến-thủ không biết thế nào là chán để mà dấn mãi đi, khiến cho dân-chủng cường-thịnh hơn cả muôn loài, thế-lực thân-trương khắp cả mặt đất, như thế há có phải rằng ngẫu-nhiên mà nên được đâu.

Người nước mình phần nhiều chỉ biết khư-khư bảo-thủ mà không biết hăng-hái tiến-thủ. Ấy chỉ bởi cái lòng bảo-thủ mạnh quá mà sinh ra cái bụng « tri-túc » và cái lòng « hiếu-cổ ». Tri-túc nghĩa là cam phận mình mà cho thế là đủ rồi, không có mong-mỏi chi nữa, hiếu-cổ là chuộng những cái của tiền-nhân bày sẵn ra đó, không có nghĩ thêm khác đi tí nào cả.

Ôi ! cái lòng thị-dục của con người ta, theo cuộc văn-minh mà cùng tiến-bộ. Nghĩa là cái văn-minh tiến-bộ lên chừng nào thời cái thị-dục của con người ta lại to-lớn lên chừng ấy, bởi cái thị-dục của con người ta càng ngày càng to-lớn lên mới gây cho cái văn-minh càng ngày càng tiến-bộ lên vậy.

Nhưng cái giống người dã-man thời chỉ biết chúm-dụm nhau lại ở yên một chỗ, bới đất vặt cỏ, uống máu ăn lông, no bụng ấm thân là thôi, không có nghĩ chi nữa, cho nên không bao giờ tiến-bộ được ; mà nòi-giống cũng cứ dần-dần bị tiêu-duyệt đi đến hết. Chớ đến như những giống người văn-minh thời không có bao giờ như thế : được no cơm ấm áo thời lại phải mong-muốn sao cho được của ngon vật lạ, kiểu mới thức kỳ, được chốn nằm chốn ngồi ấm-cúng thời lại phải mong muốn sao cho được cửa cao nhà rộng, giường ấm ghế êm, không có chịu ếp một bề mãi - mãi. Bởi thế mà càng ngày càng phải mở rộng trí khôn lên ; trí khôn của người ta càng ngày càng mở rộng lên được ngần nào thời xã-hội được tiến-bộ lên ngần ấy. Người ta như thế, người mình thời thế nào ? Người mình quá khuynh-hướng về đường đạo-đức đã trần-hủ từ mấy muôn đời di-truyền lại, suốt nước tự người sĩ-phu cho đến kẻ dân-thứ thường thường lấy sự phác-lậu làm mĩ-đàm, lấy sự điềm-thoái làm cao-thượng ; coi sự hoa-lệ làm sa-sỉ, coi sự vinh-tiến làm ô-cấu ; thành ra cái thói lười biếng dong-chơi mà không biết thế là giỏi. Ấy cái lòng tri-túc nó làm trở-ngại cho sự tiến-bộ của xã-hội mình nhiều lắm : cuộc văn-minh càng tiến-bộ thời càng lên mãi, càng ngày sau càng hơn đời thượng-cổ, đó là lý tự-nhiên, nếu không có cái bụng mong được hơn người đời xưa thời không sao khiến cho cuộc văn-minh tiến-bộ được. Nước mình đã kém nước người ta, cái văn-minh của mình đã thua cái văn-minh của người ta thời là hèn yếu hơn người ta vậy. Đã bị hèn yếu hơn người ta thời người ta có cái văn-minh hơn mình tất buộc mình phải theo người ta cho có ngày hấp-thủ lấy cái văn-minh của người ta mà cũng tiến-bộ lên cái võ-đài đại-đồng sau này. Than ôi ! đời đến ngày nay, mà các cụ nho già ở trong chốn hương-thôn hãy còn chưa mở mắt mà coi, vẫn cứ ngồi đâu thở vắn than dài rằng đạo xưa ngày hỏng, thói cổ chẳng còn, làm cái gì cũng bấu lấy cổ-nhân làm trụ-cốt, nói điều gì cũng vin những sách Hán Cao-tổ, Tống Thế-tôn, thậm chí lại vơ những Tào-Tham, Chu-Bột, Trần-Bình làm sư-biểu, khiến cho những tư-tưởng mới học-thuật mới không chóng lưu-hành được. Ấy cái lòng hiếu-cổ nó làm trở-ngại cho sự tiến-bộ của xã-hội ta lại nhiều lắm nữa : ở cái thế-giới cạnh-tranh này người ta tiến một bước thời mình cũng phải tiến một bước, lúc nào cũng phải gắng-gỏi làm sao cho được bằng người hơn người, như thế mới có thể mà tự-tồn trong cái kịch-trường này được vậy. Khuyên ai lúc nào cũng tự mình làm một người dân tiến-thủ của nước, chắc nhờ được nước Bảo-hộ cũng có ngày cường mạnh với đời, không sai.

MÂN-CHÂU

THỜI-ĐÀM

VIỆC THẾ-GIỚI

Quan Giám-quốc Đại-Pháp mới. — Chức Giám-quốc kỳ-hạn là bảy năm. Quan Giám-quốc POINCARÉ bàu năm 1913, đến đầu năm 1920 này thì mãn-hạn. Vậy ngày 17 Janvier mới rồi, Thượng Hạ Nghị-viện vừa mới tái-cử xong, theo Hiến-pháp họp lại ở Versailles thành Quốc-hội (*Congrès*) để bàu quan Giám-quốc mới. Quan POINCARÉ đã tuyên-bố trước rằng ngài không ra ứng-cử nữa (vì theo Hiến-pháp quan Giáp-quốc cũ có thể tái-nhiệm được một hạn nữa) (1), thành ra chỉ có hai người ra ứng bàu : một là quan Tổng-lý Nội-các CLÉMENCEAU, hai là quan Hạ Nghị-viện Nghị-trưởng DESCHANEL, hai ngài đều không phải là tự-nguyện ra, mà là vì quốc-dân, vì các chính-đảng suy-khư ra vậy. Một tuần-lễ trước ngày bàu cử cũng mới chỉ có một tên quan CLÉMENCEAU mà thôi : ngài làm đầu Chánh-phủ trong khi chiến-tranh, đã khiến cho nước Pháp được chiến-thắng vẻ-vang, nên nhân-dân đội ơn cảm-phục ngài, muốn lấy cái chức cao nhất trong nước tặng ngài để tỏ lòng thâm-tạ vậy. Song ngài tuổi đã cao lắm rồi — năm nay vừa tám-mươi tuổi — nhiều lần đã ngỏ lời rằng muốn về nghỉ để dưỡng-lão, không can-thiệp đến việc chính-trị nữa. Nay lòng dân đã ái-mộ như vậy, vả không có ai ra ứng-cử nữa, nên ngài nhận lời chắc cũng là để cho đẹp lòng dân mà thôi. Kịp đến ngày 15 Janvier quan DESCHANEL được tái-cử làm Nghị-trưởng Hạ Nghị-viện, các chính-đảng giục ngài ra ứng-bầu Giám-quốc, cũng là thể cái bụng quan CLÉMENCEAU muốn về cáo-lão vậy. Quan CLÉMENCEAU bấy giờ mới xin thôi không ra nữa, thành ra lâm-thời chỉ có một mình quan DESCHANEL ứng-cử mà thôi.

Ngày 17 Janvier hai Nghị-viện họp tại cung Versailles, có 889 người bỏ vé, thời quan DESCHANEL được 734 vé ; thế là ngài được công-cử làm Giám-quốc Đại-Pháp từ ngày ấy vậy. Nhưng mãi đến ngày 17 Février này thời mới làm lễ phó-nhậm.

Xét quan DESCHANEL nguyên là một nhà chính-trị có danh-giá ở nước Pháp, thuộc về đảng trung-ương ôn-hòa ; ngài đã mấy lần được bàu làm Nghị-trưởng, tính-cách hào-hoa, giao-thiệp khôn-khéo, có vẻ phong-lưu nho-nhã, có tài hùng-biện văn-chương, thật là xứng-đáng làm người đệ-nhất-đại-biểu cho Nhà-nước Pháp đối với Liệt-cường vậy. Ngài vốn có chân Hàn-lâm-viện (*Académie française*), có soạn-thuật mấy bộ sách, và mới rồi lọc những bài diễn-thuyết đọc ở Nghị-viện trong bốn năm chiến-tranh thành sách để là « Chiến-thắng chi Pháp-quốc » (*La France victorieuse*), xuất-bản được mấy tháng nay, các báo-chí hoan-nghênh lắm.

Bàu-cử Thượng Nghị-viện. — Ngày 11 Janvier, Thượng Nghị-viện Pháp (*Sénat*) bàu-cử lại 240 ông để thay vào hai lượt nghị-viên đã mãn-hạn. Thượng Nghị-viện nước Pháp có cả thảy 314 nghị-viên, cứ ba năm thời chia ba bàu lại một phần. Hai lượt phải bàu lại mới rồi là lượt mãn-hạn tháng giêng năm 1915, và lượt mãn-hạn tháng giêng năm 1918, hồi bấy giờ đương buổi chiến-tranh nên việc bàu-cử phải dinh-hoãn. Ngoài số nghị-viên đó, lại còn những nghị-viên đương-thứ mất đi, phải bàu người mới thay, mới thành cả thảy 240 người. Cuộc bàu-cử Thượng Nghị-viện này cũng như cuộc bàu-cử Hạ Nghị-viện trước, các đảng ôn-hòa được thắng-thế, các đảng quá-kích phải thất-bại. Đảng xã-hội có nhiều người ra ứng-cử, chỉ có hai người được bàu thôi.

Có nhiều bậc đại-danh trong chính-giới được bàu. Quan POINCARÉ chưa hết hạn Giám-quốc, mà dân quận Meuse là quê ngài đã biết rằng ngài định không ra ứng-cử Giám-quốc lần nữa, đều đồng lòng bỏ vé bàu ngài vào Thượng Nghị-viện. Quan CLÉMENCEAU không ra ứng-bàu, chớ nếu ra thời chắc cũng được nhất-luật bàu hết. Quan DUBOST, làm Nghị-trưởng Thượng Nghị-viện luôn từ năm 1906 ; quan PICHON, nguyên Ngoại-vụ tổng-trưởng, quan PAMS, nguyên Nội-vụ tổng-trưởng ; quan JONNART, nguyên Toàn-quyền Algérie, và nhiều nhà chính-trị trước-danh nữa, đều được tái-cử cả.

Nghị-viện đã bàu xong, cách mấy bữa thời bàu Nghị-trưởng. Quan LÉON BOURGEOIS được 147 vé, quan DUBOST là Nghị-trưởng cũ được 125 vé ; vậy quan BOURGEOIS được bàu làm Nghị-trưởng Thượng Nghị-viện. Chính ngài ngày 17 Janvier đứng chủ-trương việc bàu-cử quan Giám-quốc.

(1) Thuộc về chức quyền quan Giám-quốc, xem bài khảo-cứu về chánh-trị nước Pháp đăng trên đầu số báo này.

Tòa Nội-các Pháp mới. — Quan Tổng-lý Nội-các CLÉMENCEAU đã quyết-chí cáo-lão, vậy ngày 18 Janvier có trình giấy xin với quan Giám-quốc cho tòa Nội-các của ngài từ-chức, vì theo lệ thường hễ ông Tổng-lý từ-chức, thời cả tòa Nội-các cũng lui về. Quan Giám-quốc POINCARÉ có cám ơn quan CLÉMENCEAU về công-nghiệp lớn-lao của ngài trong khi chiến-tranh và nói rằng: « Giữa buổi nguy-cơ, ngài đã phấn-chấn tinh-thần trong nước, như truyền cho cả quốc-dân ta một cái điện-khí mạnh, khiến cho được chiến-thắng, ơn to lớn ấy, cả nước Pháp ta không bao giờ quên được, và khiến tôi thay lời tỏ tấm lòng thâm-tạ ngài vậy. » — Quan CLÉMENCEAU định đi du-lịch Ai-cập (Egypte) trong hai tháng, khi trở về thời Hội Hàn-lâm sẽ hoan-nghênh ngài vào chân Hội.

Tòa Nội-các CLÉMENCEAU đã từ-chức, quan Giam-quốc POINCARÉ bèn cho vời quan Nghị-viên MILLERAND, hiện làm tổng-đốc hai châu Á-tản Lô-liên (Alsace-Lorraine) là đất của Đại-Pháp mới lấy lại được ở Đức, và ủy ngài lập tòa Nội-các mới. Quan MILLERAND cũng là một bậc tai-mắt trong Nghị-viện, trước đã mấy lần làm quan Nội-các, cùng với quan CLÉMENCEAU một chính-kiến, nên từ khi hai châu Á-tản Lô-liên thu-phục lại quan CLÉMENCEAU cử ngay ngài sang lĩnh chức tổng-đốc, là một chức rất nặng-nề khó-khăn, phải người tài-giỏi khôn-khéo lắm mới đương được. Trong một năm nay ngài sung chức ấy thật đã thập-phần xứng-đáng, và thu-phục lòng dân nhất-tâm khuynh-hướng về Mẫu-quốc.

Tòa Nội-các mới quan MILLERAND tổ-chức như sau này :

1 — Tổng-lý Nội-các kiêm ngoại-vụ : ALEXANDRE MILLERAND, nghị-viện.
2 — Lục-quân : ANDRÉ LEFÈVRE, phó-nghị-trưởng Hạ-Nghị-viện.
3 — Hải-quân : LANDRY, nghị-viên.
4 — Hình-vụ : GUSTAVE LHOPITEAU, Thượng nghị-viên.
5 — Tài-chính : MARSAL, không có chân nghị-viên, nguyên làm quản-lý nhà ngân-hàng *Union parisienne*.
6 — Nội-vụ : STEEG, thượng-nghị-viên.
7 — Công-thương : ISAAC, nghị-viên, trước làm hội-trưởng hội Thương-mại thành Lyon.
8 — Nông-bộ : HENRI PICARD, không có chân nghị-viên, nguyên làm nông-nghiệp kỹ-sư.
9 — Công-trình và Vận-tải : LE TROCQUER, nghị-viên.
10 — Học-vụ : HONNORAT, Nghị-viện.
11 — Thuộc-địa : ALBERT SARRAUT, nghị-viên.
12 — Lao-động-bộ (*Travail*) : JOURDAIN nghị-viên.
13 — Xã-hội bảo-kiểm (*Hygiène sociale*) : JULES LOUIS BRETON, nghị-viên.
14 — Bộ coi về việc kinh-lý những châu quận bị quân Đức chiếm-cứ trước : (*régions libérées*) : OGIER, không có chân nghị-viên, nguyên đã làm tổng-thư-ký bộ ấy ở tòa Nội-các trước.
15 — Bộ coi lương-bổ về chiến-tranh (*Pensions de guerre*) : MAGINOT.

Lại có đặt thêm ba chức thứ-trưởng (*sous-secrétaires d'Etat*) nữa : một chức coi về việc vận-tải bằng tàu bay (*transports aéronautiques*), một chức coi về việc lợi-dụng sức nước (*forces hydrauliques*), một chức coi về việc thực-nghiệp giáo-dục (*enseignement professionnel*).

Nhận trong tòa Nội-các mới này có nhiều người không có chân Nghị-viện mà là những bậc thạo việc chuyên-môn cả ; như ông MARSAL chủ nhà ngân-hàng mà nay lĩnh bộ Tài-chính ; ông PICARD, chân nông-nghiệp kỹ-sư lĩnh bộ Nông ; ông OGIER trước đã trông nom về việc các châu-quận bị quân Đức chiếm-cứ, nay được thăng chính-chức. Lại trong chân nghị-viên như quan ISAAC trước làm hội-trưởng Hội Thương-mại nay lĩnh bộ Công-thương ; như quan SARRAUT trước làm Toàn-quyền một thuộc địa lớn nay lĩnh bộ Thuộc-địa, đều là những người vừa danh-giá vừa giỏi việc vậy. Các nhà báo tây bình-phẩm về tòa Nội-các mới đều khen rằng quan Tổng-lý MILLERAND đã khéo chọn người vậy.

Nay xét về lý-lịch mấy quan Nội-các mới như sau này :

Quan MILLERAND, tổng lý kiêm ngoại-vụ.— Tiểu-tự là ALEXANDRE, sinh ở Paris ngày 10 février 1859. Đã từng làm tổng-trưởng bộ Công-thương, bộ Bưu-điện, bộ Lục-quân. Sau cùng làm Tổng-đốc Alsace-Lorraine — Bản-nghiệp là trạng-sư và trước-tác — Nghị-viên quận Seine.

Quan STEEG, lĩnh Nội-vụ. — Tiểu-tự là JULES, sinh ở Libourne (quận Gironde), ngày 19 Décembre 1868. Trước đã làm Tổng-trưởng bộ Học, bộ Nội-vụ. Bản-nghiệp làm trạng-sư. Thượng-nghị-viên quận Seine.

Quan SARRAUT, lĩnh bộ Thuộc-địa. — Tiểu tự là ALBERT, sinh ở Bordeaux ngày 18 Juillet 1872. — Luật-khoa tiến-sĩ. — Nghị-viên hàng quận. — Bản-nghiệp trước-tác. Trước đã làm Học-bộ Tổng-trưởng. Nguyên Toàn quyền Đông-dương.

Quan JOURDAIN, lĩnh bộ Lao-động (*Travail*) là nghị-viên mới bận của quận Haut-Rhin, thuộc châu Alsace, sinh năm 1878 ở Alkirch. Đã sung chức ấy trong tòa Nội-các CLÉMENCEAU rồi.

Quan Sarraut làm Thuộc-địa-bộ Tổng-trưởng. — Xét tòa Nội-các mới của Đại-Pháp trên kia, chắc quốc-dân ta ai nấy cũng lấy làm vui mừng thấy tên quan SARRAUT lĩnh chức tổng-trưởng bộ Thuộc-địa. Quan SARRAUT mà lĩnh chức ấy, thực không gì xứng đáng bằng. Đến các báo tây từ khi được tin ngài không trở về Đông-dương nữa vẫn thường bài-bác chỉ-trích ngài, nay cũng đồng-thanh khen rằng ngài thật là người xứng-chức, và nhắc đi nhắc lại câu tục-ngữ của nước Anh rằng: « Chức-vị ấy phải người ấy mới xứng » (*the right man in the right place*)! Cho hay thế-thái viêm-lương vẫn là thói thường của người đời!

Về phần bản-báo thời thủy-chung vẫn là một lòng cảm-mộ hoài-vọng quan SARRAUT, và chắc rằng hết thảy quốc-dân Nam-Việt ta cũng đều một lòng ấy. Là lấy rằng cái công-nghiệp của ngài đối với dân ta to-tát lắm, không những công-nghiệp ngài, mà cái cảm-tình của ngài cũng chân-thành thâm-đốc vậy. Ngài đã có bụng thương yêu dân, nên hết sức khai-hóa cho dân, dân biết cái ơn ấy nên một lòng mến phục ngài. Mới rồi được tin ngài không trở về Đông-dương nữa, ai cũng ngao-ngán thay, như mất một người trông cậy vậy. Mà thật, ai cũng lo rằng nay ngài ở luôn bên quí-quốc, thời dân ta còn lâu không được hưởng cái ơn khai-hóa của ngài. Nay được tin này mới hả dạ thay, vì biết rằng ngài đã đứng chủ-trương trong bộ thuộc-địa, thời cái phương-châm chính-trị ở đây cũng là do tay ngài chỉ-định, tuy xa ta mà cũng có thể phù-trì cho ta vậy.

Bản-chí xin thay lời cả quốc-dân kính mừng quan SARRAUT đã được Qui-chánh-phủ tín-dụng uỷ cho chức cao như vậy, và trông mong rằng ngài không bao giờ quên cái tấm lòng luyến-ái của mười mấy triệu dân Nam-Việt ở nơi thuộc-địa quí-báu của ngài này.

Thánh-thọ ngũ-tuần đại khánh-tiết. — Ngày mồng một tháng mười-một năm nay (22 Décembre 1919), chính là ngày Thánh-thọ ngũ-tuần Ngài Hoàng-thái-hậu. Lễ ấy chỉ một ngày chính, nhưng trước 4 ngày, sau 4 ngày đều có làm lễ trọng-thể ở trong Đại-nội và trước cửa Ngọ-môn. Những cách thức trần-thiết ở trong Nội lược ước cũng giống ngoài, chỉ vì lẽ tôn-cấm, không thể tường-tất được đây chỉ kể nơi trước Ngọ-môn, kết bằng trúc hoa lá, gấm nhiễu, thành bình khải, nguyệt, long, phụng, cực kỳ tinh-xảo, linh-lung! Trên cửa lại giá một bức biển chạm 4 chữ « Trung-vực-cực-tôn » rất to, thếp vàng rực rỡ. Xem vào đó, ai nấy cũng sinh lòng ủy-kính tôn-trọng. Ngay hướng ấy, cách chừng 50 thước tây, lại dựng một tòa thể-lâu, dáng chữ nhật, rộng và cao lắm; ở trong trần-thiết toàn là đồ cẩm-tú, tử-khí, tôn-di, bày ngai vàng, ghế đẩu, và la liệt những phương-vật, bửu-sản, nào ngọc ngà, gấm nhiễu, hoặc là đồ cẩu đồ thêu lắm thức quí hóa trân kỳ, thật là công xảo tinh tế. Ấy là thể-lâu chung của các tỉnh-thần ở giữa.

Bên tả và hữu hai dãy dài ước 200 thước (theo dáng chữ môn), kết thể-bằng ở giữa, thể-lâu ở hai đầu, tức là mỗi bên 4 thể-lâu, 1 thể bằng, hai dãy giống nhau và cách nhau chừng 40 thước, chính giữa đường dõng-đạo hai bên bàng-đạo thông thẳng lối đi vào cửa tam-quan, đến thể lâu ở giữa, là nơi bài liệt cống-phẩm và thiết Ngự-tọa, cuối bề dọc cùng tận hai dãy lâu bằng ấy lại có hai tòa tam quan: dáng kết-cấu và thể cách xem cũng đẹp, nhưng hơi kém tòa tam-quan ở giữa trung-ương. Hai cửa ấy là nẻo vào ra của thần dân; ở từ ngoài vào bàng-đạo; còn dõng-đạo là nơi kỉnh tất để chực Ngự-giá. Hai bên cửa ấy có đóng lỗ-bộ; 4 thớt Ngự-tượng (voi) đứng hầu và linh canh, hai bên dõng-đạo, bàng-đạo thời đóng đèn treo cờ, xem rất nghiêm chỉnh tráng lệ. Cộng cả thảy là chín thể lâu (Tỉnh-thần một ở giữa; Thừa-phủ một, lục huyện sáu, Hộ-thành một, ở hai bên) Thể-bằng hai, Tam-quan ba; Thể-bằng thờ bày ghế đẩng rất nhiều, trần thiết đẹp lắm, để các quan vào đó chực Ngự-giá đến và khi về, mà qui nghênh, qui tống. Và thể lâu cũng trần thiết toàn bằng vóc nhiễu hoa thảo, tử-khí tôn-di, nơi nào cũng có thiết ngai vàng, hương án và ghế đẩng, trướng liễn, và kết hình bát tiên, tứ linh, danh hoa, dị hủy v. v; ở trước bày lỗ-bộ và kết cửa thể-môn theo một cách tương-tự; nhưng xem kỹ thời đại đồng mà tiểu-dị, vì ở trong còn có lắm thức công xảo khác nhau: như là thể lâu của Thừa-phủ, trừ ra những vật tương-tự nơi khác, lại còn cái công xảo riêng là mấy bức tranh sơn thủy, nhơn vật, hoặc sơn thủy lâu đài, cho đến những hoành-phi quái-kỉnh, hoặc hình long, phụng, qui, hạc, toàn dùng cây cỏ vật-liệu thật mà làm thành một bức tranh linh-động tinh thần; những công xảo ấy tưởng đã hết sức

mà người làm ra cũng kiệt-thành tận-trung mới được như thế. Khá nên khen thay! Sở Hộ-thành lại dùng toàn loài ngũ cốc như là : kê, đậu, bắp, lúa nếp, v. v. đính thành một bức hoành-phi, hai bức câu-đối, tự-hoạch chỉnh-đốn, miêu-họa tinh-thần : rải kê làm nền, đính lúa, gạo, bắp, đỗ, nhuộm các sắc làm nét chữ và nét vẽ. đã nên lạ thật. — Huyện Phú-vang lại càng khéo hơn nữa : bao nhiêu vẻ đẹp nết hay của các thề-lâu kia thế nào thời ở đó cũng làm giống cả không thiếu thức gì; duy có trừ ra nơi bửu-tọa và hương-án là đồ thật, còn bao nhiêu thời toàn bằng đồ giấy cả, ấy mới kỳ chứ !

Ở chính giữa sân ấy lại có bày đàn diễn hí (hát bội) và trong cửa Thượng-tứ có bày bàn cờ-người và các trò chơi vặt. — Các tỉnh-thần có dâng những ca-nhi nhạc-nữ đề tiến những bài chúc-thọ ở trong Đại-nội. Trên cột cờ, các nha-thự công-môn, hoàng-thành nội ngoại và phố diện, thảy đều treo cờ thắp đèn từ sớm hôm 27 tháng 10 cho đến mồng 6 tháng 11 mới triệt. Nay kể lược các nghi-chú khánh-tiết trong mấy hôm ấy, để độc-giả chư-quân được biết thạnh-điển của Quốc-triều ta; nhân nhịp này chúng ta đều được quán-thủ phần-hương đề giao hưởng Trường-an mà cung chúc câu « Thánh-thọ vô-cương », « Vạn-thọ vô-cương » gọi tỏ lòng kiền-thành của quốc-dân nhuận thấm ân võ-lộ ở khắp nơi giang-sơn thổ-vũ vậy.

Sáng hôm 27 phát chín tiếng súng lớn ở Cột-cờ, chiều ba giờ Ngài Hoàng-thái-hậu cung-nghệ đến điện Phụng-tiên làm lễ chiêm-bái.

Sáng hôm 29, Hoàng-thượng ngự giá đến cung Diên-thọ (Ngài mặc áo rộng sắc vàng, các ông hoàng-thân, văn-võ ấn-quan (mặc thạnh-phục, gấm vóc, đeo kim-khánh ngọc-bội) cùng theo Ngự-giá đến triều bái khánh-hạ (năm lạy); chiều hôm ấy, ba giờ, ti Thị-vệ gởi tàu phụng Hoàng-thượng ngự thạnh phục, cung nghệ đến Tôn-cung, và thân phụng Từ-giá (Hoàng-thái-hậu) ngự ra cửa Ngọ-môn, đến các lâu-bằng, khi ngài ngự thăng tọa (ngồi) thời Thị-vệ dâng trà. Các hoàng-thân, văn-võ bá quan đều mặc thạnh phục, quì trước các thề bằng rước ngự-giá (quị-nghinh). Độ một lúc ước nửa giờ, ngự-giá hồi-loan, các quan lại quị tống, đề đưa ngự-giá về cung. Xong, thời Hoàng-thân, bá-quan đều lui về.

Ngày mồng một (chính-nhật), sớm mai, các Hoàng-thân và văn võ ấn-quan, thuộc-viên, đều mặc triều-phục, phẩm-phục, bái ban trước điện Cần-chính; bấy giờ, Hoàng-thượng ngự đến điện ấy (thăng tọa) rồi ngự đến cửa Thọ-chỉ. Vào cửa bên tả, ngự xuống kiệu vào tôn-cung; ti Thị-vệ lãnh chỉ vời các quan viên vào lạy mừng chúc khánh Thánh-thọ. Hoàng-thượng ngự chánh vị, con đình-thần đường thuộc đều đứng theo thứ vị.

Tám giờ, quan Khâm-sứ vào Tôn-cung, ngài mặc lễ-phục vào điện chúc-khánh, thời Hoàng-thượng đáp từ; trong văn-ban một quan bộ Lễ xuất ban tâu : « hành khánh-thọ lễ, lễ thành ». Hoàng-thượng xuất-vị. Ra đứng trước. Bộ Lễ lại tâu « phân ban », các quan phân hai bên văn võ đứng chầu. Lại tấu thỉnh phát « hạ phảo ». Liền nghe ở cột cờ phát 9 tiếng lịnh — Bá quan đều lui. Các ông Hoàng-thân, quan Khâm-sứ, các cụ Cơ-mật đại-thần đều có Chỉ vời vào điện đãi rượu, xong Ngài ngự hồi cung, bá quan đều lui, lại phát ba tiếng súng nhỏ.

Khi lễ thành thời đến phần các bà Nội-cung đời tiên-triều, công-chúa, phủ-thiếp, mạng-phụ, văn từ tam phẩm trở lên; võ tự nhị phẩm, đều sẵn sàng quan-phục thạnh-phục (do quan Thái-giám dẫn đến), chiếu thứ tự, cung hành túc bái-lễ. Lạy xong, thời Ngài Hoàng-thái-hậu tiến Nội.

Chiều hôm ấy (mồng một) ở trước cửa Ngọ-môn, có diễn lớp tuồng Tam-tạng sư-đồ đi thỉnh kinh ở Tây-chúc (Đánh động), múa tam tinh (Phúc Lộc Thọ; Hoàng-thượng ngự lãm trên Ngọ-môn, các đình thần đường-thuộc hầu hai bên. Có mời quan Khâm-sứ, các quí-quan, quí phu-nhân đến xem. Sáu giờ đốt pháo bông ở trên cột cờ, xong thời Ngài ngự hồi cung.

Các cuộc trần thiết bài trí trước Ngọ-môn vẫn để y cho đến mồng sáu mới bãi. Qua sáng mồng hai. Các quan lại làm lễ Khánh-hạ Hoàng-thượng tại điện Thái-hòa. Khi hành lễ có bắn 7 tiếng lịnh. Lễ xong lại 3 tiếng. Từ ngày mồng ba đến mồng năm hát bội ở Duyệt-thị, bá quan được vào xem chầu và được ban yến.

Suốt ba ngày 29, 30, 1er, Hoàng-thượng mặc thạnh-phục ngự đến Tôn-cung thị-thiện (hầu Ngài Hoàng-thái-hậu ngự cơm). Bá quan đường thuộc, mạng-phụ, v. v. đều được dự yến cả ba hôm ấy.

Trong mấy ngày Khánh-lễ, người xa kẻ gần đều hớn hở vui mừng nô-nức đến xem rất đông. Nữ-tú nam-thanh đua nhau ăn mặc điểm trang

toàn dùng sắc-phục cả. Thiệt là một cõi thiết-sắc thế-giới, vừa ngày Thánh-thọ vô-cương. Quí báu thay ! trăm họ một lòng khánh-hạ buổi Thái-bình nghi-vệ.

Cung chức Thánh-triều vạn vạn tuế !

(Trích *Trung-Bắc tân-văn*)

Dư-luận về quan-lại

Hanoi, le 15 Décembre 1919

Kính-trình ông Chủ-bút *Nam-phong*

Chúng tôi thường xem báo *Trung-bắc* và *Nam-phong*, thấy nhiều điều bình-phẩm về việc quan-lại nhũng-lạm, thì cái sự ấy cũng không phải là không. Song chỉ hiềm rằng các quan chủ-bút chỉ biết bình-phẩm các quan-lại nhũng-lạm, chớ không nói tỏ vì cớ làm sao mà nhũng-lạm, thì không bao giờ cho hết sự nhũng-lạm được. Vậy thì trừ các quan lương đã cao rồi không nói nữa, còn nha-lại, tôi xin kể cái cớ sở-dĩ nhũng lạm như sau này để các quan chủ-bút biết cho.

Lương nha-lại từ trước đến giờ tăng mãi đến 4, 5 lần, bây giờ lương ngũ hạng Thừa-phái mới được 12$ một tháng. Nếu đem lương ấy mà tiêu dùng các khoản phỏng có đủ không : ví dụ như một nhà có 2 vợ chồng, 2 đứa con, 1 đứa đầy tớ ; tiêu cho sẻn ra thì chồng một tháng 3$00 cơm, vợ 3$, 2 đứa con 4$, đầy tớ 2$ và 1$ công ở, 1$ quần áo ; 1$ củi, 2$ dầu đèn chè thang, 2$ thuê nhà, tiền giấy bút mỗi tháng 1$, cộng 20$; ấy là nói về nhà ít người và gạo hơn cái ăn rẻ, mà còn thiếu đến 8$, còn những nhà nhiều người và thóc cao, gạo kém, cái ăn đắt như bây giờ thì ăn cháo cũng không đủ ; đây là nói sự ăn uống chưa nói đến sự may-mặc.

Vả lại tục Annam thường nói rằng : một người làm quan cả họ đại loạt, cái câu đó là của hàng quan, mà nha lại chúng tôi cũng phải chịu cái câu như thế. Cái tiếng ấy không thể nào mà chối cho được, nên còn những cơm lang khách tạm sa phí, nếu không đem tâm những lạm, thì làm sao cho đủ ăn tiêu mày mặc được.

Tôi lại xin thí-dụ một câu như sau này để các quan chủ-bút nghe : như một nhà kia nuôi một con ngựa, phải cho nó ăn no thì nó không la-liếm, nếu mà nó còn đói, nó thấy thóc là, khi vắng người thì tài nào mà nó không ăn.

Vậy thì Nhà-nước bây giờ muốn cho nha-lại khỏi những-lạm của dân, thì xin cho lương nha-lại ít ra cũng bằng lương thì-sai thông-ngôn ; vì nha-lại với thông-ngôn cũng là người làm việc Nhà-nước, vả lại lệ mới bây giờ, Thừa-phái với Thông-ngôn cũng đối hàm như nhau ; thì số lương tối thiểu cũng nên cho đối là phải. Mà lương Thừa-phái cứ 3 năm có sự can-khống không kỳ việc ấy xét ra thực hư thế nào cũng phải đình tăng. Bốn 3 năm sau mà xét thực không có điều gì can-khống, thì mới được tăng.

Như thế thì lương đã đủ ăn tiêu, ai cũng muốn giữ bổn-phận mình cho tử-tế để đợi kỳ tăng lương, chớ không đến nỗi đói ăn vụng túng xử xằng như trước nữa.

Nếu Nhà-nước cứ cho lương ít như bây giờ mà bắt rằng nhũng-lạm thì phải tội, thì có khác gì một con ngựa ăn đói đi vào chỗ nhiều lá thóc la bên nọ liếm bên kia, mà chủ thì cứ đánh hoài, thế thì có khổ không ?

Vậy xin các quan chủ-bút đem lời của nha-lại chúng tôi, thượng-đạt cho Nhà-nước liệu lượng thi hành việc ấy cho, thì không những nha-lại chúng tôi được khỏi tiếng nhũng-lạm mà dân cũng được khỏi bị phải sự nhũng nữa. Thì chúng tôi được cám ơn vạn bội.

Nay kính thư.

Thay mặt Nha-lại Bắc-kỳ

LÊ VĂN-TUNG.

Mấy lời nói nhỏ cùng các ông thích đồ tầu. — Này các ông, thử mở bài xã-thuyết « Hội chợ Hanoi » đăng báo *Trung-bắc Tân-văn* số 828 vừa rồi ra mà xem, thì các ông sẽ thấy một món tiền hơn năm triệu quan (5.000.000$00). Cái số tiền viết ra, coi đã dài thay, ấy là cái món tiền mà hàng năm chúng ta đã đem ra để mua đồ sứ của tầu đó.

Đọc đến câu hơn năm triệu quan thì không biết các ông nghĩ thế nào, chớ tôi thì quả-thị giật nẩy mình và mướt cả mồ-hôi. Ở mà lạ nhỉ ! không ngờ mỗi nhà mấy chiếc lọ, mấy đôi đôn, hai ba đôi chậu, một vài cái điếu, mấy bộ ấm chén, v. v... mà đến nỗi mất một món tiền khá to như thế nhỉ !

Giá không có sổ nhà Thương-chánh thì ta vẫn tưởng rằng không bao, ấy là còn chưa kể những ông thích đồ sứ Nhật nữa kia đấy.

Nào, thử nghĩ kỹ mà xem, ngoài đồ sứ còn biết bao nhiêu thứ khác nữa, nay mai sắp tết nhất đến nơi, kẻ chợ nhà quê tha hồ đua nhau gánh vàng đem đổ....., nào hương nào pháo, nào chè nào hoa, nào bao nhiêu thứ nữa.

cho chỉ tở giấy giản cột, đôi liễn treo nhà, họ cũng khéo bày trò ăn giỗ. Ấy là còn nói đại-khái những thứ linh-tinh vỏ-nhặt tầm-thường, ai mua cũng nổi ai dùng cũng được, chớ đến như những nhà giầu có sang trọng thì lại còn hơn, nào vóc, nào đoạn, nào nghi-môn, nào quần-màn, nào vây cá, nào long-tu, nào bào-ngư, nào ..., thì chưa biết cái món tiền kia hộn lại to đến bằng bao, mà đem viết ra thì dài biết chừng nào mà kể ?

Hỡi các ông thích đồ tầu ơi ! Các ông thử nghĩ kỹ mà xem, này một năm, hai năm, ba, bốn cho đến mấy mấy mươi năm, đồng tiền của các ông nó cứ ngầm-ngấm mà bốc lên mây, mà tan ra rác, mà tìm hết cách nọ cách kia, trăm hình vạn trạng để thấm rỉ ra ngoài, kể không biết bao nhiêu vạn mớ muôn vàn, thì các ông có sót một cùng chăng ? ..., sót chăng chẳng sót ? ...

Những đồng tiền qui báu của các ông, nó róc rách mà lọt đi hoài, nào có phải nó cứ róc rách mà lọt đi theo một lẽ tự-nhiên là « các ông mất tiền mua thì đổ vật dụng về các ông » đâu. Nếu thế thì ai còn phải nói làm gì cho rườm tai gà ông ra nữa ; nhưng không, nó lại không thế, trong khi đồng tiền ấy, đồng tiền qui báu của các ông ấy — nói quá ra nữa thì những đồng tiền ấy chính là huyết-mạch của nước Đại-Nam đế-quốc vậy — nó đi làm cho cái tính sở-thích tham thanh chuộng lạ khí quá của các ông được mãn-nguyện, thì, than ôi ! biết bao nhiêu là những kỹ-nghệ của những người đồng-loại với các ông, ba con, anh em, cùng chung một huyết-mạch, cùng chung một tiếng nói, cùng thờ một tôn-giáo, vinh cùng vinh, nhục cùng nhục, hay cùng hay, dở cùng dở với các ông, có lẽ cũng vì cái tính sở-thích tham thanh chuộng lạ khí quá-đáng của các ông mà bị đình-trệ, bị suy-đồi, không những chỉ bị đình-trệ, bị suy đồi mà thôi đâu, lại còn mang tiếng với ai là ngu, là hèn, là vụng, là dại nữa kia đó, các ông ạ ! Vậy hỡi hỡi những ông khí quá thích đồ tầu, các ông có rõ cái tình-cảnh ấy cho không hở ?

Lạ thay ! đương cái thời buổi cạnh-tranh lý-tài này, biết bao nhiêu là tư-tưởng, giấy mực, đã phô bày ra những lời kịch-liệt cảm-khái của những nhà nhiệt-tâm bênh vực nội-hóa hô gọi bấy nay, nghe ra như oán, như sầu, như rên, như rỉ, như mơn vào ruột, như rót vào tai, tưởng chừng đến gan vàng cũng núng, dạ sắt cũng siêu ; thế mà, than ôi, còn thấy lắm ông, rõ râu mày hẳn hoi, xem ra vẫn cứ dửng-dưng, vẫn cứ hững-hờ chẳng chút đoái hoài, như không nghe biết, chuộng lạ tham thanh, chứng nào hoàn tật ấy. Rắn gan thay, thực rắn gan thay !

Nói như thế, tất có nhiều ông không bằng lòng, mà nói rằng : « Không phải tôi có ý khinh chi nội-hóa, nhưng, khốn lắm, chỉ vì đồ của ta chế-tạo còn xấu mà thường hào lại đắt hơn ; đời này đồng tiền kiếm rất khó, dại gì đi mua của xấu mà lại phải giả cao. Vả lại ông có thấy người Tầu mỗi năm đem gạo mình xuất-cảng có hàng bao nhiêu triệu bạc đó không ? Người ta mua gạo của mình, mình dùng đồ của người ta, chẳng qua là cái lẽ tất-nhiên trong thương trường giao-dịch. Vả, hiện nay, cửa thương-trường của thế-giới đã mở rộng, các nước rầm-rịch buôn bán thông-đồng, không phải là thời-lại bế-quan tỏa-cảng, hoá-vật luân-hoán chu-lưu. Vậy, ông thử xem, có nước nào nhất-thiết không dùng ngoại-hóa được chăng ? »

Vâng, tôi cũng vẫn biết thế, nhưng thiết-tưởng dân mình không thể bì được với những dân các nước phú-cường, công-nghệ đã từng phát-đạt. Người ta dẫu có lúc cao hứng dùng sen ngoại-hóa, nhưng chẳng qua là phần ít ỏi mà thôi, chỉ những người đài các phong-lưu dửng mỡ năm-thì mười-họa, chớ không có kỳ-dị như mình từ sang chí hèn, từ quê chí chợ, việc to như đình đám, việc nhỏ đến phúng mừng, bày biện trang-hoàng, nhất-cử nhất-động, hình như lấy làm vinh-hạnh, như phải thuốc bùa mê, nô nức, ganh thi, đua nhau dùng ngoại-hóa.

Ấy đấy, người ta dùng ngoại-hóa nhưng chính tay lại chế được vật dùng đem bán ra ngoài, đổi bên chao đổi, ấy là một lẽ tất-nhiên ; chớ như mình thì công-nghệ vốn chưa phát-đạt, mà mình lại tự khinh-thị công-nghệ của mình, thì còn mong chi có lúc chấn-hưng. Chẳng những chẳng mong chi có chấn-hưng, có lẽ lại vì mình khinh-thị mà đến nỗi phải suy-đồi, không khéo đến lúc lại muốn tìm của xấu của mình mà dùng, thì không sao lại có được nữa.... Ấy chết nỗi, vì tấm nhiệt-thành mà quá lời chót nói ở, nếu vạn-nhất có ngày muốn dùng đồ xấu của mình cũng không có, thì, than ôi, khá thương thay cho nòi giống Lạc-Long !

Này, thử xem, người ta đem tiền đong gạo của mình, là vì người ta không đủ gạo ăn, người ta đem tiền đổi lấy hột ngọc-thực quí-hóa của mình, đem về để giúp sự sinh-tồn, để cứu sự cơ-cận cho anh em bà con người ta, là một điều rất thiết dụng, là một lẽ rất chánh đáng trong cách dùng tiền đó. Chớ như mình thì đem tiền ra mua hóa-vật của người, thử bình-tâm nghĩ kỹ mà xem, có thứ gì là tối quan-hệ cho sự thiết-dụng của mình không ? có thứ gì là không có không được như hột gạo của mình đối với người

ta kia không ? Trừ ra chỉ có những vị thuốc bắc là còn thiết-dụng cho mình, tôi đã có một bài nói riêng về truyện thuốc. Nào, những vật mà mình vẫn yêu chuộng quá-thể đó, thiết-dụng cho mình được những gì, hay là chỉ dùng để trang-sức phù-hoa trong một lúc Huống chi những hóa-vật đó, hầu hết mình đã có thể làm lấy được, song chỉ vì lúc mới phôi-thai, thì tránh sao khỏi được những nông nỗi khác nhau một chút vì lẽ đất rẻ thanh thô.

Vả lại trong khi mình mải-miệt chuộng lạ tham thanh, thì biết bao nhiên là công-nghệ của mình đã bị hao-mòn suy-đốn ; có lẽ cái món tiền của mình đem mua những đồ không thiết-dụng là mấy, mà mình cũng có thể làm lấy được kia, giá còn lại ở trong tay mình thì an-trí chẳng còn làm được nhiều điều bổ-ích cho mình hơn nữa, vì nước mình là một nước nghèo, trong lúc quốc dân đương lo lắng chấn-hưng thực-nghiệp này, gìn giữ đồng tiền lại là một điều tối yếu.

Cho nên có thể nói được mấy lời tóm-tắt lại như sau này :

Nước ta trước kia chuộng hư-văn, bây giờ bị ngoại-trào kích-thích mà đường công nghệ mới bắt đầu chấn-chỉnh từ đây. Ấy là lúc tất cả quốc-dân nên để tâm vào đường thực-nghiệp. Những đồ của ta chế-tạo ngày nay tuy chưa được tận-thiện tận-mĩ bằng người, song cũng không đến nỗi xấu-xa thô-bỉ, các ông đi xem hội chợ vừa rồi, tất cũng đã rõ, nào đồ đồng, đồ khảm, đồ gỗ, đồ sơn, đồ mây, đồ sứ, lĩnh, lụa, nhiễu, the, chè, hương, pháo, sữa, kể cái xinh, cái đẹp, cái thú, cái ngon, cũng chẳng kém chi ngoại-hóa. Nhìn trước ngắm sau, cái quang-cảnh sán-lạn huy-hoàng khiến cho con mắt người thức-giả kẻ nhiệt-tâm lóng-lánh những hào-quang vui mừng và hi-vọng.

Nói tóm lại, thôi thì, kém, hơn, đắt, rẻ, từ đây dám khuyên các ông cũng nên thể lượng, đem dạ vị-công, chớ khá suy bì từng li từng tí, ta nên sẵn dạ mà hoan-nghênh, mà tiêu-thụ lấy hóa-vật của ta, trước là để khuyến-khích cho bà con nhà chế-tạo, sau là lọt sàng xuống nia, đồng tiền tài của ta khỏi róc-rách mà lọt ra ngoài như trước.

Nhà chế-tạo thấy đồng-bào chiếu-cố, cớ hàn chạy mới dám chế nhiều, có chế nhiều rồi mới có thể bán rẻ ; vui lòng hởi dạ, cái khéo mỗi ngày mỗi tăng, an-trí nay-mai kỹ-nghệ Việt-Nam tổ-quốc ta chẳng có lúc nổi tiếng với hoàn-cầu. Mà muốn cho chóng đến cái ngày kỹ-nghệ của Việt-Nam tổ-quốc ta có thể ra góp mặt được với hoàn-cầu, ấy chỉ nhờ vào tấm lòng thể-lượng, chiếu-cố, tương-trợ tương-phù của con nhà Việt-Nam thôi đó.

Thế thì từ nay, ai là người trong mình có chút máu mủ nòi giống Việt-Nam, há lại chẳng yêu dùng những đồ vật dụng của Việt-Nam, mà quên hẳn cái thói suy-bì một tí một li kém hơn đắt rẻ, là một điều rất bé nhỏ tầm thường ; miễn là được góp chút công-lao vào việc chấn-hưng Nam-hóa là đủ.

Ấy, tôi chỉ vì một chút nhiệt-tâm mà gọi là có vài lời thô thiển, xin rỉ tai cùng các ông quá thích đồ tàu.

NGUYỄN KHẮC-HANH.
lai-cảo.

Hội kỷ-niệm quan Cố Toàn-quyền Van Vollenhoven. Quan Cố Toàn-quyền VAN VOLLENHOVEN, vì nghĩa quyên thân, tử trận cho Nhà nước Đại-Pháp, đã thành một cái gương can đảm nghĩa-khí, trong bang-bối ti-thuộc không bao giờ quên được. Mới rồi ở Paris có mấy người cố-hữu ngài xướng-lập ra một hội gọi là « Hội các bạn ông Vollenhoven » (*Comité des amis de Vollenhoven*) để quyên tiền định lập một cái tượng hay cái bia kỷ-niệm ngài. Hội ấy có hai quan Toàn-quyền SARRAUT và ROUME làm danh-dự hội-trưởng, và hội-trưởng là quan Trung-tướng MESSIMY, nguyên Thuộc-địa bộ thượng-thư.

Ông NGUYỄN BÀ TRÁC, nguyên chủ-bút hán-văn của bản-chí, trước đã chịu ơn sâu với quan VOLLENHOVEN, vì nhờ lượng ngài mà ông được về nước, được tin có hội kỷ-niệm ấy, vội-vàng gửi một món tiền để quyên vào Hội. Quan Trung-tướng MESSIMY là chủ hội có viết thơ nhận món tiền ấy và trả lời ông, thơ lược dịch như sau này :

« Tôi thay mặt « Hội các bạn ông Van Vollenhoven » cám ơn ông đã có hảo-tâm quyên tiền vào Hội. Trong thơ ông viết cho quan Thống-sứ PASQUIER nói những tình-ý thâm-thiết đối với quan Cố Toàn-quyền VAN VOLLENHOVEN, chúng tôi đọc lấy làm cảm-động lắm.

« Chúng tôi mừng rằng những người tri-thức ở bên Đông-dương như ông vẫn còn hoài-tưởng đến ngài, và nhớ rằng ngài là người bình-sinh đã tận-tụy mở mang cho cõi đất Đông-dương được tốt đẹp thêm ra, khiến cho dân Đông-dương một dạ trung-thành với Nhà-nước, như đã tỏ ra trong khi chiến-tranh vậy, vân. vân... »

TẠP TRỞ

Về truyện Kiều. — Nhân bài khảo-cứu về Truyện Kiều đăng báo kỳ trước, bản-quán chủ-bút có tiếp được cái thơ của ông UÔNG-CHU-MIỆN, đăng sau này:

« Kỳ báo mới rồi thấy ngài có xướng-suất về lịch-sử cụ Tiên-Điền soạn ra truyện Kiều, vậy quê tôi ở gần làng Tiên-điền, nên viết qua mấy hàng lên ngài biết, nếu ngài muốn biết cho rõ lịch-sử cụ, hễ khi nào nhân có việc gì viễn-du trong vùng Trung-kỳ, thì ngài rẽ qua vào làng Tiên-điền mà chơi nhân-thể.

« Bên này Bến-Thủy, cách một cái sông sang bên kia là huyện Nghi-xuân, sang khỏi đò Lách là đò Bến-thủy, đi độ 7 hay 8 Km. thì đến huyện, Làng Tiên-điền ở bên cạnh huyện. Hiện con cháu cụ bây giờ, cũng hãy còn: còn một ông Nguyễn-Mai, tiến-sĩ, thi đỗ ở nhà không chịu ra làm quan. Đời các cụ sinh ra ông Nguyên-Du, ba anh em đều đỗ Tnám-hoa và Tiến-sĩ cả, ra làm quan lúc bấy giờ mạt Lê, vua phong cả 3 ông Đại-vương Cả, Đại-vương Hai, Đại-vương Ba; từ đời con cháu ba cụ trở về sau cứ kế-tiếp mãi đại-khoa, không bao giờ gián-đoạn, hiện bây giờ cũng vẫn còn là ông Nguyễn-Mai. Năm 1906 và 1907 lúc bấy giờ còn báo *Đăng cổ-tùng-báo*, tôi có vào một bài « *Học-mới* » cổ-động nước Annam ta, nên dùng chữ quốc-ngữ làm quốc-văn. Bài này của tôi ba thành mới vào được một thì *Đăng-cổ* phải thôi. Tôi có viết thơ về cho ông Nghè Mai, để lục xem truyện Kiều còn chính-bản không, thì không thấy ông trả lời, về sau báo không có, tôi quên mất.

« Còn làng Tả-Ao, có ông Tả-Ao đi làm địa-lý cũng ở gần Tiên-Điền, nhưng mà gốc tích ông Tả-Ao, thì không còn nữa.

« Cụ Nguyễn-Công-Trứ cũng người làng Tiên-Điền, con cháu cụ hãy còn.

« Bây giờ để thờ về ngành tiền-bối ông Nghè Mai còn nguy-nga tử-tế lắm.

« Xin nói qua ngài biết, thế là Kiều đang còn gốc-tích Lúc cụ Nguyễn-Du về trí sĩ, cụ soạn Kiều, cũng nhiều tay phù-tá với cụ, mới thành-công. Cụ làm quan về đầu Nguyễn, vua phong cho mấy chữ: « nhất quốc đại-nho-sư », lúc sang sứ Tầu, Tầu có phong thêm cho: « lưỡng triều phong Tể-tướng ».

« Xin nói qua, nếu kể hết lịch-sử nhà này phải đến tận nơi, mà xem các cờ biển bia đá, thì mới đủ ».

Nay kính
CÔNG CHU-MIỆN

Giới-thiệu sách mới. — Ông Ngẫu Trí TRỊNH ĐÌNH-RỰ, cử-nhân, giáo-học trường Pháp-Việt Khang-hải (Hongay) mới gửi tặng một tập văn nôm đề là « Duyên-văn » (giá 0$25 in tại Nhà-in Ngô-Tử-Hạ). Tập *văn-thơ, ca, từ* này là một tập thứ nhất của ông, xem ý ông muốn bước chân vào làng văn mà kết cái duyên văn-tự cùng các bạn văn-từ đây vậy. Văn-chương ông cũng vào áng, mà tư-tưởng ông cũng thanh-đạm, tính-tình ông xem ra cũng ôn-nhã, cứ đọc 58 trang giấy ông cải hoa thêu gấm hết văn xuôi đến thơ trường-thiên, hết thơ bốn câu đến thơ tám câu, hết thơ tứ-tuyệt-liên-hoàn đến thơ ca liên-hành (lối mới của ông đặt ra), hết hát nói đến hát sầm, hát lý, hết phong-rao đến hát vặt, hát hãm, lại văn xuôi, rồi đến cái thư và mấy câu đề từ thời đủ biết ông vậy. Bỉ-nhân cũng vui lòng mà giới-thiệu sách ông để các bạn đọc báo thưởng giám mà biết tài cho ông, và xin khen riêng ông đã có một tập văn-chương tao-nhã mong rằng ông từ nay về sau cố sức mà đem cái tài văn-chương ấy cùng tô-điểm vào cái văn-đàn chống-chải nước nhà ta vậy. — HỘI-NHÂN

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ-TIẾN-ĐỨC »

Công việc Hội trong tháng Janvier. — Hội ta thành-lập thế là được trọn một năm rồi, và số hội-viên đến nay được ngót năm trăm người. Sự-nghiệp gì lúc mới đầu cũng có chút khó-khăn chậm-chạp, có thành cơ-sở rồi mới mong tuần-tự phát-đạt được. Kể trong năm thứ nhất mới qua, công việc Hội chưa có kết-quả gì to thật, nhưng trong khoảng không đầy mười tháng trời — (vì Hội tuy trình điều-lệ tự tháng hai năm 1919, mà mãi đến

tháng tư hồi sắp mở trà-hội tiễn quan Toàn-quyền SARRAUT mới thật là bắt đầu cổ-động) — mà chiêu-tập được năm trăm hội-viên, thời tưởng cũng đã là gây được một cái cơ-sở vững-vàng vậy. Từ nay trở đi, mong nhờ các hội-viên hết sức cổ-động cho cái chủ-nghĩa Hội lan khắp mọi nơi, từ kẻ chợ đến nhà quê, từ trong Nam ra ngoài Bắc, được nhiều người vui lòng vào Hội cho đông, kẻ giúp công người giúp của, khiến cho nhà hội-quán chóng dựng thành, có nơi mà tới-lui họp-tập để cái tình thân-ái được mật-thiết hơn lên, như thế mới có thể dần-dần đạt được cái mục-đích « khai-trí tiến-đức » cho quốc-dân ta. Vậy thời Hội bước sang năm thứ hai này rất ước-ao rằng sẽ được cơ-hội tốt mà tuần-tự phát-đạt lên vậy. Nhưng cốt nhất là mong ở các hội-viên phải hết sức nhiệt-thành mà giúp mới được; đó không những là vì sự công-ích, mà lại vì cái danh-dự của bọn mình nữa: cả nước Nam mới nhóm được một cái hội cũng tự-phụ là gồm cả bọn thượng-lưu trong nước, thế mà trước sau không làm được việc gì cho xứng-đáng cái mục-đích đã tiêu-biểu ra thì chẳng là giảm mất cái danh-dự của bọn thượng-lưu lắm ru? Xin các hội-viên ta ngài nào cũng một lòng sốt-sắng về việc Hội, và xin biết cho rằng cuộc thịnh suy của Hội là ở trong tay các ngài vậy.

* * *

Trong tháng Janvier Hội có họp hai lần: một lần hội-đồng các hội-viên ở Hà-nội, ngày 11 Janvier; một lần đại-hội-đồng cả các chủ-trì tán-trợ hội-viên ngày 25 Janvier. Dưới này đăng biên-bản của hai kỳ hội-đồng ấy

Biên-bản kỳ hội-đồng ngày 11 Janvier 1920. — Ngày chủ-nhật 11 Janvier 1920, đúng 3 giờ chiều, Hội Khai-trí-tiến-đức họp các hội-viên ở Hà-nội tại nhà-hội Trí-trí phố hàng Quạt, để xét tờ giao-kèo với phủ Thống-sứ nhượng cho Hội cái đất nhà Thư-viện cũ phố hàng Trống, xét sổ chi-tiêu của Hội trong năm 1919, dự-bàn về việc lập nhà hội-quán, việc sửa đổi điều-lệ và định ngày đại-hội-đồng bầu-cử lại tòa trị-sự.

Đến dự hội-đồng có các ông trị sự Hội: Marty, Hoàng Trọng-Phu, Thân Trọng-Huề, Phạm Quỳnh, Lê Văn-Phúc, Đào Văn-Sử; — và các ông Hội-viên kê tên sau này:

Ông Bạch Thái-Sơ — Choulet — Đinh Văn-Thuấn — Đỗ Thận — Hoàng Kim-Bảng — Hoàng Quang-Hương — Lê Thành-Ý — Mạc Đình-Tư — Mai Du-Lân — Nguyễn Bá-Trác — Nguyễn Gia-Huy — Nguyễn Văn-Vĩnh — Nguyễn Huy-Hợi — Nguyễn Tiến — Nguyễn Văn-Lan (Tân-ký) — Nguyễn Lan-Hương (Hương-ký) — Nguyễn Văn-Hoàn — Nguyễn Văn-Thi — Trần Trọng-Kim — Trần Viết-Soạn — Trần Quỳnh — Trần Nhật-Dũng — Trần Ngọc-Điền — Trịnh Xuân-Nghĩa.

Ông Bùi Đình-Tá có giấy cáo.

Có mấy ông mới có giấy xin vào Hội cũng đến tham-dự hội-đồng: Ông Bùi Xuân-Thành — Nguyễn Văn-Luận — Phạm Huy-Lục.

Khi mở hội-đồng, quan Chánh-Hội-trưởng MARTY có đứng lên diễn-thuyết mấy lời, nói rằng Hội ta thành-lập đã được một năm, từ bấy đến nay chỉ mưu-tính dựng một nhà hội-quán mà chưa xong, nay phủ Thống-sứ Bắc-kỳ có hứa nhượng cho cái đất nhà thư-viện ở phố hàng Trống, hiện tờ giao-kèo đã thảo rồi, chỉ còn một việc ký nữa mà thôi, nhưng trước khi ký thay mặt Hội ngài muốn hỏi ý các hội-viên có thật quyết một lòng theo đuổi việc lập nhà hội-quán cho đến thành hay không, hay là ông nào có điều gì dị-nghị về mục-đích hay là về công việc Hội thời xin nói cho biết ngay, kẻo đến khi đã nhận đất của Chánh-phủ rồi mà Hội bỏ đấy không làm gì, thời trước là phụ lòng ân-cần của Chánh-phủ, sau là phụ lòng kỳ-vọng của quốc-dân; vậy ngài hội-đồng các hội-viên hôm nay là chủ-ý muốn cho các ông quyết-định rõ-ràng về sự tương-lai của Hội thế nào, nghĩa là nếu muốn theo đuổi cái mục-đích Hội cho cùng thời phải hết sức mở-mang cho phát-đạt, chớ không có lẽ Hội đã lập ra rồi mà lại bỏ đấy không làm được việc gì có ích-lợi. — Quan Hội-trưởng nói phân-minh như thế, các hội-viên nghe rồi đều một lời quyết-nghị rằng phải hết sức mưu-tính cho Hội được vững-vàng phát-đạt, nhất là phải lập cho thành nhà hội-quán để làm nơi họp-tập; ông nào cũng cam-đoan rằng về phần mình sẽ hết sức cổ-động cho Hội được mở-mang thêm ra. Rồi cả hội-đồng ưng ủy cho Quan Chánh Hội-trưởng thay mặt Hội cùng với phủ Thống-sứ thương-lượng và ký tờ giao-kèo về cái đất nói trên kia.

Ông Tổng Thư-ký PHẠM QUỲNH bèn đọc bản thảo tờ giao-kèo với phủ Thống-sứ, từng điều một, hội-đồng ưng-nhận cả. Theo tờ giao-kèo ấy thời Phủ Thống-sứ đoan nhượng cho Hội trong một kỳ-hạn ba mươi năm và chiếu giá thuê một đồng-bạc (1$00) một năm — (lấy thế cho hợp lệ, chớ không phải thuê mượn gì) —

cái đất và cái nhà thư-viện cũ ở góc phố hàng Trống, nhà và đất Hội muốn dùng làm gì cho việc Hội cũng được, miễn không được cho thuê hoặc bán lại cho ai; nhà ấy Hội có quyền được phá đi, lợi-dụng các vật-liệu và xây-dựng nhà khác theo kiểu-cách của Hội, miễn là phải trình trước cho phủ Thống-sứ biết. Trong kỳ-hạn ba mươi năm ấy, nhà với đất cũng coi như là của Hội, nhưng là của chung cả Hội, không hội-viên nào có quyền được xin chia; Hội giải-tán thời phải trả về Chánh-phủ.

Đoạn rồi, ông Tổng Thủ-Quĩ Lê Văn-Phúc đọc tờ trình về sổ chi-tiêu của Hội trong năm 1919. Theo tờ trình ấy thời số thâu-nhập của Hội trong năm ngoái tổng-cộng là 4.643$14 (tính cả lãi tiền gửi nhà băng), và số chi-xuất tổng-cộng là 1.092$91 (tiệc trà tặng quan Sarraut, chế 300 cái dấu-hiệu của Hội, tiền giấy bút và tạp-phí, v. v.). Trừ số chi-xuất đi thì hiện công-ngân của Hội còn được: 4.643$14 — 1.092$91 = 3.550$25 Trong số 300 cái dấu-hiệu của Hội chế ra, mới bán được có 161 cái, còn lại 139 cái, đáng giá là 139$, cộng vào số tiền dư trên kia, thời vốn của Hội cả thảy được: 3.550$25+139$ = 3.689$23. — Song số chủ-trì-hội-viên của Hội hiện đến cuối năm 1919 tổng-cộng là 281 người, nhưng chỉ mới có 201 người nộp tiền mà thôi, còn 80 người tới nay vẫn chưa nộp. cứ tính mỗi người 20$ thời Hội còn 1600$ nữa phải thâu nốt sau này. Ông Lê Văn-Phúc xin với hội-đồng cho phép nhắc lại các ông chưa nộp tiền ấy nên kíp nộp vào cho Hội.

Đoạn rồi quan Chánh Hội-trưởng trình với Hội-đồng một bản điều-lệ mới, nói rằng trong điều-lệ cũ xét ra còn khiếm-khuyết ít nhiều, nay bổ lại làm ra một bản mới, để Hội-đồng xét trước, có ưng thời trình quan Thống-sứ Bắc-kỳ duyệt. Điều-lệ mới có thêm một thiên về nhà hội-quán, trong điều-lệ cũ chưa có; lại có sửa đổi mấy khoản trong điều-lệ cũ, nhất là khoản về số tiền nhập-hội của các chủ-trì-hội-viên, và khoản về hội-đồng quản-trị cùng tòa trị-sự. Theo điều-lệ cũ thời các chủ-trì-hội-viên nhất-luật phải đóng 20$; nay định ai muốn đóng một lượt 20$ thời về sau không phải đóng gì nữa, ai không muốn đóng một lượt như thế thời cứ mỗi năm phải đóng 2$ mãi-mãi; điều đó cũng là một cách phương-tiện cho phần nhiều hội-viên. Thuộc về hội-đồng quản-trị thời trước cứ ai có chân chủ-trì là tiện-thị thuộc vào Hội-đồng ấy; nay định đại-hội-đồng các hội-viên chủ-trì bầu lấy 36 người làm hội-đồng quản-trị, kỳ-hạn ba năm; hội-đồng quản-trị ấy lại chọn lấy 16 người làm tòa trị-sự, kỳ-hạn một năm. Đại-khái cả hội-đồng cũng ưng-thuận thay đổi như thế, nhưng kỳ hội-đồng này chưa mới đủ các hội-viên, mới họp những hội-viên ở Hà-nội mà thôi, nên định để đến kỳ đại-hội-đồng sau sẽ đem điều-lệ mới cho các hội-viên đông-đủ cùng bàn và duyệt-y nhân thể.

Nhân hội-đồng định đến ngày chủ-nhật 25 Janvier thời họp đại-hội-đồng các chủ-trì và tán-trợ hội-viên để xét điều-lệ mới và để bầu hội-đồng quản-trị và tòa trị-sự cho năm 1920.

Bàn xong các việc trong chương-trình rồi, ông Choulet là chủ-trì-hội-viên đứng lên diễn-thuyết, nói rằng việc lập nhà hội-quán là việc rất quan-trọng, tức là một cái « sinh-tử-vấn-đề » cho Hội, Hội có nhà hội-quán thì Hội mới thành, Hội không có nhà thời Hội hỏng mất, vậy ông xin các hội-viên nên tận-tâm tận-lực về việc ấy, và nay Nhà-nước đã cho cái đất phố hàng Trống thời nên nghĩ cách xây dựng nhà ngay, nếu Hội không đủ tiền thời phải nghĩ cách thế nào cho có đủ tiền mà làm mới được.

Quan Hội-trưởng nói rằng việc đó cần-cấp thật, về phần ngài vẫn hết sức lo tính, và đương định thay mặt Hội xin phủ Thống-sứ, phủ Toàn-quyền, và thành phố Hà-nội, mỗi nơi trợ-cấp cho ít nhiều, nhưng nếu xin được nữa thời Hội cũng chỉ được tới hơn một vạn bạc là cùng, chưa đủ dựng nhà hội-quán được. Bây giờ phải cổ-động thế nào cho nhiều người vào Hội nữa thời mới đủ tiền được.

Cả Hội-đồng cũng cùng một ý ấy và mong rằng các hội-viên ông nào cũng hết sức cổ-động mà dủ lấy người vào Hội cho đông.

Nhân bàn việc hội-quán ông Choulet đứng lên xin quyên vào Hội một trăm đồng (100 $) để giúp thêm về việc ấy. Ông Nguyễn Văn-Vĩnh, ông Lê Văn-Phúc, ông Thân Viết-Soạn cũng mỗi người quyên 100 $.

Trước khi hội-đồng tan thời có cử một tiểu-hội-đồng để dự bàn trước về cách-thức nên lập nhà hội-quán thế nào. Những ông kê tên như sau này được cử vào tiểu-hội-đồng:

Ông Choulet, làm chủ tiểu-hội-đồng.
— Trần Viết-Soạn, hội-viên.
— Hoàng Quang-Hương —
— Trần Ngọc-Điển —
— Hoàng Kim-Bảng —
— Trần Gia-Huy —
— Mai Du-Lân —
— Nguyễn Văn Giêm —

Tiểu hội-đồng ấy dự bàn thế nào phải làm tờ trình cho hội-đồng quản-trị xét.

Đến 5 h. 1/2 thời hội-đồng tan.

Biên-bản kỳ đại hội-đồng ngày 25 Janvier 1920. — Ngày chủ-nhật 25 Janvier 1920, 3 giờ rưỡi chiều, Hội « Khai-trí-tiến-đức » họp đại-hội-đồng các chủ trì tán-trợ hội-viên tại nhà Hội Trí-tri, phố hàng Quạt.

Chương-trình các việc là :

1° Xét và duyệt bản thảo Điều-lệ mới.
2° Bầu hội-đồng quản-trị
3° Bầu tòa trị-sự năm 1920.
4° Xét tờ trình của tiểu-hội-đồng dự bàn về việc nhà hội-quán.
5° Bàn về việc lập một cuộc hội vào khoảng tháng ba tây.

Số chủ-trì và tán-trợ hội-viên trong Hội cả thảy được gần 300 người, vừa ở Hà-nội vừa ở các tỉnh Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ và Cao-man nữa. Một tuần-lễ trước ngày đại-hội-đồng, tòa trị-sự đã đạt giấy mời khắp cả, và đăng báo cáo rõ ngày giờ đại-hội-đồng cùng dặn các hội-viên ông nào không về Hội được thời có thể cử người ở Hà-nội thay mặt. Tuy vậy mà ngày 25 Janvier lại hội-đồng cũng chỉ được ngót bảy mươi ông, cử người thay chừng ba mươi ông; ngoại giả có mấy ông viết giấy cáo, còn thời không thấy trả lời.

Đến hội đồng có những ông kể tên như sau này :

Các viên trị-sự năm 1919 :

Ông Marty — Hoàng Trọng-Phu — Thân Trọng-Huề — Nguyễn Hữu-Thu — Trần Văn-Thông — Phạm Quỳnh — Lê Văn-Phúc — Phạm Duy-Tốn — Đào Văn-Sử — Bùi Đình-Tá

Các chủ-trì và tán-trợ hội-viên :

Ông Bạch Thái-Bưởi (Hải-phòng) — Bùi Kỷ — Choulet — Đỗ Thận — Hà Duy-Thăng — Hoàng Kim-Bảng — Hoàng Quang-Hương — Lê Vũ-Bình — Mạc Đình-Tư — Mai Du-Lân — Ngô Như-Bình (Hải-phòng) — Nguyễn Năng-Quốc (Hưng-yên) — Nguyễn Kim-Lâu — Nguyễn Quí-Toản — Nguyễn Hữu Gián — Nguyễn Ngọc-Thụ (Hải-dương) — Nguyễn Đức-Tiến (Bến-thủy) — Nguyễn Hòa-Tấn (Hải-phòng) — Nguyễn Kỳ (Hà-đông) — Nguyễn Văn-Kỳ — Nguyễn Gia-Huy — Nguyễn Đức-Lợi Phủ-lý) — Nguyễn Văn-Lan tức Tân-ký Gia-Lâm) Nguyễn Huy-Hợi — Nguyễn Hữu Kiến (Hải-dương) — Nguyễn Bá-Chính — Nguyễn Văn Hoán — Nguyễn Ý-Củ (Hải-dương) Nguyễn Bá-Trác — Nguyễn Văn-Vĩnh — Nguyễn Văn-Thịnh (Hải-phòng) — Nguyễn Tiến — Phạm Trúc (Ninh-bình) — Phạm Đình-Công (Hưng-yên) — Phan Tất-Đạt (Kiến-an) — Phan Nhật-Tân Hải-dương) — Tạ Duy-Tư — Trần Dụng-Hoàn (Nam-định) — Trần Việt-Bạch — Trần Trọng-Kim — Trịnh Đình-Long — Trịnh Văn-Chinh — Trịnh Văn-Hợi — Trịnh Xuân-Nghĩa — Trương Công-Lập — Trương Minh-Sanh — Từ Đạm (Ninh-bình) — Vũ Đức-Đôn (Hà-đông) — Vũ Đình-Chung — Vũ Đình-Khôi (Kiến-an — Vũ Ngọc-Oánh

Có mấy ông mới có giấy xin vào chân chủ-trì cũng được đặc-cách dự hội-đồng. Là những ông : Nguyễn Chuẩn (Hải-dương) — Nguyễn Đỗ-Mục — Nguyễn Đức-Long — Nguyễn Văn-Luận — Phan Kế-Bính — Phạm Huy-Lục.

Các ông hội-viên có giấy cáo : Bạch Thái-Sơ (Hà-nội) — Đỗ Đức-Tiến (Hưng-yên) — Hoàng Đức-Trang (Hải-dương) — Lê Tường (Tourane) — Nguyễn Hữu-Phái (Ninh-bình) — Nguyễn Văn-Thỉnh (Hải-phòng).

Các hội-viên có nhờ người thay :

a) Nhờ quan Thân Trọng-Huề thay :

1 Ông Nghiêm Xuân-Quảng, án-sát Phú-thọ
2 — Nguyễn Văn-Bân, án-sát Tuyên-quang

b) Nhờ ông Phạm Quỳnh thay :

1 Ông Hoàng Hữu-Đôn, tri-huyện Bình-lục
2 — Nguyễn Đức-Đản, trợ-tá Thanh-trì
3 — Nguyễn Như-Gi, tri-phủ Nam-sách
4 — Nguyễn Văn-Đào, tri-huyện Hưng-nhân
5 — Nguyễn Văn-Thọ (Lahati - Yunnan)
6 — Trần Lưu-Vị, hậu-tuyển Bắc-ninh

c) Nhờ ông Lê Văn-Phúc thay :

1 Ông Cung Đình-Huệ (Nam-định)
2 — Lã Qui-Chấn (Nam-định)
3 — Ngạc Văn-Đồng (Kẹp)
4 — Nguyễn Kỳ-Nam (Nam-định)
5 — Phạm Bá-Rong, tri-phủ Lý-nhân
6 — Vi Văn-Lâm, tri-châu Định-hóa.

d) Nhờ ông Bùi Đình-Tá thay :

1 Ông Bùi Trọng-Huyền (Ninh-bình)
2 — Bùi Trọng-Nga (Quảng-yên)
3 — Đặng Trần-Vĩ, tuần-phủ Phú-thọ
4 — Lê Bá-Tứ (Hải-dương)
5 — Mai Trung-Cát, tổng-đốc Bắc-ninh
6 — Mai Toàn-Xuân, tri-phủ Tử-sơn
7 — Nguyễn-Nghi (Thái-nguyên)
8 — Nguyễn Văn-Khôi (Tachoutang-Yunnan)
9 — Nguyễn Văn Đạt (Hải-phòng)
10 — Phạm Văn-Hanh, tri-huyện Đan-phượng

e) Nhờ ông Vũ Đình-Khôi (Kiến-an) thay :

1 Ông Đào Hữu-Khôi, tri-huyện Thủy-nguyên
2 — Nguyễn-Chước, án-sát Kiến-an
3 — Trần Phượng-Thê, Kiến-an

f) Nhờ ông Hoàng Quang-Hương thay :

1 Ông Hoàng Quang-Bình

2 — Hoàng Quang-Thịnh

g) Nhờ quan Trần Văn-Thông thay :

Ông Bùi Phụ-Kinh, tri-huyện Yên-mô.

h) Nhờ ông Nguyễn Quí-Toản thay :

Ông Phan Tất-Tạo (Phủ-lý)

i) Nhờ ông Nguyễn Huy-Hợi thay.

Ông Vi Văn-Định, án-sát Cao-bằng.

Các hội-viên ngồi đông-đủ cả, quan Phó Hội-trưởng Hoàng Trọng-Phu đứng lên giới-thiệu hai qui-quan là quan cai-trị GROSSIN ở tòa nhất Phủ Thống-sứ và quan Y-khoa tiến-sĩ DE FENIS DE LACOMBE, giáo-học trường Thuốc Đông-dương, hai ngài muốn xin với hội-đồng vào chân chủ-trì Hội « Khai-trí ». Hội-đồng đặc-cách ưng-nhận ngay, ông Tổng Thư-ký biên tên các ngài vào giấy nhập-hội, rồi mời vào dự-hội.

Đoạn rồi, quan Chánh-Hội-Trưởng báo-tin cho Hội biết rằng quan SARRAUT là danh-dự hội-chủ mới được cử làm Thuộc địa-bộ-thượng thư, Hội ta nên gửi một cái giây thép kính mừng ngài. Cả hội-đồng đều ưng, vỗ tay để biểu lòng kính-mến quan SARRAUT, vì nhờ ngài Hội Khai-trí mới thành lập được.

Theo chương-trình, việc thứ nhất là xét và duyệt bản thảo Điều-lệ mới. Quan Chánh-Hội-trưởng MARTY đứng lên nói rằng bản điều-lệ cũ xét ra còn có chỗ khiếm-khuyết và trong không nói gì đến nhà hội-quán ; vậy tòa Trị-sự có thảo một bản điều-lệ mới, thêm một thiên về hội-quán (*cercle*) và sửa đổi lại mấy điều cũ, xin trình để hội-đồng xét, có ưng thời ký tên vào tờ biên bản để đệ-trình quan Thống-sứ duyệt-y.

Ông PHẠM QUỲNH đọc bản điều-lệ mới, từng điều một, đọc pháp-văn, rồi lại lược dịch ra tiếng ta, trừ những điều giống như bản cũ thời thôi.

Thuộc về điều thứ 5 phân ba hạng hội-viên, đặt tên tây là : *membres bienfaiteurs* (tán-trợ), *membres actifs* (chủ-trì), và *membres adhérents* (thường-hội-viên) ; ông ĐÀO VĂN-SỬ nói rằng tên *membres actifs* tức là thay tên *membres fondateurs* cũ, như thế cũng được, nhưng ông bàn nên giữ tên *membres fondateurs* cho những người đã vào Hội từ trước đến giờ, còn người về sau thời gọi là *membres actifs*. — Hội-đồng bàn một lúc, rồi quyết-nghị rằng đó là thuộc về cái tên gọi, không quan-hệ gì lắm, nên để cho tòa trị-sự hay là hội-đồng quản-trị nghĩ-định lấy.

Thuộc về điều thứ 12 định tòa trị-sự có bốn ông phó chủ-hội, Hội-đồng cho là nhiều quá, quan MARTY nói rằng ý ngài muốn đặt bốn ông là mỗi ông có một phần việc riêng : một ông giúp việc ông Chánh Hội-trưởng, một ông cổ-động ở ngoài Hà-nội, một ông giám-đốc nhà hội-quán, một ông coi về việc hội-tiệc. — Hội-đồng ưng nhận như thế.

Thuộc về điều thứ 22 đoạn dưới định rằng đại-hội-đồng quyết-nghị phải có chia ba hai phần hội-viên có mặt đấy mới được, và số hội-viên có mặt phải không được kém nửa số hội-viên trong Hội. Quan THÂN TRỌNG-HUỀ nói rằng như thế thì ngặt quá, ít khi được đủ số, và bàn nên đổi là hễ quá nửa số hội-viên tại Hà-nội ưng thời quyết-nghị được. Quan MARTY đáp lại rằng nếu làm như thế thời ra có ý thiên-vị hội-viên Hà-nội, không được công-bằng, ngài bàn đổi lại rằng hễ quá nửa số hội-viên có mặt tại hội-đồng ưng thời quyết-nghị được. — Cả hội-đồng thuận như thế.

Đọc đến thiên về hội-quán thời các hội-viên bàn đi bàn lại lâu lắm, nhất là về điều thứ 39 định rằng vợ các hội-viên có thể cùng với chồng đến hội-quán và đàn-bà ngoài cũng có thể mời vào hội-quán được nhưng phải đi cùng với chồng.

Ông NGUYỄN NĂNG-QUỐC nói rằng sự đó chưa hợp với phong-tục An-nam, sợ rằng đặt thành lệ, có người không được chính-đính làm sự không nên, mang tiếng cho Hội. Nhưng phần nhiều hội-viên nói rằng ngày nay phong-hội mở mang, phải để cho người đàn-bà tập lối giao-thiệp trong xã-hội ; vả các hội-viên chắc là phải giữ danh-giá của mình, giữ danh-giá cho Hội, ngoài vợ mình không dám đem người lăng-nhăng đến chỗ công-chúng ; dẫu có hội-viên nào như thế thời nhà hội-quán đã đặt viên giám-sát có thể trình với hội-đồng cách cho vào hội-quán được. — Các hội-viên bàn-luận mãi, quan Chánh Hội-trưởng nói rằng ai ưng thời dơ tay lên. Số nhiều hội-viên dơ tay cả, thế là khoản đó quyết-nghị.

Thuộc về điều thứ 27 định hội-viên tới nhà hội-quán phải đóng mỗi tháng một đồng (1 $), hội-đồng giảm xuống 0 $ 50.

Thuộc về điều thứ 21, đoạn dưới định rằng người ngoài mà có hội-viên mời vào hội-quán, thời một năm chỉ được đến một lượt mà thôi ; là có ý ép cho người ngoài cũng vào Hội cho đông, hội-đồng bàn nên bỏ đoạn ấy đi, sợ mất lòng người ngoài.

Trừ mấy khoản bàn lại như trên, còn các điều khác hội-đồng ưng cả ; các hội-viên bèn ký tên vào tờ biên-bản để đệ-trình điều-lệ mới cho quan Thống-sứ duyệt-y.

Đoạn rồi, đến khoản thứ nhì trong chương-trình, là khoản bầu hội-đồng quản-trị 36 người, theo điều thứ 11 trong điều-lệ mới. Tòa trị-sự cũ đưa mỗi ông hội-viên một cái sổ liệt sẵn các tên để các hội-viên tùy-ý chọn, ưng ai thời để, không ưng ai thời sóa và thay người khác vào.

Hội-đồng cử quan THÂN TRỌNG-HUỀ, ông NGUYỄN VĂN-VĨNH và ông ĐỖ-THẬN coi việc bỏ vé và kiểm-điểm số vé. Kể cả những hội-viên có mặt ở Hội-đồng và hội-viên có cử người thay mặt, cả thảy được 103 vé, theo lệ phải được quá nửa số ấy nghĩa là tự 52 vé trở lên mới được bầu.

Bỏ vé đã xong, kiểm-điểm ra thời được như sau này :

1	Ông	Marty	103 phiếu bầu
2	—	Thân Trọng-Huề	103 —
3	—	Nguyễn Văn-Vĩnh	103 —
4	—	Phạm Quỳnh	103 —
5	—	Phạm Duy-Tốn	103 —
6	—	Trần Trọng-Kim	103 —
7	—	Nguyễn Bá-Trác	103 —
8	—	Nghiêm Xuân-Quảng	103 —
9	—	Phạm Văn-Thụ	103 —
10	—	Lê Trung-Ngọc	103 —
11	—	Nguyễn Năng-Quốc	103 —
12	—	Hoàng Trọng-Phu	102 —
13	—	Đỗ Thận	102 —
14	—	Trần Mỹ	102 —
15	—	Chế Quang-Ân	102 —
16	—	Choulet	101 —
17	—	Nguyễn Hữu-Thu	101 —
18	—	Nguyễn Hữu-Ích	101 —
19	—	Trần Văn-Thông	100 —
20	—	Bạch Thái-Bưởi	100 —
21	—	Vũ Ngọc-Hoánh	100 —
22	—	Hoàng Mạnh-Trí	99 —
23	—	Phạm Mạnh-Xứng	99 —
24	—	Bùi Huy-Tín	98 —
25	—	Hoàng Quang-Hương	98 —
26	—	Từ Đạm	98 —
27	—	Đặng Đức-Cường	97 —
28	—	Mai Trung-Cát	97 —
29	—	Nguyễn Kim-Lân	94 —
30	—	Đào Văn-Sử	93 —
31	—	Mai Du-Lân	93 —
32	Ông	Lê Văn-Phúc	92 phiếu bầu
33	—	Bùi Đình-Tá	92 —
34	—	Trần Viết-Soạn	88 —
35	—	Nguyễn Quí-Toản	85 —
36	—	Grossin	65 —
	—	Vũ Đình Khôi	15 —
	—	Nguyễn Văn-Giêm	7 —
	—	Hà Duy Thăng	7 —
	—	Trịnh Văn-Hợi	7 —
	—	Nguyễn Huy-Hợi	6 —
	—	Trần Ngọc-Điền	5 —
	—	Hoàng Kim-Bảng	4 —
	—	Mạc Đình-Tư	4 —
	—	Trịnh Xuân-Nghĩa	4 —
	—	Nguyễn Văn-Thịnh	4 —
	—	Nguyễn Gia-Huy	3 —
	—	Tạ Duy-Tư	2 —
	—	Hoàng Huy-Ước	1 —
	—	Nguyễn Hữu Cự	1 —
	—	Nguyễn Quì	1 —
	—	Nguyễn Văn-Hoán	1 —

Có mấy ông mới có giấy xin vào Hội cũng được số vé như sau này :

Ông	Phạm Huy-Lục	13	phiếu bầu
—	Nguyễn Văn-Luận	12	—
—	Nguyễn Đỗ-Mục	5	—
—	Phan Kế-Bính	4	—
—	Nguyễn Đức-Long	3	—

Ba-mươi-sáu ông ở trên được quá nửa số vé bầu được cử vào chân hội-đồng quản-trị (*Conseil d'Administration*), kỳ-hạn là ba năm.

Bầu xong hội-đồng quản-trị thời giờ đã muộn, tuy trong chương-trình còn mấy việc nữa, nhưng đại-hội-đồng uỷ cho hội-đồng quản-trị mới xét, và 6 h 1/2 thì các hội-viên lui về, chỉ còn có các viên có chân quản-trị thời ở lại để bầu tòa trị-sự cho năm 1920.

Theo điều-lệ mới, điều thứ 12, thì tòa trị-sự (*bureau*) phải chọn trong những người có chân hội-đồng quản-trị lấy mấy viên-chức như sau: 1 chánh-hội-trưởng, 4 phó-hội-trưởng, 1 tổng-thư-ký và 1 phó-thư-ký, 1 tổng-thủ-quĩ và 2 phó-thủ-quĩ, 6 viên trị-sự.

Trước khi bầu tòa trị-sự mới thời quan MARTY đứng lên xin từ chức chánh-hội-trưởng, nói rằng Hội Khai-trí-tiến-đức là một Hội của người An-nam, nên để người An-nam chủ-trương lấy; lúc đầu ngài khởi-

xướng ra, nhận chức chánh-hội-trưởng là để giúp Hội trong khi sáng-lập và thay vì Hội giao-thiệp với Chánh-phủ ; nay Hội đã thành, Chánh-phủ đã công-nhận rồi, ngài tưởng thế là phần việc ngài đủ xong, bây giờ có giúp Hội xin đứng ngoài mà giúp, nhân bận việc quan không dám nhận chức-trách gì nữa.

Quan HOÀNG TRỌNG-PHU thay mặt hội-đồng quản-trị cảm ơn quan MARTY, nói rằng Hội không bao giờ quên công ngài, vì nhờ ngài Hội mới thành-lập được, và tiếc vì ngài bận việc quan không thể đứng chủ-trương việc Hội được nữa, nhưng mong rằng tuy vậy ngài cũng sẽ hết sức giúp như trước ; nói đoạn thời cả hội-viên đều vỗ tay tỏ lòng kính mến quan MARTY.

Đoạn rồi bắt đầu bỏ vé bầu tòa trị-sự.

Trong 36 ông có chân hội-đồng quản-trị thời chỉ có 23 ông có mặt ở đấy, thành 23 vé bầu, vậy phải được quá một nửa, nghĩa là tự 12 vé trở lên mới được bầu.

Bầu xong kiểm vé thời được như sau này :

Danh-dự Hội-trưởng :	Ông Marty,	23	phiếu
Chánh Hội-trưởng :	— Hoàng Trọng-Phu,	23	—
1º Phó —	— Thân Trọng-Huề,	23	—
2º Phó —	— Trần Văn-Thông,	23	—
3º Phó —	— Nguyễn Văn-Vĩnh,	23	—
4º Phó —	— Nguyễn Hữu-Thu,	17	—
Tổng Thư-ký :	— Phạm Quỳnh,	23	—
Phó Thư-ký :	— Phạm Duy-Tốn,	23	—
Chánh Thủ-quĩ :	— Lê Văn-Phúc,	22	—
1º Phó Thủ-quĩ :	— Đào Văn-Sử,	23	—
2º Phó —	— Mai Du-Lân,	23	—
Trị-sự :	— Vũ Ngọc-Oánh,	23	—
—	— Trần Trọng-Kim,	23	—
—	— Đỗ Thận,	21	—
—	— Bùi Đình-Tá,	20	—
—	— Choulet,	20	—
—	— Grossin,	12	—

7 h. 1/4 hội-đồng tan. Trước khi lui về hội-đồng quản-trị định đến ngày chủ-nhật 1er Février này họp một lần nữa để bàn nốt các việc.

Tên các ông xin vào Hội trong tháng Janvier. — Trong tháng Janvier có những ông kê tên sau này gửi giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng không ai dị-nghị thời được nhận vào chân Hội-viên.

A Xin vào chủ-trì :

Ông Bùi-Xuân-Thành, quản-lý nhà in «Trung-Bắc-tân-văn ».

— Đào Vũ-Môn, trợ-tá huyện Gia-viễn, Ninh-bình.

— Dương Đức-Huy, tri-huyện Kim-sơn, Ninh-bình.

Ông Lưu Đức-Tâm, thông-phán tòa Thương-chính ở Văn-lý (Nam-định). (1)

— Nguyễn-Chuẩn, làm ruộng, làng Đoan-thượng, tổng Yên-phú, huyện Thanh-lâm, tỉnh Hải-dương. (2)

— Nguyễn Đỗ-Mục, tú-tài, biên-tập ở báo « Trung-Bắc-tân-văn ».

— Nguyễn Đức-Long, fournisseur de l'Intendance militaire, 90 Rue des Pavillons Noirs, Hanoi.

— Nguyễn Quang-Diệu, tri-huyện Gia-khánh, Ninh-bình.

— Nguyễn Văn-Luận, biên-tập ở báo « Trung-Bắc-tân-văn », 73 phố hàng Bồ, Hanoi.

(1) Ông này trước đã có chân thường-hội-viên, nay xin vào chân chủ-trì.
(2) Là con ông Nguyễn-Y-củ, đã có chân chủ-trì Hội.

Ông Phạm Huy-Lục, biên-tập ở báo «Trung-Bắc-tân-văn », Hanoi.

— Phan Kế-Bính, cử-nhân, biên-tập ở báo « Trung-Bắc-tân-văn », Hanoi.

— Trần-Thúy, dit Cát-thành, commerçant, 3 Rue du Chanvre, Hanoi.

— Vũ Hữu-Lạp, trợ-tá huyện Gia khánh, Ninh-bình.

B *Xin vào thường-hội-viên*

— Bùi Viết-Đóa, secrétaire au dépôt des Chemins de fer de l'Indochine, Hanoi.

— Lê Nguyên-Úc, comptable au « Trung-Bắc-tân-văn », Hanoi.

— Mai Huy-Hội, caissier au « Trung-Bắc-tân-văn » Hanoi.

— Trần Văn-Loan, trợ-tá phủ Thuận-thành, Bắc-ninh.

* * *

Hội-viên mới. — Kỳ đại-hội-đồng ngày 25 Janvier 1920 nhân dịp các hội-viên họp đông đủ, có đặc-cách nhận đơn xin vào chân chủ-trì của hai quí-quan, theo như lời biên-bản trên kia. Vậy đơn ấy không cần phải đăng báo chờ hai tháng như các đơn khác, và kể ngay từ tháng Janvier này hai quí-quan kê tên sau đây được vào chàu Hội :

MM. Grossin, administrateur des Services Civils, 1er Bureau, Résidence Supérieure, Hanoi.

— le Dr de Fenis de Lacombe, professeur à l'Ecole de Médecine, Hanoi.

— Các ông xin vào chân thường-hội-viên đã đăng tên vào báo số 29 (trang 470), nay đã hết hạn hai tháng không có ai dị-nghị, được nhận vào chân Hội kể từ ngày 1er Février 1920. Cả thảy có chín ông, lược kê như sau này :

Ông Chung dit M. L. Tâm — Nguyễn-Duy-Thiện — Nguyễn Văn-Thu — Phạm Tất-Thành — Trần-Đôn — Trần Quang-Chúc — Trần Văn-Thịnh — Vũ Đình-Học — Vũ-Hoằng.

* * *

Khẩn-cáo. — Theo lời trình của ông Tổng Thủ-quĩ ở hội-đồng ngày 10 Janvier, hiện nay còn 80 ông chủ-trì-hội-viên chưa nộp tiền vào Hội. Vậy xin nhắc các ngài nhớ cho, và kịp gửi tiền về nộp cho ông Lê Văn-Phúc thu nhận.

— Điều-lệ mới hiện đương trình quan Thống-sứ Bắc-kỳ duyệt, khi nào có nghị-định duyệt-y sẽ đích đăng báo.

CUỘC THI DỊCH

Cuộc thi-dịch bài Pháp-văn « Les fleurs » đăng trong Nam-Phong số 28 đã hết hạn. Các bản dịch gửi lại được cả thảy hơn 15 bài, chỉ được có một bài của ông Nguyễn Văn-Đào, *tri-huyện Hưng-nhân (Thái-bình) là dịch đúng hơn cả ; vậy bản-quán xin tặng ông một năm báo, bắt đầu từ Janvier 1920. Kỳ này nhiều bài, chưa đăng được bản dịch của ông vào báo, xin để đến kỳ sau.*

Mua báo đồng-niên hết hạn.

Ngài nào mua báo đồng-niên từ số 19 thời đến số 30 là hết hạn ; bản-quán kể không nhận được giấy thôi mua, thời theo lệ thường cứ gửi luôn năm nữa ; trong một vài tháng xin các ngài gửi tiền về trả cho Xin để tên ông Lê-Văn-Phúc thân-nhận.

NAM-PHONG TẠP-CHÍ

Người sáng-lập

FONDATEURS

PHẠM QUỲNH	LOUIS MARTY	NGUYỄN BÁ-TRÁC
Hàn-lâm-viện trước-tác	*Trưởng tòa Chánh-trị phủ Toàn-quyền*	*Cử-nhân Hồng-lô tự-khanh*

SỞ PHÁT-HÀNH : *Imprimerie Tonkinoise, 14-16 Rue du Coton, Hanoi.*

Ai mua báo, trả tiền báo, hoặc thơ từ gì về việc gởi báo báo báo, đăng cáo-bạch, v.v., xin viết cho *ông Lê Văn-Phúc, chủ nhà in Đông-kinh (Imprimerie Tonkinoise), 14-16 Phố hàng Bông (Rue du Coton)* : gởi *mandat* trả tiền cũng xin đề tên ông Lê Văn-Phúc thâu nhận.

Bắt đầu từ 1er Novembre 1919, tòa soạn báo đổi ra số 124 phố hàng Bông (124 Rue du Coton)

Còn gởi bài vào báo hoặc thơ từ gì về các việc khác xin viết cho ông Phạm Quỳnh, chủ-bút kiêm quản-lý, *124 Rue du Coton*, (Phố Hàng Bông) Hanoi.

Chủ-bút kiêm quản-lý
Directeur Rédacteur en Chef } PHẠM QUỲNH

Ân-nhân của báo-quán

Đức KHẢI-ĐỊNH *Hoàng-đế*	*Quan Toàn-quyền* SARRAUT
Quan Khâm-sứ Kinh	Quan Công-sứ Thanh-hóa
Quan Công-sứ Vĩnh-long	Quan Án-sát NGUYỄN PHONG.

(Các ngài ân-nhân của báo-quán là những ngài mua 25 phần báo một lúc giúp cho báo-quán tự 100 đồng trở lên. Các ngài được quyền-lợi nhận báo mãi mãi. Sau này ngài nào giúp báo như vậy cũng sẽ lần-lượt ghi tên vào bìa này).

Mục-đích báo Nam-phong

Mục-đích báo *Nam-phong* là thể cái chủ-nghĩa khai-hóa của Nhà-nước, biên-tập những bài bằng quốc-văn, hán-văn, pháp-văn, để giúp sự mở-mang tri-thức, giữ-gìn đạo-đức trong quốc-dân An-nam, truyền-bá các khoa-học của Thái-Tây, nhất là học-thuật tư-tưởng Đại-Pháp, bảo-tồn cái quốc-túy của nước Việt-Nam ta, cùng bênh-vực quyền-lợi người Pháp người Nam trong trường kinh-tế.

Báo *Nam-phong* lại chủ-ý riêng về sự tập-luyện văn quốc-ngữ cho thành một nền quốc-văn An-nam.

Các ngài có bụng yêu bản-báo, muốn tán-thành cái mục-đích trên kia, ra công giúp cho hoặc giúp về đường lý-tài, hoặc giúp về đường ngôn-luận, bản-báo xin cám-ơn.

Báo *Nam-phong* nhận cả các bài nghị-luận, văn-chương, khảo-cứu, bằng quốc-văn, hán-văn và pháp-văn. Bài nào tòa soạn xét nên đăng thì đăng, không đăng không có lệ trả lại bản-thảo

Giá bán :

Một năm..... 4$00 *Nửa năm*..... 2$00 *Mỗi số*..... 0$40

1o Xin các ngài mua báo đồng-niên nhận được vài ba số thời gửi tiền về trả cho. Gửi *mandat* xin đề tên ông Lê-Văn-Phúc thâu-nhận.

2o Ngài nào mua tự số 26, xin kíp gửi tiền trả, kẻo chúng tôi phải phiền nhà giấy thép đòi thời phí tổn các ngài chịu.

3o Ngài nào thôi mua báo xin viết thơ cho nhà Đông-kinh ấn-quán biết để thôi không gửi nữa.

4o Tự năm thứ 3, nghĩa là bắt đầu tự số 25 trở đi, giá báo nhất-luật là 4 $ một năm, 2 $ nửa năm, — không có giá 3 $ nữa.

Le Directeur-Gérant : PHẠM QUỲNH.

QUẢNG - TÍN - KỲ LINH - DƯỢC

Hoàn-cầu đệ-nhứt Bạch-trọc hoàn

Thuốc chữa đau lậu rất thần-hiệu, mỗi ve . . . . . 0$60

Ô-khê Bạch-phụng hoàn

Thuốc điều-kinh dưỡng-tử, mỗi hộp một hoàn lớn giá . . . . . 1$00
— hai — nhỏ. 1 00
— bốn — 1 20

Sâm-nhung Bổ-nguyên vệ-sinh hoàn

Thuốc trường-sanh bổ nguyên-dương gia sâm-nhung,
Cũng đồng-giá với thuốc Ô-khê bạch-phụng hoàn.

Bắc-khẩu Lộc-nhung tán

Là dùng cái sừng con nai con mới mọc còn non nơi xứ Bắc-khẩu, là nơi thổ-sản phi-mỹ
Rồi ra công bào-chế tán ra làm bột, mùi thơm lạ thường, ôn bổ thượng-phẩm,

Mỗi ve lớn giá . . . . . 6$00
nhỏ 3 00

Quảng-tự tráng-càng hoàn

Thuốc bổ-dương (đờn-ông) chuởng-tử, mỗi ve giá . . . . . 1$00

Thiên-kim bảo-khôn đơn

Thuốc bổ-âm (đờn-bà) chuởng-tử, mỗi hộp hai hoàn giá. 1 00

Sâm-nhung bổ-thận hoàn

Thuốc bổ-thận rất hay, mỗi hộp sáu hoàn, hộp bằng cây mun. . . . 1 00
— giấy. . . . 0 60

Vạn-ứng đức-tế đơn

Thuốc bá-chứng rất nên thần-hiệu, mỗi ve giá là 0 10
mỗi hộp 12 ve. 1 00

Thanh-tâm ngưu-hoàng hoàn

Thuốc kinh-phong thần hiệu, hộp giấy, một hộp hai hoàn giá. . . . 0 50
— cây mun — giá. . . . 0 70

Sâm-yến khai-vị hóa-trệ hoàn

Thuốc tiêu-thực, mỗi hộp 10 hoàn giá. 0 50

Bác-bửu kinh-phong hoàn

Thuốc con nít kinh-phong, mỗi hộp 10 ve giá. 1 00

Vạn-ứng đậu-khấu du

Dầu đậu-khấu trị bá chứng, mỗi hộp 10 ve giá 0 70

Hóa-đàm ninh-phế chỉ-khái tán

Thuốc ho, giá mỗi gói là. 0 10

Những thuốc của hiệu tôi mà kể trên này, đều là thần-hiệu, nhưng nói sơ cho dễ hiểu, lúc dùng phải coi đơn, bảo cách dụng cách hòa, rất nên minh bạch.

BẠCH-THÁI CÔNG-TI

GIANG-HẢI LUÂN-THUYỀN

TÀU CHẠY PHIÊN khắp các ngọn sông Bắc-kỳ ;
TÀU CHẠY VEN BIỂN Bắc-kỳ và Trung-kỳ ;
TÀU CHO THUÊ cả chuyến ;
TÀU NAI thuyền và xà-lan.

Công-ti cũng có bao cả hàng hóa xuất-càng và nhập-càng

Ai cần điều gì xin hỏi Tổng-cục tại Hải-phòng và các phân-ti tại Nam-định, Hà-nội, Tuyên-quang, Viétri và Bến-thủy.

江海輪船白泰公司

告白

本司有輪船按期駛通北圻各航道

有輪船駛往北圻及中圻諸沿海

有輪船全僱出租

有輪船拖帶船隻

包認出港入港貨物

諸尊賜雇請移玉趾到海防總局或南定河內越池宣光諸水各分局面商均妥

HOÀNG-VIỆT TÂN-LUẬT

Không cứ làm việc quan, làm việc nhà-nước, dẫu làm dân mà muốn cho xứng đáng dân một xã-hội có qui-tắc, thời phải biết luật nhà-nước.

Biết luật, thời sợ phép, sợ phép thời không trái phép. Biết luật thiệt là có ích vậy.

Luật mới : **Hoàng-việt tân-luật**, đóng thành một quyển có chữ Pháp, chữ nho và chữ quốc-ngữ, in và bán tại Hiệu in Lê Văn-Phúc, Đông-kinh ẩn-quán, ở phố Hàng-Bông số 16 Hanoi

Giá : 1$ 50

Ai mua xin viết giấy tới.

HỘI BẢO-QUẢN LY-ÔNG

(La Mutuelle Lyonnaise)

MỤC-ĐÍCH HỘI NÀY LÀ ĐỂ PHÒNG-XA VÀ ĐỂ GÂY VỐN

Có Chánh-phủ Đại-pháp kiểm-duyệt

Muốn hỏi điều gì thì đến ông Choulet là Tổng-lý riêng, ở số nhà 92 phố Jules-Ferry, Hà-nội

Tháng nào cũng rút số một lần. Số rút trúng thì được lĩnh tiền ngay, mà không phải khó khăn gì cả.

Chơi hội ấy thì phải đóng không bao nhiêu tiền mà gây được vốn về sau.

Hội ấy chính những chân hội hoặc từng người một, hoặc cử đại-biểu đến cũng có thể kiểm duyệt công việc được.

Tên những người có chân hội kể ra như sau này :

MM. **Nguyễn-bá-Trác**, Cử-nhân, Hồng-lô tự-khanh.
Phạm-Quỳnh, Hàn-lâm-viện trước-tác, Chủ-bút kiêm Quản-lý báo *Nam-Phong*
Trần-trọng-Kim, Giáo-thụ trường Sư-phạm.
Đỗ-Thận, Tri-huyện.
Phạm-duy-Tốn, Thư-ký Học-báo.
Nguyễn-văn-Ba, học-sinh Cao-đẳng học đường.
Dương-kim-Phái, học-sinh.
MM. **Nguyễn-văn-Vĩnh**, hội-viên thành-phố, Quản-lý báo *Trung-Bắc tân-văn*.
Bùi-xuân-Thành, Quản-lý nhà in *Trung-Bắc tân-văn*.
Lê-văn-Phúc, Hàn-lâm-viện tu-soạn, chủ nhà Đông kinh ấn-quán.
Nguyễn-quý-Toản, Giáo-thụ trường Bảo-hộ kiêm Trí-tri trường Đốc-học, Hanoi.
Bạch-thái-Sơ, Mại-bản tầu Bạch-thái công ty.
Lê-quang-Ngủ, Thương-mại.

Sổ này sẽ kê thêm mãi ra. Các người có chân hội sẽ ghi tên vào đó cả.